PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

Biên soạn: Saddhamma Jotika
Việt dịch: Tỳ Khưu Giác Nguyên

# CHÚNG SANH VÀ SANH THÚ

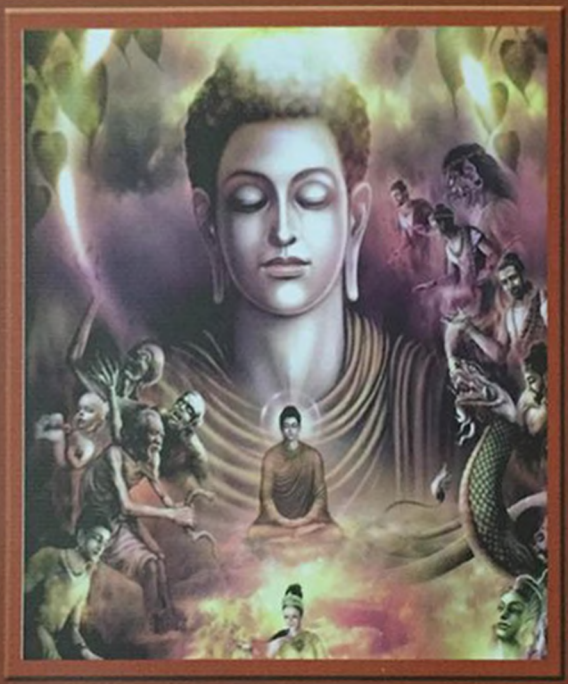

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

# CHÚNG SANH VÀ SANH THÚ

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

# CHÚNG SANH VÀ SANH THÚ

Biên soạn: Saddhammajotika
Việt dịch : Tỳ Khưu Giác Nguyên

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

# *LỜI TỰA*

*Vấn đề sinh hoạt hữu tình và cảnh giới tái sanh cũng là những đề tài cần được lưu ý. Khi nghiên cứu Phật giáo mà nhất là khi tìm hiểu về tạng Diệu Pháp bởi ngay cả. Trong bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Anuruddha, một tài liệu được đánh giá là chìa khoá cho bảy bộ Diệu pháp cũng dành ra một phần để đề cập tới hai vấn đề đó, mà gọi theo từ thường dùng của học viên Vi Diệu Pháp là vấn đề người cõi.*

*Để đáp ứng nhu cầu tài liệu tham khảo cho sinh viên Vi Diệu Pháp nói riêng và cho giới nghiên cứu nói chung, Ngài Giáo Thọ Sư Saddhammajotika (Vị sáng lập viện đại học Vi Diệu Pháp tại Thái Lan) đã bỏ công biên soạn bộ sách này một cách khá tỷ mỹ. Dĩ nhiên phải tra cứu tất cả các tài liệu cần thiết mà chủ yếu là sớ giải của chư vị Thánh Tăng.*

*Trong cuốn này có những điều nằm ngoài khả năng suy luận của chúng ta, nhất là vấn đề thế giới quan. Trong lãnh vực đó ta có thể nói rằng chỉ ở kinh điển Phật giáo mới cặn kẽ, rộng rãi đến như thế và có lẽ vì vậy mà trở thành một cái gì đó mông lung, mơ hồ đối với phần đông, điển hình là những người mang nặng định kiến vật chất cực đoan vốn có thói quen đem kiến thức khoa học nửa mùa; cạn cợt của bản thân mà suy luận và đánh giá tất cả*

*những cái vượt ngoài khả năng tư duy, quá ư hạn chế của mình.*

*Đứng trên lập trường khách quan, vất bỏ mọi kinh nghiệm nông nổi, mọi thành kiến cứng nhắc, chai sạn rồi bình tĩnh quan sát. Đó là tiêu chuẩn không thể thiếu được trong ước muốn mình chỉ là một chiếc máy vi tính.*

*Dù gì thì việc chuyển ngữ bản kinh này cũng là một công đức, xin đó hãy là nguồn động lực thúc đẩy cho mọi ước nguyện của chúng ta người dịch và những tuỳ hỷ sớm được thành tựu*

*Tỳ Kheo Giác Nguyên*

# BỐN CÕI SỐNG (BHŪMICATU)

*Tattha apāyabhūmi kāmasugabhūmi rūpāvacarabhūmi arūpāvacarabhūmi ceticatasso bhūmiyo nāma.*

*- Tāsu nirayo tiracchānayoni pettivisayo asurakāyo ceti apāyabhūmi catubbidhā hoti.*

*Manussā catummaharājikā tāvatiṃsā yāmā tusitā nimmānarati paranimmitavasavattī cetikāmasugatibhūmi sattavidhā hoti sā panāyamekādasavidhāpi kāmāvacara bhūmiccevasaṅkhaṃ gacchati.*

*- Brahmapārisajjā brahmapurohitā mahābrahmā ceti paṭhamajjhānabhūmi.*

*Parittābhā appamāṇābhā ābhassarā ceti dutiyajjhānabhūmi.*

*Parittābhā appàmāṇābhā abhassarā ceti dutiyajjhānabhūmi.*

*Vehapphalā asaññasattā suddavāsā ceti catthājjhānabhūmīti rūpāvacarabhūmi soḷasavīdhā hoti.*

*Avihā atappā sudassā sudassī akaniṭṭhā ceti suddhavāsabhūmi pañcavidhā hoti.*

*Ākāsānañcāyatanabhūmi viññānañcāyatanabhūmi akiñcaññāyatanabhūmi nevasaññāsaññāyatanabhūmi ceti arūpabhūmi catubbidhā hoti.*

*Puthujjanā na labbhanti*

*Suddhāvāsesu sabbathā*
*So tāpannā ca sakadāgā*
*Mino cāpi puggalā*
*- Ariyānopalabbhanti*
*A saññāpāyabhūmisu*
*Sesaṭṭhānesu labbhanti*
*Ariyānariyāpi ca!*

**Minh thích:**

Từ *apāyabhūmi* đem chiết tự[1] sẽ có 3 tiếng apa (tách rời, cách ly) + aya (công đức = *kusalakamma*) + *bhūmi* (nơi chỗ)

*Tividhasampattiyo ayanti gacchanti pavatanti etenāti ayo* (cái nào làm động lực thành đạt hạnh phúc nhơn thiên và Níp Bàn, cái ấy là công đức vậy). Đây là nói theo cách giải tự (*vacanattha*), nói theo cách ghép chữ (hay thực hiện một hợp từ (*padasambandha*) thì như sau:

*Ayato apagato apāya* (đoạ xứ là chỗ cách ly với công đức hoặc không có cơ hội tạo công đức)

*Bhavanti satta etthāti bhūmi* (gọi là cõi vì đó là chỗ chúng sanh hiện hữu)

*Apāyo eva bhūmi apāyabhūmi*:

Như đã nói, đoạ xứ gồm 4 cảnh giới: địa ngục, bàng sanh, ngã quỷ và A-Tu-La.

[1] Padaccheda

# GIẢI VỀ ĐỊA NGỤC (NIRAYA)

Tiếng *niraya* được chiết tự như sau:

Ni (không) + aya (sự tiến hoá sự an vui hạnh phúc)

- *Ayati vaḍḍhatīki ayo* (aya là thoải mái, tiến bộ)
- *Ayitabbo sādetabboti ayo* (khát vọng là aya)
- *Natthi ayo etthāti nirayo* (địa ngục là chỗ không có thoải mái, tiến bộ, không đáng để ước vọng, mong mỏi)

Có tất cả tám đại địa ngục và năm đa khổ địa ngục (*ussadanaraka*) trong mỗi địa ngục có mười sáu đa khổ địa ngục, vậy nếu nói rộng thì có đến 128 đa khổ địa ngục. Tức mỗi hướng của một đại địa ngục đều có bốn đa khổ địa ngục. Nếu tính tám hướng thì có lên tới 256 đa khổ địa ngục. Trong năm loại đa khổ địa ngục nếu gom hai địa ngục *Asipattavananaraka* và *Vetaraṇī* vào thành một thì chỉ còn bốn loại đa khổ địa ngục thôi.

Ở đây tiếng *ussada* có nghĩa là nhiều, đa dạng, phức tạp, như câu giải tự sau đây: *"ussīdantināṇādukkhā etthātī ussadā* (ở địa ngục này có đủ mọi hình thức đau khổ)"

# VỊ TRÍ CÁC ĐỊA NGỤC

Tám đại địa ngục nằm trong lòng địa cầu của nhân loại, ngay phía dưới chân Diêm Phù (Ấn Độ). Địa cầu này dày 240.000 do tuần (hai trăm bốn mươi nghìn do tuần). $^1/_2$lớp phía trên được gọi là *Paṃsupaṭhavī*[2] lớp này dày một ức hai mươi nghìn do tuần. Còn phần lõi của địa cầu thì được gọi là *Silāpaṭhavī,* (bạch địa), dày một ức hai mươi ngàn do tuần.

Và trong lòng đất sâu dó, mỗi đại địa ngục cách nhau 15 ngàn (mười lăm nghìn) do tuần. Từ mặt đất của châu Diêm Phù Đề đổ xuống lòng địa cầu 15 nghìn do tuần thì tới đại địa ngục *Sañjīva*. Từ đại địa ngục *Sañjīva* đi xuống đại địa ngục *Kāḷsutta* xuống đại địa ngục *Saṅghāta* xuống đại địa ngục *Rarava* cũng vậy. Cứ thế *Rorava* với *Mahātāpana, Mahātāpaṇa* với *Avīci* cũng đều trên dưới nhau 15 ngàn do tuần.

Nghĩa là từ mặt địa cầu trở xuống 15 ngàn do tuần là tầng địa ngục đầu tiên và cứ thế 8 tầng nằm chồng lên nhau. Mặt đất (dày 240.000 do tuần) này được nằm trên một lớp nước dày 480.000 do tuần. Tầng nước này lại nằm trên một lớp gió dày 960.000 do tuần. Một do tuần tương đương với 13 dặm Anh (Mile) tức bằng 20 cây số (kilometre). Hết lớp gió là một khoảng hư không. Khoảng hư không này được gọi là *hetthima-ajāṭākāsa* (thượng

[2] Lớp đất bình thường "đất bụi"

tầng hư không) còn các đa khổ địa ngục (hay còn gọi là các tiểu địa ngục) thì nằm phụ cận với các đại địa ngục cũng có hoặc nằm rải rác ở khắp các nơi như núi, rừng, biển cả, hay những hoang địa xa xôi không có người.

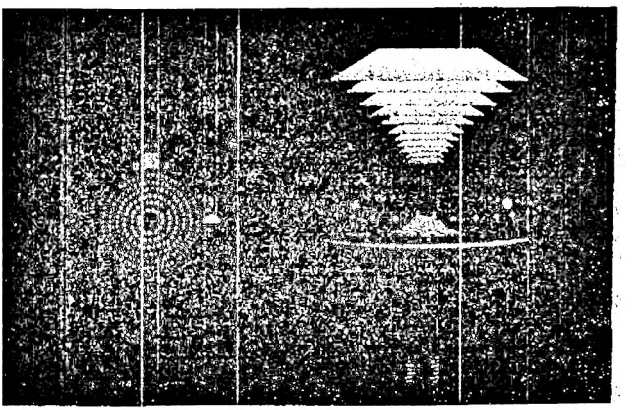

# DIÊM VƯƠNG QUỶ XỨ (YAMMARĀJA NIRAYAPĀLA)

Diêm vương chính là chúa tể của loài ngạ quỷ *Vemānika*, khi thì sống hưởng lạc như một vị trời cũng có thiên cung, cũng có thiên nữ hầu hạ, cũng có vườn tiên (thiên viên) và cây như ý (*kapparakkha)* nhưng cũng thường xuyên chịu đau khổ do những ác nghiệp mà mình đã tạo, ngay trong địa ngục. Hai bộ sớ giải *Papañcasūdanī* và *Manorathapūraṇī* đã ghi như sau:

*Yamarājā nāma vemānikapetarājā ekasmiṃ kāle dibbavimānadibbakapparakkhadibba uyyānadibbanā ṭakadibbasampattiṃ anubhavati ekasmiṃ kāle kammavi-pākaṃ.*

Tiếng *kammavipāka* trên đây ám chỉ cho ác nghiệp. Nói rõ hơn, diêm vương là những kẻ khi còn làm nhân loại vừa tạo ác vừa tu thiện, sau khi chết sanh vào cõi Tứ Thiên Vương làm người lạc vô nhân (*sugati-ahetuka*) hoặc người nhị nhân hay tam nhân. Đôi khi cũng có những vị Diêm vương chứng ngộ thánh qủa.

Khi nào còn là phàm nhân, thì có lúc vị ấy hưởng lạc, có lúc chịu khổ. Khi nào chứng thánh quả xong thì chỉ hưởng lạc thôi.

Trong *ṭīkā* của hai bộ sớ giải trên (*papañcasūdanī Manorathapūraṇī)* có ghi:

*Kammavipākanti akusalakammavipākaṃ vemānika-petāhi kaṇhasukkavasena missakakammaṃ katvā vi-nipātikadevatā viya sukhena kammunā paṭisandhiṃ gaṇhanti. Tathā hi te maggaphalabhāgino honti pa-vattiyaṃ pana kammānurūpaṃ kadāci puññaphalaṃ kadāci apuññaphalaṃ paccānubhavanti. Yesaṃ pana ariyamaggo uppajjati tesaṃ, maggādhigamato paṭṭhāya puññaphalameva uppajjatīti daṭhabbaṃ.*

Trong mỗi đại địa ngục không phải chỉ có một diêm vương, mà thật ra có tới nhiều vị.

Mỗi cửa địa ngục có một vị. Tổng cộng lại một đại địa ngục có 32 diêm vương. Trong *Papañcasūdanī* và *manorathapūraṇī* ghi rằng:

*Na cesa ekova hoti catūsupana dvāresu cattāro ja-nāhonti.*

Tại mỗi cửa trong tổng số 32 cánh cửa của đại địa ngục đều có bốn đa khổ địa ngục, lấy 32 nhân với 4 ta có 128 đa khổ địa ngục. Trở lại vấn đề diêm vương thì cứ mỗi một đa khổ địa ngục thì lại có một vị, và một đại địa ngục có được 4 cửa, mỗi cửa của đại địa ngục có được 4 cửa, mỗi cửa của đại địa ngục có 4 đa khổ địa ngục vì thế mới nói là một đại địa ngục có 32 diêm vương. Điều này y cứ theo *Sutta saṅgha-attakathā và devadūtasuttatthakathā:*

*Tattha ekekassa cattāri cattāri dvārānihonti ekasmiṃ dvāre cattāro ussadanirayā ekoko ca yamarājā.*

Nói về quỷ sứ *(Nirayapāla)* họ không phải là chúng sanh, trong địa ngục vì trách vụ của họ không phải là do ác nghiệp mà lại là quả của đại thiện bậc thấp, các quỷ sứ

thuộc về hàng chư thiên, tứ đại thiên vương, nằm trong giống quỷ la sắt (*rakkhasa*) bộ *Kathāvatthu-anuṭīkā và upasipaṇṇāsakaṭṭikā* đã nói như vậy:

*Anirayikā anirayagatisaṃvattaniyakammanibbattito; nirayūpapattisaṃvattaniyakammato hi aññeneva kammunā te nibbattante rakkhasajātikattā.*

Có thể sẽ có người thắc mắc rằng nếu các quỷ sứ không phải là chúng sanh địa ngục thì tại sao họ lại sinh ở địa ngục? các ngài giải thích rằng các quỷ sứ ấy khi còn ở cõi người là những kẻ thích thú trong việc hành hạ, trừng phạt chúng sanh khác nhưng cũng biết tạo trữ công đức. Chính công đức ấy giúp họ được sanh vào thiên chúng Tứ Đại Thiên Vương và bản tính hung tợn kia phối hợp với công đức nơi đưa những vị trời la sát đó xuống địa ngục giữ trách nhiệm trừng trị tội nhân. Các quỷ sứ đều có một thân hình đồ sộ, khổng lồ, họ mạnh khoẻ hơn tất cả các tội nhân trong địa ngục, hình dáng thì hung tợn dữ dằn để uy hiếp tội nhân. Họ hành hạ người khác như một trò vui không bao giờ biết chán. Điều này y cứ vào *kathāvatthu- anuṭīkā uparipaṇṇāsakaṭīkā:*

*Yaṃ pana vadanti anerayikānaṃ tesaṃ kathaṃ tassa sambharoti nerayikānaṃ ghātakabhāvato nerayikasattaghātanāyoggaṃ hi attabhāvaṃ nibbaṭṭhāneyeva nibbatteti, te ca nerayikehi adhikatarabalārohapariṇāhā ativiya bhayānakasantāsakurūratarapayogā ca honti eteneva tattha kākasunakhādīnampi nibbatti saṃvaṇṇi tāti daṭṭhabbhaṃ.*

Còn những con kên kên, con qụa, diều hâu trong địa ngục chúng là những dạ xoa có hình dáng những con thú ấy thôi, chớ đối với những loại thú vật bình thường làm sao có thể có những kỳ hình dị tướng đáng sợ đến thế được. Điều này trong. *Catutthapārājikatthakathā có nói đến Gijjhāpi kulalāpīti eteni yakkhagijjhā ceva. Yakkharākā ca yakkhakulalā ca paccetabba pākatikādīnaṃ āpāthampi etaṃ rūpaṃ nāgacchati.*

# VẤN ĐỀ THIÊN XỨ (DEVADŪTA)

Tất cả chúng sanh trong đời đều có thiên hướng khác nhau, mỗi người có một cơ tánh riêng biệt nhưng nếu xét trên khía cạnh tổng quát thì tất cả chỉ nằm trong bốn trường hợp sau đây:

1. Thích sống thiện hơn sống ác
2. Vừa thích tu thiện mà cũng ưa tạo ác
3. Tánh thích tạo ác hơn tu thiện
4. Tánh thuần ác, chỉ nghiêng về điều ác.

Hạng đầu tiên tới giờ cận tử chỉ cần nhờ tới đại công đức của mình cũng đủ tái sanh lạc cảnh. Sự hồi tưởng công đức của hạng này vô cùng dễ dàng.

Hạng thứ hai tới lúc cận tử phải cố sức nghĩ về những thiện sự của mình đã làm hoặc phải có người khác nhắc nhở luôn miệng mới hy vọng tránh khỏi đoạ xứ. Nếu chính mình phóng dật hoặc thế sự nhắc nhở thì rất dễ dàng vọng niệm mà sa đoạ.

Hạng thứ ba vốn liếng công đức kém hơn những ác nghiệp đã huân tập nên không thể tự mình gợi lại các thiện sự đã làm bởi chúng quá ít oi, cho nên tớii lúc cận tử ấy phải cần có người nhắc nhở, mà sự nhắc nhở ấy đòi hỏi phải có sức tác động mạnh, một lời nhắc nhở chí thiết và sâu sắc chớ không thể hời hợt lỏng lẻo.

Riêng về hạng người thứ tư thì chỉ có thể tránh khỏi đoạ xứ khi được sự giúp đỡ của Đức Phật và các đại thinh văn hoặc nhờ vào một công đức nào đó trong đời quá khứ, mà thường điều này rất mong manh. Đối với hạng thứ tư này khi đã sinh vào địa ngục thì không có cái may mắn được gặp diêm vương.

Còn hạng thứ hai, thứ ba khi xuống địa ngục có thể được gặp diêm vương để vị này nhắc nhở cho hồi tưởng lại công đức cũ, nhờ vậy may ra có thể thoát khỏi địa ngục. Tức là khi gặp hai hạng người này quỷ sứ sẽ dẫn họ tới diện kiến diêm vương, vị ấy sẽ hỏi họ về các hiện tượng thiên sứ rằng:

- *Khi thấy cảnh sanh, già, đau, chết trong đời ngươi có biết tu tỉnh thân tâm; tạo trữ công đức chăng?*

Nếu những tội nhân đó nhớ lại được phước báu của mình, đã làm khi còn ở cõi người thì lập tức thoát địa ngục để tái sinh làm người hay trời. Nếu những tội nhân ấy không nhớ được gì thì diêm vương sẽ nói vớii họ như sau:

Mọi nghiệp sự của ngươi đã làm không phải do cha mẹ, vợ chồng, con cái, thầy tổ, Chư Thiên hay bất cứ người nào khác, vì vậy ngươi phải tự chịu trách nhiệm về những nghiệp sự đó, không ai có thể gánh vác các dị thục quả đó thay ngươi đâu làm sao thì chịu vậy.

Diêm vương sẽ gợi ý cho các tội nhân ấy nhiều lần nếu họ tự nhớ thì thôi, bằng như không thể nhớ được thì diêm vương sẽ suy nghĩ: *"Người này khi ở cõi người có tạo công đức gì không nhỉ?"*

- Nếu những ai lúc còn mang thân nhân loại biết tạo trữ phước báu và hồi hướng đến các diêm vương thì khi họ bị sanh vào địa ngục, các vị diêm vương sẽ nhớ lại được công đức của người ấy đã tạo vì các vị đó đã có nhận phước từ người ấy.
- Nếu người ấy có tạo mười công đức mà quên hồi hướng cho diêm vương thì diêm vương không thể nhớ dùm họ những công đức ấy khi quán xét thấy không thể giúp cho người đó được gì, bởi không nhớ họ đã tạo phước gì để gợi ý cho họ hồi tưởng, thì diêm vương sẽ ngồi im lặng. Lúc đó, các quỷ sứ sẽ lôi người ấy để trừng trị một cách thích đáng với những ác nghiệp đã tạo.
- Nếu các diêm vương nhớ được người ấy đã tạo công đức gì thì các vị ấy sẽ nhắc trực tiếp cho người ấy nhớ; nhờ vậy anh ta sẽ được thoát cảnh địa ngục.

Vì vậy khi làm công đức gì, chúng ta không nên quên diêm vương, phải nhớ hồi hướng đến họ; họ sẽ giúp đỡ chúng ta một cách hiện hữu và đắc lực khi một mai chúng ta lỡ sinh vào địa ngục của họ.

# BIỆT GIẢI VỀ CÁC CẢNH ĐỊA NGỤC LỚN

*1- Sañjīvanaraka:*

- *Saṃ punappunaṃ jīvanti etthāti sañjīvo*
*Jalitāvudhahaṭṭhehi*
*Khaṇḍi tāpi nerayikā*
*Jīvantā yamhi punāpi*
*Sañjīvoti pavuccati*

Gọi là địa ngục *Sañjīvanaraka* vì ở đây các chúng sanh cứ mãi chết đi sống lại tức là tội nhân trong địa ngục này bị quỷ sứ dùng vũ khí nung đỏ hành hạ đến chết rồi họ lại tái sinh trong đó để tiếp tục chịu những hành phạt.

*2- Kāḷasuttanaraka:*

- *Kālasuttaṃ ṭhapetvā tacchanti etthāti kāḷasutto (atthavā).*
- *Kālasuttāni pātetvā vāsiparasukudārī ādīhi tacchanti ettha nibbatte satteti kālasutto.*

*Kāḷasuttena tacchanti*
*Yamhi nirayapālakā*
*Anubandhā papatante*
*Kaḷasutto pavuccate*

Gọi là địa ngục *Kāḷasuttanaraka* vì đây là các chúng sanh bị quỷ sứ đánh đập bằng một cọng roi màu đen rồi dùng các thứ hung khí bén nhọn khác băm vằm, đâm chém ngay khi họ vừa ngã xuống dưới trận mưa đòn tới tấp.

*3- Saṅghātanaraka*

*- Saṅghāṭenti etthāti saṅghāto*

*- Mahantā jalitā ayopabbatā saṅghāṭenti cuṇṇavicuṇṇaṃ karonti ettha nibbatte satteti saṅghāto.*

*Ayomayapathabayaṃ yamhi*
*Kaṭimattaṃ pavesite*
*Ayoselā saṅghāṭenti*
*Saṅghātori pavuccate.*

Gọi là địa ngục *Saṅghāta* vì chúng sanh tại đây bị những hòn núi sắt (thiết sơn) khổng lồ và cháy đỏ nghiền nát trong khi họ bị lún trong mặt thiết địa (đất bằng sắt) sâu ngang eo lưng.

*4- Roruvanaraka (hoặc cūlaroruvanaraka dhumaroruvanaraka).*

*- Mahāravaṃ ravanti etthāti roruvo*

*- Mahantehi saddehi niccakālaṃ ravanti ettha bibbattā sattāti roruvo.*

*Dhūmehi pavisitvāna.*
*Sedamānā dayāvahaṃ*
*Mahāravaṃ ravantettha*
*Vuccate dhūmarovaro*

Gọi là địa ngục *roruvo* vì chúng sanh ở đây than khóc thảm thiết suốt đêm ngày sở dĩ còn được gọi là địa ngục *Dhūmaroruva* vì ở đây các tội nhân luôn bị ngạt thở vì khói nên kêu khóc bi thiết.

*5- Mahāroruvanraka (jālaroruva)*

*- Mahanto roruvo mahāroruvo*

*Jālāhi pavisitvāna*
*Ḍayhamānā dayāvahaṃ*
*Mahāravaṃ ravantettha*
*Vuccate jālaroruvo*

Gọi địa ngục *mahāroruvo* hay *jālaroruvo* vì khắp chín cửa địa ngục đều bị lửa bao phủ thiêu đốt nên chúng sanh tại đây suốt đêm ngày cứ kêu khóc ầm ĩ.

*6- Tāpananaraka cūḷatapananaraka*

*- Tāpetīti tāpano*

*- Niccale satte tāpeti etthāti tāpano*

*Jalite ayasūlamhi*
*Niccalaṃ nisidapite*
*Tāpeti pāpake pāṇe*
*Tāpanoti pavuccate*

Gọi là địa ngục *tāpana* (hay *cūḷatāpana*) vì đây các chúng sanh sau khi bị quỷ sứ dùng cọc sắt cháy đỏ đóng vào người, tiếp theo sẽ bị lửa đốt cháy đau đớn.

*7- Mahātāpananaraka (patāpananaraka)*

*Ativiya tāpetīti mahātāpano*
*Mahanto tāpanoti mahātāpano*
*Ayaselaṃ āropetvā*
*Heṭṭhā sūlaṃ patāpayi*
*Pāpake yo patāpeti*
*Patāpanoti vuccate.*

Gọi là địa ngục *Mahātāpana hay patāpana* vì tội nhân ở đây bị buộc phải leo lên tuột xuống một hòn núi sắt cháy đỏ.

Sức nóng ở địa ngục này khủng khiếp

*8- Avīcinaraka*

- *Natthi vīci etthāti avīci*
- *Sattānaṃ vā aggijālānaṃ vā dukkhavedanāṇaṃ vā natthi vīci antaraṃ etthāti avīci*

*Jālānaṃ sattānaṃ yattha*
*Natthi dukkhassa antaraṃ*
*Bālānaṃ nivāso so hi*
*Avīcīti pavuccate*

Gọi là địa ngục *Avīci* (a-tỳ) vì ở đây rất đông đảo tội nhân và lửa cháy liên tục không ngừng. Mỗi người đứng khít khao nhau chật ních không có kẽ hở, giữa các ngọn lửa không có kẽ hở, không một giây phút nào sự đau đớn được tạm thời gián đoạn lắng dịu.

# CÁC ĐA KHỔ ĐỊA NGỤC HAY TIỂU ĐỊA NGỤC

1- *Guthanaraka* (địa ngục xú phẩn)

*Avīcimhā pamuttāpi*
*Amuttā sesapānino*
*Paccanti pūtike gūthe*
*Tasseve samantari*

Đối với những chúng sanh có quá nhiều ác nghiệp, sau khi thóat khỏi a-tỳ địa ngục rồi vẫn chưa được thoải mái ngay, họ phải tiếp tục sanh vào địa ngục xú phẩn do quả nghiệp dư sót.

2- *Kukkulanaraka* (địa ngục nhiệt khôi ➔ tro nóng)

*Pūtigūthā pamuttāpi*
*Amuttā sesapāpino*
*Paccanti kukkule uṇha*
*Tasseva samanantare*

3- *Simpalivanaraka* (có nơi ghi *simbalivananaraka)*

*Kukkuḷunhā pamuttāpi*
*Amuttā sasepānino*
*Paccanti simpalīdāye*
*Tasseva samanantare*

*Simpalivanaraka* là địa ngục gòn gai (ở đây có những khu rừng mọc toàn thứ cây gòn gai)

4- *Asipattavananaraka*

*Simpalimhā pamuttāpi*

*Amuttā sesapāpino*
*Papaccanti asipatte*
*Tasseva samanantare*

Ở địa ngục asipatta có những khu rừng mà lá cây, trong đó đều là những lưỡi kiếm.

5- *Vettaranīnaraka* (có nhiều nơi ghi *vetaraṇī*)

*Asipattā pamuttāpi*
*Amuttā sesapāpino*
*Papaccanti khārodake*
*Tasseva samanantare*

Sau khi thoát khỏi địa ngục Asipatta, những chúng sanh chưa chấm dứt hoàn toàn các ác nghiệp dư sót sẽ phải tiếp tục sanh vào địa ngục vettaraṇī ngay sau đó.

Địa ngục *Vettaraṇī* là địa ngục mà các tội nhân ở đó bị ngâm trong nước kiềm.

Theo bộ *Lokapaññattipakiarana* thì có tới tám đa khổ địa ngục.

1. *Aṅgārakāsuniraya*: địa ngục than hừng (tạm dịch là địa ngục nhiệt thán)
2. *Loharasaniraya*: địa ngục đồng dịch (nước đồng chất đồng đen nấu cháy thành nước)
3. *Kukkulaniraya*: địa ngục nhiệt khôi
4. *Aggisamodakaniraya:* địa ngục nhiệt thuỷ
5. *Lohakumbhīniya:* địa ngục nồi đồng[3]
6. *Gūthaniraya:*địa ngục xú phẩn
7. *Sunpalivananiraya*: địa ngục gòn gai

[3] Hán văn ( đồng phụ)

8. *Vetaraṇīniraya:* địa ngục toan dịch hà.

Trong tám hướng của một đại địa ngục có tất cả 32 đa khổ địa ngục. Vậy trong tam đại địa ngục có tới 256 đa khổ địa ngục.

◆ Theo *saṃyuttaṭṭhakāthā và Aṅguttaraṭṭhakāthā* thì có 12 cánh địa ngục Avīci, những địa ngục mà đau khổ không có gián đoạn

*1. Pahāsaniraya*
*2. Aparājitaniraya*
*3. Abbudaniraya*
*4. Nirabbudaniraya*
*5. Ababadaniraya*
*6. Ahananiraya*
*7. Aṭaniraya*
*8. Kumudaniraya*
*9. Sogandhikniraya*
*10. Uppalaniraya*
*11. Puṇḍarikaniraya*
12. *Mahāpadumaniraya.*

# ÁC NGHIỆP TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG ĐỊA NGỤC

1. Những kẻ cậy thế (vì có thân lực *kāyabala* tài sản lực *bhogabala*hay quyền lực *ānābala*) mà bạo hành, uy hiếp kẻ khác hoặc những tên thảo khấu, đạo tặc hung tợn sau khi chết phần lớn đều bị sanh vào địa ngục *sañjīva.*

2. Những kẻ hành hạ người tu hành, bất luận là chân tu hay giả mạo thì sau khi chết phần lớn đều bị sanh và địa ngục *kāḷasutta.* Đôi khi người giết cha mẹ cũng bị sanh vào địa ngục này. (theo *saṅkiccajātaka*)

3. Những kẻ giết hại thú vật bất luận là gia súc hay thú hoang, sau khi chết phần lớn đều bị sanh vào địa ngục *saṅghāṭa.*

4. Những kẻ chuyên nghề "Phú sơn lâm đâm hà bá" như các tay thợ rừng hay dân đánh cá, bẫy thú, đào kinh, ngăn rạch..., hoặc những kẻ vô cớ xúc phạm người khác thì sau khi chết phần lớn đều bị sanh vào địa ngục *cūḷaroruva*

5. Những kẻ gian lận tài sản người khác nhất là trộm cắp của cha mẹ, thầy tổ, bậc sa môn... sau khi chết phần lớn đều bị sanh vào địa ngục *Mahāroruva*

6. Những kẻ đốt phá nhà cửa, chùa chiền, đền tháp dầu của tăng hay của tục, sau khi chết phần lớn đều bị sanh vào địa ngục *cūḷatāpana.*

7. Những kẻ tà kiến, bất luận là *Ucchedadiṭṭhi* (đoạn kiến), *sassatadiṭṭhi* (thường kiến), *Natthikadiṭṭhi* (vô thần

kiến), *Ahetukadiṭṭhi* (duy vật kiến hay vô nhân kiến), *Akiriyādiṭṭhi* (vô hành kiến hay vô nhân quả kiến) và còn tác động cho người khác xu hướng theo quan điểm của mình thì sau khi khi chết phần lớn đều bị sanh vào hai địa ngục *Mahātāpana* hoặc *Vetaraṇī-ussadanaraka.*

Trong *Nemirājatā* giải thích rằng *Natthikadiṭṭhi* là gồm những chủ kiến như sau:

a) *Natthi dinnaṃ*: sự bố thí không có quả báo

b) *Natthi yitthaṃ*: sự cúng dường tam bảo vô ích

c) *Natthi hutaṃ*: sự cúng dường chư thiên vô ích

d) *Natthi sukkaṭadukka ṭānaṃ phalavipāko*: không có cái gì là thiện nghiệp, ác nghiệp

e) *Nastti mātā*: người mẹ không có công ơn ân đức gì đáng kể (sự xúc phạm tới bà không có gì là tội ác)

f) *Natthi pitā*: người cha cũng chẳng có công ơn, ân đức gì với các con cái, ông chỉ là một vật chất.

g) *Natthi samanabrahmanā*: trên đời không có ai là sa môn, bà la môn chín chắn, khả kính cả

h) *Natthi sattā opapātikā*: không bao giờ lại có người vô hình; những loài hoá sanh.

i) *Natthi ayaṃ loko*: không có đời này

j) Natthi paraloko: không có đời sau

Con người ta chết rồi là hết thì kể chi tới vấn đề kiếp này, hay kiếp sau.

**8.** Những kẻ phạm vào ngũ nghịch đại tội hay những kẻ cố tình xúc phạm thánh nhân bằng hình thức này hình thức khác, hoặc cố tâm đập phá các thánh tích Phật Giáo, và chùa chiền, cùng những kẻ mang nặng tà kiến cố định

*(niyatamicchādiṭṭhi)* tức là *Natthikadiṭṭhi, ahetukadiṭṭhi, akiriyadiṭṭhi* thì sau khi chết luôn bị sanh vào địa ngục *Avīci* hay *lohakumbhī*

**9.** Người nữ nào cố tình phá hư thai của mình thì sau khi chết sẽ bị sanh vào địa ngục *Vetaraṇī* (theo *Saṅkic-cajātaka).*

**10.** Người nào ngoại tình rồi phá gia can kẻ khác bất luận nam nữ, sau khi chết sẽ phải sanh địa ngục *Simbalivana* và tiếp theo đó là *Lohakumhī* (cùng xuất xứ trên)

Nhưng theo chánh tạng *(jātaka)* bậc đạo sư dạy rằng thường khi người nữ ngoại tình, phá gia can kẻ khác, sau khi chết bị sanh vào địa ngục *Saṅghāṭa.* Còn người nam phạm cùng tội ấy thì bị sanh vào địa ngục *Aṅgārakāsu.*

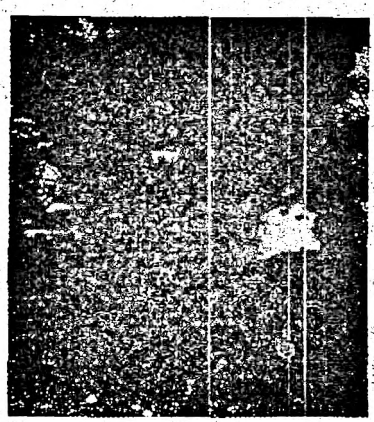

# CHUYỆN VUA NEMI DU HÀNH ĐỊA NGỤC

Có kiếp bồ tát sanh làm đức vua tên *Nemi* đức hạnh cao vời khiến Đế Thích cảm phục, cho thiên tử *Mātali* đánh xe xuống cõi người đưa Ngài đi du hành thiên giới và địa ngục cho biết tận tường. Xe trời xuống đến địa ngục *Veranaṇī*, vua *Nemi* thấy chúng sanh ở đây bị hành hạ đau đớn liền hỏi thiên tử *Mātali* họ đã làm nghiệp ác gì để phải chịu khổ như vậy. Vị này thưa rằng những tội nhân đó, khi còn ở cõi người đã cậy thế bức hiếp, hành hạ kẻ khác nên sau khi chết bị sanh vào đây.

Thiên xa lại đi đến một địa ngục mà ở đó có rất nhiều con chó vện khổng lồ rượt bắt các tội nhân để ăn thịt. Vua Nemi hỏi ác nghiệp của họ *Mātali* đáp rằng vì đời trước họ là những người bủn xỉn, keo kiệt, đánh mắng các sa môn, bà la môn tu hành. Địa ngục này có tên là địa ngục chó vện.

Thấy các chúng sanh bị hành hạ bằng những thanh sắc nung đỏ trong địa ngục thiết địa, vua hỏi ác nghiệp của họ *Mātali* cho biết là vì khi còn làm người họ đã hành hung, xúc phạm những người hiền thiện những nam nhân, nữ nhân giới hạnh.

Xuống tới địa ngục nhiệt thán thấy chúng sanh ở đây bị nung trong than hừng vui *Nemi* hỏi *Mātali* đáp: vì khi còn

là nhân loại, những tội nhân này, xài đồ công như của riêng mình, và dối gạt mọi người để thu gom về mình.

Xuống đến địa ngục nồi đồng thấy chúng sanh bị đun sôi trong nồi, vua *Nemi* hỏi *Mātali* đáp: vì khi còn là người, những kẻ này đã xúc phạm các Sa môn, bà la môn. Đây là một trong hai địa ngục nồi đồng thứ hai, vua *Nemi* thấy các chúng sanh ở đấy bị cắt đầu nằm la liệt mới hỏi lý do *Mātali* đáp. Vì khi còn ở cõi người họ là những người chuyên bắt giết chim chóc.

Tới địa ngục tro nóng (nhiệt khôi) vua *Nemi* thấy một dòng sông và mỗi khi chúng sanh ở đó tới uống, dòng sông lập tức chỉ còn là những tro nóng. Hỏi lý do *Mātali* đáp: vì đời trước những người này buôn gian bán lận, pha trộn đánh tráo hàng hoá với những vật tầm thường như lấy cát đất bỏ vào gạo thóc để cân nặng hơn chẳng hạn.

Tới địa ngục hung khí, vua *Nemi* nhìn thấy chúng sanh ở đây bị hành hạ bằng giáo mác bèn hỏi lý do. *Mātali* đáp vì đời trước họ chuyên ăn xén, ăn bớt của tha nhân để nuôi mạng.

Thiên xa lại đưa vu *Nemi* xuống địa ngục "đống thịt" tại đây Ngài nhìn thấy chúng sanh bị quỷ sứ cột cổ bằng dây sắt nung đỏ rồi đè ngã xuống mặt đất sắt cũng rực đỏ sau đó dùng đồ bén nhọn bằm vằm ra. Hỏi lý do *Mātali* đáp: đời trước họ là những kẻ giết thịt để buôn bán.

Tới địa ngục phẩn niệu *(uccārapassāva)* vua *Nemi* thấy chúng sanh ở đây đang ăn uống với phẩn và nước tiểu thì hỏi lý do *Mātali* đáp vì đời trước họ là những kẻ phản bạn, vong ân hãm hại bạn bè.

Tới địa ngục huyết nùng thấy chúng sanh ở đây phải uống máu mủ để khỏi đói khát, bèn hỏi lý do *Mātali*đáp: vì đời trước họ đã sát hại cha mẹ và La Hán, những tội được xem là *Gihivesapārājika* (tội triệt khai của cư sĩ)

Xuống địa ngục thiết câu, vua *Nemi* thấy các tội nhân bị quỷ sứ lấy lưỡi câu cháy đỏ to bằng cây thốt nốt móc lưỡi ra và kéo ngã xuống nền địa ngục bằng đồng cũng đang cháy đỏ rực, rồi bắt đầu dùng hung khí bén nhọn lột da như lột da con bò vậy Vua bèn hỏi lý do *Mātali* đáp rằng vì đời trước những người này buôn bán với giá cắt cổ, họ dùng lời đường mật giả dối để lường gạt khách hàng.

Tới địa ngục thiết sơn vua *Nemi* thấy các nữ tội nhân ở đây thân thể tả tơi, đầm đìa lầy lụa những máu mủ bị chôn lún xuống nền địa ngục sâu tới thắt lưng rồi có nhiều hòn núi sắt từ bốn phía lăn đến nghiền nát họ ra, sau đó họ lại hoàn hình như cũ, cứ thế mà chịu đau đớn hỏi lý do *Mātali* đáp: vì đời trước những cô nàng này đã phụ bạc chồng để đi ngoại tình.

Vua *Nemi* lại thấy nhiều tội nhân khác cứ đi chổng đầu xuống và bị quỷ sứ tung thảy đau đơn. Hỏi lý do *Mātali* đáp rằng: vì đời trước họ đã đi ngoại tình với vợ khác lợi dụng tình cảm đó để lấy của cải quý giá.

Thế rồi thiên xa dừng lại ở địa ngục Thích Miên Lâm. Vua *Nemi* thấy các chúng sanh ở đây bị hành hạ trong những khu rừng gòn gai. Hỏi hạnh nghiệp của họ, thiên tử *Mātali* trả lời rằng vì đời trước họ là những người tà kiến không tin lý nhân quả, không chấp những gì mà trí tuệ non kém của mình không soi thấu được.

# BIỆT GIẢI VỀ CÁC ĐỊA NGỤC VÔ GIÁN (AVĪCI)

1- Các diễn viên sân khấu, các ca sĩ cùng vũ nữ, những người sống chủ yếu về dục cảm và cố tình lôi cuốn người khác cùng quay cuồng, đam mê chịu ảnh hưởng theo mình thì sau khi chết sẽ bị sinh vào một cảnh địa ngục tên là *Mahāsa*. Tại đây họ sống như thác loạn, cũng nhảy múa gào thét nhưng là đau đớn chớ không phải thưởng thức hưởng thụ nữa. Điều này y cứ vào *Saḷāyatanasaṃ-yuttaṭṭhakathā*.

*Pahāso nāma nirayoti visuṃpahāsanāmako nirayo nāma natthi avīsseva pana ekasmiṃ koṭṭhāse naceantā viyā gāyantā viya ca naṭavesaṃ gahatvāva paccanti.*

**Đại ý:**

Đã gọi là địa ngục thì không thể nào có được nụ cười, nhưng sở dĩ địa ngục này mang tên là *Pahāsa* (hỳ tiếu) vì trên hình thức các tội nhân giống như đang ca hát, khiêu vũ mà thật ra trong từng giây phút họ bị đốt cháy đau đớn.

2- Những ai khi còn là nhân loại có bản tính xung sát, thích thú trong việc chiến đấu đâm chém thì sau khi chết sẽ bị sanh vào địa ngục *Aparājita*. Tại đây các tội nhân cũng cưỡi voi, cưỡi ngựa cầm gươm giáo xông vào nhau để đâm chém suốt ngày này qua tháng khác. Trong *Saḷāyatanasaṃyuttaṭṭhakathā* đã nói như vậy.

*Aparājito nāma nirayoti ayampina visuṃ eko nirayo, avīcisseva pana ekasmiṃ koṭṭhāsa pañcāvudhasannaddhāphalakahatthā hatthi assarathe āruyha saṅgāme yujjhantā viya paccanti.*

3- Những ai cố tình vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ bậc thánh nhân thì sau khi chết sẽ bị sanh vào một trong mười địa ngục vô gián còn lại.

Như trường hợp Tỳ Kheo *Kolālika* (bạn thân của *Devadatta*) đã xuyên tạc hai vị chí thượng thinh văn là đã phạm tội *Pārāyika*. Do ác nghiệp vu cáo thánh nhân như thế sau khi chết *Kolālika* sanh vào địa ngục *Mahāpaduma*.

Nói về hạn định tuổi thọ của các địa ngục này thì trong chánh tạng có giải thích rằng: ví dụ như có một cổ xe bò đựng bốn trăm chín mươi triệu sáu trăm ngàn (490.6000.000) hạt mè rồi mỗi thế kỷ có người lấy ra một hạt, cho đến khi nào trên xe bò không còn hạt mè nữa thì đó là hạn định tuổi thọ ở địa ngục *Abbuda*. Tuổi thọ ở địa ngục *Nirabbuda*, nhiều gấp mười lần địa ngục *Abbuda*. Tuổi thọ địa ngục *Ababa* nhiều gấp mười lần địa ngục *Nirabbuda*. Cứ thế các địa ngục vô gián sau đây: *Ahaha, Aṭaṭa, Kumuda, Sogandhika, Uppala, Puḍarika* đều có hạn định tuổi thọ hơn kém nhau trên tỷ lệ $^{1}/_{10}$

(theo Aṅguttaranikāya vā Atthakathā)

# NHỮNG TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ ĐẶC BIỆT

Tỷ Kheo *Devadatta* do gây nhiều trọng nghiệp như xúc phạm bậc Đạo sư và chia rẽ tăng chúng, nên sau khi chết đã lập tức sanh vào đại địa ngục *Avīci*. Tại đây ông có chiều cao 100 do tuần. Từ mang tai trở lên bị ngập sâu, trong một miếng sắt cháy đỏ, từ mắt cá chân trở xuống cũng bị lún trong một miếng sắt cháy đỏ. Hai tay ông bị quặt ngược ra sau và có một cây đinh to bằng cây thốt nốt xỏ ngang hai tay đó, thân thể ông bị giáo thương, đâm trổ bốn phía: từ trước ra sau, từ phải qua trái, từ đỉnh đầu bị đâm trở xuống dưới và lúc nào ông cũng bị lửa đốt như thiêu.

Tuy thế một ức đại kiếp nữa ông sẽ trở thành một Đức Phật Độc Giác hồng danh là *Aṭṭhissara* bởi ông đã tạo trữ Ba La Mật suốt hai A tăng kỳ trước đây. Về điều này trong *dhammapasatthakathā* đã ghi rằng:

*"Niccale buddhe aparaddhabhāvena niccalova hutvā avīvimhi paccati so hi ito satasahassakappa mathake aṭṭhissaro nāma paccekabuddho bhavissati"*

Trong bộ *Miliṅdapañha*cũng có nói về ông *"Devadatto mahārāja cha koṭṭhāse kate kape atikkante pathama-koṭṭhāse saṅgham bhindati, pañca koṭṭhāse niraye paccitvā tato muccitvā ṭihissaro nāma paccekabuddho bhavissati"*

Vả chăng, trước khi bị rút hẳn cả người vào lòng đất, ông đã chắp tay đưa lên đỉnh đầu hướng tâm về Đức Phật đọc lên lời lễ bái Ngài như sau:

*Imehi aṭṭhi tamaggapuggalaṃ*
*Devātridevaṃ naradammasāra thiṃ*
*Samantacakkhuṃ satapuññalakkhanaṃ*
*Pāṭehi buddhaṃ saranaṃ gatosmi!*

"Với đóng xương tàn này con xin cúng dường Đức Phật một bậc tối thượng nhân, tối thượng thiên nhân, bậc xa phu điều ngự con người, bậc nhân có đủ trăm phúc tướng, với những hơi thở còn lại con xin quy ngưỡng Đức Phật".

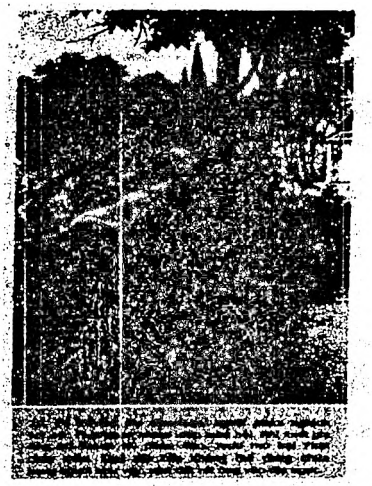

# CHUYỆN VUA XỨ DAṆḌAKĪ

Thuở xưa tại *Bārāṇasī* có một nhà vua tên *Daṇḍakī*, hoàng thành của ông ta tên *kumbhavatī*. Cả ông ta lẫn thần dân trong xứ đều là những người tà kiến. Ngày kia có một vị đạo sĩ tên *kisavaccha* từ bờ sông *Godhavarī* đến ngự uyển của vua *Daṇḍakī* để trú ngụ. Tại đây Ngài được vị tướng soái của vua hộ độ. Điều cần nhớ là đạo sĩ *kisavaccha* đã chứng đạt ngũ thông bát định.

Thế rồi một hôm trong cung của vua *Daṇḍakī* có một nàng phi tần bị thất sủng nghĩa là nàng không được nhà vua tin yêu như trước nữa và đuổi ra khỏi hoàng cung. Buồn nản cùng cực, nàng phi tần bất hạnh ấy đi vào ngự uyển, chỗ ngụ của đạo sĩ *Kisavaccha*. Bất chợt trong thấy Ngài, nàng ta suy nghĩ "Mấy ông thầy tu này là những tên xúi quẩy nhất đây, nếu ta đem đồ dơ trong mình ra đổ trên đầu ông này thì kể như mọi xui xẻo cũng được giải trừ".

Nghĩ vậy rồi nàng phi tần đi lấy đồ đánh răng đến xúc miệng trên đầu vị đạo sĩ và ném luôn bàn chải lên đầu Ngài rồi đi tắm rửa.

Vài hôm sau Nhà vua nhớ đến nàng phi tần thất sủng nọ bèn gọi vào cung phục hồi địa vị. Đó là một việc tình cờ nhưng nàng phi tần cứ ngỡ là do mình đã làm hành động xả xui nơi vị đạo sĩ.

Không bao lâu vua lại thải hồi cả vị quan giáo sĩ cho về vườn làm dân. Ông này tìm tới nàng phi tần kia và hỏi thăm nàng đã làm thế nào để được vua tin yêu, trở lại như vậy. Nàng ta bèn kể lại việc mình làm nhục vị đạo sĩ trong ngự uyển. Ông quan giáo sĩ làm theo đó và lạ thay mấy hôm sau vua lại gọi ông ta vào triều phục chức như cũ. Thật ra trường hợp may mắn của nàng phi tần, ông quan giáo sĩ nọ là do phước cũ đời trước chớ nào phải do hành động vô nhân của họ đối với vị đạo sĩ, nhưng vì ngây ngô dựa vào sự việc trước mắt ấy nên cả hai người đều tin rằng nhờ hành động vô nhân đó mà họ được đắc sùng.

Thế rồi vua *Daṇḍakī* nhận được tin là ở vùng biên thuỳ có phiến loạn, ông ta bèn chuẩn bịcất quân đi bình định. Trước khi lên đường theo lời khải tấu của quan giáo sĩ, vua *Daṇḍakī* kéo quân lính vào ngự uyển lấy bàn chải xúc miệng trên đầu đạo sĩ *Kisavaccha* rồi bao nhiêu bàn chải của ông ta cùng quân lính khi xài, xong đều đem vất lên đầu Ngài. Sau đó cả bọn đi tắm rửa thật sạch sẽ rồi bắt đầu tiến ra biên thuỳ. Trong trận đánh ấy với quân phiến loạn, vua *Daṇḍkī* đã chiến thắng một cách dễ dàng, vì cuộc chiến giữa đôi bên chỉ diễn ra trong bảy ngày rồi kết thúc.

Nói về vị tướng soái của vua *Daṇḍakī,* sau khi vua cùng quân lính rút đi rồi, đã đi vào tắm rửa săn sóc cho vị đạo sĩ thầy mình rồi an ủi Ngài. Vị đạo sĩ bảo:

- Chư thiên trong xứ này đã nổi giận trước hành động hỗn xược của vua quan dân chúng đối với ta nên các vị đã quyết định rằng một tuần lễ nữa sẽ giáng đại hoạ xuống

đất nước này; do đó ông hãy cùng gia quyến tranh thủ rời khỏi nơi đây chàng sớm càng tốt.

Tới ngày vua *Daṇḍakī* dẫn quân trở về, dầu được quan tướng soái cho biết sự kiện sắp xảy ra ông ta cũng chẳng tin, và cứ mở đại yến ăn mừng; vị tướng soái lập tức đưa gia đình của mình bỏ xứ ra đi. Thế rồi lúc đó, trên bầu trời của kinh đô *Kumbhavati* bỗng dưng vần vũ tối đen rồi một cơn mưa đổ ập xuống lúc đầu là nước, sau đó là cát, bông hoa rồi đến vàng bạc cùng các món trang sức xin đẹp quý giá. Mọi người thấy vậy liền bỏ chạy ra đường để nhặt lấy. Ngay lúc ấy từ trên không trung, các món vũ khí bén nhọn rơi xuống tới tấp trên đầu họ. Thế là chỉ trong giây lát, cả kinh thành *kumbhavatī* đầy dẫy những xác chết.

Trước khi cơn mưa đổ xuống, thầy của đạo sĩ *Kisavaccha* là sư trưởng *Sarabhaṅga*[4] đã biết được sự việc và sai hai đạo sĩ khác đến cứu *kisavaccha* bằng thần thông.

Nói về vua *Daṇḍkī* cùng toàn thể thần dân ác kiến của mình sau khi chết đau đớn như vậy đã sanh vào địa ngục *Kukula*.

[4] Tiền thân Đức Phật

# GIAI THOẠI NÀNG MALLIKĀ (VỢ CỦA VUA PASENADI)

Nàng *Mallikā* là hoàng hậu của vua *Pasenadi Kosala*, suốt đời chỉ biết tạo trữ các công đức đặc biệt đến Tam Bảo. Lần nọ vì muốn giấu vua một việc kín của mình nên nàng đã nói dối. Trong cơn bệnh trầm kha cuối đời nàng *Mallikā* vẫn còn nhớ tới phước báu của mình đã làm, nhưng ngay giờ phút cận tử nàng lại nhớ tới câu nói dối ngày xưa, nên sanh tâm hối hận, bứt rứt để rồi khi tắt hơi nàng bị sanh vào a tỳ địa ngục trong thời gian bảy ngày của nhân loại. Ở bộ chú giải pháp cú có nói tới sự kiện này:

*Sā maraṇakāle evarūpaṃ mahāpariccāgaṃ ananussaritvā tameva pāpakamaṃ anussarantī kālaṃ katvā avīcimhi nibbatti.*

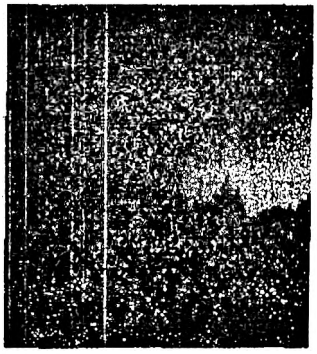

# GIAI THOẠI VUA CORANĀGA

Ở Tích Lan xưa kia có một nhà vua tên *Coranāga* ông vốn không có đức tin nơi Tam Bảo đã vậy còn ra mặt đối lập gay gắt với Phật giáo nữa là khác. Vua *Coranāga* đã phá huỷ 18 ngôi Tịnh Xá lớn và sát hại rất nhiều tăng tín đồ. Trước hành động bạo ngược đó, Hoàng Hậu của vua cảm thấy bất mãn cùng cực nên đã đầu độc nhà vua cho chết đi.

Sau khi chết vua *Coranāga* sanh vào địa ngục không gian *(Lokantarikaniraya)* Trong bộ *Mahāvaṃsa* đã ghi lại như vậy:

*"Attano bhariyāya dinnaṃ visaṃ bhakkho mato kira lokantarikanirayaṃ pāpo so uppajjittha"*

Đúng ra, người giết cha mẹ và La Hán phần lớn sanh vào địa ngục A tỳ và từ đó rất khó trở lên làm người, nhưng cũng có trường hợp giết cha mẹ và La Hán rồi chỉ sanh trong địa ngục huyết nùng mà thôi. Như ở *Nemirājajātaka* đã ghi:

*Ye mātaraṃ vā pitaraṃ vā jīvaloke*
*Pārāji kā*[5] *arahante hananti*
*Te luddhadhammā pasavetvā pāpaṃ*
*Teme janā lohitapubbabhakkhāti.*

[5] Người phạm ngũ nghịch đại tội được gọi là phạm Pārājika

# CHUYỆN VUA NĀḶIKERA

Thuở xưa tại nước *Aṅga* có một nhà vua tên là *Nāḷikera*. Kinh đô của ông ta là *Dantapura*. Vua *Nāḷikera* không tin lý nghiệp báo nên đã giết chết một vị đạo sĩ hiền trí giới đức rồi lấy thịt của Ngài quăng cho chó ăn. Do ác nghiệp quá nặng nên vua lập tức đất rút và sanh vào địa ngục *Sunakha* có thân thể cao lớn khoảng 3 *gāvuta* (3/4 do tuần) và lúc nào cũng bị những con chó to bằng con voi rượt cắn tới tấp. Lẽ ra với ác nghiệp tày trời đó vua *Nāḷikera* phải bị sanh vào các đại địa ngục, nhưng trong trường hợp này vua chỉ sanh vào một đa khổ địa ngục thôi, như trong *Sarabhaṅga* đã xác nhận:

*Yo saññate pabbajite aheṭhayi*
*Dhammaṃ bhaṇante samaṇe adūsake*
*Taṃ nāḷikeraṃ sunakha parattha*
*Saṅgamma bhādanti viphandamānaṃ.*

# GIAI THOẠI VUA AJJUNA

Thuở xưa có một quốc độ tên là *Mahiṃsaka*, vua xứ này tên là *Ajjuna*, một người tà kiến nặng. Vua đã lấy cung bắn chết một vị đạo sĩ tên *Aṅgirasa*, thuộc dòng họ *Gotama*, vị này là người trì hạnh nhẫn nhục và luôn tích cực thiền định nên với ác nghiệp đó vua bị đắt rút và sanh vào địa ngục *Sattisūla*. Tại đây thân thể ông ta bị treo chổng đầu xuống đất, còn hai bàn chân thì bị móc vào một lưỡi câu sắt phía trên, thế rồi các quỷ sứ chỉ việc lấy hung khí bén nhọn hành hạ ông ta. Đúng ra ông phải bị sanh vào các đại địa ngục, nhưng lại chỉ sanh vào tiểu địa ngục *Sattisūla* thôi, đây cũng là một trường hợp ngoại lệ. Trong *Sarabbaṅgajāta* cũng có nói tới sự kiện này.

*Athajjuno niraye sattisūle*
*Avaṃsiro patito uddhaṃpādo*
*Aṅgīrasaṃ gotamaṃ heṭhayitvā*
*Khantiṃ tapassiṃ cibrahmacāriṃ.*

# CHUYỆN VUA MAJJHA

Xưa có một nước tên *Majjha*, vị vua xứ này cũng tên là *Majjha*. Nhà vua cùng một số thần dân trong nước đều là những người tà kiến. Lúc bấy giờ ở xứ *Majjhā* có một vị đạo sĩ trứ danh tên *Mātaṅga* uy tín của Ngài vang dội khắp quốc độ khiến nhà vua ghen tỵ và nhiều lần tìm tới chưởi rủa, làm nhục đạo sĩ rồi cuối cùng vì nghe lời tâu rỗi của các triều thần vua giết chết đạo sĩ. Những người thương kính đạo sĩ *Mātaṅga* thấy thế quá bất mãn nên đều rủ nhau bỏ đi qua xứ khác. Lúc ấy trong xứ chỉ còn lại nhà vua và đám thần dân ác kiến của mình, thế rồi một cơn mưa đổ xuống, từ những giọt nước ban đầu tất cả đều trở thành tro nóng bỏng đổ ụp lên đầu bọn người tội lỗi kia, thế là chỉ trong giây lát tất cả đều mệnh chung và sanh vào địa ngục *kukkula*. Quốc độ *Majjhā* vĩnh viễn bị xoá tên, vì đến đó người ta chỉ còn thấy đất hoang với rừng rậm việc nhà vua cùng thần dân xứ *Majjhā* chỉ sanh vào một tiểu địa ngục, như vậy cũng là một trường hợp ngoại lệ.

Đây là trích theo *Saṅkiccajātaka:*

*Upahacca manaṃ majjho*
*Mānaṅgasmiṃ yasassine*
*Sapārisajjo ucchinno*
*Majjhāraññaṃ tadā ahu!*

# GIAI THOẠI ĐỨC VUA UPAVARA

Trong thời sơ kiếp tức lúc quả đất mới hình thành (gọi theo từ chuyên môn là giai đoạn *Vivaṭṭaṭṭhāyīkappa)* lúc nhân loại có mức tuổi thọ là một A tăng kỳ thì có một quốc gia tên *Cetiya*. Quốc gia này đã trải qua mười đời vua kể từ vị thái tổ là hoàng đế *Mahāsammata* đến vị thứ mười một là vua *Upavara*. Vào thời kỳ đó con người rất hiền thiện, không biết tội lỗi là gì thậm chí cũng không ai hiểu được thế nào là câu nói dối "Nói về đức vua *Upavara,* Ngài có được bốn điều phi thường.

Bay được trên hư không, quanh Ngài luôn có bốn vị trời cầm gươm bảo vệ, thân thể luôn có mùi thơm, môi Ngài thơm như hoa sen.

Phụ hoàng của Vua *Upavara* lúc còn cai trị quốc độ có một người đại thần giáo sĩ tên *Kapila* đóng vai trò cố vấn. Ông *Kapila* có đứa em trai tên *Koralambha, Koralambha* cùng *Upavara* từ bé đã rất thân với nhau đã cùng đi học chung nhau ở *Takkasilā*. Có lần nọ *Upavara* giao ước với bạn mình là *Korakalambha* "Tôi mà lên làm vua rồi sẽ phong cho bạn làm đại thần giáo sĩ".

Lúc đã lên ngôi trị vì quốc độ *Upavara* nhớ tới lời hứa ngày xưa nhưng không thể thực hiện bởi vì vị quan giáo sĩ

*Kapila* vẫn còn sống, không dựa vào lý do gì để có thể thải hồi ông, vả lại theo luật lệ thời bấy giờ kẻ kế nhiệm ông *kapila* là con trai ông ta một hôm ông *Kapila* vào tâu với vua *Upavara* rằng mình đã già muốn được đi xuất gia và xin con trai mình được thừa kế chức vị giáo sĩ. Sự kiện quá hợp lý vua *Upavara* đành phải chấp nhận, rồi *Kapila* đi vào ngự uyển xuất gia ở đó và chứng đạt thiền định thắng trí.

Nói về *Korakalambha* thấy vậy biết rằng con trai của anh mình sẽ giữ chức vụ giáo sĩ thì vội chạy vào triều gặp đức vua *Upavara* nhắc lại lời giao ước ngày nào trước thái độ của bạn vua *Upavara* chợt nghĩ ra một điều và Ngài bảo "Cậu đừng lo lắng gì nữa để ta liệu mọi việc cho cậu".

Sở dĩ vua hứa hẹn như vậy vì Ngài tỉnh cờ vừa nhận ra thế nào là một lời nói dối, bởi từ trước đến giờ khắp địa cầu chưa ai biết vọng ngữ là gì, và vua *Upavara* đã muốn nhân dịp này sử dụng lời nói dối để thực hiện lời hứa với *Korakalambha. Korakalambha* thấy vua hứa như vậy mừng lắm nhưng, để kỹ lưỡng hơn ông hỏi vua.

- Bệ hạ sẽ làm thế nào ạ?
- Có gì đâu ta sẽ nói lời mà từ trước tới giờ, chưa ai biết đấy, ta sẽ nói dối với mọi người rằng cậu là anh của đạo sĩ *Kapila, Kalipa* là em của cậu, chỉ vậy thôi, hiểu chưa?

Rồi vua *Upavara* quyết định thông báo cho mọi người thế nào là lời vọng ngữ. Lúc đó con trai của đạo sĩ *Upila* cũng biết được sự tính toán của vua *Upavara* với *Korakalambha* nên vội vào ngự uyển thưa cho cha hay.

Nói về *Korakalambha* sau khi nói chuyện với vua xong trở về cảm thấy mình có bổn phận phải nhắc vua nên đến gặp *Upavara* tâu rằng.

- Thưa bệ hạ! ông anh của hạ thần bây giờ đã là một đạo sĩ có thần thông, nếu Ngài tuyên bố một điều dối trá lật lọng như thế thì bốn điều phi thường vốn có nơi Ngài từ trước đến giờ nay sẽ bị tiêu tan hết cả, rất có thể Ngài sẽ bị đất rút. Vả chăng một khi ông anh đạo sĩ của hạ thần đã muốn thì với thần thông của mình ông sẽ làm bất cứ chuyện gì cũng được xin bệ hạ hãy thận trọng. Một điều nữa là một khi đã xảy ra chuyện gì không hay thì chẳng những hạ thần không được chức giáo sĩ mà cả bệ hạ cũng bị mất mát nhiều mặt.

Dầu được cản ngăn đến mấy vua *Upavara* vẫn nhất quyết không thay đổi suy nghĩ của mình. Nói về dân chúng toàn quốc vì muốn biết thế nào là lời vọng ngữ nên muốn đến ngày đã định ai cũng tập trung trước hoàng cung. Đạo sĩ *Kapila* cũng có mặt tại nơi ấy. Lúc sắp nói lên lời vọng ngữ, vua *Upavara* bay lên hư không và an vị. Cả đạo sĩ *Kapila* cũng bay lên ngồi trên hư không như vua rồi Ngài hỏi vua:

- Có phải hôm nay Ngài sẽ nói dối phải không?
- Đúng vậy, thưa đạo sĩ

Đạo sĩ *Kapila* hết lời khuyên ngăn nhưng vua vẫn không nghe, Ngài long trọng tuyên bố với mọi người: "Các ngươi hãy biết đạo sĩ *Kapila* là em của

*Korakalambha* và *Korakalambha* là anh trai của Đạo sĩ *Kapila.*

Vừa lúc đó, vua *Upavara* bị rơi xuống đất vì đã mất khả năng bay trên không, đồng thời thân thể và miệng nhà vua bốc ra mùi hôi thúi tức khắc. Thấy thế Đạo sĩ *Kapila* ân cần khuyên vua, nên nói chính xác lại vấn đề để khỏi phải nói dối. Vua *Upavara* cũng xiêu lòng, Ngài bèn đưa mắt nhìn *Korakalambha* để hỏi ý *Korakalambha* ra dấu như bảo rằng: Năm thần lực của vua không mất đâu mà sợ, đó chỉ là do Đạo sĩ *Kapila* xui khiến trong chốc lát thôi, vua hãy giữ vững lập trường. Thấy vậy vua *Upavara* lập lại lần thứ hai trước mặt đám đông:

- Một lần nữa ta xác nhận rằng Đạo sĩ *Kapila* là em trai của *Korakalambha, Korakalambha* là anh trai của đạo sĩ.

Khi vua vừa dứt lời Ngài liền bị đất rút ngập tới mắt cá. Đạo sĩ *Kapila* lại khuyên vua nên suy nghĩ lại vua vẫn tiếp tục xác nhận lời nói dối của mình của sáu lần nữa. Từ mắt cá, vua bị đất rút tới đầu gối, rồi từ đầu gối lên tới mông, từ mông lên tới rốn, từ rốn lên tới ngực, từ ngực rút luôn tới đầu ngay lúc đó lửa từ a tỳ phụt lên bao trùm lấy nhà vua. Ngài tắt thở và sanh vào địa ngục *Avīci.*

Đây cũng là một trường hợp ngoại lệ mà ta phải suy nghĩ nhiều vì xét theo thời bấy giờ một câu nói dối và thái độ bất tuân đối với người tu hành không thể dẫn tới một hậu quả khủng khiếp như thế ngay trong hiện tại dù là trong kiếp sống vị lai thì ác quả sẽ trổ thích ứng với từng mức độ ác tâm của mỗi cá nhân.

# CHUYỆN NÀNG REVATĪ

Thuở bậc Đạo sư còn tại tiền, tại thành phố *Bārāṇasī* của nước *Kāsī* có một gia đình nọ, người chồng tên *Nandiya* còn người vợ tên *Revatī* thanh niên *Nandiya* là một phật tử ngoan đạo thường xuyên cúng dường hộ độ tăng chúng. Do phước báu của *Nandiya* quá đặc thù nên dù chàng còn sống nhưng trên thiên giới đã có mọc sẵn một toà cung điện để mai kia từ bỏ kiếp người chàng sẽ sanh lên đó. Nói về vợ của *Nandiya* là nàng *Revatī* thì phải nói đó là một người đàn bà vô đạo, keo bẩn. Chẳng những không cùng chồng tạo trữ công đức nàng lại còn tỏ ra chống đối nữa là khác, nên cả đời không hề biết tới việc bố thí cúng dường.

Khi *Nandiya* qua đời, nàng *Revatī* lập tức chấm dứt ngay cái tiền lệ rộng rãi của chồng, những vị tỳ kheo hay hành khất đến nhà nàng đều bị xua đuổi mắng nhiếc.

Thế rồi vì muốn sửa trị *Revatī* nên thiên vương *Vessuvaṇa* sai hai dạ xoa xuống bắt nàng đem lên thiên giới cho xem toà cung điện của *Nandiya* rồi lại đem xuống địa ngục cho quỷ sứ đánh đập tàn nhẫn. Đau đớn quá nàng *Revatī* than khóc thảm thiết. Thay vì thương hại, các quỷ sứ đã kể tội *Revatī* một cách khe khắt, và nắm hai chân nàng dở ngược lên cho thòng đầu xuống rồi ném vào một địa ngục đa khổ *(Ussada)* (đây cũng là một trường hợp đặc

biệt vì tội nhân bị bắt đi ngay lúc còn sống không phải đợi tới lúc lâm chung).

Hầu hết những chúng sanh bị đoạ trong các đại địa ngục đều là do xúc phạm tới sa môn, bà la môn, như trong *Jātakatthakathā* có ghi: *"Mahānirayesu kira yebhuyyena dhammikasamaṇabrāhmaṇesu vatāpavādhā paccanti!"*.

Nói về hạn định tuổi thọ ở các địa ngục thường khi bất định, có người phải sống suốt kiếp trái đất hoặc hàng tỷ hàng triệu năm, vài ức năm, vài muôn năm.... thậm chí có người chỉ chịu khổ trong một tuần lễ nhân loại, tuỳ theo mức độ nặng nhẹ của ác nghiệp mà thôi người đã tạo, điều này y cứ theo bộ *Maṇirāsamanjusā "Apāyesu hi kammameva pamānaṃ!"*

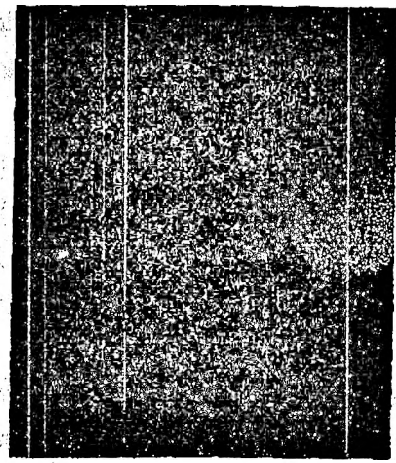

# CHUYỆN VUA A XÀ THẾ (AJĀTASATTU)

Vua A Xà Thế là một người có nhiều công đức, bởi Ngài đủ khả năng chứng ngộ thánh quả, ngay trong đời hiện tại nhưng do thân cận ác hữu (là *Devadatta*) nên đã phạm tội sát hại phụ vương, sau khi chết phải sanh vào địa ngục.

Đối với người khác thì với trọng nghiệp đó sẽ bị sanh vào A tỳ địa ngục nhưng nhờ vua A Xà Thế biết hối lỗi và tạo trữ thật nhiều công đức với Phật Giáo nên thay vì sanh vào địa ngục *Acīvi* lại chỉ sanh vào địa ngục *Lohakumbhī* (vạc đồng) trong thời gian sáu muôn năm (sáu mươi nghìn năm).

Tức là từ mặt vạc đồng ngài chìm xuống dưới đáy phải mất 3 muôn năm, từ đáy vạc muốn trồi lên khỏi vạc cũng tốn mất 3 muôn năm, sau đó mới thoát khỏi địa ngục vạc đồng.

Sau khi thoát khỏi địa ngục vạc đồng, vua A Xà Thế tiếp tục tạo pháp độ cho già dặn hơn để hai A Tăng kỳ và một ức đại kiếp nữa sẽ chứng quả Độc Giác Phật có hồng danh là *Vijitāvi*. Trong *Sīlakhandhavaggatthakathā* đã ghi như sau:

*"Ajātasatturājā lohakumbhiyam. Nibbattitvā timsa-vassasahassāni patanto hetthimatalam. Patvā timsa-vassasahassāni uddhaṃ gacchanto punapi uparimatalam.*

*pāpuṇitvā muccissati anāgate pana vijitāvī nāma paccekabuddho hutvā parinibbā yissati".*

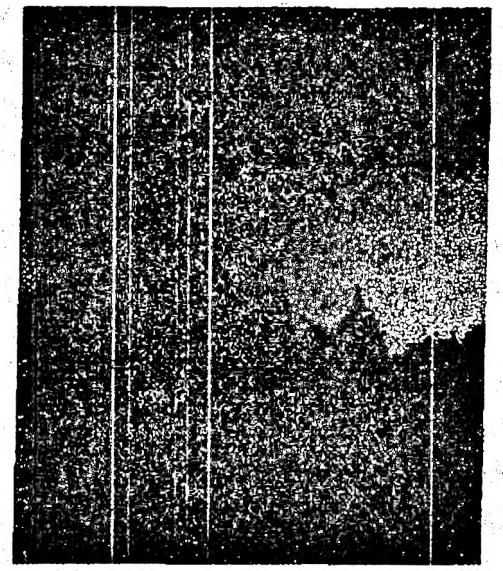

# THẾ GIỚI BÀNG SANH (TIRACCHĀNABHŪMI)

Gọi là bàng sanh là do dựa vào câu giải tự sau đây: *"Tiro añjanantīti tiracchānā* ➔ loài nào khi đi: đầu với mình ngang nhau thì đó được gọi là loài bàng sanh. Hay nói cách khác nữa là loài nào bị ngăn che thánh trí loài đó gọi là bàng sanh".

Câu giả tự trên nhắm vào hai yếu lý: lý thứ nhất là lẽ thường nhân loại chúng ta hay các chúng sanh khác khi đi thì bao giờ thân thể cũng dựng đứng, đầu trên chân dưới, riêng về loài bàng sanh, thì khi đi, toàn thân được ngã dài xuống đưa lưng lên, đầu hướng về trước, cái mà đối với loài này lại là hai chân. Lý thứ hai là một khi đã sanh vào sanh chủng này thì cho dầu đến cả vị bồ tát đi nữa cũng không đủ trí tuệ chứng ngộ thánh quả, thánh trí luôn bị ngăn che đối với loài bàng sanh!.

Nếu phân tích gọp lại thì bàng sanh chỉ có hai loại: mắt thường có thể nhìn thấy và mắt thường không thể nhìn thấy, tức là có loại thì có hình dạng thô thiển, có loại mang thân xác tí ti, vi tế. Nếu kể rộng thì bàng sanh có bốn loại:

- *Apadatiracchāna*: bàng sanh không có chân, như cá, rắn, trùn (giun)....
- *Dvipadatiracchāna:* loài bàng sanh có hai chân như chim, gà.

- *Catuppadateracchāna*: loài bàng sanh có bốn chân như trâu, bò, heo, chó....
- *Bahuppadatiracchāna*: loài bàng sanh nhiều chân như rít, châu chấu.....

Bốn giống bàng sanh trên đây thường thì sống trong hai môi trường: trên cạn và dưới nước. Đức Phật thuyết trong *Aṅguttaranikāya* rằng: chúng sanh trong nước nhiều hơn chúng sanh trên cạn *(Appakābhikkhave te sattā ye thalajā athakho eteva sattā bahutarā ye odakā)* (chúng sanh).

Từ *satta* (chúng sanh) ở đây chỉ luôn cho cả nhân loại và tiếng (ít hơn, nhiều hơn ở đây không chỉ cho một con số hạn định nào cả bởi vì sanh loại hữu tình quả thật không giới hạn *sattanikāyo ananto*).

Dựa vào câu Phật Ngôn trên đây, Ngài *Buddhaghosa* đã chú giải trong bộ *Manorathapūranī* (tập sớ của tăng chi) như sau:

"Các chúng sanh trong cõi nhân loại thật quá nhiều để có thể đưa ra, một con số ước định; chính Ngài đã trông thấy một loại có tên *Nandiyavaṭṭa* luôn sống thành bầy thành đàn trên một vùng biển rộng cả 700 do tuần tức là từ đảo Tích Lan qua đến *Suvaṇṇbhūmi* (một địa danh nằm về phía nam Miến Điện).

Xưa kia muốn đi qua vùng biển này các thuyền nhân phải mất đến bảy ngày dưới lườn tàu của họ, trong suốt một tuần lễ lúc nhúc những cá *Nandiyavaṭṭa!*

# BIỆT GIẢI VỀ RỒNG (NĀGA)

Kể tổng quát thì có bốn loại rồng như sau:

1- *Kaṭṭhamukhanāga*: loại rồng cực độc, nọc vào ai rồi thì thân thể người ấy bị săn cứng lại, tứ chi co rút không thể cử động được và dĩ nhiên rất đau đớn.

2- *Aggimukhanāga:* loại rồng cực độ, nọc vào ai rồi người ấy sẽ nghe khắp thân thể nóng hừng và ngay chỗ vết thương sẽ phồng lên như bị phỏng lửa.

3- *Pūtimukhanāga:* loại rồng này cũng rất độc, nọc vào ai rồi thì chỗ vết thương sẽ bốc mùi hôi thối nồng nặc và chảy nước vàng mãi.

4- *Satthamukhanāga*: cũng là loại rồng độc nọc vào ai rồi thì toàn thân họ giống như bị sét đánh, cảm giác đau đớn cũng tương tợ như thế.

Trong mỗi loại rồng trên đây lại có bốn giống khác nhau.

1- *Daṭṭhavisanāga:* truyền nọc qua nạn nhân bằng cách cắn.

2- *Diṭṭhavisanāga*: truyền nọc quan tia nhìn của mắt

3- *Puṭṭhavisanāga:* toàn thân đều có nọc độ nên chỉ cần cọ vào mình nạn nhân thì đã có truyền nọc sang.

4- *Vātavisanāga:* truyền nọc qua hơi thở.

Vậy có tới 16 thứ rồng và sức công phá của nọc độc trong từng loại rồng có 4 trường hợp:

1. *Āgatavisa na ghoravisa*: nọc truyền qua mau nhưng không công phá mạnh.
2. *Ghoravisa na āgatavisa*: nọc cực độc nhưng lan đi chậm.
3. *Āgatavisa ghoravisa*: nọc cực độc mà truyền đi cũng mau.
4. *Na āgatavisa na ghoravisa*: nọc kém sức công phá mà lan đi cũng chậm.

Lấy 16 x 4 ta có 64 loại rồng

Mỗi loại (trong 64 loại) lại có môi trường sinh sản khác nhau.

1. *Andajanāga*: Noãn sanh
2. *Jalābujanāga*: tử cung sanh (thai sanh)
3. *Saṃsedajanāga*: thấp sanh
4. *Opapātikanāga:* hoá sanh

Tất cả lại ta có 256 loại rồng 256 loại rồng này lại có 2 môi trường sống:

1. *Jalajanāga*: loại sống dưới nước
2. *Thalajanāga*: loại sống trên khô

Lấy 256 x 2, ta có 512 loại rồng, và mỗi loại (trong 512) lại được chia ra 2 giống:

1. *Kāmarūpīnāga*: loài chuyên hưởng lạc thú
2. *Akāmarūpīnāga:* loài không hưởng lạc thú.

Lấy 512 x 2, ta có 1.024 loại rồng.

Những con rồng đại uy lực có thể biến hoá ra hình dạng nhân loại cũng được, tuy nhiên 5 thời điểm mà con rồng nào cũng phải giữ nguyên hình dạng của mình. Không thể hoá ra hình dạng khác được, đó là:

1. Lúc vừa sanh ra, con nào cũng mang thân rồng.
2. Lúc lột da (thay da mới)
3. Lúc làm tính giao với nhau lúc nào rồng cũng mang hình dạng rồng.
4. Lúc nằm ngủ thiếu chánh niệm
5. Lúc chết con nào cũng hiện rõ thân rồng

Những điều vừa nói là dựa theo bộ *Adhamma-pasatthakathā:*

*Nāgassa pana pañcasu sabhāvapātukammaṃ hoti paṭisandhikāle tacajahamakāle sajātiyā methunakāle vissaṭṭhaniddokkamanakāle citikāleti.*

Tất cả Chư Thiên cho dù có là người tam nhân cũng được xếp vào loài *Tiracchāna* với lý do là họ không thể xuất gia. Bởi trong các bộ chú giải *Vinayaṭṭhakāthā, kaṅkhāvitaraṇī vā vinayasaṅgahatthakathā* có ghi rằng:

*Yassa upasampadā paṭikkhittā so tiracchānagato nāme* (loài nào bị Đức Thế Tôn cấm thọ Cụ túc giới, loài ấy được gọi là *tiracchāna)*

Trong *Vinayamanāvaggatthakathā* còn ghi khẳng định như sau:

*"Antamano sakkaṃ devarājānaṃ upādāya koci amanussajātiyo sabbo imasmiṃ at the tiracchānagatoti veditabbo:* nên biết rằng tất cả những ai không thuộc sanh chủng nhân loại thì cho dù đó là vua trời Đế Thích cũng được gọi là Tiracchāna!"

Nói về tuổi thọ của loài rồng phải nói là bất định, có con sống lâu, có con yểu thọ. Và con rồng được xem như sống lâu nhất đó là Long Vương *Kāla* Long Vương này đã

sống từ thời Đức Phật *Kakusandha* cho tới thời Đức phật Thích Ca và sẽ tiếp tục sống cho đến thời Đức Phật *Metteyya.*

# BIỆT GIẢI VỀ LOÀI NHÂN ĐIỂU (KINNARA)

Nhân điểu là một giống súc sanh hạ đẳng nhưng rất giống người trên hình dáng chung chung. Bởi vì loài này có hai bàn tay như chân chim; bàn chân ngón chân như chim, cả cẳng chân cũng như người, còn miệng thì nhô hẳn ra như mõm ngựa môi của *Kinnara* xệ xuống tận cổ. Như trong *Veyyākaraṇakārikāṭīkā* ghi rằng:

*Gīvato paṭṭhāya yāvamukhā assamukhasaṇṭhāno gīvato paṭṭhāya yāvapādā pakkhi saṇṭhāno pañcasu ṭhānesu pakkhiyātiko.*

Ở *Bhallātiyajātakatthakathā* nói về loài nhân điểu như sau: giống này có hạn định tuổi thọ là một ngàn năm và điểm đặc biệt rất sợ nước *(Kinnarā nāma udakabhīrukā honti!)*

Có tất cả bảy loại nhân điểu

1. *Devakinnara*
2. *Candakinnara*
3. *Dumakinnara*
4. *Dandamaṇakinnara*
5. *Kontakinnara*
6. *Sakuṇkinnara*
7. *Kaṇṇapāvaraṇakinnara*

(không tìm thấy lời giải ND)

# BIỆT GIẢI VỀ SƯ TỬ

Trong *Aṅguttaratthakathā*(*manorathapūraṇī*-2/280) ghi rằng:

*Sīhoti cattāro sīhā tiṇasīho kāḷasīho paṇḍusīho kesarasīhoti* (có bốn giống sư tử là thảo sư, hắc sư, hoàng sư, mao đầu sư hay hồng sư)

- Giống *Tiṇsīha* có sắc lông màu đỏ như lông chim bồ câu[6] thân to bằng con bò con, chỉ ăn cỏ mà sống.
- Giống *Kāḷasīha* có sắc lông màu đen; cũng bằng bò con và cũng chỉ ăn cỏ
- Giống *Paṇḍusīha* có màu lông vàng như lá úa (lá sắp khô), cũng to như bò con và lại chuyên ăn thịt sống.
- Giống *Kesarasīla* rất lạ mà cũng rất đẹp mõm của chúng màu đỏ như son, cả bốn chân và đuôi cũng thế. Từ đầu chạy xuống lưng có ba đường lông đỏ mọc xoắn vào thành ba hình tròn ốc từ cổ lên đầu có một bờm lông dựng đứng cũng có màu đỏ như cải *Kampala*, phần còn lại trên thân thể thì màu trắng: giống như sư tử này cũng chuyên ăn thịt sống.
- Giống *Kesarasīha* chỉ sống tập trung tại rừng tuyết lãnh trong những hang động bằng vàng, bạc ngọc *maṇi*, kim cương, thân mình chúng đồ sộ như một con trâu. Còn ba giống sư tử kia thì có thể sống ở rừng Tuyết Lãnh hay ở các khu rừng già hoang vắng. Nói về tuổi thọ của các loài sư tử thì bất định 200 tuổi hoặc 300 tuổi không chừng mực. Sư tử được xem là chúa tể của các loài bàng sanh.

[6] Bồ câu nâu dưới ức có lông đỏ tía

# BIỆT GIẢI VỀ ĐẠI BÀNG GARUḌA

*Garuḍa* (kim xí điểu) là một loài chim khổng lồ, to lớn hơn bất cứ giống phi cầm nào khác. Chúng sống trong những cánh rừng gòn gai trên tầng, tầng một nằm dưới biển *Sīdantara*, chỗ ở của loài Long Thiên. Can Kim Xí Điểu chúa cao 150 do tuần, 2 cánh dang rộng ra, mỗi bên 50 do tuần, đuôi dài 60 do tuần cổ dài 30 do tuần, mỏ rộng 9 do tuần, chân dài 12 do tuần. Sức gió từ đôi cánh đang vỗ của Kim Xí Điểu chúa có thể tạo ra dông bảo, trong một phạm vi 700- 800 do tuần. Chúa Kim Xí Điểu thường bắt rồng đi ăn thịt. Trong *Saṃyuttatthakathā* nói về chúa đại bàng này như sau:

*Supaṇṇarājā diyaḍḍhayojanasatiko tassa dakkhina-pakkho paññāsayojaniko, hoti tathā vāmapakkho piñ-cavaṭṭhī saṭṭhiyojanikā gīvā timsayojanikā mukhaṃ navayojanaṃ pādā dvādasayojanikā tasmiṃ supaṇ-ṇavātaṃ kātuṃ āraddhe sattaṭṭhayojanasataṭṭhānaṃ nappahotīti!*

# BIỆT GIẢI VỀ VOI

Có tất cả mười giống voi:

1. *Kāḷavaka:* giống voi đen (thân hình màu đen)
2. *Gaṅgeyya:* giống voi Gaṅgā
3. *Paṇḍra:*giống voi hình trắng như bị chứng bạch tạng
4. *Tamba*: giống voi có thân hình màu đỏ
5. *Piṅgala:* giống voi có thân mình màu nâu
6. *Gandha*: giống voi có thân thể thật thơm
7. *Maṅgala*: giống voi *Maṅgala*
8. *Hema:* giống voi màu xám tro
9. *Uposatha*: giống voi có thân mình tạp sắc
10. *Chaddanta:* giống voi sống trong hồ *Chanddata* (ở tuyết sơn)

Nói về sức mạnh của mỗi giống voi thì được phân hạng thứ lớp như sau:

- 10 người tráng niên mạnh bằng một con voi *Kāḷavaka*
- 10 con voi *Kāḷavaka* mạnh bằng một con voi *Gaṅgeyya*
- 10 con voi *Paṇḍara* mạnh bằng một con voi *Tamha*
- 10 con voi *Tamha* mạnh bằng một con voi *Piṅgala*
- 10 con voi *Piṅgala* mạnh bằng một con voi *Gandha*
- 10 con voi *Gandha* mạnh bằng một con voi *Maṅgala*
- 10 con voi *Maṅgala* mạnh bằng một con voi *Hema*
- 10 con voi *Hema* mạnh bằng một con voi *Uposatha*
- 10 con voi *Uposatha* mạnh bằng một con voi *Chaddanta.*

Phần lớn các loài bàng sanh chỉ quanh quẩn trong ba nếp tư tưởng.

1. *Kāmasaññā*: nhục dục
2. *Gocarasaññā*: háu ăn
3. *Maraṇasaññā*: sợ chết

Còn những suy nghĩ về pháp[7] thì chỉ có đối với vị Bồ Tát mà thôi, các loài bàng sanh khác rất khó vươn tới trình độ tư duy này. Trong ba nếp tư tưởng hạ đẳng vừa kể, đối với các bàng sanh thường nổi bật nhất là sự tham sanh uý tử (ham sống sợ chết) bởi vì trong thế giới tạp loại của chúng, các loài mạnh luôn bức hiếp loài yếu, loài lớn luôn tìm cách sát phạt loài nhỏ. Trong từng giây phút một, chúng đối mặt với cái chết, với sự bạo hành của những kẻ mạnh hơn. Đã thế trong môi trường sinh tồn của các bàng sanh, luôn đầy dẫy những nguy cơ những đe doạ về vật thực, về chỗ ở những điều kiện khắc nghiệt bao giờ cũng bám sát để giày vò chúng.

Lại nữa, tuổi thọ của phần lớn các loài bàng sanh, cũng hết sức ngắn ngủi và mong manh.

Có những loài chỉ sống trong một tuần lễ, một tháng, một vài năm hoặc có khá hơn thì cũng chỉ một hai trăm năm, mà thường đó chỉ là những trường hợp hạn hữu. Do đó ta có thể nói mạng sống của các loài bàng sanh vì quá bấp bênh nên chúng bao giờ cũng bị nỗi sợ chết ám ảnh, dằn vặt.

---

[7] Dhammasaññā

# THẾ GIỚI NGẠ QUỶ (PETTIVISAYABHŪMI)

- *Sukhasamussayato pākaṭṭhaṃ entīti petā*
- *Petānaṃ samūho = petti*
- *Pettiyā visayo pettivisayo*

Ngạ quỷ là một loài hữu tình có đời sống kém may mắn, đối với chúng hầu như không có tí gì để gọi là hạnh phúc. Tiếng *Peta* (tạm dịch là ngạ quỷ) nếu đem phân tích theo ngữ pháp *pāli* thì như sau:

PA + I + TA (ở đây PA là tiếp đầu ngữ, I là ngữ căn, TA là tiếp vị ngữ) thường thì các ngạ quỷ. Sống thành từng quần đoàn tại khắp núi non, khe vực, biển cả hay rừng sâu. Cho nên khi gọi tên chúng người ta gọi chung. Cho cả quần đoàn bằng danh từ *Petti* như câu giải tự thứ hai trên đây đã nói, còn chỗ ở của các ngạ quỷ thì Ngài *Anuruddha*. Gọi là *Pettivisaya* (Ngạ quỷ lãnh địa).

Nói cho dễ hiểu, ngạ quỷ là những kẻ khuất mặt sống vất vưởng mà phần đông chúng ta gọi là ma đói cô hồn. Trong sanh chủng ngạ quỷ cũng có những giống hạ đẳng, cũng có những giống cao cấp. Chúng có thể biến hoá ra muôn hình vạn trạng như hiện hình thành người, thành thú hay hoá ra. Kỳ hình dị tướng cũng được. Nhưng bên cạnh đó, có những ngạ quỷ tương đối, kém uy lực hơn không thể tự tiện biến hoá như vậy được, có chăng thì cũng chỉ

có thể hiện nguyên hình cho người khác thấy rồi đổi thành màu vàng, xanh, trắng hay đen thế thôi.

Nói về hình phạt mà mỗi Ngạ Quỷ, phải chịu đựng, thì có con phải đói khát từ năm này sang tháng khác, có con thì phải ăn đồ dơ như đàm, dãi, phân, rác rến.

Riêng về các ngạ quỷ sống trên núi non (như ở núi *Gijjhakūṭa* chẳng hạn) thì chẳng những chịu đói khát mà còn phải bị nhiều đau đớn mãnh liệt khác tương đương với chúng sanh dưới địa ngục.

Trong hai bộ *Lokapaññattipakaraṇa* và *Chagatidīpanī* ghi rằng có mười hai giống ngạ quỷ.

1. *Vantāsapeta:* ngạ quỷ chuyên ăn đồ dơ như đờm dãi, nước miếng.
2. *Kuṇapāsapeta*: ngạ quỷ chuyên ăn xác chết
3. *Gūthakhādakapeta:* ngạ quỷ chỉ ăn phẩn
4. *Aggijālamukhapeta:* ngạ quỷ bị lửa đốt quanh miệng liên tục
5. *Sūcimukhapeta*: ngạ quỷ có miệng chu nhọn ra như mũi kim
6. *Taṇhaṭṭitapeta:* ngạ quỷ suốt đêm ngày bị mỗi thèm khát mỏi mòn hành hạ tức là luôn nghĩ tới miếng ăn, thức uống.
7. *Sunijjhāmakapeta*: ngạ quỷ đen thủi như cục than
8. *Satthaṅgapeta:* ngạ quỷ có móng tay móng chân dài và bén nhọn như vũ khí
9. *Pabbataṅgapeta:* ngạ quỷ có thân thể cao lớn như một hòn núi

10. *Ajagarapeta:* ngạ quỷ có thân thể dài ngoằn như con rắn

11. *Vemānikapeta:* ngạ quỷ này ngày khổ đêm sướng hay đêm khổ ngày sướng (khổ là bị đói khát, bị lửa đốt- sướng là sống như chư thiên, có cung điện và tiên nữ hầu hạ hẳn hoi)

12. *Mahiddhikapeta*: ngạ quỷ có nhiều thần thông.

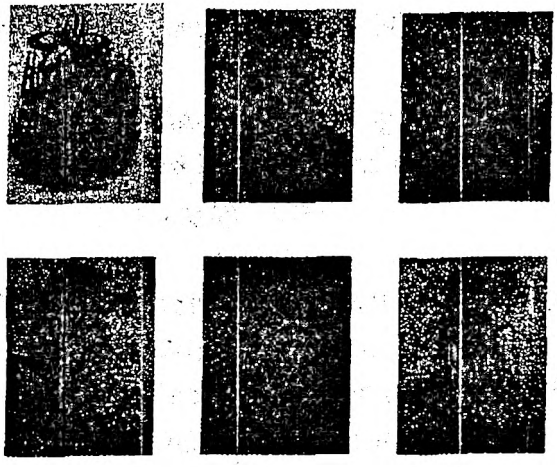

# CHÚ THÍCH VỀ TỪNG GIỐNG THEO CÁCH GIẢI TỰ

*1. Vantaṃ asati bhakkatīti vantaso!*
*2. Kuṇapaṃ asati bhakkhatīti kuṇapāso!*
*3. Gūthaṃ khādatīti gūthakhādako!*
*4. Aggijālā mukhato etassāti agijālamukho!*
*5. Sīcupamānaṃ mukhaṃ etassāti sucimukho!*
*6. Taṇhāya attito pīḷitoti taṇhaṭṭito!*
*7. Saṭṭhi nissena jhāmo sunijjhāmo- sunijjhāmo viya = sunijjhāmako!*
*8. Satthasadisaṃ aṅgaṃ etassāti satthaṅgo!*
*9. Pabbatappamāṇo aṅgo etassāti pabbataṅgo!*
*10. Ajegasadeso aṅgo etassati ajagaraṅgo!*
*11. Vimāne nibbattoti vemāniko!*
*12. Mahatiyā eddhiyā samannāgatoti mahiddhiko!*

Trên núi Tuyết sơn có một khu rừng mang tên *Vijjhaṭavī*. Đây là thành phố của 12 loại ngạ quỷ vừa kể. Loài ngạ quỷ *Mahiddha* được xem là chúa tể của các ngạ quỷ. Điều này trong *Lokapaññattipakaraṇa* có nói đến: *Yattha petanagare petamahiddhiko sabbapetānaṃ issoriyādhipaccaṃ karoti!*

Theo *ṭīkā* và *atthakathā* của *Petavatthu* thì tất cả các ngạ quỷ được gom chung vào 4 loài sau đây:

1. *Paradattupajiikapet*: giống ngạ quỷ sống bằng thực phẩm của người khác

2. *Khuppipāsikapeta*: giống ngạ quỷ luôn luôn đói khát
3. *Nijjhāmataṇhikapeta*: giống ngạ quỷ thường xuyên bị lửa đốt
4. *Kālakañcikapeta*: một loài A-Tu-La khổ như ngạ quỷ.

Giống ngạ quỷ *kālakañcika* này có chiều cao 3 gāvata (3/4 do tuần) nhưng rất yếu ớt, gầy ốm màu da như là khô, con mắt lòi hẳn ra ngoài, như mắt cua, miệng thì nhỏ xíu như lỗ trôn kim nằm giữa đầu, trong *Pātheyyavaggatthakathā* đã ghi như vậy.

Sau đây là giải tự về bốn loài ngạ quỷ vừa kể

- *Parehi dattaṃ upanissāya jīvatīti paradattupajī viko!*
- *Khudā ca pipāsā ca = khuppipāsā*
- *Khuppipāsāhi pīḷito = khuppipāsiko*
- *Nijjhāmena taṇhā etassāti nijjhānataṇhito*

Trong *kālakañcikā* là tên một loài A-Tu-La nên ở đây không có lời giải tự riêng.

Trong *Pātheyyavaggatthakathā* chỉ ghi rằng: *kālakañcikāti tesaṃ asurānaṃ nāmaṃ!*

Theo *Apādana- atthakathā suttanipātatthaka-thā vā Buddhavaṃsa- atthakāthā* thì kể từ khi đã được một Đức Phật thọ ký, vị Bồ Tát không bao giờ sanh vào ba loài ngạ quỷ *kuppipāsikapeta, Nijjhāmatataṇhikhikapeta vā kālakañcikapeta.* Đồng thời từ khi được thọ ký xong, vị Bồ Tát không bao giờ sanh vào các dân tộc mọi rợ bán khai, không bao giờ sanh làm ác ma thiên tử, hay phạm thiên vô tưởng, phạm thiên tịnh cư, phạm thiên cõi vô sắc, nữ nhân; không bao giờ sanh sang vũ trụ *(Cakkavāda)*

khác; không bao giờ sanh làm người câm, mù, điếc, bẩm sinh; không bao giờ bị thay đổi giới tính không bao giờ tạo ngũ nghịch đại tội, không bao giờ sanh vào địa ngục không gian *(Lokantarikaniraya)* hay địa ngục A-tỳ, không bao giờ sanh làm loài động vật nào nhỏ hơn chim sẽ hoặc hơn con voi; không bao giờ chứng ngộ thánh quả (thinh văn hay độc giác) và cũng không bao giờ sinh vào dòng nô lệ.

Ngoài ra những loại ngạ quỷ được kể, còn có rất nhiều loài ngạ quỷ khác mà ở đây không thể kể hết được như loài ngạ quỷ *Sūcilomap* (có lông như kim) *kharalomap* (có lông lá thô cứng) hay *Dīghanakhapeta* (có móng tay móng chân thật dài).....

Trong tạng luật và *Saṃyuttanikāya (lakkhaṇasaṃyutta)* có kể tới 21 loại ngạ quỷ như sau:

1. *Aṭṭhisaṅkhalikapeta*: loài ngạ quỷ có hình dáng như bộ xương.
2. *Maṃsapesipeta:* loài ngạ quỷ có hình dáng như một khối thịt không có xương
3. *Maṃsapiṇḍapeta*: loài ngạ quỷ có hình dáng như một cục thịt
4. *Niccavipparisapeta*: loài ngạ quỷ hoàn toàn không có lớp da bao phủ ngoài
5. *Asilomapeta*: loài ngạ quỷ có lông bén nhọn như những lưỡi kiếm
6. *Sattilomapeta:* loài ngạ quỷ có lông là lưỡi câu
7. *Usulomapeta*: loài ngạ quỷ có lông dài và nhọn như mũi tên

8. *Sūcilomapeta;* 9- *Dutiyasūcilomapeta*: cả hai đều là những loài ngạ quỷ có lông nhọn như kim (những điểm khác nhau giữa hai loài thì không thấy nói tới)

*10. Kumbhaṇḍapeta:* loài ngạ quỷ có hòn ngoại thận thật lớn.

**11.** *Gūthapanimuggapeta*:loài ngạ quỷ lặn hụp trong hầm phẩn

**12.** *Gūthakhādakapeta*: loài ngạ quỷ ăn phẩn

**13.** *Nicchavitakapeta*: loài nữ ngạ quỷ không có da

**14.** *Duggandhapeta*: loài ngạ quỷ có mùi hôi thối

**15.** *Ogilinīpeta* loài ngạ quỷ có thân hình là than hừng

**16.** *Sīsapeta:* loài ngạ quỷ không có đầu

**17.** *Bhikkhupeta:* loài ngạ quỷ có tăng tướng như một vị tỳ kheo

**18.** *Bhikkhunīpeta:* loài ngạ quỷ có tăng tướng như một tỳ kheo ni

**19.** *Sikkhamānapeta*: loài ngạ quỷ mang thân tướng một học nữ

**20.** *Sāmaṇerapeta:* loài ngạ quỷ mang thân tướng một sa di

**21.** *Sāmaṇarīpeta:* loài ngạ quỷ mang thân tướng một sa di ni.

# MỘT ÍT GIAI THOẠI VỀ CÁC NGẠ QUỶ

Thuở bậc Đạo sư còn tại thế, lần nọ trên bờ sông *Gaṅgā* có một con ngạ quỷ thuộc loài *Kālakañcika* đứng nhìn xuống dòng nước như thèm (khát) thuồng mà không sao uống được, cho dù sông *Gaṅgā* này rộng một do tuần, sâu một do tuần và đang lúc nước đầy. Rồi có 30 vị Tỳ Kheo đi khất thực ngang qua đó nhìn thấy con ngạ quỷ đó đang đứng đưa mắt xuống dòng nước thì bèn hỏi nó xem nó đang tìm cái gì ở dưới, nó buồn bã thưa rằng mình đang khát nước. Các vị Tỳ Kheo lấy làm lạ hỏi thêm.

- Nước sông đầy tràn như vậy mà ngươi không thấy à?
- Thưa, con chỉ nghe tiếng nước chảy mà chẳng thấy nước đâu cả. Từ khuya đến giờ con cứ đứng đây để nghe nước trôi thôi.

Động lòng trắc ẩn, 30 vị Tỳ kheo bảo con ngạ quỷ nằm xuống đó rồi cùng nhau lấy bát múc nước đổ vào miệng cho nó uống, nhưng đáng thương thay số nước lọt vào miệng nó chỉ có chút ít bởi vì miệng nó nhỏ như lỗ kim trong khi thân thể của loài ngạ quỷ cao đến 3 *gāvuta* (3/4 do tuần) lượng nước ít oi đó có thấm vào đâu so với thân hình đồ sộ như vậy, thế là con ngạ quỷ vẫn tiếp tục bị nỗi khát nước hành hạ mỏi mòn.

- Câu chuyện trên được ghi lại trong bộ chú giải *Samohavinodanī.*

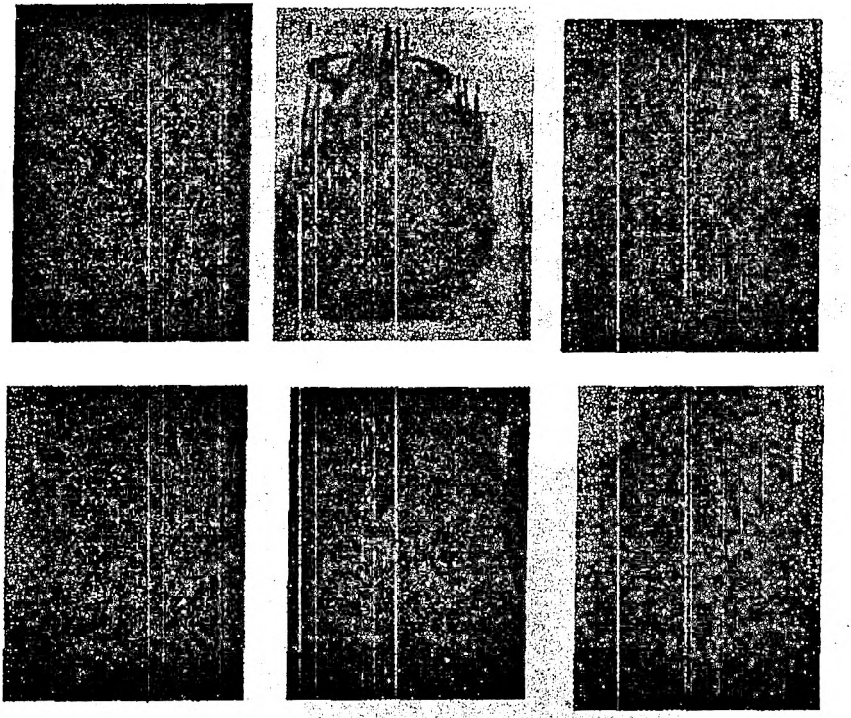

# CHUYỆN NGẠ QUỶ ĐẦU HEO

Lần nọ trưởng lão *Nārada,* trông thấy một con ngạ quỷ mình người đầu heo, màu da trên thân thể nó lại chói rực như vàng ròng. Gặp ngài, con ngạ quỷ đã kể lại tiền nghiệp của mình như sau:

Vào thời kỳ giáo pháp của Đức Phật *Kassapa,* nó là một vị Tỳ kheo ăn nói cẩu thả không cẩn trọng nên sau khi chết đã bị sanh địa ngục một thời gian rồi trở lên làm ngạ quỷ cho đến nay, nhờ kiếp xưa có tu tập những học giới liên hệ thân nghiệp nên bây giờ mới có màu da xinh đẹp như thế (trích *Petavatthu)*

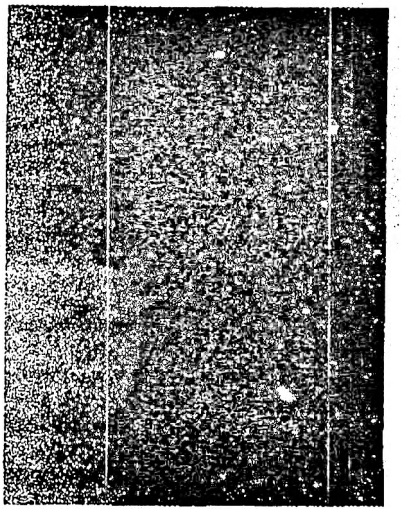

# CHUYỆN NGẠ QUỶ VEMĀNIKA

Lúc Đức Phật còn tại tiền, ở *Sāvatthī* và *Pātaliputta* có hai nhóm lái buôn đường dài thường xuyên vượt biển sang *Suvaṇṇabhūmi* (vùng đất phía nam Miến Điện bây giờ) để buôn bán. Lần nọ, trong một chuyến đi như thế, tàu của bọn họ đi được giữa đường thì có một người trong nhóm bị bệnh nặng rồi chết luôn trên tàu. Trước giờ lâm chung, do quá nhớ thương đến cô vợ ở nhà nên người lái buôn bất hạnh đó đã tái sanh làm một ngạ quỷ thuộc loài *Vemānika* sống ngay tại vùng biển đó. Sở dĩ ông ta không sanh vào các loài ngạ quỷ khác là vì bình sinh ông cũng biết tạo trữ ít nhiều công đức, với số công đức ông có thể sanh lên thiên giới nếu tâm không bị dính mắc vào người vợ. Điều này đã được ghi lại trong *Petavatthu:*

*So katakusalo devalokaṃ anuppajjitvā itthiyā paṭibandhacittatāya pana samuddamajjhe vimānapeto hutvā nibbatti!*

# CHUYỆN VỀ MỘT NỮ NGẠ QUỶ

Tại thành *Kosambī* có một người tên *Uttara*, chàng rất thường kính Trưởng lão *Mahākaccāyana* nên đã làm tịnh thất dâng đến Ngài và cúng dường vật thực mỗi bữa. Mẹ của thanh niên *Uttara* là một người bón rít, bà không hoan hỷ. Trong công đức của con trai mình, có lần bà đã nặng lời chửi rủa khi *Uttara* đem vật thực cúng dường Ngài *Mahākaccāyana*: "chứ phải mấy đồ ăn đó thành máu mủ hết cả thì hay biết mấy!" Do ác nghiệp đó, khi chết rồi mẹ của thanh niên *Uttara* bị sanh làm ngạ quỷ sống vất vưởng đây đó. Nhờ có lần nọ lúc còn làm người, bà đã hoan hỷ trong việc con trai đi lấy đuôi chim công về trang hoàng tịnh thất của Ngài *Māhākaccāyana* nên nay dù bị sanh làm ngạ quỷ, bà cũng có được một mái tóc ống ả đen tuyền. kể từ lúc sinh làm ngạ quỷ bà luôn luôn bị khát nước, và mỗi lần gặp được nước thì nước lập tức biến thành máu. Ngày nọ, bà gặp Trưởng lão *Kaṅkhāreva*, đi khất thực ngang bèn chạy đến xin Ngài cho nước uống, dù lúc đó bà đang đứng bên bờ sông Trưởng lão *Kaṅkhārevata* ngạc nhiên:

- Cả một dòng nước thế kia sao nàng không uống đi mà lại hỏi xin ta làm gì?

- Thưa Ngài! Con chỉ thấy dưới đó toàn những máu chớ có giọt nước nào đâu ạ,

Lấy làm lạ, Trưởng lão *kaṅkhārevata* bèn hỏi:

- Kiếp trước nàng đã làm ác nghiệp gì mà nay phải chịu khổ ác nghiệt đến thế?

Bà mẹ của thanh niên *Uttara* bèn kể lại câu rủa độc của mình trong đời trước rồi tiếp tục năn ni Trưởng lão cho nước uống. Ngài Trưởng lão nhận lời nhưng rồi lại suy nghĩ: "Với ác nghiệp đó nàng ta không thể uống nước ngay bây giờ được mà phải nhờ đến phước báu hồi hướng". Do đó, sau buổi khất thực trở về, Trưởng lão *Kaṅkhārevata* đem thức ăn và nước uống dâng đến chư tăng rồi rót nước chú nguyện phước báu đến nữ ngạ quỷ đã gặp ban sáng. Nói về bà mẹ của *Uttara*. Sau khi tuỳ hỷ với phước báu ấy xong, đã lập tức sanh lên cõi Tứ Thiên Vương có đầy đủ mọi thiên lạc.

Sau đó bà có bay xuống cho Trưởng lão *kaṅkhārevata* biết là mình đã thoát kiếp ngạ quỷ. *(tích Petavatthu-atthakathā).*

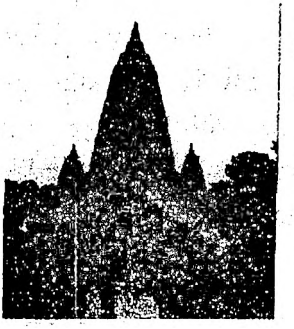

# CHUYỆN NGẠ QUỶ GIỮ CỦA

Ở *Sāvatthī* có một người con gái làm nghề buôn bán, nàng thường cùng bạn bè tổ chức những chuyến đi hàng từ xứ này qua xứ khác lần nọ, sau một chuyến đi như thế, nàng kiếm được một món lãi 500 đồng vàng. Trên đường về nhà cùng các bạn gái của mình, nàng đã gặp một toán cướp mang theo cả tiền bạc tư trang. Còn riêng người con gái ấy thì lại lấy tiền bạc của mình vất vào một bụi rậm rồi nấp vào một chỗ gần đấy.

Nói về toán cướp nọ thấy các cô gái bỏ chạy tứ tán như thế yên chí rằng thế nào họ cũng vất bỏ tiền bạc của cải lại, nên cả bọn hè nhau đi lục lạo tìm kiếm khắp chỗ ấy, tình cờ phát hiện ra người con gái đang nấp trong bụi, liền lôi nàng ra tra hỏi chỗ vất tiền bạc vì tự nãy giờ chúng chưa tìm thấy cái gì. Người con gái khăng khăng không chịu nói. Thế là cả toán cướp xông vào đánh đập nàng đến chết mới thôi.

Sau khi chết tức tủi như vậy, vì lòng còn luyến tiếc của cải nên người con gái ấy đã sanh làm một ngạ quỷ sống bên cạnh chỗ mình vất tiền bạc bữa trước. Như trong *Petavatthu-atthakathā* có ghi: *Sādhanalobhena tattheva petā hutvā nibbatti.*

# CHUYỆN 84 NGÀN NGẠ QUỶ CỘNG SANH

Cách đây 92 kiếp trái đất có một Đức Phật hồng danh *Phussa* ra đời trên thế gian, chư thánh thinh văn của ngài rất đông đảo. Lúc đó có 3 vị hoàng tử rất ngoan đạo đã cùng nhau bỏ tiền bạc ra nhờ người nấu nướng vật thực cúng dường đến Đức Phật và chư tăng trong cả ba tháng hạ.

Được biết rằng số đầu bếp mà cả ba hoàng tử ấy giao trách nhiệm nấu ăn đông đến 84 ngàn người. Những ngày đầu thì họ còn làm việc nghiêm chỉnh đến thời gian sau đó, cả bọn đã tự nhiên ăn uống những thực phẩm mà lẽ ra phải dâng đến Đức Phật và Chư Tăng trước. Do trọng nghiệp ấy, suốt 90 đại kiếp sau đó, không rõ họ đã sanh làm loài gì điều này không được nói tới trong kinh sách, chỉ biết rằng, ngay kiếp địa cầu này kể từ đời Đức Phật *Kakusandha* đến đời Đức Phật Thích Ca, cả 84 ngàn người ấy đã sanh làm một quần đoàn ngạ quỷ bị đói khát liên tục. Một hôm cả bọn dẫn nhau, đến hầu Đức Thế Tôn, và thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con bị đói khát đã lâu cách nay đã 3 đời Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, đến Ngài vị thứ tư. Chúng con đã từng đã hỏi ba vị Phật quá khứ là bao giờ thóat kiếp ngạ quỷ, vị nào cũng bảo hãy đợi vị

Phật sau mà hỏi. Nay kính mong Thế Tôn hãy từ bi đến chúng con.

Đức Thế Tôn liền cho các ngạ quỷ ấy biết rằng người duy nhất có thể cứu ho là vua *Bimbisāra* khi nào vua tạo công đức rồi hồi hướng cho thì khi đó cả bọn sẽ thoát kiếp ngạ quỷ. Nói về vua *Bimbisāra*, tuy ngài có tạo rất nhiều phước báu nhưng chỉ hồi hướng chung chung đến tất cả chúng sanh, chớ không tác ý hướng tâm đến các quyến thuộc đã quá vãng cho nên 84 ngàn ngạ quỷ ấy không thể nhận lãnh phước báu hồi hướng hời hợt ấy được.

Sau khi nghe bậc Đạo sư dạy rõ ràng, cả bọn ngạ quỷ đã kéo nhau đến hiện hình trong hoàng cung của vua *Bimbisāra* rồi cất tiếng khóc than bi thiết. Trước hiện tượng khủng khiếp đó, vua *Bimbisāra* vô cùng kinh sợ.

Sáng hôm sau, vua vội vào hầu Đức Phật và kể lại sự kiện ấy. Sau khi nghe bậc Đạo sư giải thích vua liền tổ chức trai đàn cúng dường hồi hướng cho 84 ngàn ngạ quỷ vốn là quyến thuộc quá khứ của mình. Nhờ vậy, cả bọn ngạ quỷ được tái sanh lên cõi Tứ Thiên Vương.

# NHỮNG CHÚNG SANH CÓ THỂ VÀ KHÔNG THỂ NHẬN PHƯỚC HỒI HƯỚNG

Trong tất cả các loài ngạ quỷ chỉ có duy nhất một loài *Paradattupajīvika* là có thể nhận lãnh được phước hồi hướng mà thôi còn các loài ngạ quỷ kia, thì không thể nhận được, bởi vì trú xứ của chúng quá cách biệt với xã hội loài người. Riêng về giống ngạ quỷ *Paradattupajīvika* thì thường sống vất vưởng theo xóm làng, những chỗ có dân cư sinh sống, chúng có thể hiện ra cho mọi người thấy được, nên người ta thường gọi chúng là ma đói, cô hồn.... hay nói cách khác, những ngạ quỷ xuất hiện trong chỗ có người ở chính là giống *Paradattupajīvika* vậy. Bởi vì những người nào chết bằng tâm quyến luyến gia đình thì nếu có sanh làm Ngạ Quỷ *Paradattupajīvika* cũng chỉ sống lảng vảng, vất vưởng quanh xóm làng cũ của mình ngày nào. Điều cần nhớ là các ngạ quỷ *Paradattupajīvika* chỉ có thể nhận được phước báu khi chúng hay biết rằng có người hồi hướng cho mình, nếu không hay biết gì thì cũng không nhận được, vì muốn nhận được phước báu phải biết tuỳ hỷ phước báu, nếu không biết người hồi hướng cho thì làm sao có thể tuỳ hỷ được. Như vậy đây cũng là vấn đề bất định.

Đối với những chúng sanh sau đây: Chư Thiên, Phạm Thiên, bàng sanh, chúng sanh ở địa ngục các loài ngạ quỷ còn lại đều không thể nhận được phước báu của người khác hồi hướng. Đến cả Chư Thiên và Phạm Thiên dầu có biết rằng các quyến thuộc đang hồi hướng đến mình họ cũng chẳng nhận được tí gì gọi là cụ thể. Tuy nhiên không phải vì vậy mà phước báu của người hồi hướng bị thất thoát đâu. Công đức tạo trữ bằng thiện sự của người nào thì người ấy sẽ được thu gặt hạnh phúc từ những thiện sự ấy. Những ai muốn làm để hồi hướng đến các quyến thuộc đã quá vãng nên biết rằng trước hết phải giữ giới cho trong sạch để nhờ vậy tâm tư được lắng yên, không nên làm phước bằng một nội tâm bị trói buộc, ta phải biết tự tạo cho mình một nội tâm phóng khoáng, không câu thúc hệ luỵ trong lúc tạo phước. Nhờ vậy công đức thu gặt được sẽ nhiều hơn, viên mãn hơn. Nhưng bằng cách nào ta có được một nội tâm thoải mái như vậy? Các ngài dạy rằng tín gia phải biết dọn lòng mình bằng những đề tài suy niệm về tam tướng về sự chết và về sự bất tịnh (bất tịnh quán). Ta nên nhớ, công đức được tạo mạnh mẽ bao nhiêu, thì người được hồi hướng cũng sẽ nhận được bấy nhiêu phước báu, nếu họ biết tuỳ hỷ.

Khi ta làm phước bằng một thiện tâm yếu ớt, hời hợt hay bị trói buộc với nhỏ nhen thì phước báu thu gặt được sẽ kém đi và người được hồi hướng cũng (sẽ) chỉ nhận lãnh chút ít công đức. Mà một phước lực yếu ớt thì không thể nào lấn lướt được một ác nghiệp mạnh hơn. Trong khi

hầu hết tất cả chúng sanh đều có khuynh hướng bất thiện nhiều hơn khuynh hướng thiện.

Một điều quan trọng nữa là những thân quyến bè bạn từ quá khứ xa xưa của người làm phước đều có thể nhận lãnh phước báu tương đương với các thân quyến, bè bạn ngay trong đời hiện tại của họ nếu họ có tác ý hồi hướng đến những người ấy.

Nói về tuổi thọ của các loài ngạ quỷ thì bất định, tuỳ theo ác nghiệp nặng nhẹ của mỗi cá nhân mà tuổi thọ dài hay ngắn.

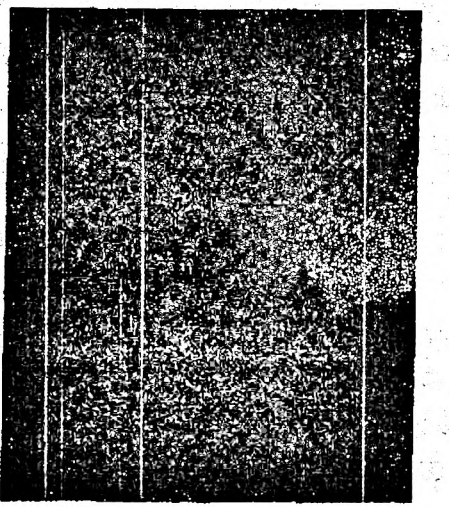

# THẾ GIỚI A-TU-LA (ASURABHŪMI)

*Nasuranti issarigakīḷādīhi na dibbantī ti asurā. Anurānaṃ kāyo: Asurakāyo.*

"A-tu-La là một hạng hoá sanh không được "chói sáng", không có một đời sống huy hoàng đầy lạc thú như chư thiên". Động từ *Surati* ở đây không có nghĩa là "thể hiện nếp sống huy hoàng" Giống như một tù nhân bị nhốt trong lao xá, mọi cái ăn mặc đều bị hạn chế, thiếu thốn không được sung sướng thoải mái như bao người khác ở bên ngoài, những người được tự do se sua chưng diện. Thật ra câu giải tự trên đây chỉ đúng đối với loài A-Tu-La mà thôi, bởi loài này cũng bị xếp vào một loại ngạ quỷ bất hạnh nhất, không có trú xứ cố định. Chúng sống cuộc đời vất vưởng, rầy đây mai đó theo các núi rừng, khe bãi...., cho nên Ngài *Anuruddha* bảo rằng hợp từ *Kālakañ-cikapetāsura*. Muốn biết thêm loài này hãy xem lại phần biệt giải ngạ quỷ. Nói chung thì dù có được phân thành mấy loại, giống A-tu-la này bao giờ cũng chịu đựng chung ấy nỗi đau khổ mà thôi, có khác chăng chỉ là một vài nét dị biệt không đáng kể. A-tu-la được phân ra nhiều loài.

1. *Deva-asura* a-tu-la thiên
2. *Petti- asura* a-tu-la ngạ quỷ
3. *Niraya- asura* a-tu-la ở địa ngục

A-tu-la gồm có 6 nhóm.

a- *Vepacitti – asura*
*b- Subali- asura*
*c- Rāhu- asura*
*d- Pahāra- asura*
*e- Sambaratī- asura*
f- *Vinipātika- asura*

Năm nhóm đầu được gọi là A-tu-la vì họ là những người chống đối chư thiên cõi Đạo Lợi chớ kỳ thật họ cũng là những vị trời. thậm chí trú xứ của năm nhóm này tuy nằm phía dưới núi Tu Di nhưng họ vẫn được gọi là chư thiên Đạo Lợi thiên giới. Riêng về nhóm A-tu-la đoạ lạc *(Vinipātika)* thì gồm có nhiều phe cánh nữa như: *Piyaṅkaramātā, uttaramātā, phussamittā, dhammaguttā....*

Các A-tu-la đoạ được gọi là *Asura* vì chúng có thân tướng bé nhỏ hơn chư thiên cõi Đạo Lợi, kể cả phương diệnthần lực cũng kém sút hơn. Chỗ ở của cánh A-tu-la này không cố định hẳn hoi nên chúng sống phiêu bạt khắp các núi rừng, cây cối trong cõi người- nói rõ hơn, các A-tu-la đoạ lạc này được xem là tuỳ chứng của Địa Cư Chư Thiên *(bhummaṭ-ṭhadeva),* kể theo sanh chủng thì A-tu-la đoạ lạc được xếp vào hàng thiên chúng Tứ Đại Thiên Vương.

A-tu-la ngạ quỷ: loài này được phân ra ba nhóm.

1. *Kālakañcikapeta-asura* Câu giải tự đầu tiên trong phần giải về A-tu-la giới này là chỉ cho *Kālakañcika-asura.* Như trong *Jinālaṅkāraṭikā* cũng xác nhận: *Asurakāyoti yasmā asurā nāma kālakañcikapetā tasmā te petesu paviṭṭhā!"*

2. *Vemānikapeta – asura*: loài ngạ quỷ ngày khổ đêm vui cũng được kể vào sanh chủng A-tu-la, vì hạnh phúc mà loài này được thụ hưởng hàng đêm chẳng khác gì với hạnh phúc trên Đạo Lợi dựa vào điểm này, các Ngài gọi chúng là *Asura*!

3. *Āvudhikapeta – asura*: loài A-tu-la này lúc nào cũng trang bị đủ các thứ vũ khí trên người để chiến đấu; xung sát với nhau, không như Chư Thiên trên Đạo Lợi chỉ biết hài hoà, với nhau. Vì vậy chúng được gọi là *Asura*.

(Tiếng *Asura* được định nghĩa bằng nhiều câu giải tự, mỗi câu ám chỉ cho một loài A-tu-la khác nhau).

A-tu-la địa ngục

Ở đây chỉ cho các chúng sanh trong trong địa ngục không gian *(Lokaṇtarika)*, bởi thay vì Chư Thiên. Đạo Lợi thì lúc nào cũng hưởng thụ lạc thú hạnh phúc thì tại địa ngục này lúc nào cũng chỉ chịu đựng cảnh đau đớn khổ sở. Địa ngục này sở dĩ mang tên như vậy vì đó là một khoảng không nằm giữa giới tuyến của ba vũ trụ *(Cakkavāḷa)*. Như khi ta lấy ba cái ly đặt chụm vào nhau thì ở giữa ba cái ly ấy lúc nào cũng là khoảng trống. Trường hợp này cũng thế, chỗ giáp nhau của ba vũ trụ, là một khoảng không gian bao la. Chúng ở đây là địa ngục không gian vậy. Địa ngục không gian luôn tối tăm mù mịt, trong đó có một vùng nước thật lạnh lẽo, chúng sanh tội nhân bị rơi xuống đó rồi thì lập tức bị tan ra như cục muối hoà tan trong nước vậy. Chúng sanh ở địa ngục không gian thường xuyên bị đói khát suốt năm này sang tháng khác và sự hoạt động của họ cũng rất lạ, luôn luôn đi chổng ngược đầu như

con dơi đang đu trên cây, hay bám trên tường. Các chúng sanh này cứ bám theo bức vách của vũ trụ mà đi, bởi được nghe rằng bên ngoài mỗi vũ trụ đều có một bức tường sắt bao bọc chung quanh nên các chúng sanh ở địa ngục không gian cứ bám theo bức vách của ba vũ trụ mà đi lần hồi, từ chỗ này đến chỗ khác. Vì quá đói khát nên mỗi khi mò đụng nhau, mỗi người đều nghĩ đối tượng trước mặt là vật thực có thể ăn được nên xông vào cấu xé, thế rồi cả hai, rơi tũm xuống vùng nước cực lạnh phía dưới. Như đã nói, ở địa ngục không gian rất tối tăm nên chúng sanh tại đây, không ai thấy ai, do đó mỗi lần sờ đụng vào nhau là lại xảy ra sự việc khủng khiếp đó.

Nói tóm lại, theo như *Buddhavaṃsatthakathā* giải thích thì sở dĩ chúng sanh ở địa ngục không gian được gọi là *Asura* vì điều kiện sinh tồn ở đây hoàn toàn trái ngược với môi trường sống trên cõi Đạo Lợi.

Nói cho cùng thì A-tu-la chính là một dạng ngạ quỷ nhưng lại là một loại ngạ quỷ khá dị biệt so với các loài ngạ quỷ khác trên một số điểm nên chúng được gọi riêng là *Asura –kāya* (A-tu-la bộ chúng) chỉ thế thôi. Điều này cũng đã được nói đến trong *Dasuttarasutta- aṭṭhakathā và saṃyuttanikāya: "Pet-tivisayeneva asurakāyo gahīto!"*

# GIAI THOẠI VỀ ĐẠO LỢI THIÊN VÀ A-TU-LA THIÊN

Ngày xưa vào thời kỳ sơ kiếp, các A-tu-la thiên và chư thiên Đạo Lợi cùng sống chung nhau trên núi Tu Di. Một hôm vua trời tổ chức một buổi uống rượu cùng thiên chúng của mình, trong đó có cả năm nhóm A-tu-la thiên, tại tiệc rượu chỉ có bọn họ là uống nhiều nhất và vì say quá nên cả bọn nằm lăn ra đó bất tỉnh. Vua trời cảm thấy bất bình trước thái độ vô lễ ấy nên đã cùng các vị trời tuỳ tùng của mình bắt cả năm nhóm A-tu-la thiên quăng xuống đáy núi Tu Di. Nhờ các A-tu-la này có nhiều uy lực nên tại chân núi đã mọc lên một thành tráng lệ chẳng kém gì thiên cung Đạo Lợi, khi đã tỉnh rượu, các A-tu-la hoàn toàn không hay biết rằng mình đã bị ném xuống đáy núi vì mọi thứ ở đây, từ đền đài đến vườn tược cây cối đều giống như trên Đạo Lợi. Thế là cả bọn vẫn vô tư sống ở đáy núi Tu Di mà không hề thắc mắc gì.

Nhưng các A-tu-la đã sơ ý một điều là trong hai thành phố giống nhau ấy, (một của chư thiên Đạo Lợi và một của A-tu-la) tuy không khác nhau điểm gì kể cả tên gọi, thành phố nào cũng mang tên là thành phố Hoà Bình *(Ayujjhapuranagara)* nhưng hai cội linh thọ của hai thành phố thì lại khác nhau. Cây trên Đạo Lợi là cây *Paricchahaka* (hoa tán lộng), còn cây dưới thành phố A-

tu-la là cây *Pāṭali* hình dáng và chiều cao lớn của hai cây giống nhau, còn hoa thì lại khác nhau. Vì thế đến mùa hoa nở, các A-tu-la phát hiện ra chỗ mình đang ở không phải là Đạo Lợi, nên hùng hổ kéo nhau lên Đạo Lợi đánh với vua trời Đế Thích để trả lời việc Ngài ném họ xuống chân núi Tu Di và đồng thời cũng để chiếm lại Đạo Lợi thiên giới, chỗ mà lúc bấy giờ các thiên chúng vẫn gọi là kinh thành Hoà Bình. Nhưng cuộc chiến không đi đến đâu, bởi vì đôi bên đều là những chúng sanh hữu phước, có khi thì bên này thắng trận, có lúc bên kia nắm thế thượng phong, nên kể từ đó giữa Chư Thiên và A-tu-la thường xuyên xảy ra những cuộc đánh nhau dữ dội, để rồi ai về nhà nấy, Chư Thiên ở lại Đạo Lợi, còn A-tu-la thì lui, xuống đáy núi tu Di. Đáy núi ở đây chính là chỗ tận cùng của chân núi Tu Di. Núi Tu Di có năm bậc, mỗi bậc là một nền đất ôm quanh núi cho nên nhìn vào rất giống như năm nấc thang. Kỳ thật, tầng thấp nhất tức là phần chân núi nằm trên biển chính là lãnh địa của loài rồng *(nāga)*.Tầng thứ hai là lãnh địa của loài Kim Xí Điểu. Tầng thứ ba là lãnh địa của loài Cưu Bàn Trà *(Kumbhaṇḍa)*, tầng thứ tư là lãnh địa của loài dạ xoa, tầng thứ năm là cõi Tứ Đại Thiên Vương. Như vậy mỗi lần dẫn quân lên Đạo Lợi, đội binh A-tu-la phải vượt qua năm hàng phòng vệ này: và mỗi bận như thế, các loài Rồng, Kim Xí Điểu, Cưu Bàn Trà, Dạ Xoa, Chư Thiên, Tứ Thiên Vương, đều huy động lực lượng của mình đi chận đầu đội binh A-tu-la nhưng thường bị đánh bạt và phải chạy tứ tán vì các A-tu-la rất mạnh về mặt uy lực.

Điều đặc biệt là trên chiến trường của các loài hoá sanh không bao giờ có tình trạng tử vong hay thương tích như ở cõi người. Quân lực của Chư Thiên và binh A-tu-la chỉ giống như những kính nộm, những hình nộm đó xông vào nhau để đo sức, bên nào bị lung lay, hay rối loạn đội hình trước thì kể như thua và bỏ chạy ngay, lui về trú xứ cuả mình mà đóng cửa lại cố thủ. Tương truyền rằng thành của Chư Thiên Đạo Lợi hay của A-tu-la đều có bốn cửa, phe thắng trận rượt đối phương đến cửa thành thôi, rồi rút về chớ không thể phá cửa vào trong được. Chính vì thế, thành phố của hai bên đều mang tên. *Ayujjhapuranagara* (kinh đô Hoà Bình, hay kinh thành Hưu chiến) thành phố mà không một sự tấn công nào từ bên ngoài có thể chọc thủng.

Những tài liệu nói rõ về việc đánh nhau giữa phe Chư Thiên Đạo Lợi và A-tu-la *sāratthadīpanīṭikā* và *Naraṅgreyyaratthakathā*, ngay cả trong *Mahāvaggasaṃyutta (saṃyutanikāya)* cũng có kể lại trận đánh nhau giữa cõi Đạo Lợi và A-tu-la trong thời Đức Phật còn tại tiền như sau:

Một hôm nọ, tại *Majjhimapadesa*, có một người đàn ông đến ngồi tại bờ hồ sen *Sumāgadha*, để suy nghĩ những vấn đề vớ vẩn như: mặt trăng, mặt trời, đại dương, rừng núi, tinh tú do ai tạo ra, có từ khi nào?... thì bất chợt trông thấy một đoàn quân nhỏ bé, đủ cả bốn binh chủng, dẫn nhau chui vào một cái hoa sen trong hồ. Nhìn họ có vẻ như hối hả lắm, như đang cố trốn chạy một sự rượt đuổi nào đó.

Trước cảnh tượng kỳ lạ như vậy, người đàn ông cứ ngỡ là mình loạn trí nhưng vẫn cảm thấy có một cái gì đó không bình thường nên đã đến hỏi Đức Phật, Ngài cho biết rằng đó chính là các đại binh A-tu-la sau khi đánh thua Chư Thiên đã chui xuống hồ sen để từ đó rút lui về trú xứ của mình dưới đáy núi Tu Di.

Nhưng người lúc còn mang thân nhân loại không biết dùng trí tuệ phán đoán, nhận xét khi khen chê ai, để rồi tán dương người đáng khiển trách; chê bai người đáng tán dương, do lối hành xử không chín chắn như vậy họ bị sanh và *Asura-bhūmi* (cảnh giới A-tu-la).

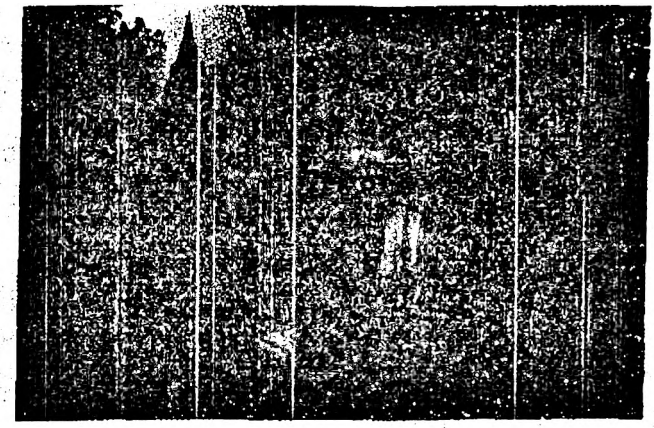

# PHẦN PHỤ GIẢI VỀ BỐN ĐOẠ XỨ

Bốn loài sau đây: chúng sanh địa ngục, A-tu-la, bàng sanh, ngạ quỷ đều được gọi là *Apāyabhūmi* hay *Duggatibhūmi*hợp từ *Apāyabhūmi* được giải thích ở trước, đây chỉ giải tự hợp từ *Duggatibhūmi:*

*- Dukkhena gantabbāti daggati (bhūmi)*

"Gọi là khổ thú vì chúng sanh nào đã sinh vào đây đều phải chịu khổ"

Nói cho đúng thì chỉ có ba loài: A-tu-la, Ngạ Quỷ và chúng sanh địa ngục là được xếp vào khổ thú một cách chính xác còn riêng về loài bàng sanh thì chỉ được kể vào dó một cách chung chung, bởi vì thú khá cao như rồng, sư tử (trên tuyết sơn), và loài voi *Chaddanta*. Chúng rất sung sướng và có thất nhiều oai lực đặc biệt do đó, nếu nói một cách chặt chẽ thì giới bàng sanh không nằm trong các khổ thú. Chính *Netti- atthakathā* đã xác nhận điều đó.

*"Apāyaggahaṇena tiracchānayoniṃ dīpeti duggatiggahaṇena pettivisayam. Dīpeti:* loài bàng sanh được kể vào đoạ xứ sanh chủng, còn ngạ quỷ, A-tu-la, chúng sanh địa ngục thì được xếp vào khổ thú"

Trong một số bộ như *Netti-athakathā* chẳng hạn, khi nói tới ba loài: ngạ quỷ, A-tu-la, chúng sanh địa ngục thì đều dùng từ *Petti* để gọi chung cho cả ba, mặc dù khi đề

cập đến từng loài thì cũng dùng mỗi mỗi từ khác nhau. Sở dĩ như vậy là do ba loài này sau khi vừa sanh ra đã có hình dáng hoàn chỉnh tức khắc, chớ không trưởng thành dần dần như bao loài khác và chính thân xác đó, cũng là một cực hình một cái phải chịu đựng" đối với chúng.

Từ *Duggati* nếu đem chiết tự có được hai tiếng: Dug + gati. Tiếng Du ở đây có nghĩa là "xấu, không tốt đẹp, bất hạnh", còn GATI là "chỗ đi đến" theo *Paṇṇāsa-atthakathā* định nghĩa thì như sau: *Sukatadukkaṭakammavasena gantabbāti gati*: (sanh thú là chỗ chúng sanh đi đến bằng động cơ thiện hoặc ác nghiệp chỗ đó được gọi là sinh thú) vậy Duggati, là sinh thú bất hạnh, chỗ tái sanh kém may mắn, như trong *Paṇṇāsa- athakathā* cũng có ghi: - *Dukkhassa gati paṭisaraṇanti duggati*: hay là *"Dukkhena gantabbāti duggati!"*

Thật ra tiếng Gati có rất nhiều nghĩa nhưng trong trường hợp này nó mang ý nghĩa hạn chế hơn; bởi vì có tất cả bốn thứ gati:

1. *Gatigati*: sanh thú, chỗ tái sanh của các hữu tình được gọi là Gati.
2. *Nibbattigati*: sanh chủng hay sanh loại hữu tình cũng được gọi là Gati
3. *Ajjhāsayagati*: khuynh hướng hay thiên tánh chúng sanh cũng được gọi là gati.
4. *Vibhavagati*: sự thành đạt, mức độ thành đạt của chúng sanh cũng được gọi là gati.

Tiếng *Gati* ở đây muốn đề cập là *gatigati* (sanh thú, chỗ mà các thiện nghiệp ác đưa đẩy cho tất cả hữu tình tái sanh

vào. Lại nữa, nếu nói rộng thì *Dugati* còn được chỉ cho nhiều ý nghĩa và dĩ nhiên ý nghĩa mà ta có thể dùng ở đây cũng hạn chế. Có tất cả ba trường hợp *Duggati* (theo *Paṇṇāsa-atthakathā*):

*1. Āgāriyapaṭipattiduggati*: đời sống ác hạnh của người cư sĩ được gọi là *Duggati.*

*2. Anagāriyapaṭipattiduggati:* đời sống ác tà vạy *(Kuladusana anesana)* của hàng xuất gia cũng được gọi là *Duggati.*

3. *Gatiduggati:* bốn khổ thú cũng được gọi là *Duggati.*

Từ *Duggati* trong trường hợp đang nói nãy giờ là *Gatiduggati.*

# BIỆT GIẢI VỀ THIỆN THÚ (SUGATI)

Thiện thú là chỗ tái sanh tốt đẹp, may mắn, hữu hạnh. Danh từ này xuất phát từ mô hình: su + Gati và ý nghĩa chính xác của nó được nói rõ qua câu giải tự" *Sundarā gatī sugati* ➔ thiện thú là chỗ tái sanh tốt đẹp đầy may mắn"

Cũng trong *Paṇṇāsa- atthakathā* đã phân tích từ *Sugati* ra ba trường hợp.

1. *Agāriyapaṭipattisugati:* đời sống thiện hạnh của cư sĩ (sự hành trì mười thiện nghiệp của cư sĩ được gọi là *Sugati*

2. *Anāgāriyapaṭipattisugati:* đời sống phạm hạnh của bậc sa môn đặc chuyên về pháp học *(Ganthadhura)* hay pháp hành *(Vipassanādhura)* cũng được gọi là *Sugati*

3. *Gatisugati:* các sanh thú nhân thiên cũng được gọi là *Sugati.*

Có tất cả 27 cõi thuộc thiện thú, trong đó cõi nhân loại và 6 cõi trời dục giới được gọi chung là các cõi Dục-thiện thú *(Kāmasugati)* bởi vì 7 cõi này đặt nền tảng hạnh phúc trên sự hưởng thụ các dục-trần-cảnh. Do đó các Ngài đã giải thích từ *kāmasugati* như sau:

*"Kāmasahacaritā sugati kāmasugati:* dục thiện thú là những cõi thiện thú bị dục tham chi phối và tác động".

Vậy, dục tham hay dục ái *(Kāmataṇhā)* là gì? Đó là sự tham đắm trong năm trần cảnh, bất luận là vô tri *(Ajivita)*

hay hữu thức *(jīvita)*[8] và rõ ràng là những ai muốn sanh vào 7 cõi thiện thú Dục giới cũng đều phải tạo trữ các công đức như: bố thí, trì giới, tu tiến thế tại sao lại bảo rằng các cõi đó do. Dục ái tác động? Quả thật vậy; chính Dục ái đã là một động cơ tích cực cho những công phu tạo trữ phước báu ấy. Về điều này ta có một luận cứ như sau:

Tất cả tám đại thiện được huy động để làm việc bố thí, trì giới.... đều vẫn còn nằm trong phạm vi tam giới hay nói cách khác là còn quẩn quanh trong vòng luân hồi *(Vaṭṭasamsāra)* mà tam giới hay vòng luân hồi ấy lại được xếp vào khổ đế. khổ đế chỉ có một cội nguồn duy nhất là tập đế tức tham ái. Mà tham ái ở đây là tham ái nào, nếu đó không phải là dục ái? Chính vì thế mới có câu giải tự.

*"Kāmasahacaritā sugati kāmasugati"* để định nghĩa cho 7 cõi dục thiện thú

Sau đây sẽ lần lượt trình bày những chi tiết cần biết về 7 cõi dục thiện thú.

[8] Như nam đối với nữ là cảnh dục hữu thức (jīvita), còn cái hao đẹp đối với mọi người là cảnh dục vô tri (Ajīvita)

# CÕI NGƯỜI (MANUSSABHŪMI)

"Nhân loại là những hữu tình có tâm lực mãnh liệt, về pháp thiện lẫn pháp ác".

Nếu nói một cách chính xác thì câu giải tự này ám chỉ cho nhân loại ở châu nam thiện tức hành tinh của chúng ta. Còn nếu nói chung chung thì là nhân loại trong cả, bốn đại châu. Tại sao lại như thế? Bởi vì đối với loài người trên châu Nam thiện, nếu nói về khía cạnh thiện pháp thì chỉ ở đây mới, phát tích ra những nhân vật phi thường, trác việt như chư Phật Toàn Giác. Độc Giác, Chư Thánh Thinh Văn, chư đạo sĩ chứng đạt thiền định hay các bậc Chuyển Luân Vương.

Còn nói về mặt ác pháp thì chỉ có người ở châu Nam thiện mới dám làm những tội ác tày trời như sát hại cha mẹ, xúc phạm thánh nhân một cách thái quá.

Như vậy nhân loại là một loài hữu tình có hùng tâm hơn các loài khác, mà nhân loại ở châu Nam thiện lại là những người có hùng tâm hơn nhân loại ở ba đại châu kia, về mọi phương diện. Do đó người ở châu Nam thiện mới được gọi là *manussa* một cách đúng nghĩa, còn nhân loại ở ba châu kia, chỉ được gọi là *Manussa* vì trên hình dáng rất giống với người châu Nam thiện. Thế thôi.

Có một lối giải thích khác nữa về tên gọi *Manussa:*

- *Kāraṇākāraṇaṃ manati jānātīti manusso* (nhân loại là một sinh vật biết nhận xét, định tri các vấn đề)

Về khả năng này nhân loại ở châu Nam thiện vẫn nổi bật nhất. Loài người tại đây luôn tỏ ra ham học hỏi, thích nghiên cứu về các sự vật, về các khái niệm tri thức trừu tượng hay thực tế. Tiếng *kāraṇa* trên đây có nghĩa là nguyên nhân hay nguồn cội. Loài người ở châu Nam thiện luôn tìm tòi hai vấn đề lớn: Danh và sắc (tức tâm linh và vật chất). Họ muốn khám phá mọi bí ẩn về hai vấn đề đó; và nhờ vậy, họ trở thành một loài hữu tình có trí nhận xét và định tri các vấn đề dù sâu sắc hay nông cạn.

Hai từ *kāraṇa akāraṇa* trên đây còn có nghĩa là hợp lý hay không hợp lý, thích ứng hay không thích ứng, nên làm hay không nên làm. Đây cũng là những vấn đề mà dân Nam thiện bộ châu vẫn thường xuyên tìm tòi, khai phá. Theo câu giải tự trên, ta có thể nói rằng vì trí tuệ suy luận phổ quát, thì kể cả Chư Phạm Thiên hay Chư Thiên hoặc nhân loại ở ba châu kia đều không thể sánh bằng nhân loại ở châu Nam thiện.

◆ Tiếng *Manussa* còn được định nghĩa bằng nhiều cách khác nữa.

Nhân loại Nam thiện bộ châu còn là những người có trí tuệ về những vấn đề vô ích và hữu ích, dù của thân, khẩu hay tư tưởng. Họ có những hiểu biết về lợi ích hiệp thế và lợi ích siêu thế. Lợi ích hiệp thế là nói về danh vọng uy quyền hay làm thế nào để sanh lên các cõi trời Dục giới, Sắc giới. Còn lợi ích siêu thế là sự thành đạt những gì mà chư Thánh Tăng đã thành đạt như đạo quả Níp Bàn.

Nhân loại Nam thiện bộ châu vượt xa tất cả Chư Thiên cùng với loài người ở ba đại châu kia về những tri thức như thế và về những pháp đặc biệt như: tín, cần, trí, tu đạo ba la mật và biết lựa người để thân cận, gần gũi. Dân Nam thiện cũng tỏ ra hiểu biết hơn mọi hữu tình khác về thiện và bất thiện. Thiện pháp nhập thế và xuất thế Thiện pháp nhập thế là thân thiện hạnh, khẩu thiện hạnh, tu chỉ, tu quán. Thiện pháp xuất thế chính là Thánh Đạo.

Đó là phân tích tổng quát, còn nếu phân tích chuẩn xác hơn, thì ta phải nói rằng tại châu Nam Thiện, chỉ có những Phật tử, những tăng tín đồ Phật Giáo mới có được những điều đặc biệt vừa kể, chỉ có các tăng tính đồ Phật Giáo mới có những hiểu biết sâu sắc về các pháp. Còn giáo đồ của các tông phái khác thì không được như vậy. Bởi chỉ có Giáo đồ đạo Phật mới biết phát triển chánh tín, chánh cần, trí tuệ, tu tạo pháp độ và thân cận hiền sĩ. Thế thì họ mới là nhân loại đúng nghĩa, mới là những hữu tình xứng đáng tên gọi của mình!. Còn những người ngoài ra đó; có được gọi bằng danh xưng. *Manussa* (nhân loại) đi chăng nữa cũng chỉ là một tên gọi không chính xác.

◆ Theo các văn phạm gia *Pāli* thì danh từ *Manussa* lại được định nghĩa như sau:

- *Manuno apaccāti manussā.*

(Nhân loại là hậu duệ của Đức vua *Manu*) tức là vào thời kỳ sơ kiếp, loài người đã tự chọn một nhân vật nào đó, mà theo họ là được xem như nhiều phước báu nhất để lên làm vua. Ngày ấy họ đã bầu Bồ Tát. Bồ Tát vốn tên thật là *Manu,* nhưng sau khi lên ngôi, mọi người gọi ngài

bằng mỹ danh *Mahāsammata*, (vị vua do quần chúng chỉ định, đề cử) Đức vua *Mahāsammata* là một vị minh quân, ngài đã cho ban hành một bộ quốc luật đến dân chúng để mọi người y cứ theo đó mà sinh hoạt, xã hội nhờ vậy mà được hoàn chỉnh hơn. Tinh thần quan yếu của bộ quốc luật này là làm lành lánh dữ, mọi người phải biết thương yêu, kính mến nhau, từ gia đình ra ngoài xã hội. Nhân loại thời đó lấy làm hãnh diện khi có một người cha tinh thần như vậy nên đã tự xưng mình là *Manussa* (hậu duệ của vua *Manu*). Vua *Manu* được xem là vị Hoàng Đế đầu tiên trên địa cầu này, và tinh thần của bộ quốc luật (hiến pháp) do ngài đưa ra cho đến nay vẫn còn được áp dụng trong tất cả, những quốc gia có nền văn minh lâu đời nhưng không một ai biết được cội nguồn đó, cội nguồn của những quy củ xã hội mà ai ai cũng phải nhìn nhận.

Trong bộ *Manuvaṇṇanādhammasattha* có nói về vua *Manu* như sau:

*Yassasinaṃ sarājinaṃ*
*Lokasīmānurakkhinaṃ*
*Adibhūtaṃ pathaviyaṃ*
*Kathayanti manūti yaṃ*
*Evañca manunāmiko*
*Paṇḍi to muddubyattavā.*

Người ta gọi vua *Mahāsammata* là thái tổ *Manu,* vị vua đầu tiên trên quả đất có lề lối cai trị hẳn hoi, Ngài là vị hiền vương, minh quân vậy.

Nhân loại ở đại châu Nam Thiện vượt xa nhân loại Bắc Cưu Lưu châu trên ba phương diện.

1. *Surabhāva:* hùng tâm, tức là đủ tám lực thực hiện những việc to tát, quan trọng.
2. *Satimanta:* có chánh niệm vững mạnh nơi Tam Bảo
3. *Brahmacariyavāsa:* có thể sống đời phạm hạnh thanh tịnh.

Kể cả chư thiên cõi Đạo Lợi cũng thua kém nhân loại Nam Thiện Bộ Châu về ba điểm này, nên trong *Narakanipāta- Aṅguttaranikāya* có ghi như sau:

*Tīhi bhikkhave ṭhānehi jambudīpakā muanussā uttarakuruke manudde adhiganṇhanti deve ca tāvatiṃse katamehi tīhi ṭhānehi sūrā ca satimanto ca īdha brahmacariyavāso cāti!*

Chỉ có châu Nam thiện là đủ điều kiện để tu tạo Ba-la-mật nhất là đời sống xuất gia, nên các vị Bồ Tát nào muốn bổ túc pháp độ đều không bao giờ sống hết tuổi thọ nên các cõi trời nhiều tuổi. Các vị ấy thường chú nguyện cho mạng sống chấm dứt *(adhimuttijālakiriyā)* để sanh xuống châu Nam thiện tu tạo Ba la mật tiếp tục đều này đã được ghi lại trong bộ *Sumaṅgalavilāsinī (mahāvaggatthakathā-2/28).*

*Aññadā pana dīghāyukadevaloke nibbattā bodhisattā na yavatāyukaṃ tiṭṭhanti kasmā? Tattha pāramīnaṃ duppāranīyattā*!

"Thường thì chư Bồ Tát không sống hết tuổi thọ ở các cõi trời nhiều tuổi bởi vì ở đó rất khó bổ túc pháp độ"

Nói về châu Bắc cưu lưu thì cũng có ba điểm vượt trội nhân loại ở châu Nam thiện và Chư Thiên Đạo Lợi.

1- Không chấp thủ của cải tài sản.

2- Không chấp thủ vấn đề tình nhân, hay quan hệ tình cảm, tức là không có nghĩ rằng đây là vợ tôi, con tôi, chồng tôi....

3- Có hạn lượng tuổi thọ nhất định.

Nhân loại Bắc Cưu Lưu Châu từ bé đến già đều thọ trì ngũ giới chín chắn nên sau khi chết ai cũng được sinh lên thiên giới, điều đó gần như đã trở thành một quy luật. Như trong *Navaṅguttaratthakathā* và *sāratthadīpanīṭi* có ghi:

*"Gatipi nibaddhā tato cavitvā saggeva nibbattanti*: tất cả dân chúng ở đại châu Bắc Cưu Lưu sau khi bỏ thân người đều được sanh lên thiên giới".

Nhưng từ thiên giới chết đi thì vấn đề sinh thú đối với họ cũng bất định; có thể sa đoạ hoặc có thể tái sanh lạc cảnh. Điều đó không chắc chắn.

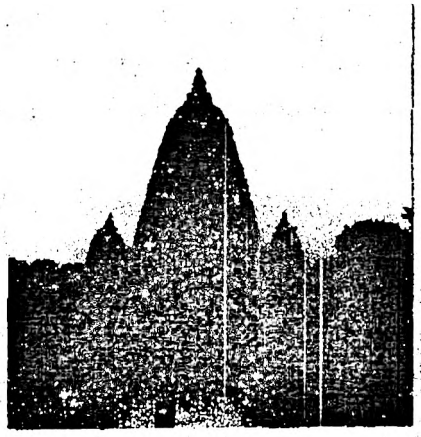

# VỊ TRÍ CÁC CÕI NHÂN LOẠI

Cõi hay chỗ của loài người gọi theo *Pāli* thì gồm có hai danh từ:

- *Manussabhūmi, manussā*
- *Manussānaṃ bhūmīti manussabhūmi*
- *Manussānaṃ nivāsā manussā*

Trong câu giải tự thứ nhất hợp từ *Manussabhūmi* được hình thành theo luật phức hợp ngữ *(samāsa)*, ở đây người ta xoá *Sivibhatti* (ngữ cách thứ sáu) của *manussa*. Còn ở câu giải tự thứ hai, từ *manussā* được hình thành bằng cách xoá *Sivibhatti của manussānaṃ* rồi lấy vĩ ngữ ā của *nivāsā* ghép vào ở đây *Nivāsa* là một từ thứ chuyển hoá ngữ *(taddhita)*.

Vị trí của bốn đại châu nhân giới nằm ở bốn phía của núi Tu Di, tức là núi Tu Di nằm giữa bốn đại châu. Tất cả đều nằm trên đại dương. Nằm ngoài bốn đại châu là dãy Thất Trùng Sơn, (hay còn gọi là Thất Vi Sơn) của núi Tu Di cùng với 2000 tiểu châu nữa.

Bốn đại châu nhân giới gồm có:

1. *Pubbavadehadīpa* (đông thắng thần châu)
2. *Aparagoyānadīpa* (Tây Ngưu Xa châu)
3. *Jambudīpa* (diêm phù đề hay Nam Thiện bộ châu)
4. *Uttarakurudīpa:* (Bắc Cưu Lưu Châu)

Nói về tuổi thọ của nhân loại trong 4 đại châu thì không giống nhau. Loài người ở châu Nam Thiện có hạn lượng

tuổi thọ bất định, khi nào ăn hiền ở lành đúng mức thì có thể sống đến cả A tăng kỳ tuổi (A tăng kỳ ở đây là một con số rất lớn, nếu viết ra chữ số, thì phải là một con số 1 và 140 con số 0). Khi nào có đời sống thoái đoạ quá mức thì tuổi thọ ở châu Nam Thiện xuống đến mức tối đa là 10 tuổi. Còn nhân loại ở Đông Thắng Thần Châu thì có hạn lượng tuổi thọ cố định là 700 năm, ở Tây Ngưu Xa Châu là 500 năm. Ở Bắc Cưu Lưu Châu là 1000 năm. Tất cả ba đại châu này luôn luôn có tuổi thọ như vậy, không tăng giảm bất thường như ở châu Nam Thiện.

Mỗi đại châu đều có 500 tiểu châu phụ thuộc *(parivāra)* vậy có tất cả là 2000 tiểu châu (4 đại châu x 500 tiểu châu). Nhân loại trong 2000 tiểu châu ấy có tuổi thọ tương thuộc vào bốn đại châu, tức là nhân loại trong mỗi tiểu châu có hạn định tuổi thọ tương đương với nhân loại trong đại châu mà mình phụ thuộc. Như theo *Saṃyuttanikāya-atthakathā* có ghi:

*"Jambudīpavāsīnaṃ āyuppamāṇaṃ natthi pubbavī-dehānaṃ sattavassasacāyukā aparagoyānavāsīnaṃ pañcavassasatāyukā uttarakuruvaasīnaṃ vassasahassa-yukā tesaṃ tesaṃ parittadīpavāsīnampi tada-nugatikāva.*

# VŨ TRỤ QUAN PHẬT GIÁO[9]

Trong *Aṅguttaranikāya* Đức Phật dạy:

*"Ayaṃ kho ānanda mahāpaṭhavī udake patiṭṭhitā udakaṃ vate patiṭṭhitaṃ vāto ākāsattho hoti"*. Này *Ānan-da*, quả địa cầu này được an lập trên nước, lớp nước ấy được an lập trên gió, lớp gió ấy lại nằm trên hư không"

"Địa cầu của chúng ta có chiều dày là 2 ức 4 muôn do tuần và được chia ra hai lớp: lớp đất thường *(paṃsupathavī)* dày tương đương như thế. Trái đất được nằm trên một lớp nước dày 4 ức 8 muôn do tuần lớp nước này lại nằm trên một tầng gió dày 9 ức 6 muôn do tuần (960.000 do tuần) ngoài lớp gió này rồi thì là một khoảng không vô tận.

Núi Tu Di cao một ức sáu muôn tám ngàn (168.000) do tuần, phần nằm dưới biển, là 8 muôn 4 ngàn do tuần, phần còn lại từ mặt biển lên tới đỉnh cũng vậy. Còn chu vi của núi tu Di là 2 ức 5 muôn 2 ngàn (252.000) do tuần. Riêng về đỉnh núi thì có chu vi 168 ngàn do tuần, và thành phần vật chất cấu tạo núi gồm toàn 7 báu. Sườn núi phía đông của Tu Di là bằng bạc, sườn núi phía tây bằng ngọc pha lê, sườn núi phía nam bằng ngọc bích, sườn núi phía bắc bằng vàng.Tất cả những cây cối, mặt biển, bầu trời *(ākāsa)*, hoa

[9]Ở đây người dịch cố tình dịch sát nguyên bản còn về việc nhận xứt xin nhường lại cho người đọc

lá....ở trên mỗi sườn núi và chung quanh đều mang màu sắc tuỳ thuộc vào ánh sáng toả ra từ mỗi sườn núi. Như bầu trời, mặt biển,.... Bên phía đông núi Tu Di chẳng hạn thì tự nhiên ửng màn bạc.

Từ đỉnh núi Tu Di trở xuống tới chân núi nằm sau dưới đáy biển được phân ra hai phần. Một phần từ tận cùng chân núi lên đến mặt biển. Phần thứ hai là từ mặt biển trở lên tới đỉnh. Từ phân nửa của phần hai này trở xuống tới mặt biển lại được phân ra năm bậc triền núi. Bậc thứ nhất là lãnh địa của loài rồng, bậc thứ hai là lãnh địa của loài Kim Xí Điểu, bậc thứ ba là lãnh địa của loài Cưu Bàn Trà, bậc thứ tư là lãnh địa của Dạ Xoa, bậc thứ năm là cõi Tứ Đại Thiên Vương. Năm bậc này nằm bao quanh triền núi phía dưới. Phần chân nằm dưới biển của núi Tu Di lại được ba hòn núi đỡ chịu. Như vậy chân núi Tu Di được chồng lên ba hòn núi này và dĩ nhiên với cấu trúc như vậy, dưới đáy núi Tu di có một địa đạo. Địa đạo này rộng một muôn (10.000) do tuần. Đây là trú xứ của loài A-tu-la, chỗ mà Chư Thiên Đạo Lợi đã quăn họ xuống ngày xưa.

Cứ giữa hai tiểu thiên thế giới *(Cūḷalokadhātu)* có một ngọn núi, người ta gọi núi này là núi *Cakkavāḷa* (vũ trụ sơn hay Hoàn Vũ Sơn). Núi *Cakkavāḷa* cao 1 ức sáu muôn 4 ngàn (164.000) do tuần tức là thấp hơn núi Tu Di 4000 do tuần. Núi này cũng được chia thành hai phần, một nửa chìm sâu dưới biển, và một nữa nằm từ mặt biển vươn lên không. Tổng chu vi của núi *Cakkavāḷa* là bốn triệu tám trăm năm mươi ba ngàn tám trăm (4.853.000) do tuần.

Phần chu vi của đỉnhnúi là ba triệu sáu ức một muôn ba trăm năm mươi do tuần (3.610.350) do tuần.

Chung quanh núi Tu Di *(sinera)* có bảy lớn vi sơn bao bọc, lớp thứ nhất tên là *Yugandhara* cao tám muôn bốn ngàn do tuần. Lớp thứ hai tên là *īsadhara* cao bốn muôn hai ngàn do tuần. Lớp thứ tư tên là *sudassana* cao một muôn năm trăm do tuần. Lớp thứ năm tên *Nemindhara* cao năm ngàn hai trăm năm mươi do tuần. Lớp thứ sáu tên *Vinataka* cao hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm do tuần. Lớp thứ bảy tên *Assakaṇṇa* cao một ngàn ba trăm mười hai do tuần hai *gāvuta* (1312.5 do tuần). Khoảng cách giữa các lớp vi sơn, bề dày của từng lớp vi sơn, độ sâu của các vùng biển, nằm giữa bảy lớp vi sơn đều bằng một nữa chiều cao. Của từng lớp núi. Tức là khoảng cách giữa lớp vi sơn. *Yugandhara* và vi sơn *īsadhara* là bốn muôn hai ngàn do tuần; bề dày của vi sơn cũng bốn muôn hai ngàn do tuần; vùng biển nằm giữa hai lớp vi sơn *Yugandhara* và *Īsadhara* có độ sâu là bốn muôn hai ngàn do tuần. Đối với sáu lớp vi sơn còn lại cứ theo đó mà tính.

Núi Tu Di và Vi Sơn. *Yugandhara* cách nhau 8 muôn 4 ngàn do tuần, độ sâu của vùng biển nằm giữa Tu Di với Vi Sơn *Yugandhara* cũng là tám muôn bốn ngàn do tuần.

Hai đại sơn: Tu Di và Hoàn Vũ Sơn *(Cakkavāḷa)* cách nhau bốn ức bảy muôn, bảy ngàn, bảy trăm năm hai mươi lăm (477725) do tuần. Núi *Cakkavāḷa* cách Vi Sơn *Assakaṇṇa* ba ức chín ngàn sáu trăm chín mươi ba (309.693) do tuần. Và cách sáu Vi Sơn còn lại là ba phần tư con số trên Bồ đề đạo tràng *(Bodhimaṇḍala* Ấn Độ) với

núi *Cakkavāḷa* (hướng nam Châu Nam Thiện) cách nhau một ức bốn ngàn bảy trăm năm mươi lăm (104.755) do tuần. Bồ đề đạo tràng với núi Tu Di cách nhau ba ức bảy muôn hai ngàn chín trăm bảy mươi (372,070) do tuần. Bồ đề đạo tràng Vi Sơn *Assakaṇṇa* cách nhau một ức, hai muôn hai ngàn chín trăm ba mươi tám. (122.938) do tuần. Bồ đề đạo tràng và sáu lớp Vi Sơn còn lại cách nhau bằng ba phần từ con số trên.

Trong vũ trụ này có hai loại biển: *Antosamudda* và *Bahisamudda*. *Antosamudda* hay nội hải, là chỉ cho các vùng biển nằm trong khoảng giữa của bảy lớp Vi Sơn. Biển này còn có tên là biển *Sīdantara*. Còn *Bahisamudda* ngoại hải là vùng biển nằm giữa núi *Cakkavāḷa* và Vi Sơn *assakaṇṇa*. Vi Sơn *assakaṇṇa* với núi Tu Di cách nhau hai ức bốn muôn chín ngàn ba trăm bảy mươi lăm (249.375) do tuần.

Vùng đại hải nằm giữa Nam Thiện Bộ Châu với Tây Ngưu Xa Châu, giữa Tây Ngưu Xa Châu với Bắc Cưu Lưu châu, giữa Bắc Cưu Lưu Châu với Đông Thắng Thần Châu, giữa Đông Thắng Thần Châu với Nam Thiện Bộ Châu đều có chiều rộng là sáu ức một muôn ba ngàn chín trăm năm mươi (613.950) do tuần. Trong các vùng đại hải có ba loại sóng:

1- Loại sóng *Mahida*: mỗi lượn sóng loại này cao 60 do tuần.

2- Loại sóng *Gaṅgā*: mỗi lượn sóng loại này cao 50 do tuần

3- Loại sóng *Rohiṇī*: mỗi lượn sóng loại này cao 40 do tuần

Trong bộ *Sammohavinodanī-atthakathā* đã nói rõ điều đó:

*"Mahāsamudde kira mahindavīci nāma saṭṭhiyojanāni uggacchati gaṅgāvīci nāma paṇṇāsaṃ, rohiṇīvīci nāma cattālīsayojanāni uggacchati"*

Gọi là đại châu tức Đức Phật ám chỉ cho các đại lục, những phần đất lớn liền lạc nhau không bị biển chia cắt. Các đại lục được chính thức mang tên. Nam Thiện Bộ Châu là Châu Á, Châu Âu, Châu Phi, còn 500 tiểu châu, phụ thuộc của châu Nam Thiện, gọi theo bây giờ là Nam mỹ, Bắc Mỹ, Anh Quốc, Úc Châu, Tích Lan, Nhật Bản...

Những quốc gia nằm trong 500 tiểu châu ấy vào thời kỳ sơ kiếp vừa hoang vu, vừa nhỏ bé chớ không được đông đảo, phồn thịnh, bao la như bây giờ

Nói về mặt trời (trú xứ của thiên tử *Suriya*), mặt trăng (trú xứ của thiên tử *Candima)*, thì luôn xoay quanh đại Sơn Tu Di, di chuyển ngay phía trên đỉnh núi *Yugandhara*, cách xa cõi người bốn muôn hai ngàn do tuần. Mặt trời, mặt trăng cùng các tinh tú sở dĩ đều di chuyển chung quanh núi Tu Di là do sức tác động của một thứ hấp lực mà gọi theo tên *Pāli* là "lực gió *Verambha*". Lực hút này ở mặt trời mạnh hơn ở mặt trăng.

Nói về địa ngục thì trong bộ *Sāratthadīpanītīkā* ghi rằng tám đại địa ngục đều nằm ngay bên dưới các đại lục chính thức mang tên châu Nam Thiện và đều nằm trong lớp đất thường *(Paṃsupathavī)*. Mỗi đại địa ngục có 5

tầng tiểu địa ngục hay đa khổ địa ngục *(Ussadanaraka)* bao quanh. Tất cả các địa ngục lớn nhỏ đều nằm chồng lên nhau thành một khối tứ giác có chiều cao là một muôn do tuần, chiều rộng cũng một muôn do tuần. Bên trong tám đại địa ngục không có quỷ sứ ở giữ bởi vì ở đó không có chỗ ở cho họ, họ chỉ ở bên các đa khổ địa ngục. Mỗi đại địa ngục là một lồng sắt thật vuông, bề nào cũng 100 do tuần. Chiều dày của các bức vách sắt trong 8 đại địa ngục là 9 do tuần. Tất cả những cái đó, (những lồng sắt khổng lồ, những vạc dầu, những thiết sơn cháy đỏ, những đống lửa ngùn ngụt.... dưới ấy) đều là các vật chất thiên nhiên được ác nghiệp của chúng sanh tác động cho có thế thôi; gọi theo từ chuyên môn, các vật chất đó chính là *Kammapaccayautujanīya!*

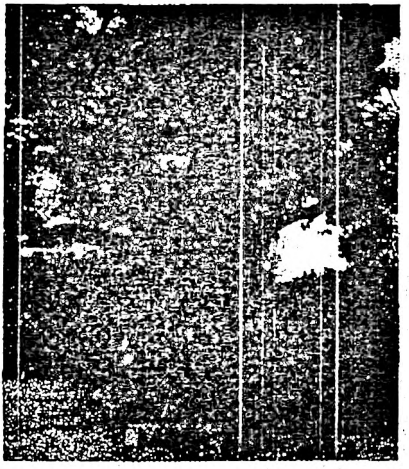

# BIỆT GIẢI SÁU CÕI DỤC THIÊN (THEO ATTHAKATHĀ ṬĪKĀ)

*Pañcahi kāmaguṇehi dibbanti kīḷantīti devā* Thần tiên hay thiên nhân là những người có đời sống hưởng thụ các khoái lạc dục trần. Có tất cả ba hạng thần tiên (hay thiên nhân)

1. *Sammutideva*: những ông hoàng, bà chúa hoặc các vương tôn, quân chúa cũng được xem là một hạng thần tiên.

2. *Uppattideva:* tất cả chư thiên và phạm thiên (nói chung là loài hoá sanh thiện thú)

3. *Visuddhideva*: Chư thánh quả.

Câu giải tự trên đây được dành cho Chư Thiên trong sáu cõi trời dục giới: cõi Tứ Thiên Vương, cõi Đạo lợi, cõi Dạ- Ma, cõi Đâu Xuất, cõi Hóa lạc và cõi Tha Hoá Tự Tại Thiên. Bây giờ giải về cõi Tứ Thiên Vương.

*Cattāra mahārājāno = catummahārājā* gọi là Tứ Thiên Vương tức ám chỉ cho bốn vị trời cai trị thiên chúng ở cõi trời thứ nhất, nằm ở phần giữa của Tu Di sơn, ngang ngọn vi sơn *Yugandhara.*

1. Thiên Vương *Dhataraṭṭha*: cai quản loài Càn Thát Bà, đóng đô ở triền núi phía đông của Tu Di sơn

2. Thiên Vương *Viruḷhaka:* vua của loài Cưu Bàn Trà (đại phúc thiên) đóng đô ở triền núi phía nam của Tu Di sơn.

3. Thiên Vương *Virūpakkha*: chúa loài rồng, đóng đô ở triền núi phía tây. Tu Di sơn.
4. Thiên Vương *Kuvera*: chúa loài Dạ xoa đóng đô ở triền núi phía bắc núi Tu Di

Trong *Mahāvaggasutanta* có ghi:

*Purimaṃ disaṃ dhataraṭṭho*
*Dakkhiṇena viruḷhako*
*Pacchimena virūpakkho*
*Kuvero uttaraṃ disaṃ*
*Cattāro te mahārājā*
*Samantā caturo disā*!

Bộ *Paramatthadiipanīmahāṭikā* còn nói rõ thêm: *Tattha dhataraṭṭho gandhabbānaṃ rājā hoti viruḷhanaṃ virūpakkho nāgānaṃ kuvero yakkhānaṃ.*

(Hai câu *Pāli* vừa dẫn chứng trên đây đã xác nhận những gì vừa trình bày)

Cả bốn vị Thiên Vương ấy còn có bổn phận trông coi, bảo vệ cõi nhân loại nên các vị còn được gọi là bốn vị hộ thế Đại Vương *(Catulokapāla)*, như trong bộ *Netti atthakathā* cũng định nghĩa danh xưng cù các vị theo lý do đó:

*"Lokaṃ pālentīti lokapālā cattāro mahārājāno"* ngoài những tên riêng theo danh từ chuyên môn đã nêu nãy giờ, bốn vị thiên vương đó còn được gọi bằng bốn mỹ danh khác: *Inda, varuṇa, kuvera, yama*, điều này y cứ vào nộ *Netti-atthakathā*

*- Lokiyā pana indayamavaruṇakuverā lokapalāti vadanti!*

Còn các vị trời ở cõi Tứ Thiên Vương nếu gọi theo từ *Pāli* thì là *Cātummahārājika* bởi vì họ là những người có bổn phận cung đón, phụng dưỡng bốn vị Thiên Vương. Giải như vậy là y cứ theo câu giải tự sau đây:

*"Catūsu mahārājesu bhatti etesanti cātummahārājikā"*. Hay nói cách khác, Chư Thiên ở cõi này được gọi là *Catummahārāje bhavāti cātumahārājikā* chư thiên ở cõi Tứ Thiên Vương được gọi là *Catumahārājika* vì họ được sanh ra trong lãnh địa của 4 vị Thiên vương"

Như đã nói, cõi Tứ Thiên Vương hay lãnh địa của bốn vị vua trời là kể từ ngay giữa lưng chừng núi Tu Di, tức ngang đỉnh vi sơn *Yugandhara*, xuống tới cõi người. Và cả một bầu không gian từ đỉnh *Yugandhara* trở xuống 6 lớp vi sơn phía dưới, luôn cả các vùng đại hải đều là lãnh địa của bốn vị thiên vương. Về điều này các Ngài đã giải tự như sau: *"cātummahārājikānaṃ nivāsāti cātummahārājikā"*

Chư Thiên dưới quyền bốn thiên vương gồm có nhiều hạng:

1. *Pabbataṭṭhadevatā*: sơn thần, hạng sống trên núi
2. *Ākāsaṭṭhadevatā*: chư thiên sống trong hư không

Ta nên biết thêm là cả một phần không gian của vũ trụ *(cakkavāḷa)* này, từ đỉnh *Yugandhara* trở xuống đều thuộc cõi Tứ Thiên Vương.

3. *Khiḍḍāpadosikadevatā:* một hạng thiên nhân thường mệnh chung do mãi lo vui chơi mà quên ăn.
4. *Manopadosikadevatā:* một hạng Chư Thiên chỉ cần nổi giận là mệnh chung.

5. *Sītavalāhakadevatā:* hàn tiết thiên, hạng thiên nhân chuyên làm khí trời trở nên lạnh lẽo hay mát mẻ.
6. *Uṇhavalāhakadevatā:* nhiệt tiết thiên, hạng thiên nhân chuyên làm cho khí trời trở nên ấm áp hay nóng bức.
7. *Candimadevaputtadevatā:* vị thiên tử sống trong mặt trăng và thiên chúng tuỳ tùng.
8. *Suriyadevaputtadevatā:* vị thiên tử sống trong mặt trời cùng thiên chúng tuỳ tùng.

Những điều trên đây là dựa theo bộ *sammohavinodanīatthakathā:*

*Cātumahārājikā nāma sinerupabbatassa vemajjhe honti pabbataṭṭhāpi ākāsaṭṭhāpi tesamparamparācakkavāḷa pabbataṃ pattā khiḍḍāpadosikā manopadosikā sītavalāhakā uṇhavalāhakā candimadevaputto suriyadevaputtoti ete sabbepi cātumhārājikadevalokaṭṭhakā eva.*

- Tứ thiên vương có ba nhóm thiên nhân:

1. *Bhummaṭṭhadevatā:* các vị thiên thần sống trên mặt đất (địa cư thiên)
2. *Rukkhaṭṭhadevatā*: các vị thiên thần sống trên cây (Thọ cư thiên)
3. *Ākāsaṭṭhadevatā:* các vị thiên thần sống trong hư không (không cư thiên)

Nhóm Địa cư thiên là những vị trời sống tại các núi non, sông ngòi, nhà cửa, đền tháp, đình miếu thậm chí trong lòng đất hay dưới đại dương. Bốn vị thiên vương và một số thiên nhân khác tuy cũng thuộc nhóm Địa cư thiên không có lâu đài riêng ở Tu Di thì hễ sống tại núi non,

sông ngòi... nào thì xem chỗ ấy như một cung điện hay lâu đài riêng của mình.

Nhóm Thọ cư thiên lại được phân ra hai hạng nữa: một số vị có cung điện riêng trên cây, một số vị cũng ở trên cây nhưng không có cung điện riêng.

Trong *Sāratthadīpanīṭīkā* đã ghi như thế:

*"Rukkhadibbavimāneti ca sākhaṭṭhavimānaṃ sandhāya vuttaṃ rukkhassa upari nibbattaṃ hi vimānarakkhipaṭibandhitā rukkhassa upari nibbattaṃ hi vimānarukkhapaṭibandhitā rukkhavimānanti vuccati sākhaṭṭhakavimānaṃ pana sabbasākhasannissitaṃ hutvā tiṭṭhati!"*

Nói về nhóm không Cư Thiên thì các vị này đều có cung điện riêng cả. Như Chư Thiên trong các tinh tú hay trong mặt trăng, mặt trời chẳng hạn. Lâu đài của họ được cấu tạo toàn bằng vật liệu quý giá, có khi bằng vàng, bằng bạc, hay bằng các thứ bảo châu xinh đẹp, tuỳ theo phước báu của mỗi người và các toà cung điện đó, luôn di chuyển chung quanh núi Tu Di.

Có nhiều tài liệu nói rằng Chư thiên cõi Tứ Thiên Vương chỉ có hai nhóm thôi, tức là nhóm Địa cư thiên và không cư thiên, còn các vị trời sống trên cây cối thì được kể vào chung với nhóm Địa cư thiên. Sau đây là những câu trích dẫn từ các bộ chú giải và phụ sớ giải

❋ *Dhammapadatthakathā* ➔ *bhūmi tala rukkhagacchapabbatādīsu bhummaṭṭha devatā!*

❋ *Buddhavaṃsa – atthakathā bhūmāti bhūmaṭṭhapāsāṇapabbatavarukkhādīsu ṭhitā!*

Tiếng *Bhūma* trên đây nghĩa là Địa cư thiên

❋ *Sagāthāvaggasaṃyuttatthakathā bhūmāti bhūmavāsino*
❋ *Sagāthāvaggasaṃyuttaṭīkā ➔ bhūmavāsinoti bhūmipaṭiladdhavutino etena rukkhapabbatanivāsinopi gahitā honti!.*

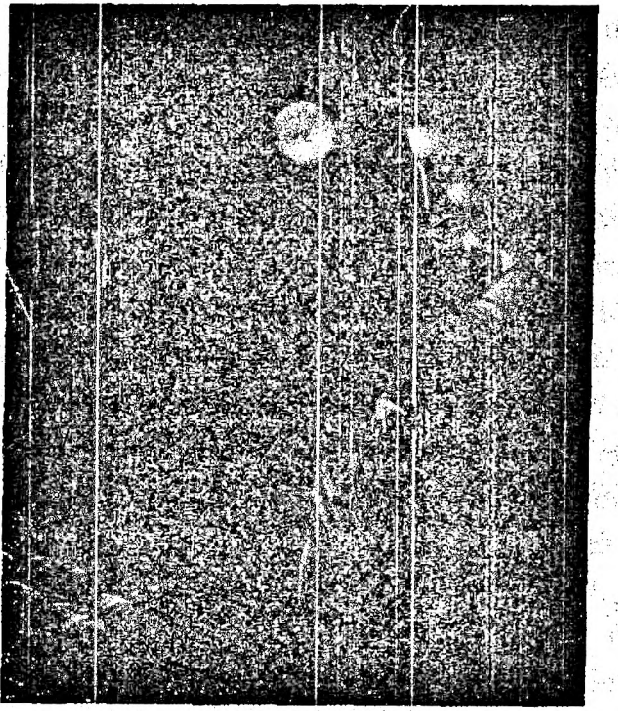

# BIỆT GIẢI VỀ CÁC Á THIÊN TRONG CÕI TỨ THIÊN VƯƠNG

Ở cõi Tứ Thiên Vương có bốn nhóm sau đây được xem như những hạng Á thần hay Á thiên, tính tình của họ rất hung bạo, thô lỗ. Nếu nói về khía cạnh sanh chủng thì hầu hết các Á thiên này đều thuộc giới hạ đẳng. Bốn nhóm Á thiên hay Á thần, đó là gì?

1. *Yakkho yakkhinī*: tất cả các dạ xoa. Loài này lại được chia ra hai hạng:

- Một hạng thì có dung sắc thù thắng, chói sáng hạng này có tên là *devayakkha* (thiên thần dạ xoa)
- Hạng thứ hai là loài dạ xoa có hình dung hung tợn, xấu xí, được xếp và *Tiracchānayakkha* (bàng sanh dạ xoa), không có hào quang như hạng trên.
- Hạng thiên thần dạ xoa trên đây là một dạng quỷ sứ, khi nào muốn làm việc hành hạ chúng sanh thì hoá hiện thành quỷ sứ rồi đi xuống địa ngục trừng trị tội nhân dưới đó. Khi nào muốn ăn thịt họ thì lại biến thành những con quạ, hay con chó khổng lồ để rượt bắt mà ăn. Hạng thiên thần dạ xoa *(devayakkha)* nằm dưới quyền cai quản của thiên vương *Kuvera* (tức *vessuvaṇa)*

2. *Gandhabbo gandhabbī*: loài Càn Thát Bà. Là hạng chúng sanh sống dựa vào những cây cối có mùi hương, đời sống của họ gắn liền với cội cây mà họ đã cư ngụ buổi

đầu, cho dầu cội cây ấy có bị đốn đem về để sử dụng vào chuyện gì đó như cất nhà hay làm vật dụng thì họ cũng đi theo khúc gỗ ấy, chớ không chịu bỏ đi. Khúc gỗ ấy được làm thành cái gì thì vị Càn Thát Bà trú ngụ trong cái ấy rồi hiện hình ra cho người chủ vật đó thấy hoặc xui khiến cho họ bị tai ương, hoạn nạn như đau bệnh chẳng hạn, thậm chí có thể làm cho người chủ ngôi nhà (nếu cây được làm nhà) hay chủ của món đồ bằng gỗ đó bị phá sản, sạt nghiệp. Để giải thích điều này, các ngài có ghi một câu giải tự sau đây:

*Paṭisandhivasena gandharakkhesu appenti upagacchantīti ganathabbā* (Càn Thát Bà là hạng chúng sanh trực tiếp tái tục vào những cây hương mộc và luôn nương gá theo đó)

Có tất cả mười loài Càn Thát Bà hay Hương mộc thần, các vị này còn được gọi là *Kaṭṭhayakkha* (mộc dạ xoa)

1. *Mūlagandhabba*: hạng Càn Thát Bà cư trú trong rễ cây
2. *Sāragandhabba:* dạng Càn Thát Bà cư trú trong lõi cây.
3. *Pheggugandhabba*: hạng Càn Thát Bà cư trú trong dác cây.
4. *Tacagandhabba*: hạng Càn Thát Bà cư trú trong da cây
5. *Papaṭikāgandhabba*: hạng Càn Thát Bà cư trú trong lớp vỏ ngoài của thân cây.
6. *Rasagandhabba*: hạng Càn Thát Bà sống dựa vào phần nhựa thơm của cây.
7. *Paṇṇagandhabba*: hạng Càn Thát Bà sống trong lá cây
8. *Pupphagandhabba:* hạng Càn Thát Bà sống trong bông hoa

9. *Phalagandhabba*: hạng Càn Thát Bà sống trong trái cây
10. *Kandagandhabba*: hạng Càn Thát Bà sống trong các loại củ dưới đất.

Loài Càn Thát Bà khác với hạng Thọ cư thiên *(Rukkhaṭṭhadevatā* loài thiên nhân sống trên cây) ở chỗ là tuy cả hai đều sống trên cây nhưng khi cội cây trú xứ bị đốn thì các Thọ cư thiên bỏ đi qua cây khác, còn Càn Thát Bà thì cứ đi theo phần gỗ của cội cây mà mình đã nương gá từ trước đến giờ, cho dầu nó đã được dùng vào chuyện gì đi nữa.

Điều cần nhớ là có một số Càn Thát Bà kiếp trước là phụ nữ thất đức, không tạo phước, nên nay phải sống dựa vào thân thể người khác mà thường thì họ thích dựa phụ nữ hơn, tức là họ trực tiếp tái sanh vào thân thể phụ nữ nào đó rồi sống luôn ở đấy. Danh từ *sanskrit* trong *Veda* gọi loại Càn Thát Bà này là *Yoginī*. Và các Ngài cũng dùng từ *Yoginī* để gọi cho đương sự bị họ dựa, thay vì gọi theo dân gian là người bị quỷ ám, hay bị ma làm. Có hai trường hợp bị "dựa" như thế: trường hợp thứ nhất là bị các Càn Thát Bà ấy nương gá từ lúc còn trong bụng mẹ, trường hợp thứ hai là khi đã trưởng thành mới bị họ dựa. Người bị dựa có thể sai khiến Càn Thát Bà ấy khuấy phá, phiền nhiễu người nào mình cảm thấy ghét, nhưng phải có cơ hội thích hợp chớ không phải muốn hại ai lúc nào cũng được.

Nói về nếp sinh hoạt trong đời sống bình nhật của đương sự bị "dựa" thì cũng giống như mọi người nhưng cứ đến ngày trăng tròn thì do uy lực của vị Càn Thát Bà ấy, từ thân thể đương sự toả ra ánh sáng, vào lúc ban đêm thôi.

Rồi giữa khuya khoắt như vậy, đương sự tự nhiên rời nhà đi tìm vật thực để ăn vào, đó là do sự xui khiến của Càn Thát Bà ấy. Hạng Càn Thát Bà có khả năng phát sáng này có tên gọi theo *Pāli* là *Juṇhā* (Càn Thát Bà *Juṇhā* là hạng Càn Thát Bà có khả năng làm cho toả hào quang). Vậy hạng Càn Thát Bà này có hai tên gọi: *Yoginī* hay *Juṇhā*. Và dầu là hạng Càn Thát Bà nào đi nữa, tất cả đều nằm dưới quyền cai trị của Thiên vương *phataraṭṭha*

3. *Kumbhaṇḍokumbhaṇḍī*: loài Cưu Bàn Trà hay còn gọi là La Sát *(Rakkhasa)*, một hạng ác thần, bụng to, mắt lòi và tròng mắt đỏ hoặc loài này chỉ ở một trong hai chỗ: cõi người và địa ngục. Nhưng La Sát ở cõi người thì có bổn phận bảo vệ giữ giữ các núi non, rừng rầm, ao hồ, sông ngòi, bảo châu, đền tháp cùng các loại cây có hoa thơm cũng như các loại hương mộc. Nói chung là các La Sát ấy có nhiệm vụ trông coi những gì mà Chư Thiên Vương muốn bảo tồn, chẳng hạn như ngọn núi *Vepulla* ở thành *Rājagaha* cũng được La Sát canh giữ cẩn mật vì dưới đáy núi có một viên ngọc *Maṇi* cực quý, hay như cây xoài *Abbhantata* cũng vậy. Những ai đi vào các khu vực có La Sát canh giữ thì chúng có quyền bắt họ để ăn thịt mà không sợ các thiên vương quở phạt. Các Ngài đã giải thích về loài La Sát như sau:

*"Ratanādīni rakkhitvā asanti bhakkhantīti rakkhasā"*

(La Sát là những vị ác thần sẵn sàng ăn thịt người nào dám đến xâm phạm các bảo vật và địa điểm linh thiêng mà họ có nhiệm vụ canh giữ, trông coi)

Nói về hạng Cưu Bàn Trà dưới địa ngục thì đó là các quỷ sứ hay những La Sát mang hình dạng kên kên, chim quạ, chó dữ có nhiệm vụ trừng trị tội nhân và bắt họ để ăn thịt vậy quỷ sứ và các thú dữ, ở địa ngục đều là một trong các hạng ác thần: Dạ Xoa,.....hoá hiện ra. Tất cả Cưu Bà Trà (hay La Sát) vừa kể đều nằm dưới quyền Thiên Vương *Viruḷhaka*.

**4.** *Nāgo – nāgī:* loài rồng. Nói rộng thì có hai chủng loại: giống rồng *Vasundhara* và giống rồng *Bhummadeva*. Trú xứ của chúng có thể là trong lòng đất hay dưới đáy núi cho nên chúng còn được gọi là *Pathavīdeva*. Vì sống dưới lòng đất sâu nên đôi khi vì đùa giỡn với nhau, chúng có thể làm cho mặt đất rung chuyển. Loài rồng cũng rất thích đi chơi trên mặt đất và trong những lần như thế chúng thường hoá ra hình dáng sư tử, cọp, chó, nhưng có lúc vẫn giữ nguyên thân tướng của loài rồng. Cũng như loài Dạ Xoa và La Sát, loài rồng đôi khi cũng thích thú trong việc hành hạ chúng sanh và để thoả mãn dã tích của mình, chúng cũng đi xuống địa ngục hoá thành quỷ sứ hay chó dữ, kên kên để hành hạ và ăn thịt tội nhân.

Các ác thần trên đây của cõi Tứ Thiên Vương chẳng những thích làm khổ những sanh chủng hữu tình khác mà lại còn thích thú trong cả việc xung sát, đấu đá với đồng loại.

Cho nên bốn vị Thiên Vương phải đóng vai trò lãnh đạo, cai quản họ, không cho họ sống phóng túng và gây hại đến người khác. Các Ngài nói rằng: Khi ở cõi người có xảy ra một đại nạn, một tai biến nào đó mà người ta biết

tưởng niệm vọng bái đến Tứ vị Thiên Vương thì cũng có thể tìm được sự bình an. Vì vậy trong *Petavatthu* có ghi như sau:

*Cattāro camahārāje*
*Lokapāle yasassine*
*Kuveraṃ dhataraṭṭhañca*
*Virūpakkhaṃ virulhakaṃ*
*Te cevapūjitā honti*
*Dāyakā ca anipphalā*

(đại ý: khi bốn vị hộ thế Thiên Vương được ai cúng bái rồi thì chắc chắn người đó cũng nhận lại được sự giúp đỡ, hộ trì)

Muốn tìm hiểu rộng rãi về thiên chúng cõi Tứ Thiên Vương hãy nghiên cứu trong các bộ *Abhidhamma-atthakathā, dīghanikāya-atthakathā, jātakattakathā*và luôn cả *Veda.*

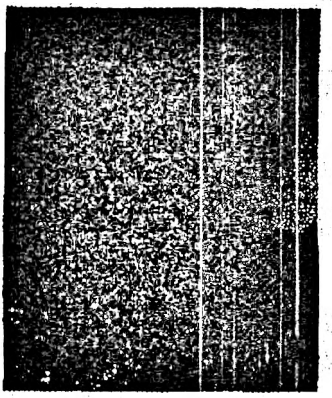

# GIẢI VỀ CÕIĐẠO LỢI (TAVATIṂSA)

*Nettiṃsajanā nibbattanti etthāti tettiṃsā tettiṃsā eva niruttinayena tāvatiṃsā!*

Cõi trời thứ hai của Dục giới được gọi là cõi Đạo Lợi hay Tam thập Tam thiên, nếu dịch nôm na là cõi có 33 vị đại thiên thần nắm quyền điều hành. Sở dĩ gọi như vậy là vì dựa vào một lý do mà sau đây sẽ kể rõ:

Ngày xưa, có ngôi làng nọ tên là *Macalagāma.* Trong làng có một nhóm thanh niên gồm 33 người chuyên làm công tác từ thiện. Người cầm đầu là một thanh niên tên là *Māgha.* Chàng và 32 người bạn của mình luôn luôn tìm làm tất cả những việc gì mang ý nghĩa công ích. Họ không từ nan, thối thất trong bất cứ việc gì, khả dĩ đem lại lợi ích cho mọi người và điều đặc biệt là cả 33 người đều luôn có mặt trong những dịp như thế nên quần chúng gọi là nhóm công đức *(Sahapuññakārīgaṇa).* Những đóng góp nổi bật nhất của nhóm thanh niên này đối với xóm làng là đào ao, đắp đường, làm cầu, cất thí đường, trồng cây....nên sau khi mệnh chung, cả 33 người đều sanh lên thiên giới.

Trong số đó, thanh niên *Māgha* bấy giờ trở thành thiên chủ *Sakka,* cai quản tất cả thiên chúng, còn 32 người kia thì đều là những đại thiên tử có nhiều uy lực. Kể từ ngày ấy, cõi trời này được gọi là cõi Tam thập Tam Thiên (tàu âm là Đạo Lợi) cõi trời của 33 vị thiên thần.

Đúng ra số 33 theo *Pāli* phải là *teṭṭiṃsa* nhưng sở dĩ ở đây nó lại biến dạng thành *Tāvatiṃsa* là do cấu trúc ngữ pháp như sau: trước hết đổi "te" ra *"tāva"*, xoá bớt một chữ "t", còn "*Tiṃsa"* thì vẫn giữ nguyên; vậy ta đã có được tiếng *Tāvatiṃsa*. Hoặc phân tích theo cách khác thì trước hết đổi chữ "Te" (trong *Tettiṃsa*) ra "Tā" rồi biến chữ "T" thứ hai ra "va", *Tiṃsa*. vẫn giữ nguyên cộng tất cả lại, lập tức tiếng *Tāvatiṃsa* được hình thành.

Ở vũ trụ *(Cakkavāḷa)* khác cũng có cõi trời Dục giới thứ hai như ở vũ trụ này và cõi đó cũng mang tên là *Tāvatiṃsa*, nhưng đó là một tên gọi vay mượn *(ruḷhīsaññā)* xuất phát từ vũ trụ này.

Và ngoài cách giải thích trên về tiếng *Tāvatiṃsa* các Ngài còn phân tích theo một cách khác nữa.

- *Tāva paṭhamaṃ tiṃsati pātubhavatīti tāvatiṃso* (gọi là *tāvatiṃsa* vì đây là khu vực được hình thành sớm nhất trong thế gian).

Sở dĩ nói như vậy là vì sau khi một thế giới bị tiêu hoại thì vị trí của nó bây giờ nhường lại cho một khoảng hư không bao la rồi có một trận mưa thật lớn đổ xuống nước lấp đầy vào khoảng hư không ấy và lơ lửng ở đây. Lúc đầu thì vũng nước mưa đó trong suốt nhưng qua một thời gian dài đăng đẳng nó dần dần trở nên đậm đặc rồi lại đóng thành khối. Quá trình cấu tạo này kéo dài thật lâu, sau cùng thì khối nước đậm đặc đó trở thành một khối đất hẳn hoi và khối đất đầu tiên ấy chính là đỉnh núi Tu Di, vị trí của cõi Đạo Lợi sau này dựa vào nguyên do như vậy nên người ta đã gọi cõi trời thứ hai của cõi dục giới là

*tāvatiṃsa* (ở đây từ này được tạm dịch là tiên sơ thiên giới)

Cõi Đạo Lợi nằm trên đỉnh núi Tu Di nếu tính đường thẳng từ đây xuống đến phần giữa của núi Tu Di tức kinh đô cõi Tứ Thiên Vương thì là bốn muôn hai ngàn do tuần. Vậy từ đỉnh Tu Di tức Đạo Lợi thiên, cách mọi người đến tám muôn bốn ngàn do tuần. Rồi từ Đạo Lợi cõi Dạ ma, từ cõi Dạ ma lên cõi Đấu Suất, lên cõi Hoá lạc lên cõi Tha Hoá Tự tại đều cách nhau bốn muôn hai ngàn do tuần. Đỉnh núi Tu Di hình tròn rộng khoảng tám muôn bốn ngàn do tuần tương đương với chiều cao của núi. Ngay chính giữa mặt bằng đó là Thành phố *Sudassana*. Rộng mười ngàn do tuần, bốn phía đều có tường thành bao bọc. Mỗi phía tường thành có đến 1.000 cánh cửa. Mặt bằng trên đỉnh núi Tu di đều được cấu tạo bằng bảy báu. Triền núi hướng đông bằng bạc, triền núi hướng tây bằng pha lê, triền núi hướng nam bằng ngọc bích, triền núi hướng bắc toàn bằng vàng. Như vậy khi đặt chân lên khu vực thiên giới, bàn chân ta không thể dẫm lên chỗ nào là đất cát tầm thường.

Và vì mỗi triền núi của Tu Di sơn được cấu tạo bằng một thứ vật chất khác nhau. Cho nên đại dương, bầu trời, cây cối trong bốn đại châu nằm chung quanh. Núi Tu Di đều chịu ảnh hưởng màu sắc khác nhau.

Như Nam Thiện Bộ Châu (hành tinh của chúng ta) nằm về hướng nam núi Tu Di, mà vách núi phía nam của Tu Di sơn lại bằng ngọc bích nên biển trời, cây cối ở địa cầu chúng ta đều là màu xanh. Trong không khí Bắc Cưu Lưu

châu thì tất cả cây cối, biển trời đều mang màu vàng kim, vì châu này nằm bên hướng bắc núi Tu Di. Còn ở Đông Thắng Thần Châu, hầu hết mọi thứ thuộc về thiên nhiên đều có màu bạc, vì châu này nằm bên hướng đông của Tu Di sơn, triền núi phía này toàn bằng bạc. Nói về Tây Ngưu Xa Châu thì biển trời, cây cỏ hoa lá ở đây phần lớn đều mang màu pha lê, vì châu này nằm về phía tây núi Tu Di, và triền núi phía này lại toàn bằng pha lê.

Chư Thiên Đạo Lợi được phân ra hai nhóm: nhóm Địa cư *(bhummaṭṭhadevatā)* và nhóm không cư *(ākāsaṭṭhadevatā)* Đức Đế Thích, 32 vị đại thiên tử dưới quyền và tất cả thiên chúng tuỳ tùng của họ, cũng như 5 nhóm A-tu-la dưới đáy núi Tu Di đều thuộc nhóm Địa cư thiên. Còn không cư thiên là những vị trời sống trong các toà thiên cung bay lơ lửng trên hoảng hư không giữa đỉnh núi với núi*Cakkavāḷa*. Trong khoảng không gian này còn rất nhiều toà thiên cung không người ở, vì chưa có vị trời nào sinh lên nên chúng vẫn lơ lửng ở đó, để chờ đợi sử dụng.

Ngay chính giữa kinh thành *Sadassana* có một toà lâu đài tên *Vejayanta,* cung điện riêng của Đức Đế Thích. Về phía đông kinh thành là hoa viên *Nandavana* rộng 1000 do tuần trong hoa viên này lại có hai hồ sen, một cái tên *Mahānandā,* và một cái tên *Cūḷanandā.* Cả hai đều có bờ hồ đều bằng đá để chư thiên ngồi thưởng ngoạn. Và mỗi bờ hồ cũng được gọi tên theo tên hồ (như bờ đá của hồ *Mahānanadā* thì được gọi là bờ đá *Mahānanadā).* Về phía tây của kinh thành là khu vườn *Citralatā* rộng 500 do tuần, cũng có hai hồ sen, một cái tên *Vitralatā* và một cái tên

*Cūḷavicitrā.* Về phía bắc của kinh thành là khu vườn*Missakavana* cũng rộng 500 do tuần, cũng có hai hồ sen, một cái tên *Dhammā*, một cái tên *Sudhammā.* Về phía nam kinh thành lại cũng có một khu vườn tên *Phārasakavana* rộng 700 do tuần, cũng có hai hồ sen. *Bhaddā và Subhaddā* cả bốn khu vườn vừa kể đều *là* chỗ vui chơi du hý của Chư Thiên Đạo Lợi. Về phía đông bắc của kinh thành *Sudassana* có hai khu vườn nữa, một cái tên *Puṇḍarika* không rõ rộng bao nhiêu, còn một cái tên *Mahāvana* rộng 700 do tuần. Trong vườn *Puṇḍarika* có một cội cây tên *Pāricchatta* (hay *parijāta)* cao100 do tuần, cành nhánh của nó xoè ra 50 do tuần. Đến mùa ra hoa, mùi hương của nó toả đi 100 do tuần. Ngay dưới gốc cây *Pāricchatta* có một bàn thạch tên *Paṇḍukambala*, chỗ ngồi của vua trời Đế Thích và bất cứ nhân vật quan trọng nào đến viếng Đạo Lợi[10]. Chiều rộng của bàn thạch này là 50 do tuần, chiều dài là 60 do tuần, còn chiều dày của nó như hoa hồng *(japā)* Bàn thạch *Paṇḍukambala* này đặc biệt ở chỗ là khi có người ngồi lên, tự nhiên nó nhún xuống êm ái như đàn hồi vậy, nếu không có ai ngồi thì vẫn trong hình dạng cũ. Trong vườn *Puṇḍdarika* còn có một thính pháp đường tên *Sudhammā* và một ngôi tháp ngọc bích tên *Cūḷamaṇī* cao 100 do tuần. Trong tháp này có tôn trí chiếc răng nhọn bên phải của Đức Phật và phần tóc mà Ngài đã cắt bỏ khi đi xuất gia. Nói về khu vườn *Mahāvana* thì đây là chỗ nằm nghĩ của thiên vương Đế Thích trong mỗi khi

[10] Khi ngự lên Đạo Lợi thuyết tạng Thắng pháp, bậc Đạo sưđã ngồi trên bàn thạch này

Ngài muốn thư giãn oai nghi cho hoàn toàn thoải mái. Tại khu vườn này có một hồ sen tên *Sunanadā* rộng một do tuần và có tới 1.000 toà thiên cung"

Chư thiên Đạo Lợi toàn là những người có tạo trữ ít nhiều công đức đặc biệt từ đời quá khứ nên cuộc sống tại đây chỉ có những thiên lạc thù thắng, và hầu như cái gì ở Đạo Lợi cũng hấp dẫn, khả hỷ cả. Chư thiên nam Đạo Lợi suốt đời luôn luôn có dung sắc như một thanh niên 20 tuổi. Chư thiên nữ Đạo Lợi ở tuổi nào cũng xinh như thiếu nữ 16 tuổi. Trên đây không có tình trạng tóc bạc, da mồi, răng rụng, mắt loà... Thiên nhân cõi Đạo Lợi cũng không bao giờ bị một chứng bệnh hay một biến chứng khó chịu nào của cơ thể, vì vật thực chư thiên chỉ toàn là tịnh phẩm *(saddhābhojana)*, ăn vào không có bài tiết nhớp nhúa như ở cõi người trên Đạo Lợi không có việc đại tiện, tiểu tiện. Thiên nữ ở đây không bị bận rộn bởi vấn đề kinh nguyệt hay thai nghén. Nhưng đó là nói về hạng Không Cư Thiên, còn hạng Địa cư Thiên đôi khi cũng có tình trạng kinh nguyệt và thai nghén như nhân loại.

Trên thiên giới Đạo Lợi không có vấn đề ruột rà, máu mủ, trong quan hệ tình thân. Nghĩa là khi sanh lên thiên giới, nếu ta xuất hiện trên đùi của vị trời nào thì ta được xem như là con của vị trời đó. Đối với các thiên nữ, nếu lúc sanh lên cõi trời, xuất hiện trong phòng ngủ của vị trời nào thì các nàng đương nhiên được xem là vợ của vị trời ấy. Nếu các thiên nữ sanh ra trong phạm vi chung quanh buồng ngủ của vị trời nào thì các nàng phải làm người trang sức sắc đẹp cho vị trời ấy. Nếu hoá sanh, các thiên

nữ xuất hiện ngay trong cung điện của của vị trời nào thì được xem là phải có bổn phận hầu hạ vị trời ấy. Những điều vừa nói trên đã được ghi lại trong *sakkapañhā-suttanta-atthakathā* và *Mūlapaṇṇāsa-atthakathā: Devānaṃ dhītā ca puttā ca aṅke nibbattanti pādaparicārikā itthiyo sayane nibbattanti tāsaṃ maṇḍanapasādhanakārikā devatā sayanaṃpariyāretvā nibbattanti veyyāvacchakarā antovimāna nibbattanti*!

Nói chung đối với các thiên nhân mới hoá sanh nếu họ hiện ra trong cung điện của vị trời nào thì được xem như thuộc về vị trời ấy hoặc làm con, hoặc vợ hay làm người hầu hạ. Nhưng không phải, sự việc bao giờ cũng đơn giản như vậy, bởi lần nọ có một thiên nhân lúc mới hoá sanh lên Đạo Lợi hiện ra ngay giữa của hai toà cung điện do hai vị trời làm chủ. Cả hai tranh giành nhau, ai cũng nói rằng vị tân thiên nhân đó thuộc về mình. Thế rồi họ đưa nhau đến gặp Đức Đế Thích để nhờ Ngài phân xử. Đức Đế Thích phán rằng:

- Kể từ nay, nếu sự việc tương tợ thế này xảy ra lần nữa thì hễ vị tân thiên nhân đưa mắt nhìn về cung điện nào thì xem như thuộc về vị trời trong cung điện đó. Nếu vị tân thiên nhân không nhìn cung điện nào cả thì có nghĩa là vị ấy thuộc về trẫm!

Mỗi vị trời có một số lượng tuỳ chúng khác nhau, có vị chỉ được 500 thiên nhân tuỳ tùng có vị được 700 tuỳ tùng, có vị được cả 1000 thiên nhân làm tuỳ tùng. Như vậy ta thấy rõ ràng là trên thiên giới số Chư Thiên không có cung điện riêng luôn đông đảo hơn số thiên nhân có cung điện

riêng và trênthiên giới vẫn có những cuộc tranh chấp, xung đột giống như ở cõi người.

Giữa Chư thiên nam và Chư thiên nữ vẫn có vấn đề tình cảm như nhân loại. Ta có thể tìm được một trường hợp điển hình về chuyện này qua cuộc tình giữa một thiên tử nhạc công tên *Pañcasikha* với nàng thiên nữ *Suriyavacchasā*, con gái của Thiên tử *Timbaru*. *Pañcasikha* là một nhạc sĩ có tài trên thiên giới, vị này cũng thuộc hàng thiên tử (nhưng thiên nhân có đại uy lực). Ngón sở trường của vị thiên tử nhạc công này là chơi đàn, cây đàn của *Pañcasikha* tên *Beluva* và dài 3 *gāvuta* (3/4 do tuần). *Pañcasikha* đã đem lòng, yêu thương thiên nữ *Suriyavacchasā*. Ngày nọ, vị này đem đàn đến khẩy trước mặt nàng rồi hát.

*"Yaṃ me atthi kataṃ puññaṃ*
*Arahantesu tādisu*
*Taṃ me sabbaṅgakalyāṇi*
*Tayā saddhiṃ vipaccataṃ!*

"Công đức nào ta đã tạo đối với chư Thánh La Hán, mong sao tất cả công đức ấy hãy nở hoa kết trái cho chúng mình, hỡi mỹ nhân toàn hảo"

Nhưng *Suriyavacchasā* không thể đáp lại mối tình đó của *Pañcasika*, vì nàng đã phải lòng một người khác, thiên tử *Sikhaddhi*, con trai của thiên tử *Mātali* (vị đánh xem cho Đức Đế Thích). Về sau, Đức Đế Thích vì thâm cảm công ơn của *Pañcasika* đối với Ngài[11] cũng như xét thấy

[11] Chính thiên tử Pañcasika đã đưa Đế Thích xuống gặp bậc Đạo Sư khi Đế Thích sắp mạng chung, vào dịp này... đã chứng được sơ quả

vị này có nhiều thiện tánh đáng quý nên đã cưới thiên nữ *Suriyavacchasā* cho.

Đối với các thiên nữ không có đôi bạn, cho dù có cung điện riêng, cũng không được hạnh phúc bởi thay vì những thiên nữ có đôi bạn thì người ta đưa nhau đi du hý ở các hoa viên, thiên giới, còn các nàng thì cứ thui thủi một mình. Hạnh phúc lứa đôi cũng là một khía cạnh của thiên lạc, mà mỗi vị trời đều có một mức độ hưởng thụ khác nhau tuỳ theo trữ lượng công đức mà mình đã tu tạo đời trước. Có vị thiếu thiên chúng tuỳ tùng, có vị lại quá dư, có vị được cung điện to đẹp, có vị chỉ được cung điện loại nhỏ, hoặc thậm chí không có cung điện riêng. Có vị thì nhiều hào quang, toả sáng cả 100 do tuần. Có vị ít hào quang, chỉ toả sáng năm ba do tuần hay ít hơn thế nữa. Như trong *Suttantamahāvagga-atthakathā* có ghi:

*Yā sā sabbadevatānaṃ vatthalaṅkāravimānasarīrānaṃ pabhā dvādasayojanāni pharati mahāpuññānaṃ pana sarīsappabhā yo janasataṃ pharati!*

Điều quan trọng cần biết là chư thiên trong cõi thấp không thể nhìn thấy chư thiên cõi cao, vì mỗi tầng trời có một thân sắc thô tế khác nhau. Thân sắc chư thiên cõi cao luôn luôn vi tế hơn chư thiên cõi thấp vì vậy chư thiên cõi cao có thể nhìn thấy chư thiên cõi thấp. Và khi nào muốn cho chư thiên cõi thấp thấy được thân tướng của mình, thì chư thiên cõi cao phải tự hoá hiện cho thô thiển hơn. Điều này đã được ghi nhận trong *Suttantamahāvaggatthakathā:*

*Heṭṭhā heṭṭhā hi devatā uparūparidevānaṃ oḷārikaṃ katvā māpitameva attabhāvaṃ pasituṃ sakkonti!*

Việc đó cũng giống như trường hợp loài hoá sanh đối với nhân loại, nhân loại không thể nhìn thấy loài hoá sanh, nếu loài này chưa tự biến thân sắc của mình trở nên thô thiển, trong khi các loài hoá sanh muốn nhìn thấy nhân loại lúc nào cũng được.

Tương truyền rằng, thân thể của Chư thiên Đạo Lợi, chẳng những vi tế mà còn vô cùng thanh tịnh. Cơ thể của họ không có tình trạng bài tiết thải chất uế trược, bởi thức ăn của họ toàn là tịnh phẩm *(suddhabhojana)*, nên các vị trời ấy rất gớm cơ thể nhân loại, cho dù đó là cơ thể của vua Chuyển Luân đi nữa; cách xa cả 100 do tuần, các vị trời Đạo Lợi vẫn ngửi được xú khí của xác thân nhân loại và kinh tởm như gặp phải một thứ gì đó hôi thối nhất. Vì vậy trong *suttantamahāvagga-atthakathā* đã có ghi như sau:

*"Divasassa dvikkhattuṃ nahātvā vatthāni tikkhattuṃ parivattetvā alaṅkapaṭimaṇḍitānaṃ cakkavatti ādīnampi manuddānaṃ gandho yojanasate ṭhitānaṃ devatānaṃ kaṇṭhe āsattakuṇapaṃ viya bādhati"*

***Lược dịch:***

Đối với cơ thể nhân loại, kể cả vị Chuyển Luân Vương, dầu có được tắm rửa, thay đồ, trang sức thế nào đi nữa cũng làm cho các vị trời đứng xa cả 100 do tuần cảm thấy kinh tởm như một xác chết hôi thối.

Lại nữa, trên khía cạnh lạc thú vật chất, ở cõi Đạo Lợi luôn thù thắng hơn bất cứ một hạnh phúc khoái lạc nào

của nhân loại. Sự hưởng thụ của các vị đế vương nhân loại không thể so sánh với thiên lạc ở Đạo Lợi. Mà tất cả những thiên lạc ấy đều tập trung tại hoa viên. *Nandavana* (phúc hỷ lâm) và mỗi khi có chuyện gì âu lo buồn phiền thì các thiên nhân Đạo Lợi đều tìm và đây để giải khuây và bao giờ hoa viên *Nandavana* cũng đem lại cho họ một sự thoải mái thật sự đối với những ưu tư đó. Bất cứ một người nào dù chư thiên hay nhân loại, một khi đã được thưởng ngoạn trong hoa viên *Nandavana* thì được xem như người ấy đã thưởng thức trọn vẹn thiên lạc ở cõi Đạo Lợi. Cho nên trong *Sagāthāvaggasaṃyuttā(saṃy)* đã ghi bài kệ sau đây, mà xét ra cũng không đến nỗi quá đáng:

***Đại ý:***

Ai chưa thấy được hoa viên *Nandavana* (tức *Nandavana)* trên Đạo Lợi thì kể như người ấy chưabiết được thế nào là thiên lạc đúng nghĩa. Và không phải chỉ ở Đạo Lợi mới có hoa viên *Nandavana*, ở các tầng trời khác cũng đều có một hoa viên hấp dẫn tương đương như vậy và các hoa viên đó cũng mang tên là *Nandavan*. Như trong *Suttantamahā vagga atthakathā* có nói: *"Sabbesu devalokesu hi nandavanaṃ atthiyeva"* bộ *Sāratthadīpanīṭīkā* viết rằng: *".....Taṃ pana dibbarukkhasahassapaṭimaṇḍitaṃ ta-thā nandavanaṃ phārasakavanañca*: Mỗi hoa viên trong số sáu hoa viên ở cõi Đạo Lợi đều có một ngàn cội thiên thụ (linh thọ) kể cả hai hoa viên *Nandavana* và *Phārusaka"*

Trong vườn *Citralatā* có một dây nho tên *āsavatī*, một ngàn năm Đạo Lợi (tức khoảng 36 triệu năm nhân loại)

mới ra trái một lần chất nước trong giống nho này chính là loại thiên tửu mà Chư Thiên Đạo Lợi vẫn thường ưa chuộng. Mỗi lần uống rượu này vào, các vị trời phải say luý tuý trong cả bốn tháng vì rượu có chất men kích thích cực mạnh, nhưng dĩ nhiên rất ngon. Trong chánh tạng *(jātaka* và *apadāna)* có giải về giống nho trên như sau:

*Āsāvatī nāma latā*
*Jātā cittalatāvane*
*Tassā vassasahassena*
*Ekaṃ nibbattate phalaṃ*

(Theo các Ngài giải thích thì câu "*Ekaṃ nibbattate phalaṃ*" trên đây có nghĩa là "ra trái một lần" chớ không phải là "chỉ ra một trái".

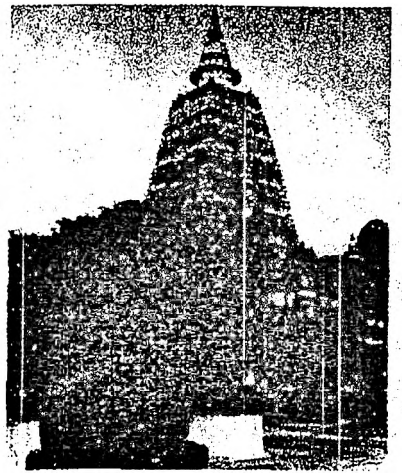

# NHỮNG GIAI THOẠI VỀ ĐỨC ĐẾ THÍCH (SAKKA)

Thiên Vương cõi Đạo Lợi sở dĩ được mang mỹ danh *Sakka* (tàu âm là Đế Thích) vì hai lý do sau:

- *Sakkaccaṃ dānaṃ dadātīti sakko*: Ngài có điểm đặc biệt là luôn bố thí đến người khác bằng một sự trân trọng, cẩn thận.
- *Asure jetuṃ sakkuṇātīti sakko*: Ngài là một thiên chủ có khả năng đánh bại các nhóm A-tu-la.

Quyền lực của Đức Đế Thích rất lớn, chi phối cả hai cõi Đạo Lợi và Tứ Thiên Vương. Toà cung điện *Vejayantu* của Ngài cao 1000 do tuần, chung quanh đầy những cột cờ. Mỗi cột cờ cao 300 do tuần và được cấu tạo toàn bằng bảy báu. Cổ xe của Đức Đế Thích cũng tên *Vejayanta.* Phần trước của xe là chỗ ngồi của thiên tử xa phu. *Mātali* dài 50 do tuần. Phần giữa là chỗ ngồi của Đức Đế Thích, dài 50 do tuần. Chiều dài của cả cổ xe là 150 do tuần. Lòng xe rộng 50 do tuần. Nếu đo giáp vòng toàn bộ cỗ xe thì là 400 do tuần. Chiếc ngự toạ trong trong xe được cấu tạo bằng bảy báu, dài 50 do tuần, rộng cũng 50 do tuần. Cây lộng trắng che ngự toạ cao 3 do tuần. Mỗi khi Đức Đế Thích đi đâu thì có 1000 vị trời biến thành một đàn ngựa thuần chủng *Sindhū* kéo xe cho Ngài và điều khiển họ là thiên tử *Mātali.*

Ngoài những lúc đi xe như vậy, Đức Đế Thích còn đi voi con ngự tượng của Ngài cởi, thật ra là do một thiên tử tự biến thành vị thiên tử ấy tên là *Erāvaṇa* nên khi đã hoá thành ngự tượng cho Đức Đế Thích cũng được gọi là con voi *Erāvaṇa* kỳ thật trong cõi Chư Thiên không có loài bàng sanh. Trong bộ *Sāratthadīpanīṭikā* cũng nói như vậy:

*Sakkassa pana erāvaṇo nāma hatthī diyaḍḍhayojana-satiko so pi devaputtoyevan na hi devalokasmim. Tiracchānagatā honti!*

Ngự tượng Evāraṇa cao 150 do tuần, có 33 cái đầu: Mỗi cái đầu có bảy chiếc ngà. Vậy 33 cái đầu có tới 231 chiếc ngà. Mỗi chiếc ngà dài 50 do tuần và có 7 hồ sen trong đó. Mỗi hồ sen có 7 bụi sen. Mỗi bụi sen có 7 cái hoa. Mỗi hoa sen có 7 cánh sen. Trên mỗi cánh sen có 7 nàng thiên nữ khiêu vũ cho Đức Đế Thích thưởng ngoạn. Như đã nói, voi *Evāraṇa* có đến 33 cái đầu, cái đầu chính giữa có đội một tiểu điện *(maṇḍapa)* cao 12 do tuần rộng 50 do tuần. Trong toà tiểu điện này lại có một bảo toạ bằng ngọc *maṇi* rộng một do tuần dành riêng cho Đức Đế Thích. Chung quanh tiểu điện có treo nhiều chiếc phong linh[12]. Mỗi chiếc dài một do tuần, chỉ cần một cơn gió qua là chúng tự phát ra âm thanh hấp dẫn như tiếng đàn. Đức Đế Thích cũng có hai mắt như các thiên nhân khác, nhưng nhãn lực của Ngài rất tinh tường, tương đương với cả ngàn con mắt khác cộng lại, cho nên Ngài còn được gọi là vị có ngàn

[12] Một đồ chơi nghệ thuật, gồm nhiều miếng kim loại treo lủng lẳng, mỗi khi có gió thổi thì phát ra tiếng nhạc.

mắt (thiên nhãn Đại vương). Như trong *Sarabhaṅgajā takatthakathā* đã viết:

*Sahassanettānaṃ devānaṃ dassanūpacārātikamanasamatthoti sahassanettoti.*

Người nào muốn trở thành thiên chủ Đế Thích cũng phải thực hành chín chắn bảy pháp sau đây:

1. Phụng dưỡng cha mẹ
2. Quý kính người trưởng thượng trong dòng họ
3. Nói lời từ hoà, cam ngôn
4. Tuyệt đối không nói đâm thọc
5. Không bỏn xẻn, keo kiệt
6. Phải luôn tôn trọng sự thật trong cả hành động lẫn lời nói
7. Nỗ lực đè nén lòng sân hận.

- Như ở *Ekanipātajātaka-atthakathā* cũng xác nhận điều đó.

*Mātāpettibharaṃ jantuṃ*
*Kule jeṭṭhāpacāyinaṃ*
*Saṇhaṃ sakhilasambhāsaṃ*
*Pesuṇeyyappahāyinaṃ*
*Maccheravinaye yuttaṃ*
*Saccaṃ kodhābhibhuṃ naraṃ*
*Taṃ ve devā tāvatiṃsā*
*Āhu sappuriso iti!*

# THÍNH ĐƯỜNG (SUDHAMMĀ)

Như đã nói, trên Đạo Lợi có sáu khu vườn. Trong đó có bốn hoa viên công cộng (công viên) và hai hoa viên đặc biệt. Vườn *Mahāvana* được gọi là hoa viên đặc biệt vì ở đây là chỗ nghỉ ngơi dành riêng cho Đức Đế Thích trong những khi Ngài muốn tịnh dưỡng tinh thần, thư giãn oai nghi. Còn hoa viên *Puṇḍrika* sở dĩ cũng được kể vào dạng hoa viên đặc biệt là vì tại đó có những thánh tích quan trọng, thiêng liêng mà không một khu hoa viên nào có được. Thứ nhất, ngôi tháp ngọc bích *Cūḷmaṇi* (nơi tôn trí chiếc răng nhọn bên phải của Đức Phật cùng với mớ tóc của Ngài cắt bỏ trong lúc xuất gia) kế đến là bảo toạ *Pandukam-bala* dưới gốc cây. *Pāricchattaka* nơi bậc Đạo sư đã thuyết tạng Thắng Pháp. Địa điểm quan trọng cuối cùng của hoa viên *Puṇḍarika* là thính đường *Sudhammā*, chỗ Chư Thiên tụ tập trong những dịp pháp hội. Phần trước đã nói ít nhiều về hai thánh tích đầu nên bây giờ giải về thính đường *Sudhammā*

Thính đường này là tụ điểm họp mặt của tất cả thiên chúng ngoan đạo vào những buổi pháp đàm hay thính pháp do Đức Đế Thích làm chủ toạ. Thính đường cao 500 do tuần, bên trong rộng 300 do tuần nếu đo giáp vòng cả chu vi chung quanh thì là 1200 do tuần và được cấu tạo toàn bằng bảy báu. Nền thính đường bằng ngọc pha lê, các

hàng cột đều bằng vàng, phần còn lại đều bằng một trong bảy báu. Bên trong thính đường có một pháp toạ cao là 33 chỗ ngồi dành cho Đức Đế Thích và 32 vị thiên soái thân tín. Từ chỗ đó trở ra là chỗ ngồi của tất cả thiên chúng, hễ ai đại uy lực thì ngồi gần pháp toạ một chút, ai kém hơn thì ngồi xa hơn một chút, cứ thế và cứ thế. Thính đường *Sudhammā* nằm bên gối cây *Paricchattaka.*

Cây *Paricchatta* mỗi năm trổ hoa một lần. Trước khi có hoa trổ, tất cả lá trên cây đều úa màu. Thấy hiện tượng này, chư thiên rất vui mừng vì nghĩ tới ngày được thưởng thức những đặc điểm thù diệu của hoa *Paricchatta.* Tới ngày hoa trổ, trên cây không còn một chiếc lá vì đã rụng hết và chỉ còn lại đầy những hoa với hoa. Hoa *Paricchatta* màu đỏ thắm, toả ánh sáng khắp cả 500 do tuần vuông và mùi thơm của nó bay xa hàng trăm do tuần. Để có được hoa, Chư Thiên không cần phải leo cây, hay dùng sào thọc, mà tự nhiên có một luồng gió tên *Kantana* thổi đến làm rụng các bông hoa mà họ muốn hái. Rồi Chư Thiên cũng khỏi phải lấy đồ hứng chúng làm gì, bởi ngay lúc đó có một luồng gió khác tên *Sampaṭicchana* bay đến quyện lấy các bông hoa đó, nâng cho chúng không rơi xuống mặt đất. Tiếp theo, có nhiều luồng gió nữa thổi tới; mỗi luồng gió làm một việc. Gió *Pavesana* cuốn tất cả bông hoa ấy đưa vào thính đường *Sudhammā*, gió *Sammajjana* (tuệ phong) có nhiệm vụ đẩy ra ngoài những bông hoa đã héo, gió *Santhaka* có nhiệm vụ phân bố các bông hoa tươi ra khắp nơi trong thính đường, không cho chúng gom đống, hay dồn cục vào nhau.

Mỗi khi tới giờ khai mạc pháp hội, Đức Đế Thích cầm cây kèn xà cừ tên *Vijayuttara* thổi vang rền cả kinh đô của Đạo Lợi, để triệu tập thiên chúng. Cây kèn xà cừ này dài 120 hắc tay. Mỗi lần vua trời thổi kèn như vậy, dư âm của nó cứ ngân vang, suốt cả bốn tháng nhân loại mới thật sự chấm dứt. Nói về chư thiên Đạo Lợi, sau khi nghe tiếng kèn ấy, lập tức bay đến tề tựu tại thính đường *Sudhammā*. Hào quang từ thân thể và các món trang sức của mỗi vị trời đã làm chói rực cả thính đường mênh mông đó. Còn riêng về Đức Đế Thích sau khi dùng cây kèn triệu tập thiên chúng *Vejayanta,* leo lên ngự trượng *Evāraṇa* để đi đến thính đường. Thiên chúng tuỳ giá của Đế Thích có tới 36 triệu vị trời.

Thành phần pháp sư trong các buổi pháp hội như thế, thường là phạm thiên *Samakumāra (sanaṅkumāra)* hay chính thiên vương Đế Thích, đôi khi là một hiền trí nào đó.

Từ cõi Đạo Lợi lên tới cõi Tha Hoá Tự Tại, cõi nào cũng có một thính đường *Sudhammā* cả.

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, Đức Đế Thích chỉ hơn các thiên chúng Đạo Lợi trên khía cạnh quyền lực mà thôi, còn về các mặt phước lộc khác như dung sắc, hào quang, đền đài trú xứ thì rất hạn chế, thua kém so với một số thiên tử cùng cõi. Mãi về sau, lúc Phật pháp đã được xiển dương rộng rãi, Đức Đế Thích mới có cơ hội tạo trữ thêm công đức bổ túc những mặt phước lộc mà lẽ ra một vị thiên vương không nên thua sút ai

Nỗi mặc cảm của một đấng thiên vương khi thấy thần dân của mình vượt trội mình về phương diện hạnh phúc luôn luôn đè nặng tâm hồn Đức Đế Thích. Nỗi buồn phiền đó đã đem lại cho Ngài nhiều suy nghĩ. Ngài đã nhận ra một điều là ngôi vị thiên chủ của mình chỉ được hình thành từ một quá trình tu tạo phước báu đối với chư Thánh nhân trong đời quá khứ, cho nên bây giờ họ là những vị thù thắng hơn Ngài về nhiều mặt phước lộc. Biết được yếu điểm của mình, Đức Đế Thích quyết tâm tìm lấy một cơ hội để san bằng sự chênh lệch đó. Và cơ hội ấy đã đến với Ngài hay nói đúng hơn, Ngài đã nhìn thấy nó và cố không để vuột mất.

Ngày nọ, trưởng lão *Mahākassapa* (Đại Ca Diếp) vừa xuất khỏi thiền diệt, với lòng bi mẫn vô bờ đối với những chúng sanh khốn khó, Ngài đã ôm bát đi vào một xóm nghèo để khất thực. Từ thiên giới Đế Thích biết được suy nghĩ của Trưởng Lão, Ngài mừng quá, nên đã cùng vợ là Hoàng Hậu *Sujātā* bay xuống cõi người, rồi cả hai biến thành một đôi vợ chồng già đang ngồi dệt vải trong một căn nhà tồi tàn ở xóm nghèo ấy, chỗ mà lát nữa Đức Trưởng lão *Mahākassapa* sẽ đi ngang qua. Thế rồi như đã hẹn trước, sau khi đi tuần tự, nhà này qua nhà khác, Trưởng lão *Mahākassapa* đã dừng lại trước căn nhà tồi tàn của đôi vợ chồng già nọ. Họ dẫn nhau ra đặt bát cho Ngài. Lúc đầu Trưởng lão không để ý đến đôi vợ chồng già ấy là ai, vì cử chỉ, cung cách của họ cũng tự nhiên như bao tín gia ngoan đạo khác. Nhưng rồi nhìn qua các thức thực phẩm thơm ngát mà đôi vợ chồng già nọ vừa cúng dường,

Trưởng lão *Mahākassapa*, liền biết ngay rằng đó là vợ chồng thiên chủ Đế Thích. Thế rồi Trưởng lão lên tiếng trách cứ thiên chủ Đế Thích:

- Thiên vương nên hiểu rằng hôm nay ta cố tình thực hiện một cuộc hoá độ, những người nghèo túng khốn khó, chớ nào phải nhận vật cúng dường của một người đại phước như Ngài đâu.

Đức Đế Thích vội thưa Trưởng lão:

- Bạch Ngài, nếu nói về mặt phước lộc thì con cũng là một kẻ khốn khó. Vì với cương vị thiên chủ cõi Đạo Lợi mà con vẫn thua kém các thiên tử khác về nhiều mặt vật chất bởi họ đã từng tạo trữ. Công đức nơi chư Thánh nhân còn riêng con thì chưa từng ạ, nên hôm nay con muốn được cúng dường một bậc hiền thánh như Ngài. Tất cả chỉ có vậy, thưa Trưởng lão.

Được Trưởng lão *Mahākassapa* thọ thí, vợ chồng Đức Đế Thích bay về thiên giới. Kể từ đó, ngài có đầy đủ mọi khía cạnh thiên lạc và trở thành một thiên vương đúng nghĩa.

Về sau, lúc sắp mệnh chung thiên chủ Đế Thích xuống yết kiến Đức Phật để thỉnh pháp, và nhờ vậy chứng được sơ quả. Chứng sơ quả xong, Đức Đế Thích mệnh chung ngay trước mặt Đức Phật và lập tức tái sanh trở lại làm thiên vương như củ. Hết kiếp thiên vương này, Ngài sẽ sanh xuống cõi người để trở thành một vị Chuyển Luân Vương. Hết kiếp Chuyển Luân Vương Ngài lại tái sanh về Đạo Lợi. Ở kiếp Chuyển Luân Vương Ngài tiến đạt nhị

quả. Ở Đạo Lợi bận này Ngài tiến đạt tam quả rồi sau đó sanh lên cõi Tịnh Cư thứ nhất. Sau khi lần lượt sanh đủ năm cõi Tịnh Cư, Ngài mới chứng ngộ Tứ quả và Níp Bàn luôn trên cõi ấy đó là y cứ theo bộ *Sumaṅgalavilāsinī*.

# GIAI THOẠI VỀ A-TU-LA VƯƠNG RĀHU

Trong Đạo Lợi thiên chúng có một vị trời tên là *Asurindarāhu*, thân hình to lớn hơn bất cứ vị thiên nào trong sáu cõi trời Dục giới. Chiều cao của vị này là bốn ngàn tám trăm do tuần. Hai vai rộng 1200 do tuần, vòng tròn thân mình là 600 do tuần, bàn tay và bàn chân to đến 200 do tuần, vầng trán rộng 300 do tuần, cái đầu to 900 do tuần. Chỗ sâu nhất của đại dương chỉ ngập tới đầu gối *Asurindarāhu*. Những gì vừa nói đều y cứ vào *Suttantamahāvaggatthakathā*:

- *Rāhu asurindo pana pādantato yāva kesantā yojanānaṃ cattārisahassāni aṭṭha ca satāsi honti, tassa dvinnaṃ bāhānaṃ antaraṃ dvādasayojanasatikaṃ bahalatthena chayojanasatikaṃ, hatthapādatalāni puthulato dviyojanasatāni, tiyojanasatikāni nāsikā, tathā mukhaṃ, ekekaṃ aṅgulipabbaṃ paññāsayojanaṃ, tathā bhamukantaraṃ, nalāṭaṃ tiyojanasatikaṃ, sisaṃ navayojanasatikaṃ, tassa mahāsamuddaṃ otiṇṇassa gambhīraṃ udakaṃ janupamāṇaṃ hoti!*

(Với hình thù như vậy, ta thấy thân thể vị này rất quái dị bởi không cân đối tí nào cả)

*Asurindarāhu* là phó vương dưới cõi A-tu-la (đáy núi Tu Di) và thường cao ngạo, tự mãn về vóc dáng đồ sộ của mình, nên dù được nghe chư thiên, tán dương Đức Phật

thế nào đi nữa, vị ấy cũng không chịu đến yết kiến Ngài, bởi vì nghĩ rằng với thân hình khổng lồ như mình thì muốn tới gặp bậc Đạo Sư phải khom lưng hết mức mới có thể trò chuyện với Ngài; mà đường đường vị A-tu-la vương thế này lại hạ mình tột độ trước người khác thì làm sao chịu nổi. Thế là *Rāhu* chưa bao giờ xuống cõi người để hầu Phật cả. Một hôm vì nghe Chư Thiên bảo rằng bậc Đạo Sư có ân đức vô lượng,*Rāhu* bèn tò mò muốn xuống gặp Ngài một bận xem sao. Rồi *Rāhu* đi xuống cõi nhân loại.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết được tư tưởng của *Rāhu*, Ngài suy nghĩ: "Ta phải dùng oai nghi nào để hoá độ nó đây?" Ngài đã quyết định chọn oai nghi nằm vì như vậy mới làm cho Rāhu khiếp phục. Rồi bậc Đạo Sư bảo *Ānanda* đem chiếc giường của Ngài ra đặt bên ngoài hương thất và Ngài lên nằm trên đó. Nói về *Rāhu* sau khi đến chỗ Đức Phật đã phải nghễnh cổ lên để nhìn Ngài giống như đứa bé nắm mặt trăng vậy, thế rồi bậc Đạo Sư bảo *Rāhu*:

- Này *Rāhu*, ngươi thấy ta thế nào?

*Rāhu* vội kính cẩn thưa với Ngài:

- Bạch Thế Tôn! Con không biết uy lực vô lượng của Ngài nên không chịu đến hầu Ngài, chứ nếu con biết Ngài như thế này thì có lẽ con sẽ không dám cao ngạo đâu ạ!

Bậc Đạo Sư từ tốn nói với *Rāhu*

Này *Rāhu*! Khi tu tạo Ba la mật, Như Lai chưa bao giờ cúi mặt bất lực trước pháp độ nào, Như Lai chỉ biết ngẩn đầu đối mặt. Khi tu tạo pháp độ, Như Lai không hề biết tới

sự chùn chân, lùi bước trước trở lực nào; do đó, khi muốn nhìn Như Lai ai cũng phải ngước mặt chớ không phải cúi khom xuống như người nghĩ đâu *Rāhu* ạ!

Sau đó Ngài thuyết một thời pháp cho *Rāhu* nghe và an lập vị ấy vào Tam quy.

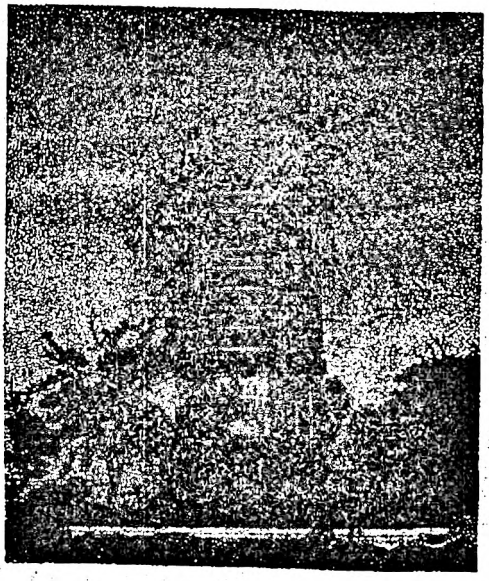

# BIỆT GIẢI BỐN CÕI DỤC THIÊN CÒN LẠI

Trước hết nói về cõi Dạ Ma *(yāma),* tên gọi này xuất phát từ các lời giải tự dưới đây:

- *Dukkhato yātā upagatāti yāmā* (căn yā + ma) (gọi là Chư Thiên *Yāma* vì đời sống của họ hoàn toàn cách biệt với mọi nhọc nhằn đau khổ)

- *Dibbasukhaṃ yātā payātā sampattāti yāmā* (căn ya + ma (gọi là Chư Thiên Dạ Ma chỉ đời sống ở đây chỉ biết đến thiên lạc)

- *Yāmānaṃ nirāsā yāmā (nivāsataddhita)*: (gọi là cõi Dạ Ma vì đó là trú xứ của những thiên nhân, chỉ biết tới thiên lạc, chưa từng biết tới sự nhọc nhằn)

Lại nữa, vị thiên chủ của tầng trời Dục giới thứ ba này cũng mỹ danh, là *Yāma* hay *Suyāma* nên đó cũng là lý do, tại sao cõi này được mang tên là cõi Dạ Ma. Cũng như thiên chủ cõi Đâu Xuất *(Tusita)* có mỹ danh *Santusita,* thiên chủ cõi *Nimmānarati* có mỹ danh *Nimmita* hay *sunimmita,* thiên chủ cõi *Paranimmita* có mỹ danh *Paranimmita* vậy. Vì thế cõi Dạ ma còn được định nghĩa cách khác:

- *Yāmanāmakassa devarājassa bibbattoti yāmo* (được gọi là cõi Dạ Ma vì đây là trú xứ của thiên chủ *Yāma)*

Cõi trời Dạ Ma này hoàn toàn nằm trên hư không nên không có hạng thiên chúng Địa Cư Thiên như ở hai cõi dưới. Đền đài, thiên lạc, thân tướng của Chư Thiên Dạ Ma hơn hẳn Chư Thiên Đạo Lợi, cả tuổi thọ cũng thế. Chiều rộng hơn của cõi này vươn ra đến tận bức vách vũ trụ mà trong không gian bao la đó đầy những cung điện của thiên chúng Dạ Ma.

Kế đến, nói về cõi Dục Thiên thứ tư là tầng trời Đâu Xuất *(Tusita)*, ta hãy tìm hiểu ý nghĩa của tên gọi này qua câu giải tự dưới đây:

- *Niccaṃ tusanti ettha nibbatā devāti tusitā* (gọi là cõi Đâu Xuất vì thiên chúng ở đây lúc nào cũng vui tươi, hân hoan cả)

Quả thật vậy, Chư Thiên cõi Đâu Xuất không bao giờ biết buồn phiền, ưu tư bởi điều kiện sống trên đó không có gì để họ phải như vậy cả, dù chỉ chút ít, cho nên trong bộ *Anāgatavaṃsa-atthakathā* có ghi rằng kiếp cuối cùng trước khi giáng sanh xuống cõi người để thành đạo, bất kỳ vị Bồ Tát Toàn Giác nào cũng đều sanh lên cõi Đâu Xuất. Như trường hợp Bồ Tát Di Lạc cùng nhị vị chí thượng thinh văn, của mình trước khi giáng sanh xuống cõi nhân loại cũng phải sanh lên Đâu Suất, chờ đợi khi nào hạn định tuổi thọ của loài người vừa đúng tám muôn năm thì các vị mới sanh xuống. Điều này cho thấy rằng về một phương tiện nào đó, cõi Đâu Xuất thù thắng hơn tất cả cõi trời khác.

Tiếng *Tusita* còn được giải tự theo cách khác: *Attano sirisampattiyā tusaṃ pītiṃ itā gatāti tusitā* (Chư Thiên cõi

Đâu xuất là những vị tự hài lòng thoả mãn, với thiên lạc của mình) vậy thì:

- *Tusitānaṃ nivāsa tusitā* (cõi Đâu Suất là trú xứ của những vị thiên nhân hài lòng, thoả mãn với mức độc thiên lạc cực kỳ đầy đủ của mình)

Cõi Đâu Suất cách cõi Dạ Ma bốn muôn hai ngàn do tuần. Thiên chúng ở đây hoàn toàn không có hạng Địa Cư Thiên, vì chỉ sống trên hư không. cung điện, thiên lạc, thân tướng, tuổi thọ ở cõi Đâu Suất hơn hẳn cõi Dạ Ma.

Tiếp theo là nói về cõi Hoá Lạc *(Nimmānarati)*. Sở dĩ có tên gọi như vậy là vì y cứ vào lý do sau đây:

- *Yathārucite bhoge suyameva nimminitvā nimminitvā ramanti etthāti nimmānarati* (gọi là cõi Hoá Lạc vì thiên chúng tại đây muốn hưởng thụ thiên lạc nào thì cứ tự tiện hoá hiện ra mà hưởng thụ tuỳ thích).
- *Nimmāne rati etesanti nimmānaratino* (thiên chúng cõi Hoá lạc là những vị hưởng thụ các khoái lạc do tự mình hoá hiện)
- *Nimmānaratīnaṃ nivāsa nimmānaratī* (cõi trời Hoá Lạc là trú xứ của những vị thiên nhân tự hoá hiện các vật chất khoái lạc để thụ hưởng)

Chư Thiên trong bốn cõi trời thấp thì còn có đôi có cặp vấn đề quan hệ tình cảm, riêng về chư thiên ở hai cõi Hoá Lạc và Tha Hoá Tự Tại thì không có như vậy, dù thiên nam hay thiên nữ cũng đều độc thân. Ở cõi Hoá Lạc, khi nào muốn vui thú, khoái lạc nhục cảm, các thiên nam,

thiên nữ chỉ việc hoá hiện ra một thiên nhân khác phái là xong, họ sẽ cùng với thiên nhân vô tri ấy gần gũi xác thịt.

Cõi Hoá Lạc các cõi Đâu Suất bốn muôn hai ngàn do tuần, cũng toàn là hạng không cư thiên và các khía cạnh vật chất như đền đài, thân tướng tuổi thọ đều hơn hẳn cõi Đâu Suất.

Cõi dục thiên cao nhất là cõi Tha Hoá Tự Tại *(Paranimmitavasavattī)*. Sau đây là lý do của tên gọi đó:

- *Attano rucim ñatvā parehi nimmitesu bhogesu vasaṃ vattanti etthāti paranimmitavasavattī* (gọi là cõi Tha Hoá Tự Tại vì thiên chúng ở đó muốn thụ hưởng thiên lạc nào thì tự nhiên có người khác biết ý, và hoá hiện ra cho hưởng thụ ngay)
- *Paranimmitavasavattīnaṃ nivāsā paranimmitavasavattī* (trú xứ của những thiên nhân thụ hưởng khoái lạc do người khác hoá hiện được gọi là cõi Tha Hoá Tự Tại)

Tức là mỗi khi Chư Thiên trên tầng trời này muốn hưởng thụ vật chất, bất kỳ món nào, thì các vị trời bộ hạ của họ lập tức biết ý và hoá thiện ra cho thụ hưởng ngay, kể cả những lúc họ muốn vui thú xác thịt. Chính vì thế, Chư Thiên Tha Hoá Tự Tại cũng không có vợ chồng hay tình nhân riêng như Chư Thiên dưới bốn cõi trời thấp nhất. Về khía cạnh này, cõi Hoá Lạc và Tha Hoá Tự Tại giống nhau.

Cõi Tha Hoá Tự Tại cách cõi Hoá Lạc bốn muôn hai ngàn do tuần và mọi phương diện vật chất đều vượt trội hơn Hoá Lạc Thiên.

Thiên chủ của cõi Tha Hoá Tự Tại là thiên tử *Vasavattīmāra,* vị trời mà ta vẫn gọi là Ác Ma hay Ma Vương. Quyền lực của vị này rất lớn, chi phối cả 6 cõi trời Dục giới Ác Ma thiên tử vốn không tín mộ Phật Giáo và đã nhiều lần khuấy phá Đức Thế Tôn, kể từ buổi Ngài bỏ ngôi vua đi xuất gia cho đến lúc viên tịch Níp Bàn. Khi phật lịch đã trải qua 300 năm, tại kinh đô *Pāṭiliputta* có vị Hoàng Đế tên *Asoka* (A-Dục), Ngài rất sùng đạo và đã cho kiến tạo tám muôn bốn ngàn ngôi tháp với ý nghĩa là cúng dường tám muôn bốn ngàn pháp uẩn mà bậc Đạo Sư đã để lại cho đời. Công trình xây dựng các ngôi tháp kéo dài suốt bảy tháng bảy ngày mới hoàn thành. Trong khi công việc còn đang dở dang, thì Ác Ma thiên tử lại hiện xuống phá rối, nhưng đã bị Trưởng lão *Upagutta* dùng thần lực nhiếp phục. Nhờ Ngài Trưởng lão cảm hoá, Ác Ma thiên tử hồi tâm, hối lỗi đem lòng quy ngưỡng Tam Bảo và phát nguyện trở thành một Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác trong tương lai.

# PHẦN PHỤ GIẢI VỀ SÁU CÕI TRỜI DỤC GIỚI

Có một vấn đề vẫn được bàn cãi giữa những người nghiên cứu, về đời sống tình cảm của Chư Thiên trong sau cõi trời Dục giới là hình thức làm tình trên sáu cõi ấy như thế nào; khác nhau hay giống nhau.

Theo ý kiến của một số vị Giáo Thọ Sư *(Keciācariyā)* thì Chư Thiên ở cõi Đạo Lợi và Tứ Thiên Vương cũng có hình thức làm tình như nhân loại, nghĩa là vẫn có những chi tiết thô thiển. Đối với Chư Thiên cõi Dạ Ma thì có khá hơn một chút, họ thoả mãn nhục cảm bằng những nụ hôn và sự xúc chạm của hai cơ thể. Về sinh hoạt tính dục của Chư Thiên cõi Đâu Suất, Thiên nam cùng Thiên nữ nắm tay nhau thôi. Các vị trời ở cõi Hoá Lạc chỉ cần nhìn nhau mỉm cười. Còn đối với Chư Thiên Tha Hoá Tự Tại thì tế nhị nhất, họ chỉ nháy mắt với người khác phái và như thế cũng đã thấy quá đủ.

Nhưng theo các Ngài chú giải sư (*Atthakathācariya)* thì hình thức làm tình trên sáu cõi trời dục giới chẳng có gì là khác biệt với nhân loại như trong sớ giải kinh *Sangīti (Sumaṅgalavilāsinī* 3/249) có nói: "*Channampi kāmā vacarānaṃ kāmāpākatikā eva:* sinh hoạt tình dục của Chư Thiên trên sáu cõi trời Dục giới cũng bình thường như nhân loại thôi".

Lại nữa, chư vị chú giải sư, còn bác bỏ ý kiến của các giáo thọ sư, nói trên như sau, trong: *Suttatapāthika-vaggatthakathā*[13]: *Evaṃ pana natthīti paṭikkhittaṃ, na hi kāyena aphussantassa phoṭṭhabbaṃ kāmakiccaṃ sādheti*: một khi không có sự xúc chạm cơ thể thì không thể nói là làm tình được".

Các Ngài phụ giải sư *(ṭīkācariya)* cũng đồng ý với chư vị chú giải sư qua câu nói sau đây trong *Terasakaṇḍavi-mayaṭīkā*[14]: *"Manussā viya hi te dvayaṃ dvayaṃ samā-pattivaseneva methunaṃ paṭisevanti*; Chư Thiên trên sáu cõi trời Dục giới cũng làm tình bằng cách ôm chặt lấy nhau như nhân loại".

Có điều đáng ghi rằng (đối với tất cả Chư Thiên không có tình trạng xuất tinh) còn trong bộ *Jerasakaṇḍavina-yaṭīkā* lại trích lời Ngài giáo thọ sư *Dhammapāla* (người tích lan) xác nhận điều đó một cách hạn chế hơn: *khīṇāsavāsaṃ pana brahmānañca sambhavo nathīti, ācariyadhammapālattherena vuttaṃ* (chỉ có bậc lậu tận và Chư Phạm Thiên mới không xuất tinh). Tiếng lậu tận ở đây ám chỉ cho hai tầng thánh quả cao nhất.

Vấn đề giải quyết sinh lý chỉ có ở cõi dục giới, và chỉ có đối với hai tầng thánh thấp cùng tất cả phàm phu. Trong số các phàm phu, ta còn phải kể rõ một vài trường hợp ngoại lệ là đối với chúng sanh dưới địa ngục và giống ngạ quỷ. *Nijjhāmataṇhika* đều không bao giờ có việc giao cấu bởi đời sống của chúng là những chuỗi ngày đau đớn

[13] Sumaṅgalavilāsinī 3/248

[14] Sāratthadīpanīṭikā 3/3

cùng cực và liên tục nên còn tâm trí nào nghĩ tới nhục dục nữa. Riêng về các loài hữu tình khác ở Dục Giới thì đều bị nhục dục cảm chi phối cả. Để cảnh tỉnh mọi người về khoái lạc xác thịt các Ngài đã nói như sau:

*Peteyyasukhasaṃyuttaṃ*
*Pipāsacchātapīḷitaṃ*
*Dutiyasādhakaṃ kāmaṃ*
*Jegucchеyyam. Na kiṃ budhā*

"Trí nhân không sao yếm ly được khoái lạc nhục cảm một khi vẫn còn bị ám ảnh bởi những khao khát, thèm thuồng về nó. Khoái lạc nhục dục chẳng khác gì niềm hạnh phúc chợt đến chợt đi của loài ngạ quỷ!"

Nếu bàn về phương diện Phật Pháp ngay thời điểm hiện tại thì ta phải nhìn nhận một điều là trên thiên giới có nhiều điểm ưu thắng hơn cõi nhân loại. Tại sao lại như vậy? Bởi vì vào thời kỳ Bậc Đạo Sư, còn tại thế, mỗi xứ trong Diêm Phù Đề (Ấn Độ) đều có rất nhiều Thánh cư sĩ và họ đã lần lượt nhau sanh lên các tầng trời. Thế là số lượng thánh chúng trên cõi trời đã tăng vọt. Riêng số lượng thiên nhân chứng đạt thánh quả, trên các cõi trời thì phải nói là không thể đếm được, vì cứ mỗi lần đức Thế Tôn thuyết giảng một bài kinh đặc biệt (như kinh Chuyển Pháp Luân) kinh Đại Hội, kinh Đại Niệm Xứ, kinh Vô Ngã Tướng, kinh Bình Tâm – *samacittasutta*....) thì có đến hàng vạn hàng ức vị trời đắc quả, nhất là vào dịp Ngài thuyết tạng Thắng Pháp, những con số đó được nhân lên nhiều lần. Trong khi đó ở cõi người, ngày một vắng bóng

thánh nhân, thậm chí cho đến nay, hầu như không còn ai nữa.

Sở dĩ có tình trạng đáng buồn, hơn thế nữa, đáng lo ngại như vậy là vì vào thời buổi bây giờ trong thế giới nhân loại không có được mấy người chuyên tu thiền Quán. Đã thế, sự chứng đạt thánh quả luôn đòi hỏi phải hội đủ bảy yếu tố tiêu chuẩn mà đối với loài người bây giờ thật không dễ gì thành tựu trọn vẹn:

1. Phải là người tam nhân
2. Phải có một vốn liếng trí tuệ về Thiền Quán từ đời trước.
3. Phải có những nổ lực đáng kể ngay đời hiện tại tức lúc gia công tu Quán.
4. Phương pháp thực hành phải đúng theo chánh tạng và chú giải *(Atthakathā)*
5. Phải có một trú xứ thích hợp
6. Phải thật sự rỗi rãnh thoải mái, không bị phân tâm bởi thập quái niệm (mười điều ràng buột-*Palibodha)*
7. Phải tu tập đúng thời, hợp lúc

Và một lý do quan trọng khác nữa đã dẫn đến tình trạng thiếu vắng Thánh nhân ở cõi người, là phần đông ai cũng tu quán như là một thói học đòi làm thánh lố bịch. Họ tu quán vì nhiều động cơ hạ đẳng hoặc vì danh, hoặc vì lợi. Lý tưởng tầm thường đó được phát hoạ qua những suy nghĩ, những tính toán:

- Mọi người sẽ biết ta là người tu tập thiền Quán, đó là một vinh dự đáng kể.

- Với danh nghĩa một tu sĩ chuyên tu thiền Quán, ta sẽ được hộ độ dồi dào.
- Trong chánh tạng, bậc Đạo Sư còn nêu rõ năm điều tiên quyết *(padhāniyaṅga)* để mỗi người có thể dựa vào đó mà tự xác định được rằng mình có thể chứng ngộ thánh qủa ngay đời hiện tại hay không:

1. Phải có niềm vui tịnh tín tuyệt đối vào Tam Bảo vào vị Thiền Sư.
2. Phải có một cơ thể *mạnh* khoẻ, vô bệnh
3. Không dối thầy dối bạn, nghĩa là phải thật sự trung thực đối với thiền Sư cùng các thiền sinh đồng môn.
4. Phải dám lập nguyện hy sinh tánh mạng và xương máu của mình cho công phu tu Quán.
5. Ít nhất cũng đạt đến sanh diệt tuệ của thiền Quán *(Udayabbayañāṇa)*

Y cứ vào năm điều tiên quyết này của một người muốn chứng ngộ thánh quả ngay đời hiện tại, thiền sinh có thể tự tìm hay không trong quá trình tu quán của mình. Chỉ cần khiếm khuyết một trong năm chi tiên quyết thì xem như đạo quả ngay đời hiện tại đã nằm ngoài tầm tay thiền sinh.

Nói chung, nơi nào có đông đảo giáo đồ thì nơi đó Phật Pháp phát triển mạnh mẽ. Vì vậy, nếu xét trên mặt địa bàn xiển dương Phật Giáo thì trên thiên giới gần như là một thánh địa bởi vì ở đó có một lực lượng thánh nhân quá động đảo hùng hậu và số thiên chúng quy ngưỡng Tam Bảo cũng đông hơn số lượng Phật Giáo đồ ở cõi người, nhưng tuy vậy, nói về những thiện sự tích cực trong công

cuộc xiển dương chánh pháp thì ở cõi nhân loại ưu thắng hơn, trên thiên giới. Bởi vì chỉ có ở cõi người, Tam Tạng mới được truyền thừa bằng nhiều cách: giảng dạy, học tập, thuyết giảng và thỉnh văn. Còn trên thiên giới, các vị trời chỉ làm được hai việc thuyết pháp và thỉnh pháp. Cho nên ta thấy rõ ràng là Phật Pháp ở cõi nhân loại tuy kém phần ồ ạt nhưng lại le lói trong những nỗ lực tích cực thay vì trên thiên giới thì có phần tiêu cực hơn, vả lại, trên thiên giới cũng không có Chư Tăng như ở cõi người. Đó là những nét ưu thắng của Phật Pháp dưới cõi nhân loại mà thiên giới không thể bì được.

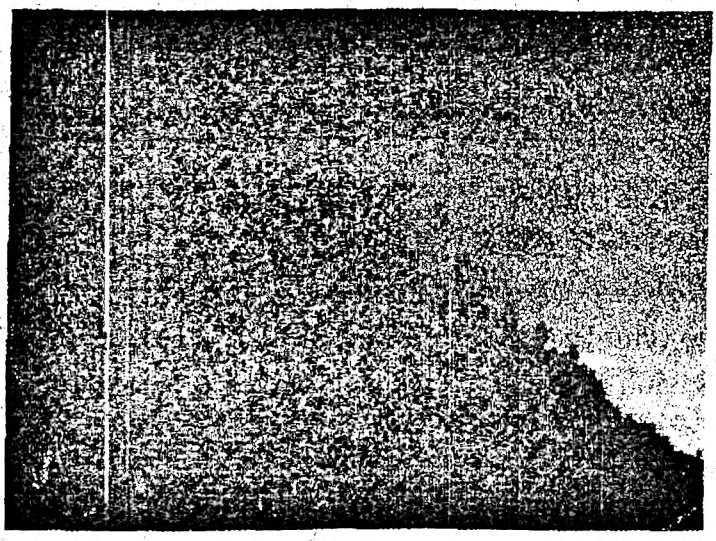

# BIỆT GIẢI VỀ 16 CÕI SẮC GIỚI

Trước hết ta phải tìm hiểu ý nghĩa của hợp từ *Rūpāvacarānaṃ* (cõi sắc giới)

- *Rūpabrahamnaṃ avacarā bhūmi rūpāvacarabhūmi* (gọi là cõi sắc giới vì tại đây là trú xứ của Chư Phạm Thiên Hữu Sắc)

- *Rūpāvacarānaṃ bhūmi rūpāvacarabhūmi* (cõi sắc giới là chỗ mà các tâm dị thục sắc giới có thể sanh khởi)

- *Rūpassa bhavo rūpaṃ (rūpāvacarabhūmi)* (cõi sắc giới là cõi Phạm Thiên còn có sắc pháp).

Tất cả cõi sắc giới đều là trú xứ của Chư Phạm Thiên *(Brahma)*. Vậy, Phạm thiên là gì?- tiếng *Brahma* có nghĩa là "người có ân đức ưu việt, người có pháp tánh cao trổi", ân đức ưu việt hay pháp tánh cao trổi ở đây ám chỉ cho thiền định, trình độ cao thấp của tâm linh. Chính các Ngài cũng đã định nghĩa về danh xưng này như sau:

- *Brāhanti vaḍḍhanti atipaṇītehi jhānādiguṇehīti brahmāno* (chư Phạm Thiên là những vị tiến đạt, phát triển các pháp tánh ưu việt như thiền định chẳng hạn)

Có hai trường hợp tiến phát, tiến phát về thế tục và tiến phát về pháp tánh.

Tiến phát về thế tục là sự dồi dào các khía cạnh vật chất như uy quyền, danh vọng, đồ chúng, lợi lộc... Tiến phát về pháp tánh là sự tăng thượng trên các phương diện giới hạnh, thiền định, trí tuệ, đạo quả...

Hay nói cách khác tiến phát về pháp tánh là sự tiến bộ trong pháp học *(pariyattidhamma)* pháp hành *(patipatti-dhamma)* và pháp thành *(paṭivedhadhamma)*. Ở một chừng mực nào đó, Chư Phạm Thiên chẳng những tiến phát về pháp tánh mà còn là những người tiến phát về các mặt thế lợi. Bởi vì từ hào quang, dung sắc, thân tướng, tuổi thọ, thiên lạc ở Phạm Thiên giới đều thù thắng hơn Chư Thiên các cõi Dục Giới. Trên Phạm Thiên giới cũng có đền đài, hoa viên kỳ vĩ, đẹp đẽ gấp mấy lần các cõi Dục thiên. Đó là ý nghĩa của danh từ *Brahma*.

Sau đây sẽ lần lượt biệt giải về từng cõi Phạm Thiên theo mỗi tầng thiền, trước hết là ba cõi sơ thiền.

# CÕI PHẠM CHÚNG THIÊN (BRAHMAPĀRISAJJABHŪMI)

- *Parisati bhavā brahmapārisajjā* (các phạm chúng thiên cõi Phạm Chúng là những vị Phạm Thiên tầm thường, không có quyền uy gì đặc biệt so với Chư Phạm Thiên khác cũng ở tầng sơ thiền)
- *Brahmānaṃ pārisajjā brahmapārisajjā* (Chư Phạm thiên cõi Phạm chúng còn là những tuỳ tùng thuộc hạ của các vị đại Phạm Thiên).

Mười sáu cõi sắc giới được phân ra thành bốn tầng Phạm thiên giới, dựa trên theo bốn tầng thiền vức. Mỗi tầng Phạm Thiên giới lại có ba cấp Phạm Thiên *(brahma)*.

1. *Brahmapārisajjabhūmi*: hạng Phạm Thiên tuỳ tùng của các vị Phạm chủ hay Đại Phạm Thiên.
2. *Brahmapurohitabhūmi*: hạng Phạm Thiên làm phụ tướng cho các vị Phạm Chủ.
3. *Mahābrahma:* Đại Phạm Thiên có quyền lực chi phối hai hạng trên.

Chỗ ở của mỗi cất Phạm Thiên được gọi tên theo vai trò của họ. Như vậy, trú xứ của cấp Phạm Thiên thuộc hạ được gọi là cõi Phạm Chúng, như các Ngài đã giải thích:

- *Brahmapārisajjānaṃ nibbattāti brahmapārisajjā*

# CÕI PHẠM PHỤ THIÊN (BRAHMAPUROHITABHŪMI)

- *Pure ucce ṭhāne chanti tiṭṭhantīti purohitā* (người giữ chức vụ cố vấn trong triều đình thì được gọi là thái phó hay trọng phụ) - hay là:
- *Pure agge dhīyate thapiyatehi purohito*!
- *Brahmānaṃ purohitā brahmapurohitā*

(Phạm Phụ Thiên là những vị cố vấn hay thái phó cho Đại Phạm Thiên)

Chỗ ở của các Phạm Thiên cố vấn này cũng được gọi là cõi Phạm Phụ (brahmapurohitā), như câu giải tự dưới đây:

- *Brahmapurohi tānaṃ nibbattāti brahmapurohitā*!

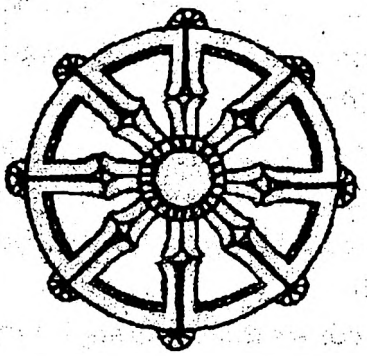

# CÕI ĐẠI PHẠM THIÊN (MAHĀBRAHMĀBHŪMI)

- *Brūhati parivaddhatiiti brahmā*

(Phạm Thiên là những vị mà cái gì cũng vượt bực, ưu việt) - thật vậy, Chư Phạm Thiên nếu so với các chúng sanh ở Dục Giới thì các vị luôn hơn hẳn họ về mọi khía cạnh thiền định thắng trí, tuổi thọ, dung sắc, thiện lạc và uy lực.

- *Mahanto brahmā mahābrahmā.*

(Đại Phạm Thiên là những phạm chủ cai quản tất cả Phạm Thiên ở hai cõi Phạm Chúng và Phạm Phụ)

Trong hàng ngũ đại Phạm Thiên lại được phân ra ba cấp nữa.

- Hạng Đại Phạm Thiên có hào quang chói rực cả 1000 vũ trụ *(cakkavāla)*, được gọi bằng mỹ danh *Sahassabrahma.*

- Hạng thứ hai tên là *Dvisahassabrahma*: có hào quang chiếu sáng cả 2000 vũ trụ.

- Hạng thứ ba được gọi là *Tisahassabrahma* có hào quang toả rộng khắp 3000 vũ trụ chỗ ở của các đại Phạm Thiên cũng được gọi là cõi Đại Phạm *(Mahābrahmānaṃ nibbattāti mahābrahmā)*

Tuy nói là ba cõi sơ thiền, nhưng kỳ thực đó là ba khu vực riêng nằm chung trên một mặt bằng bao la. Khu vực của Phạm Chúng Thiên thì gọi là cõi Phạm Chúng, khu

vực của các Phạm Phụ Thiên thì gọi là cõi Phạm Phụ. Khu vực của vị Đại Phạm Thiên thì gọi là cõi Đại Phạm Thiên hay lãnh địa của các Phạm Thiên. Và ở khu vực nào cũng đầy dẫy những đền đài, hồ sen, hoa viên. Chúng được cấu tạo toàn bằng bảy báu, và luôn chiếu rực hào quang. Nói tóm lại, ba cõi sơ thiền đều nằm chung trên một mặt bằng và từ tầng Phạm Thiên giới này xuống tới cõi Tha Hoá Tự Tại là năm triệu năm ức tám ngàn do tuần. Mặt bằng của tầng này hoàn toàn nằm trên hư không. Để xác định vị trí từng cõi trong tầng sơ thiền, *Dhammahadayavibhaṅga-atthakathā* có ghi:

*Ime tayopu janā paṭhamajjhānabhūmiyaṃ ekatale vasanti – (sammohavibnodanī* 685)

Trong tầng sơ thiền có một vị Phạm Vương cai quản tất cả Phạm Thiên. Đồng thời đó cũng là vị Phạm Thiên có mặt đầu tiên trên tầng sơ thiền vào điểm vũ trụ này mới vừa được hình thành. Chính trong bài Kinh Phạm Võng đức Thế Tôn đã kể lại rằng khi thế giới này bị tiêu hoại xong, một thế giới mới mẻ được cấu tạo và lúc đó trên tầng Phạm Thiên giới có một vị Phạm Thiên xuất hiện trước tiên, sống một mình tại đây. Rồi thời gian sau, có nhiều Phạm Thiên kia là sáng tạo chủ, là Thượng đế của mình. Cả vị Phạm Thiên cũng nghĩ như vậy.

Từ đó, các Phạm Thiên hậu sinh trở thành đồ chúng cho vụ ấy. Một số làm cố vấn, còn một số làm tuỳ tùng. Vậy ở tầng sơ thiền chỉ có một vị Đại Phạm Thiên mà thôi và khi vực được gọi là cõi Đại Phạm ấy thực ra là trú xứ riêng của vị Phạm Thiên Trưởng lão nọ.

Một luận cứ nữa cũng xác đáng là khi đề cập đến Đại Phạm Thiên sơ thiền, bậc Đạo Sư chỉ dùng danh từ số ít. Điển hình là đoạn Phật Ngôn sau đây được trích đã từ *Brahmasaṃyutta:*

*"Tatra sudaṃ bhikkhave brahmā (mahābrahmā) ca brahmaparisā ca brahmapārisajjā ca ujjhāyanti khīyanti...."*

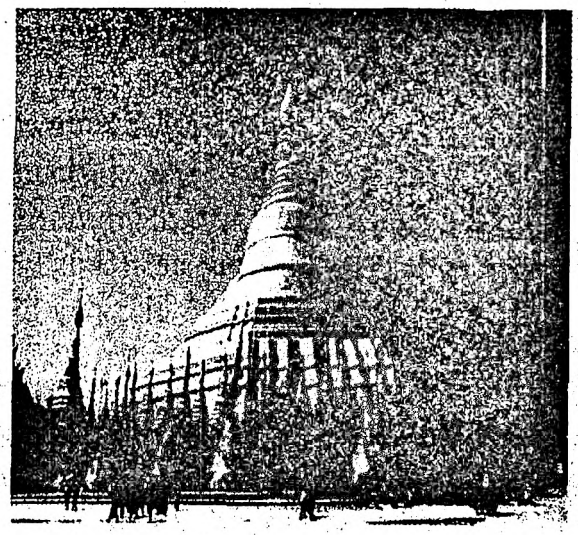

# PHẠM THIÊN GIỚI NHỊ THIỀN CÕI THIỂU QUANG THIÊN (PARITTĀBHĀBHŪMI)

- *Parittā ābhā etesanti parittābhā* (Phạm Thiên cõi Thiểu Quang Thiên là những vị có hào quang kém nhất trong tầng nhị thiền)
- *Parittābhāvaṃ nibbattāti parittābhā* (cõi Thiểu Quang là trú xứ của các Phạm Thiên kém hào quang ấy)

# CÕI VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN (APPAMĀṆĀBHĀBHŪMI)

- *Appamāṇā ābhā etesanti appamāṇābhā* (Phạm Thiên Vô Lượng Quang là những vị có hào quang toả ra suốt khắp vô biên)
- *Appamāṇābhānaṃ nibbattāpi appamāṇābhā* (cõi Vô Lượng Quang Thiên là trú xứ của cá Phạm Thiên có hào quang vô lượng).

# CÕI QUANG ÂM THIÊN (ĀBHASSARĀBHŪMI)

- *Sarati nissaratīti sarā*: (cái gì được túa ra xẹt ra, phóng ra thì gọi là: "tia hay vệt bắn, lằn xẹt")
- *Ābhā sarā etesanti ābhassarā* (Phạm Thiên cõi Quang Âm là những vị Phạm Thiên có hào quang phóng túa từ thân mình ra thành từng tia) hay là:
- *Ābhā saranti niccharanti eteṣūti ābhassarā* (ý nghĩa tương tự như trên).

Tâm tư các Phạm Thiên cõi Quang Âm luôn tràn đầy hỷ lạc, một tâm thái trong sáng thanh tịnh.

Với một nội tâm thuần khiết như vậy thì sẽ tác động đến sắc diện, gọi theo *Abhidhamma* là sắc tâm *(cittajarūpa)* loại sắc pháp được tâm trợ sanh)

Ở đây, sắc tâm ấy lại làm điều kiện cho hào quang phát sanh chính vì thế, từ thân mình của Phạm Thiên Quang Âm luôn túa ra nhiều tia sáng rực rỡ. Ta gọi các tia hào quang đó là *cittapaccaya utujarūpa* (loại sắc quý tiết do tâm lý trợ sanh). Nói về trú xứ của các Phạm Thiên Quang Âm thì cũng được gọi tên theo cách phát sáng của họ là Quang Âm Thiên *(ābhassarānaṃ nibattāti ābhassarā)*

Ba cõi của tầng Phạm Thiên Nhị Thiền đều nằm chung trên một mặt bằng được cấu tạo bởi bảy báu. Và dĩ nhiên mỗi hạng Phạm Thiên, ở một khu vực khác nhau, ta gọi

khu vực của Phạm Thiên Thiểu Quang là cõi Thiểu Quang Thiên, khu vực của Phạm Thiên Vô Lượng Quang thì được gọi là cõi Vô Lượng Quang, khu vực Phạm Thiên Quang Âm chính là cõi Quang Âm Thiên. Từ mặt bằng của tầng Nhị Thiền xuống tới tầng Phạm Thiên giới sơ thiền là năm triệu năm ức tám ngàn do tuần và ở tầng nhị thiền cũng có cung điện, hoa viên, hồ sen cùng cội Như ý Thọ (*kapparukkha*) các Phạm Thiên Thiểu Quang có vai trò tương đương như Phạm Chúng Thiên ở tầng sơ thiền, các Phạm Phụ Thiên ở tầng sơ thiền, còn các Phạm Thiên Quang Âm thì chẳng khác gì Đại Phạm Thiên ở tầng sơ thiền.

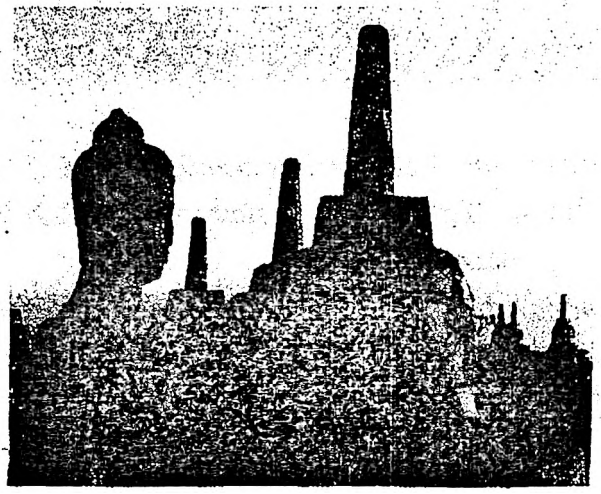

# PHẠM THIÊN GIỚI TAM THIỀN CÕI THIỂU TỊNH THIÊN (PARITTASUBHĀBHŪMI)

- *Parittā subhā etesanti parittasubhā*:

(Phạm Thiên cõi Thiểu Tịnh Thiên là những Phạm Thiên có ánh hào quang kém chói lọi kém xinh đẹp nhất trong tầng tam thiền)

- *Parittasubhānaṃ nibbattāti parittasubhā*

(cõi Thiểu Tịnh Thiên là cõi của những Phạm Thiên có hào quang kém ánh sắc nhất trong tầng tam thiền)

# CÕI VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN (APPAMĀṆASUBHĀBHŪMI)

- *Appamāṇā subhā etesanti appamāṇasubhā* (Phạm Thiên cõi Vô Lượng Tịnh Thiên là những vị có ánh hào quang cực kỳ huy hoàng)

- *Appamāṇasubhānaṃ nibbattāti appamāṇasubhā* (trú xứ của các Phạm Thiên ấy cũng được gọi là cõi Vô Lượng Tịnh Thiên)

# CÕI BIẾN TỊNH THIÊN (SUBHAKIṆHĀBHŪMI)

- *Subhāti ākiṇṇāti subhākiṇṇā (subhākiṇhā)* (Phạm Thiên cõi Biến Tịnh Thiên, là những vị toàn thân được bao bọc bởi một vầng hào quang chói lọi)
- *Subhākiṇṇāmaṃ nibbattāti subhakiṇṇā* ( và trú xứ của họ được gọi là cõi Biến Tịnh Thiên)

Tiếng *subhā* (xinh đẹp, lộng lẫy) ở đây chỉ cho ánh sắc hào quang của Chư Phạm Thiên ở cõi tam thiền. Nhưng hào quang thế nào mới gọi là đẹp? các Ngài bảo rằng hào quang của Chư Phạm Thiên trên tầng tam thiền này tương tợ như vầng sáng của mặt trăng vậy. Có nghĩa là các tia hào quang đan vào nhau tạo thành một quầng tròn không khuếch tán.

Và sở dĩ tiếng *subhākiṇṇa* được biến dạng ra *subhākiṇhā* là vì người ta đổi chữ "ā" trong *subhākiṇṇa* thành A, rồi đổi nốt chữ Ṇ thứ hai trong *kiṇṇa* thành ra *subhakiṇhā*. Xét theo văn phạm Pāli thì dù thay đổi như vậy cũng không làm mất nghĩa, không trái với mẹo luật ngữ pháp. Chẳng hạn như trong câu giải tự sau đây các ngài cũng đâu giữ nguyên dạng *subhākiṇṇa*

- *Subhena kiṇṇāti subhākiṇṇā*

*để xác nhận điều này, trong Mulaṭīkā đã ghi như sau:*

*Sobhanapabhāya kiṇṇā subhākiṇṇāti vattabbe ākārassa rassattaṃ antimaṇakarassa hakārañca katvā su-*

*bhakiṇhāti vuttā at pana subhena kiṇṇā subhakiṇṇā (vibhaṅgamūḷatīkā 232-233)*

Ba bậc Phạm Thiên tam thiền vừa kể đều ở chung một chỗ nhưng được gọi tên khác nhau là vì y cứ vào mỗi ánh sắc hào quang khác nhau. Mặt bằng của tầng tam thiền hoàn toàn lơ lửng trên hư không, được cấu tạo toàn bằng bảy báu. Cách tầng phạm xứ nhị thiền năm triệu năm ức tám ngàn do tuần và cũng có đủ đền đài, hoa viên, hồ sen, cội Như Ý thọ.

Phạm Thiên cõi Thiểu Tịnh Thiên có vai trò tương đương với phạm chúng thiên ở tầng phạm xứ sơ thiền. Phạm thiên cõi Biến tịnh thiên có cương vị tương đương như Phạm Phụ Thiên và Phạm Thiên cõi Biến Tịnh Thiên thì hoàn toàn ở vị trí giống như Đại Phạm Thiên ở tầng sơ thiền.

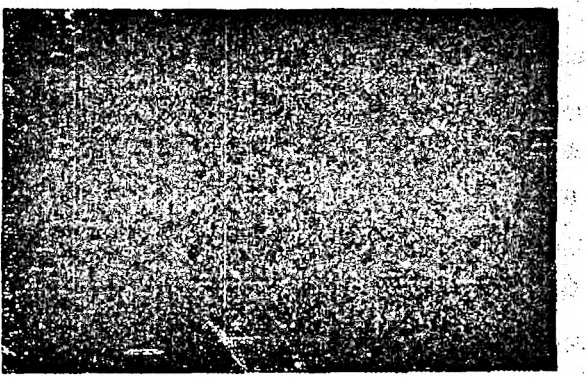

# PHẠM THIÊN GIỚI TỨ THIỀN CÕI QUẢNG QUẢ THIÊN (VEHAPPAHALĀBHŪMI)

- *Vipulaṃ phalaṃ etesanti vehapphalā* (phạm thiên cõi Quảng Quả là những vị đáo đạt các thành quả to lớn)

Ở đây, theo câu giải tự trên thì tiếng Quảng Quả phải có tên *Pāli* là *Vipulaphalā* nhưng người ta đã đổi thành *Vehapphalā* bằng cách lấy *Veha* thế *Vipula,* lấy **ppha** thế **pha**. Chỉ có vậy.

Nói về cõi Quảng Quả thì có các câu giải tự sau đây:

- *Jhānānurūpaṃ visesena ṭhitaṃ āneñjitaṃ puññaphalaṃ ettha atthīti vehapphalā* (cõi Quảng Quả là một phạm xưa mà ở đó các Phạm Thiên hưởng được một phúc quả kiên cố, đặc biệt và bất động nhờ năng lực thiền định) hay gọn hơn:

- *Vehapphalānaṃ nibbattāti vehapphalā*!

Sở dĩ phúc quả dưới ba tầng phạm xứ thấp không được gọi làphúc quả rộng lớn (Quảng Quả) vì khi thế giới này bị tiêu hoại bằng hoả giới thì ba cõi ở tầng phạm xứ sơ thiền bị tiêu hoại theo. Khi thế giới này tiêu hoại bằng thuỷ giới thì tất cả tầng nhị thiền phạm xứ cũng bị tiêu hoại. Tới khi thế giới bị tiêu hoại bằng phong giới thì kể cả tầng phạm xứ tam thiền cũng bị tiêu hoại nốt, Chư Phạm Thiên trong ba tầng phạm xứ đó cũng phải chấm dứt thọ mạng.

Trong chín cõi của ba tầng phạm xứ thấp chỉ có Phạm Thiên cõi Biến Tịnh Thiên là có hạn lượng tuổi thọ lâu nhất đến cả 64 đại kiếp, còn những Phạm Thiên sinh ra sau đó thì sống ít hơn, bởi trước khi họ sống tới đại kiếp thứ 64, cõi Biến Tịnh Thiên đã bị tiêu hoại vì đã đến chu kỳ thế giới tiêu hoại bằng phong giới (muốn rõ điều này hãy xem ở phần sau).

Nói về cõi Quảng Quả thì không bị tiêu hoại bằng cách nào trong ba cách; hoả giới, thuỷ giới, phong giới, và Phạm Thiên trên cõi này dù sanh ra trong thời gian nào cũng sống đủ 500 đại kiếp nhờ năng lực của ngũ thiền. Chính vì thế cõi này được gọi là cõi Quảng Quả.

Theo quy luật, các cấp thiền định hỷ thọ không được kiên cố, thù thắng bằng thiền định xả thọ. Mà các tầng phạm xứ thấp thì đều là tương ứng với thiền định hỷ thọ, nên các Phạm Thiên thấp không thể bì được với các cõi Phạm Thiên cao trên nhiều mặt vì các tầng phạm xứ cao đều là cõi của những Phạm Thiên tứ thiền (nói theo *Abhidhamma* là ngũ thiền) và tứ thiền luôn là xả thọ.

# CÕI VÔ TƯỞNG THIÊN (ASAÑÑASATTABHŪMI)

- *Natthi saññā etesanti asaññā* (Phạm Thiên Vô Tưởng là những vị không có sở hữu tưởng)

Tuy ở đây nói là không có sở hữu tưởng như ta phải hiểu rằng trên cõi đó cũng không có cả những thành phần danh uẩn khác (bởi tứ danh uẩn không bao giờ tách rời nhau, hễ có một là có cả bốn, hễ không có đủ bốn thì không bao giờ có một) Đây chỉ là một danh từ được gọi theo cách *Upalakkhaṇanidassananaya* (ghép xảo ngữ hay lối nói mẹo)

- *Natthi saññāmukhena cattāro arūpakkhandhā ete-santi asaññā* (Phạm Thiên Vô Tưởng là những vị không có tứ danh uẩn mà Tưởng uẩn là đại diện)

- *Asaññāca te sattā cāti asaññasattā* (tuy chỉ là những ngẫu tượng vô tri nhưng vẫn được gọi là chúng sanh, đó chính là người vô tưởng vậy)

Thường thì chúng ta ai cũng nghĩ rằng cái gì vô tri cái đó không phải là chúng sanh, sinh linh. Suy nghĩ ấy cũng khá đúng nhưng không phải hoàn toàn đúng. Điển hình là các Phạm Thiên, họ hoàn toàn không có tâm thức nhưng họ vẫn có sinh mạng. Sở dĩ có trường hợp kỳ lạ như vậy là do khi đã chứng đạt ngũ thiền ở cõi người họ đã tác ý ly tham đối với tâm thức *(saññāvirāgabhāvanā)*

Sau khi mệnh chung từ cõi người, họ đã sinh lên cõi sắc giới làm Phạm Thiên vô tưởng. Nói cho đúng hơn, chỉ là những ngẫu tượng vô tri. Nhưng không phải vì thế mà họ không được gọi là chúng sanh, cho nên Ngài Giáo thọ sư *Anuruddha* cố tình dùng tới từ *satta* để gọi họ Asaññasatta, với mục đích làm nổi bật và khẳng định chỗ đứng của họ trong hàng ngũ các chúng sanh.

- *Asaññasattānaṃ nibbattāti asaññasatta* (cõi của những hữu tình vô tri được gọi là cõi vô tưởng)

Tuy gọi riêng là cõi Quảng Quả và cõi vô tưởng nhưng kỳ thực hai cõi đó nằm chung trên một mặt bằng. Mặt bằng này cách tầng tam thiền phạm xứ năm triệu năm ức tám ngàn do tuần và cũng được cấu tạo bằng bảy báu, cũng có hoa viên, hồ sen và cây như ý (không thấy các ngài nhắc tới đền đài cung điện gì cả). Và mặt bằng này cũng hoàn toàn lơ lửng trên hư không.

Phạm Thiên cõi Quảng Quả cũng được phân ra làm ba hạng, dựa trên ba cấp ngũ thiền bậc hạ (hīna), bậc trung *(majjhima)* và bậc thượng *(paṇīta)*. Vị trí của ba hạng Phạm Thiên này cũng tương tợ như ba hạng ở cõi sơ thiền. Nhưng sở dĩ các Ngài Chú Giải Sư không kể rõ ba hạng nầy vì hạng nào cũng có tuổi thọ bằng nhau và đều có thể trông thấy nhau thay vì ở ba tầng phạm xứ thấp, thì hạng Phạm Thiên dưới không thấy được hạng Phạm Thiên trên, nếu các vị Phạm Thiên trên chưa tự hoá thô tướng cho thấy.

# CÕI NGŨ TỊNH CƯ PHẠM XỨ (SUDDHAVĀSA)

Năm cõi tịnh cư cũng thuộc tầng phạm xứ ngũ thiền (tức Tứ thiền nói theo tạng kinh), nhưng ở đó chỉ có chư Thánh nhân tam quả và tứ quả, không có hạng nào khác cho dù có chứng đạt ngũ thiền đi nữa. Do đó các Ngài đã định nghĩa tiếng Tịnh cư Phạm xứ như sau:

*Suddhānaṃ anāgāmi arahantānameva āvāsāti suddhavāsā* (các cõi tịnh cư chỉ dành cho bậc Tam quả và Tứ quả ở thôi)

Năm cõi tịnh cư nằm trên hư không, theo thứ lớp từng cõi, chớ không nằm chung như các tầng Phạm Thiên thấp cao. Cõi tịnh cư đầu tiên các cõi Quảng quả và Vô tưởng năm triệu năm ức tám ngàn do tuần và mỗi cõi tịnh cư cũng cao thấp hơn nhau chừng đó. Bây giờ giải về từng cõi một.

# CÕI VÔ PHIỀN THIÊN (AVIHĀBHŪMI)

- *Appaken kālena attano thānaṃ na vijahantīti avihā* (Phạm Thiên cõi Vô Phiền Thiên là những vị sống trọn vẹn với cái mình có, không bị thất thoát hay mất mát gì cả)
- *Attano sampattiyā na hāyantīti avihā* (Phạm Thiên Vô Phiền Thiên là những Phạm Thiên trước sau vẫn giữ nguyên cái gì mình đã thành đạt, không để thất thoát mất mát)

Sở dĩ định nghĩa như vậy về Chư Phạm cõi Vô Phiền Thiên là vì các vị này luôn sống hết thọ mạng của mình, không bao giờ mệnh chung khi hạn lượng tuổi thọ ở cõi Vô Phiền Thiên chưa hết. Không như Phạm Thiên trên cõi Tịnh Cư cao, các Phạm Thiên trên ấy thường không sống hết tuổi thọ mà mình được quyền sống lại nữa, những thiên lạc trên cõi Vô Phiền Thiên cũng chỉ chấm dứt khi thọ mạng của Chư Phạm Thiên chấm dứt. Vì thế cõi Tịnh Cư đầu tiên được gọi là cõi Vô Phiền Thiên. Như các Ngài cũng đã định nghĩa:

- *Avihānaṃ nibbattāti avihā!*

Phạm Thiên ở cõi "không thất thoát mất mát" được gọi là Phạm Thiên Vô Phiền Thiên, cõi của họ cũng mang tên là cõi Vô Phiền Thiên.

# CÕI VÔ NHIỆT THIÊN (ATAPPĀBHŪMI)

- *Na tappantīti atappā* (Phạm Thiên Vô Nhiệt Thiên là những Phạm Thiên không có sự bức nhiệt trong nội tâm)

Sở dĩ nói như vậy là vì Phạm Thiên ở cõi này thường xuyên nhập quả định *(Phalasamāpatti-* thiền quả) nên các phiền não cái *(nīvaraṇa*) không có cơ hội bọc khởi để gây bức nhiệt. Nhờ vậy nội tâm Chư Phạm Thiên này luôn an tịnh mát mẻ.

- *Atappānaṃ nibbattāti atappā* (cõi của các Phạm Thiên như vậy được gọi là cõi Vô Nhiệt Thiên)

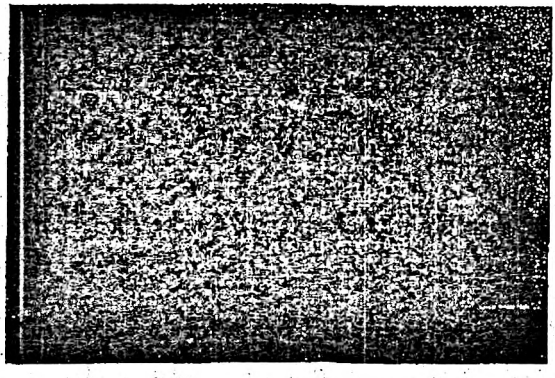

# CÕI THIỆN KIẾN THIÊN (SUDASSĀBHŪMI)

- *Sukhena disantīti sudassā* (Phạm Thiên Thiện Kiến là những Phạm Thiên mà ai nhìn vào cũng thấy mình được an vui, thoải mái).

Quả thật vậy, thân tướng của Chư Phạm Thiên. Thiện kiến rất đẹp, chỉ cần được nhìn thấy các vị là người khác cũng đã thấy hoan hỷ, an lạc.

Từ *Sudassa* (thiện kiến) còn được định nghĩa như sau:

- *Parisuddhehi pāsādadibbadhammapaññācakkhūhi sampannattā suṭṭhu passantīti sudassā*

(Phạm Thiên Thiện Kiến là những Phạm Thiên có đủ ngũ nhãn thanh tịnh: *Pāsadacakkhu* (nhục nhãn), *dibbadacakkhu* (thiên nhãn), *dhammacakkhu* (pháp nhãn), *Paññācakkhu* (tuệ nhãn), nên nhìn cái gì cũng dễ dàng.

Ở đây nhục nhãn là con mắt thường, Thiên nhãn là nhãn lực siêu nhân được thắng trí *(abhiññā)* tác động, tức là cũng mặt thường đấy nhưng được trợ lực bằng thần thông nên có thể nhìn thấy mọi vật xa gần, thô thế dễ dàng. Chư Phạm Thiên Thiện Kiến có nhãn lực rất bình thường, có khả năng nhìn xuyên suốt mọi thứ một cách rõ ràng. Còn pháp nhãn chính là ba thánh Đạo thấp. Và tuệ nhãn ở đây là Quán trí *(vipassanāñāṇa)*, phản khán trí *(paccavekkhaṇañāṇa)*, cùng tất cả các thắng trí *(abhiññā)*.

- *Sudassānaṃ nibbattāti sudassā* (cõi của Chư Phạm Thiên ấy cũng được gọi là cõi Thiện kiến).

# CÕI THIỆN HIỆN THIÊN (SUDASSĪBHŪMI)

- *Sukhena passantīti sudassī* (Phạm Thiên Thiện Hiện Thiên là những Phạm Thiên nhìn thấy mọi thứ một cách dễ dàng)

- *Tato atisayena suṭṭhu dassanabhāvena samannāga-tāti sudassī* (Phạm Thiên Thiện Hiện Thiên là những vị có nhãn lực tinh tường hơn cả Phạm Thiên Thiện Kiến).

Tức là nói về pháp nhãn thì Chư Phạm Thiên ở hai cõi Thiện Kiến và Thiện Hiện Thiên bằng nhau, không hơn kém nhau tí gì. Nhưng về nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn thì thì Chư Phạm Thiên Thiện Hiện Thiên hơn hẳn Chư Phạm Thiên Thiện kiến.

- *Sudassīnaṃ nibbattāti sudassī* (Trú xứ của các Phạm Thiên ấy cũng được gọi là cõi Thiện Hiện Thiên)

# CÕI SẮC CỨU CÁNH THIÊN (AKANIṬṬHABHŪMI)

- *Natthi kaniṭṭho etesanti ekaniṭṭhā* (Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh Thiên là những Phạm Thiên đạt được những cái không nhỏ nhoi, tầm thường). Hay là:
- *Natthi rūpīnaṃ sattānaṃ majjhe kenaci guṇena kaniṭṭhabhāvo etesanti akanitthā* (Phạm Thiên Cứu Cánh Thiên là những vị đạt được các pháp to lớn so với Chư Phạm Thiên hữu sắc khác)
- *Akaniṭṭhānaṃ nibbattāti akaniṭṭhā* (trú xứ Chư Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh Thiên

***Thích giải:***

Sở dĩ nói những pháp tánh của Phạm Thiên Sắc Cứu Cánh Thiên không có gì là nhỏ bé, tầm thường, vì lý do là Giới Đức, Định đức, Tuệ đức các của vị ấy vượt trội hơn bất cứ một Phạm Thiên hữu sắc nào, kể cả bốn cõi Tịnh Cư thấp. Phạm Thiên ở bốn cõi Tịnh Cư thấp rất có thể tái sanh sang kiếp khác, riêng về Phạm Thiên cõi Sắc Cứu Cánh Thiên thì trước sau gì cũng Níp Bàn ngay cõi ấy, chớ không tái sanh ở đâu nữa. Đó là quy luật. Đồng thời cũng là nét ưu việt của Chư Phạm Thiên cõi Sắc Cứu Cánh thiên.

Phạm Thiên trên năm cõi Tịnh Cư luôn đồng đẳng nhau theo từng cõi. Trong mỗi cõi không có tình trạng phân hạng cao thấp như ở các tầng phạm xứ thấp ngoài Tịnh

Cư. Bởi vì Chư Phạm Thiên trong mỗi cõi đều có thể nhìn thấy nhau một cách dễ dàng và vị nào cũng có tuổi thọ bằng nhau không ai hơn kém ai.

Bất cứ một người, Chư Thiên hay Phạm Thiên nào muốn sanh vào năm cõi Tịnh Cư đều phải hội đủ hai tiêu chuẩn chứng đạt ngũ thiền cùng tam quả. Ai trội về tín quyền thì sanh vào cõi Vô Phiền Thiên *(Avihābhūmi)*, ai trội về tấn quyền thì sanh vào cõi Vô Nhiệt Thiên *(Atappābhūmi)*, ai trội về niệm quyền thì sanh vào cõi Thiên Kiến *(sudassabhūmi)*, ai trội về Định quyền thì sanh vào cõi Thiện Hiện Thiên *(sudassībhūmi)*, ai trội về Tuệ quyền thì sanh vào cõi Sắc Cứu Cánh Thiên *(Akaniṭṭhabhūmi)*. Nếu ở hết tuổi thọ trong cõi Tịnh Cư thấp mà vẫn chưa chứng Tứ quả thì phải tiếp tục sanh lên từng cõi Tịnh Cư cao hơn để tu tập. Nhưng điểm tối hậu là cõi Sắc Cứu Cánh Thiên đã sanh vào đây rồi thì trước sau gì cũng chứng đạt tứ quả, không bao giờ có trường hợp từ cõi Sắc Cứu Cánh Thiên lại đi tái sanh sang cõi khác.

Trong *vibhāvanīṭīkā* có nói về các cõi TịnhCư như sau:

*Saddhādi-indriyavemattakā nukkamena pañcasu suddhāvāsesu uppajjanti:*

# PHỤC CHƯƠNG VỀ 16 CÕI SẮC GIỚI

Như đã nói trên mỗi cõi Sắc giới đều có ba hạng Phạm Thiên với ba cương vị khác nhau: hoặc là tuỳ chúng, hoặc là cố vấn, hoặc là phạm chủ, nhưng chỉ ở tầng sơ thiền chư Phạm Thiên mới được gọi tên theo từng cương vị. Ở tầng nhị thiền và tam thiền thì Chư Phạm Thiên được gọi tên theo cách phát quang của mình. Riêng về tầng tứ thiền thì Chư Phạm Thiên được xưng danh theo pháp tánh[15] đặc biệt của mình. Chính lối định danh như vậy mới giúp chúng ta hiểu được từng đặc điểm của mỗi phạm xứ, đồng thời cũng giúp chúng ta dễ nhớ.

Cũng như ở cõi Đạo Lợi có tháp *Cūḷamaṇi* để tôn trí răng nhọn của bậc Đạo Sư cùng với lọn tóc mà Ngài đã cắt bỏ khi đi xuất gia, trên cõi Sắc Cứu Cánh Thiên cũng có một ngôi tháp để tôn trí bộ vương phục của Đức Bồ Tát Sĩ Đạt Ta. Nguồn gốc của bộ vương phục này là khi Bồ Tát bỏ hoàng thành đi xuất gia tại bờ sông *Anomā* thì Phạm chủ *Gahaṭikāra* đã từ cõi Sắc Cứu Cánh Thiên hiện xuống dâng cho Ngài tám món pháp khí *(parikkhāra–* như y áo, đồ cạo tóc ống đựng kim, vải lược nước....) rồi mang bộ vương phục của Ngài về thờ trên cõi mình ngôi tháp

[15] Guṇadhamma

tôn trí bộ vương phục đó cao 12 do tuần và được gọi là tháp *dussa* (y phục tháp) như trong tập sớ của bộ *Buddhavaṃsa* cũng có kể lại: *"suddhā vā sabrahmaloke ghaṭi*

Trên các cõi Sắc giới cũng có đền đài, hoa viên, hồ sen như ở sáu cõi Dục Thiên nhưng kỳ vĩ đẹp đẽ hơn nhiều. Trên các cõi Sắc giới cũng cơ cõi Như Ý Thọ *(Kapparukkha)* nhưng cây này không có tạo ra các món thực phẩm nhhư cây như ý ở sáu cõi Dục thiên. Chư Thiên Phạm Thiên cũng biết vừa ý với đền đài hoa viên của mình, nhưng cái vừa ý đó không phải là dục tham thô thiển, bởi từ khi còn ở cõi nhân loại họ đã khước từ nó. Chư Phạm Thiên không có vấn đề giới tính, tuy nhiên, thân tướng của họ thì là hình dáng nam nhân. Nói về sinh hoạt trong đời sống của chư Phạm Thiên thì có vị thường nhập phạm trú Định, tức là nhập định về đề mục vô lượng tâm, nếu là Thánh Phạm Thiên thì nhập quả định để tìm sự an vui cho nội tâm.

Vào thời kỳ giáo pháp của Đức Phật *kassapa* có hai vị tỷ kheo rất thân thiết với nhau. Một vị thì chuyên về pháp học *(ganthadhura)* một vị thì chuyên tu thiền định *(vipassanādhura)*

Sau khi mệnh chung, vị chuyên tu thiền định đã sanh lên cõi thứ ba của tầng phạm xứ sơ thiền, còn vị tỷ kheo chuyên về pháp học thì đã sinh lên dục thiên, rồi sau đó trải qua nhiều sinh hữu để cuối cùng sanh làm Bồ Tát Sĩ Đạt Ta. Nói về vị Phạm Thiên sơ thiền kia chính là Phạm

Thiên *Sahampati,* người đã hiện xuống cung thỉnh bậc Đạo Sư thuyết pháp độ đời.

Trong *sāratthapakāsinī* (1/230) có kể về Phạm Thiên Sahampati như sau: *"so kira kassapassa bhagavato sāsanesahako nāma thero paṭhamajjhā naṃ nibbattetvā paṭhamajjhānabhūmiyaṃ kappāyukabrahmā hutvā nibbatto tatra naṃ sahampatibrahmāti sanjānanti!"*

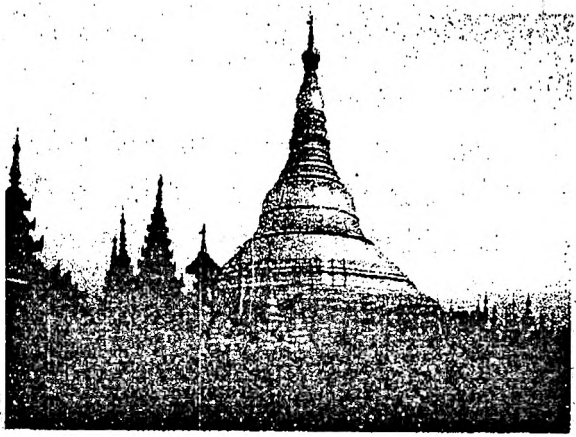

# PHẠM XỨ VÔ SẮC GIỚI

- *Arūpabrahmānaṃ avacarā bhūmi arūpāvacarabhūmi* (cõi vô sắc là khu vực hiện hữu của Chư Phạm Thiên siêu hình)
- *Arūpāvacarānaṃ bhūmi arūpāvacarabhūmi* (ở đâu có tâm quả vô sắc, ở đó là cõi vô sắc vậy)
- *Arūpassa bhavo arūpaṃ (arūpāvacarabhūmi)* (cõi vô sắc là chỗ mà chỉ có danh pháp)
- *Ākāsānañcāyatanassa bhūmi ākāsānañcāyatanabhūmi* (trong khu vực siêu hình vừa nói trên, chỗ nào đặc chuyên về thiền hư không vô biên xứ, chỗ ấy được gọi là cõi không vô biên xứ)

*Viññāṇañcāyatanassa bhūmi viññāṇañcāyatanabhūmi* (y cứ theo câu trên mà suy ra!)

*Ākiñcaññāyatanassa bhūmi akiñcaññāyatanabhūmi (.....)*

*Nevasaññānāsaññāyatanassa bhūmi nevasaññānā-saññāyatanabhūmi (.....)*

Tuy nói là bốn cõi vô sắc nhưng kỳ thực đó chỉ là một khoảng không bao la vô giới tuyến, thế giới hiện hữu của những Phạm Thiên siêu hình (ở đây tiếng siêu hình cần phải được hiểu theo nguyên nghĩa tuyệt đối)

Có người bảo rằng đã là một thế giới hoàn toàn siêu hình như vậy thì không thể gọi là cõi được, để bác bỏ quan điểm đó, ngài Giáo thọ Sư *Anuruddha* đã cố tình dùng từ

*Bhūmi* khi nói tới bốn tầng Vô Sắc Phạm Xứ. Thế rồi từ cơ sở này, một số người lại đi đến quan điểm sai lầm khác. Nếu được gọi là cõi thì trên bốn tầng phạm xứ Vô Sắc cũng có đền đài, hoa viên, hồ sen, cội Như Ý Thọ như các cõi Phạm Thiên khác. Nhưng họ đã quên mất một điều quan trọng là Chư Phạm Thiên vô sắc đều được hiện hữu bằng năng lực thiền định ly tham trong sắc *(rūpavirāgabhāvanā)* nên chẳng những bản thân họ là vô sắc mà cả phạm xứ của họ cũng hoàn toàn siêu hình.

Các Ngài nói rằng cõi nhân loại với đại địa ngục A Tỳ *(Avīci)* cách nhau một ức hai muôn (12.000) do tuần. Từ cõi Tha Hoá Tự Tại là hai ức năm muôn hai ngàn (252.000) do tuần. Từ cõi nhân loại lên cõi phi tưởng phi phi tưởng cách nhau bảy mươi mốt triệu tám ức năm muôn sáu ngàn (71.856.000) do tuần. Đại địa ngục A Tỳ với cõi phi tưởng phi phi tưởng cách nhau bảy mươi mốt triệu chín ức bảy muôn sáu ngàn (71.976.000) do tuần.

# CHÚNG SANH VÀ SANH THÚ

Bốn hạng phàm nhân cùng năm tầng thánh hữu học thấp (trừ tam quả) không thể có mặt ở năm cõi Tịnh Cư. Trên năm cõi Tịnh Cư chỉ có thể hiện hữu ba hạng thánh nhân:

1. *Pañcamajjhānalābhī – anāgāmiphalapuggala:* bậc tam quả ngũ thiền
2. *Pañcamajjhānalābhī – arahattamaggapuggala:* bậc tứ đạo ngũ thiền
3. *Pañcamajjhānalābhī – arahattamaggapuggala:* bậc tứ quả ngũ thiền.

Chư Thánh nhân hữu học không bao giờ có mặt ở bốn cõi đạo xứ và cõi vô tưởng, kể cả người tam nhân cũng vậy. Bởi vì người tam nhân chỉ có mặt ở cõi nào có thể có thánh nhân mà thôi, và nếu xét cho cùng thì người nhị nhân cũng không có mặt ở cõi vô tưởng cùng bốn đạo xứ. Ở cõi vô tưởng thì không có danh pháp thì làm sao có được người nhị nhân. Còn ở bốn đoạ xứ thì dành cho hạng vô nhân. Để dễ nhớ, các Ngài hệ thống hoá biểu đồ Người – cõi như sau:

1. Bốn cõi đoạ xứ ➔ chỉ có hạng vô nhân *(duggati – ahetukapuggala* - khổ thú vô nhân)
2. Cõi người và cõi Tứ Thiên Vương ➔ có được 11 hạng người (trừ người khổ thú vô nhân)

3. Năm cõi Dục thiên còn lại có được 10 hạng người (trừ người khổ vô nhân và người lạc vô nhân)
4. Ba tầng phạm xứ Sơ - Nhị - Tam thiền cùng cõi Quảng Quả có được 9 hạng người là phàm tam nhân và 8 bậc thánh nhân
5. Cõi vô tưởng chỉ có một hạng người Lạc vô nhân (nhưng lạc vô nhân ở đây cao cấp hơn Lạc vô nhân ở cõi Dục giới)
6. Năm cõi Tịnh Cư có được 3 hạng người Tam quả, Tứ đạo, Tứ quả
7. Bốn cõi vô sắc có được 8 hạng người. Phàm tam nhân và 7 bậc thánh nhân (trừ sơ đạo)

Nếu tính rộng thì trong 31 cõi có đến 214 hạng người
1. Ở bốn ác xứ có 4 hạng người (1 x 4 cõi)
2. Ở cõi nhân loại và Tứ Thiên Vương có 22 hạng người (11 người x 2 cõi)
3. Ở cõi Dục Thiên còn lại có được 50 hạng người (lấy 10 người x 5 cõi)
4. Ở mười cõi sắc giới phàm hữu tưởng có được 90 hạng người (9 hạng người x 10 cõi)
5. Cõi vô tưởng trước sau gì cũng có một hạng người
6. Năm cõi Tịnh Vư có được 15 hạng người (3 người x 5 cõi)
7. Bốn cõi vô sắc có được 32 hạng người (8 người x 4 cõi)

31 cõi còn được phân thành 9 khu vực hữu tình xứ *(sattavāsa)*

1. *Nānattakāyabhūmi*: những cõi mà chúng sanh có thân tướng dị biệt: gồm có 3 cõi nhị thiền, 3 cõi tam thiền, cõi Quảng Quả cùng năm cõi Tịnh Cư
2. *Ekattakāyabhūmi:* những cõi mà chúng sanh có thân tướng giống nhau: gồm có 3 cõi nhị thiền, 3 cõi tam thiền, cõi Quảng Quả cùng năm cõi Tịnh Cư
3. *Nānattasaññībhūmi*: những cõi mà chúng sanh có tâm tái tục khác nhau gồm 7 cõi thiện thú Dục giới và 3 cõi nhị thiền
4. *Ekattasaññībhūmi:* những cõi mà chúng sanh có tâm tái tục giống nhau: gồm 4 cõi đoạ xứ, 3 cõi sơ thiền, 3 cõi tam thiền, cõi Quảng Quả và năm cõi Tịnh Cư
5. *Asaññībhūmi*: cõi mà chúng sanh hoàn toàn vô tri thức, đây ám chỉ cho cõi vô tưởng.
6. *Ākāsānañcāyatanabhūmi*: cõi không vô biên xứ
7. *Viññāṇañcāyatanabhūmi*: cõi thức vô biên xứ
8. *Ākiñcaññāyatanabhūmi*: cõi vô sở hữu xứ
9. *Nevasaññāsaññāyatanabhūmi*: cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ.

# NGƯỜI PHÂN THEO BỐN CÁCH KHÁC

1. *Nānattakāyanānattasaññī*: loài chúng sanh có thân tướng khác nhau mà tâm tái tục cũng khác nhau. Có ở 7 cõi thiện thú dục giới
2. *Nānattakāya ekattasaññī*: loài chúng sanh có thân tướng khác nhau nhưng tâm tái tục giống nhau. Có mặt ở 4 cõi đoạ xứ và 3 cõi sơ thiền.
3. *Ekattakāyanānattasaññī*: loài chúng sanh có thân tướng giống nhau nhưng tâm tái tục khác nhau. Có ở 3 cõi nhị thiền
4. *Ekattakāya ekattasaññī*: loài chúng sanh có thân tướng giống nhau mà tâm tái tục cũng giống nhau. Có mặt ở 3 cõi tâm thiền, cõi Quảng Quả và năm cõi Tịnh Cư

Sở dĩ người Vô Tưởng và người Vô Sắc không được kể vào đây vì cõi vô tưởng thì không có danh uẩn còn 4 cõi vô sắc thì không có sắc uẩn.

Cõi còn được phân theo 7 trường hợp nữa *(viññāṇaṭ-ṭhiti)*:

1. *Nānattakāyanānattasaññībhūmi:*
   Cõi thân dị, tưởng dị
2. *Nānattakāya ekattasaññībhūmi*:
   Cõi thân dị tưởng đồng
3. *Ekattakāyanānattasaññībhūmi*:
   Cõi thân đồng tưởng dị

4. *Ekattakāya ekattasaññībhūmi:*
   Cõi thân đồng tưởng đồng
5. *Ākasānañcāyatanabhūmi:*
   Cõi không vô biên
6. *Viññaṇañcāyatanabhūmi:*
   Cõi thức vô biên
7. *Ākiñcaññāyatanabhūmi:*
   Cõi vô sở hữu.

Cõi vô tưởng không được kể vì ở đó thiếu danh uẩn, còn cõi phi tưởng phi phi tưởng tuy cũng có danh uẩn như 3 cõi vô sắc kia nhưng không rõ ràng.

Trong bộ *Jinālaṅkāraṭīkā* có giải thích những điều vừa nói trên như sau:

*"Devā ceva manussā ca, ekacce vinipātikā, dīgharassakisathūlakāḷasamādibhedato, kāyassāpi ca nānattā, nānattāpi ca saññiyā, nānattakāyanānattasaññino nāma honti te, sabbe apāyikā ceva, paṭhamajjhānika tayo, nānattakāya ekattasaññino nāma honti te, dutiyajjhānikekattakāya nānattasaññino, ekattā kāyā ekattasaññino hi tato pare, viññāṇaṭhitiyo satta, heṭṭhāruppehi tīhi te, bhavaggā saññino ceva sattāvāsā naverītā!"*

# VẤN ĐỀ THÁNH NHÂN TRÊN CÁC PHẠM XỨ

Trong bộ *Manorathapūraṇī* (3/203) có ghi rằng: *"Suddhavāsā vivaṭṭapakhe ṭhitā na sabbakālikā, kappasatasahassampi asaṅkheyyampi buddhasuññe loke na uppajjanti, soḷasakappasahassa abbantare buddhesu uppannesuyeva uppajjanti, dhammacakkappavattissa bhagavato khandhāvārasadisā honti, tasmā neva viññāṇaṭṭhitiṃ na sattavāsaṃ bhajanti"*

Qua đoạn trên chúng ta thấy rằng không phải lúc nào trên năm cõi Tịnh Cư cũng có Chư Phạm Thiên. Bởi vì nếu trong một khoảng thời gian dài chừng một ức kiếp trái đất hay một A tăng kỳ đại kiếp mà không có Đức Phật nào ra đời thì trên năm cõi ấy cũng hoàn toàn vắng vẻ. Đến khi có một Đức Phật Toàn Giác ra đời thuyết pháp thì mới có Chư Phạm Thiên Tịnh Cư và các vị ấy sống nhiều lắm là ba mươi mốt ngàn kiếp trái đất rồi Níp Bàn cả. Thế là năm cõi Tịnh Cư lại tiếp tục hoang vắng. Điều đặc biệt là dù hoang vắng đến mấy cũng không một hữu tình nào có thể sinh vào đó được. Chính vì thế, theo như Ngài *Buddhaghosa* thì 5 cõi ấy không được kể vào 9 khu vực hữu tình xư (*sattavāsa*) hay 7 khu vực thức xứ (*viññāṇaṭṭhiti*)

Nhưng Ngài *Mahāsiva* thì lại bảo rằng dù có lúc bị bỏ hoang vắng nhưng 5 cõi Tịnh Cư đã và sẽ có Chư Phạm

Thiên hiện hữu, vậy chúng cũng vẫn được kể vào các khu vực hữu tình xứ hay thức xứ. Như thế, nếu xét cho cùng thì ý kiến của hai Ngài Giáo Thọ Sư cũng không trái nghịch nhau là mấy.

Trong 31, chỉ có 3 cõi: Quảng Quả, phi tưởng phi phi tưởng và Sắc Cứu Cánh Thiên mới được gọi là những chung điểm của sinh thú *(bhavagga)* hay những cõi tột đích. Sở dĩ gọi như vậy là vì đối với Chư thánh nhân hữu học một khi đã sanh vào một trong ba cõi này rồi thì dù có hết tuổi thọ khi chưa chứng tứ quả cũng không thể sanh sang cõi khác được. Nói vậy, có nghĩa là nếu các vị thánh hữu học trên cõi Quảng Quả và cõi phi tưởng phi phi tưởng đã sống hết thọ mạng mà vẫn chưa trở thành La Hán thì phải tái sanh trở lại ngay cõi đó để tu tập cho đến khi nào chứng tứ quả thì thôi, chớ không sanh lên hay xuống các cõi khác được. Riêng về chư vị A-Na-Hàm ở cõi Sắc Cứu Cánh Thiên *(Akaniṭṭha)* thì trước sau gì cũng phải viên tịch Níp Bàn ngay kiếp sống hiên tại, không bao giờ có việc Phạm Thiên cõi Sắc Cứu cánh Thiên lần thứ hai. Điều đó là quy luật.

Để khẳng định những điều vừa nói, trong *Sammohavinodanī* (689) có viết:

*"Vehapphalā akaniṭṭhā nevasaññānāsaññāyatananti ime tayo devalokā seṭṭhabhavā nāma. Imesu tīsu ṭhānesu nibbattā anāgāmino (ceva sotāpannasakadāgāmino ca) neva uddhaṃ gacchanti na adho, tattha tattheva parinibbāyanti"*

Tuy đoạn *Pāli* trên đây không có nhắc trực tiếp hai hạng thánh hữu học thấp, nhưng ta phải hiểu rộng tiếng *Anagāmi*mà các Ngài sử dụng trong trường hợp này có tất cả hai trường hợp Bất Lai.

1. *Phala anāgāmi*: ở đây chỉ cho chư Phạm Thiên tam quả
2. *Jhāna anāgāmi*: tức Chư Phạm Thiên thuộc hai tầng thánh hữu học

Sở dĩ hai bậc Phạm thiên hữu học này được gọi là Bất lai vì các vị ấy cũng không bao giờ tái sanh trở lại cõi Dục giới. Trong bài kệ 452 của bộ *Nāmarūpapariccheda có ghi như sau:*

*Vehapphale akaniṭṭha*
*Bhavagge ca paṭiṭṭhitā*
*Na punaññattha jāyanti*
*Sabbe ariya puggalā!*

Có vấn đề liên quan cần nhớ là đối với Chư Phạm Thiên trong bốn cõi Tịnh cư cũ, mà luôn luôn phải sanh lên các cõi cao hơn thôi. Đối với Chư Phạm thiên hữu học ngoài cõi Tịnh Cư cõi nào, có thể tái sanh trở lại cõi ấy cũng được, hay là sanh lên các tầng Phạm xứ cao hơn chớ không thể sanh xuống các cõi thấp hơn. Điều này đã được các Ngài Giáo Thọ Sư nhìn nhận:

*Na puna tattha jāyanti*
*Sabbepi suddhavāsikā*
*Brahmaloke gatā heṭṭhā*
*Ariyā nopapajjare!*

Nói tóm lại: cõi Quảng Quả, cõi phi tưởng phi phi tưởng và cõi Sắc cứu Cánh Thiên đều là những cõi tột đích

của các sinh thú *(bhavagga)*. Cõi Quảng Quả là tột đích của các cõi Phạm Thiên phàm vức *(puthujjhana-bhavagga)*, cõi Sắc Cứu Cánh Thiên là tột đích của các cõi Phạm Thiên thánh vức *(ariyabhavagga)*, còn cõi phi tưởng phi phi tưởng là tột đích của cả tam giới *(sabbabhavagga)*

Uy lực của một Đức Phật Toàn Giác rất lớn, có sức ảnh hưởng đến nhiều vũ trụ *(cakkavāḷa)*. Mỗi khi vị Bồ Tát kiếp chót nhập thai hay đản sanh thì cả mười ngàn vũ trụ này gọi là *Jātikhetta* (sanh vức) của một Đức Phật. khi chư Phật Toàn Giác đọc tụng hay thuyết giảng một bài kinh, một pháp thoại đặc biệt nào đó thì cả một ngàn tỷ (một ức *koṭi)* vũ trụ đều rung chuyển. Phạm vi đó được gọi là một *Āṇākhetta* (uy vức) của Chư Phật.

Trong phạm vi uy vức ấy, có đủ bốn hạng phàm nhân, họ có thể tái tục và sinh sống ở đó. Trong phạm vi sanh vức còn có thêm Chư Thánh nhân, các vị có thể tái tục hay chỉ sống nhờ ở đó. Còn đối với các vũ trụ nằm ngoài phạm vi sanh vức thì không có vị thánh nhân nào tái tục cả, nếu có thánh nhân thì chỉ là thánh nhân trong thời kỳ bình nhật và chỉ toàn là người Quả. Ở các vũ trụ ấy cũng có tầng phạm xứ Tịnh Cư, nhưng chư thánh tam thiền trong phạm vi sanh vức không bao giờ tái tục qua đó bởi các vị không còn tha thiết trong sự hưởng cầu sinh thú (*nikantitaṇhā*) nữa.

Sở dĩ ở các vũ trụ nằm ngoài phạm vi sanh vức có sự hiện diện của chư thánh nhân trong thời bình nhật là vì các vị Phạm thiên Tịnh cư trong khu vực sanh vức muốn sống viễn ly để tìm sự lạc trú cho mình, nên đã rủ nhau bay ra

đó cư trú. Về vấn đề này, trong bộ *Paṭisambhidāmaggatthakathā* có ghi:

*"Suddhavāse pana jātikhettato parabhāge saṭipi anāgāmīnaṃ tatthuppatti na yuttā tattha nikanti asiddhito, idha vātānaṃ[16] pana tattha vāso yutto anākiṇṇatāya phāsuvihārahetuttā!"*

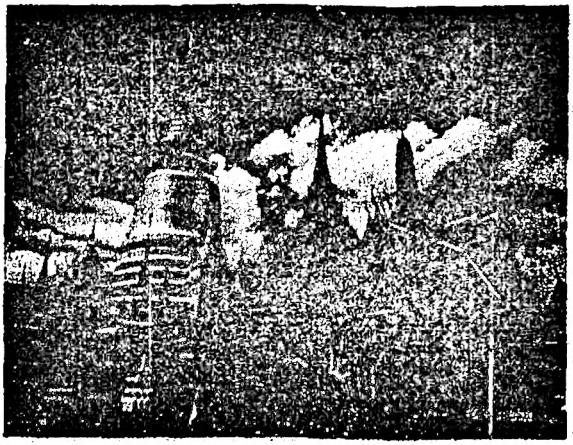

[16]Đáng lý ra phải là vāsānaṃ!

# VẤN ĐỀ THẾ GIỚI THÀNH HOẠI

Gọi là kiếp hay kappa có bốn trường hợp:

1. *Āyukappa* (thọ mạng kiếp) tức chỉ cho thời gian trong một cuộc đời; một kiếp sống của các chúng sanh. Kiếp sống của mọi hữu tình lâu mau, bất định. Như đối với nhân loại, có khi sống đến cả A tăng kỳ[17] năm rồi có lúc chỉ sống đến mười tuổi. Còn Phạm thiên cõi phi tưởng phi phi tưởng thì có hạn lượng tuổi thọ 84.000 đại kiếp sau đây là câu giải tự về danh từ

Thọ kiếp *(āyukappa)*

- *Kappīyate paricchijjateti kappo*

(thọ kiếp là ấn định về hạn lượng tuổi thọ của các loài hữu tình)

2. *Antarakappa* (trung gián kiếp): cứ hai lần tăng giảm tuổi thọ nhân loại thì được gọi là II trung gián kiếp. Nghĩa là vào thời sơ kiếp (lúc quả địa cầu mới hình thành), con người sống đến một A tăng kỳ năm, rồi từ đó giảm lần xuống chỉ còn mười tuổi. Từ mười tuổi lại tăng dần lên tới một A tăng kỳ năm. Rồi từ đó lại giảm dần xuống còn mười tuổi. Khoảng thời gian ấy còn được gọi là một trung gián kiếp.

[17] nếu viết ra số thì là một 1 với 140 con số 0

3. *Asaṅkheyyakappa* (vô gián kiếp): 64 gián kiếp được gọi là một vô toán kiếp.

Có một vị Giáo thọ Sư *(keci ācariya)* bảo rằng 20 trung gián kiếp là một vô toán kiếp. Có vị lại bảo rằng 80 trung gián kiếp là một vô toán kiếp. Theo các nhà học giả xưa kia ở Ấn Độ thì 14 trung gián kiếp bằng một vô toán kiếp.

Tiếng vô toán kiếp được chỉ cho bốn trường hợp

A- *saṃvatta asaṅkheyyakappa*: ngay thời điểm một ngàn tỷ (một ức *koṭi)* vũ trụ bị tiêu hoại được gọi là hoại vô toán kiếp. Các Ngài đã giải thích như sau:

- *Saṃvaṭṭatīti saṃvatto*: "gọi là kiếp hoại tức chỉ cho thời điểm các vũ trụ đang bị tiêu hoại"

B- *Saṃvaṭṭaṭṭhāyī - asaṅkheyyakappa*: thời điểm mà vũ trụ vừa tiêu hoại xong, bầu không gian trước giờ bị vũ trụ choán chỗ đến lúc ấy sẽ hoàn toàn trống trải, bao la. Giai đoạn đó được gọi là không vô toán kiếp, như các Ngài đã giải thích:

- *Saṃvatto hutvā tiṭṭhatīti saṃvattaṭṭhāyī* "giai đoạn vừa bị tiêu hoại xong, được gọi là kiếp không"

C-*Vivatta - asaṅkheyyakappa*: sau khi trải qua một thời gian dài, một vũ trụ mới mẻ khác được phôi tạo từ từ. Ta gọi thời điểm hình thành vĩ trụ ấy là thành vô toán kiếp

- *Vivattatīti vivatto* (gọi là kiếp thành tức chỉ cho giai đoạn vũ trụ đang được phôi tạo)

D-*Vivaṭṭaṭhāyī asaṅkheyyakappa*: giai đoạn mà vũ trụ đã được cấu tạo và hình thành một cách thật sự hoàn chỉnh,

có đủ nhật nguyệt, tinh tú, sinh vật, núi non, sông biển.... thì được gọi là Trụ vô toán kiếp

- *Vivaṭṭo hutvā tiṭṭhatīti vivaṭṭathāyī* (gọi là kiếp trụ tức chỉ cho thời điểm vũ trụ đã thật sự hoàn chỉnh)

4. *Mahākappa* (đại kiếp) bốn vô toán kiếp (thành-trụ-hoại-không) gom lại được gọi là một đại kiếp. Thời gian của một đại kiếp không thể tính bằng đơn vị năm tháng được, mà phải hiểu theo ví dụ sau đây. Có một khối hạt cải đồ sộ khoảng 100 do tuần vuông. Cứ một trăm năm lại lấy ra một hạt cho đến khi nào cả đống hạt cải ấy hết nhẵn, thì đó là thời gian của một đại kiếp. Cho nên các Ngài đã định nghĩa tiếng đại kiếp như sau:

- *Sāsaparāsopamādīhi kappiyatīti kappo* (đại kiếp là một khoảng thời gian chỉ được tính theo ví dụ, chớ không thể dùng đơn vị năm tháng)

Nãy giờ là nói theo khía cạnh phổ thông, bây giờ bàn về khía cạnh chuyên môn của Phật Giáo. Gọi là "kiếp" theo Phật Giáo chuyên khoa thì có hai trường hợp: khiếm kiếp *(suññakappa)* và bất khiếm kiếp *(Asuññakappa)* khiếm kiếp là kiếp không có chư Phật Toàn Giác, Độc Giác và Chuyển Luân Vương ra đời. Còn bất khiếm kiếp là kiếp có các vị ấy ra đời.

Khiếm kiếp có bốn:

1. *Suññamahākappa:* khiếm đại kiếp – là trái đất không có Đức Phật Toàn Giác ra đời.

2. *Suñña asaṅkheyyakappa*: khiếm-vô-toán-kiếp ám chỉ cho ba thời điểm không có Chư Phật ra đời. Hoại vô toán kiếp, không-vô-toán-kiếp và Thành-vô-toán-kiếp

3. *Suñña atarakappa*: khiếm trung gián kiếp tức trung-gián-kiếp mà không có Chư Phật ra đời

4. *Suñña āyukappa*: khiếm thọ kiếp, chỉ cho giai đoạn nhân loại sống hơn một ức tuổi hoặc dưới 100 tuổi. Vào các thời điểm đó cũng không bao giờ có Chư Phật ra đời nên gọi là khiếm thọ kiếp

❋ Có năm trường hợp bất-khiếm kiếp:

1. *Sārakappa:* đại kiếp *(mahākappa)* mà có một Đức Phật Toàn Giác ra đời (tài kiếp)

2. *Maṇḍakappa*: đại kiếp mà có hai Đức Phật Toàn Giác ra đời (viên kiếp)

3. *Varakappa*: đại kiếp mà có ba Đức Phật Toàn Giác ra đời (ưu kiếp)

4. *Sāramaṇḍkappa*: đại kiếp mà có bốn Đức Phật Toàn Giác ra đời (tài viên kiếp)

5. *Bhaddakappa*: đại kiếp mà có đến năm vị Chánh Đẳng Giác ra đời (tạm dịch là Hưng kiếp hay Hiền kiếp)

Trong *Buddhavaṃsa atthakathā* có ghi:

*"Eko buddho sārakappe, maṇḍkappe jinā duve tayo buddho varakappe, sāramaṇḍe catu buddhā, pañca buddhā bhaddakappe...."*

Điều nên nhớ là trong mỗi đại kiếp có tối đa là năm Đức Chánh Đẳng Giác mà thôi, không bao giờ có tới vị thứ sáu, theo bộ *Anāgatavaṃsa atthakathā* đã xác nhận

như vậy: *"Na hi ekasmiṃ Kappe chaṭṭho vā sattamo vā uppajjati"*

# GIẢI TRỌNG VỀ HOẠI KIẾP

Hoại-vô-toán kiếp *saṃvaṭṭa asaṅkheyyakappa* có ba trường hợp:

1. *Tejosaṃvaṭṭāsaṅkheyyakappa:* hoả hoại kiếp tức hoại kiếp được bắt đầu bằng lửa.

2. *Āposaṃvaṭṭāsaṅkheyyakappa*: thuỷ hoại kiếp tức hoại kiếp được bắt đầu bằng nước.

3. *Āyosaṃvaṭṭāsaṅkheyyakappa:* phong hoại kiếp tức hoại kiếp được bắt đầu bằng gió.

Nghĩa là các vũ trụ có nhiều cách tiêu hoại. Hoặc bằng lửa, bằng nước hay bằng gió cứ bảy lần bị tiêu hoại bằng lửa thì có một lần tiêu hoại bằng nước, và sau bảy lần tiêu hoại bằng nước thì có một lần tiêu hoại bằng gió. Vậy phải trải qua 63 trái đất mới có một trận tiêu hoại bằng gió, và cứ 64 trái đất như thế thì được gọi là một chu kỳ có 8 tiểu chu kỳ, trong mỗi tiểu chu kỳ có 8 đại kiếp (tức kiếp địa cầu). Trong 8 đại kiếp đó có liên tục bảy đại kiếp tiêu hoại bằng lửa, đại kiếp cuối cùng sẽ tiêu hoại bằng gió. Đó là quy trình tiêu hoại của một chu kỳ, hết đại chu kỳ này thì lại bắt qua đại chu kỳ khác, cứ thế và cứ thế. Nói về vấn đề kiếp hoại trong *Visuddhimagga* và *sarathadīpanīṭikā* có ghi:

*Satta sattagginā vārā*
*Aṭṭhame aṭṭhame dakā*
*Catusaṭṭhi yadā puṇṇā*
*Eko vayuvāro siyā!*

# CHU KỲ TIÊU HOẠI CỦA VŨ TRỤ

| Tiểu chu kỳ | Cách tiêu hoại của mỗi đại kiếp | | | | | | | | Số lượng đại kiếp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | |
| I | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| II | | L | | L | L | | L | N | 8 |
| III | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| IV | L | | L | L | | | L | N | 8 |
| V | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| VI | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| VII | L | L | L | L | L | L | L | N | 8 |
| VIII | L | L | L | L | L | L | L | G | 8 |
| Tổng số đại kiếp | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 64 |

Ký hiệu:
L: lửa
N: nước
G: gió

Như đã nói ở trước, mỗi Đức Phật Toàn Giác đều có ba giới vức sinh hoạt sanh vức, uy vức và tuệ vức. Khi các Ngài nhập thai kiếp chót, khi đản sanh thành đạo và Níp Bàn thì cả mười ngàn vũ trụ đều rung chuyển kinh động phạm vi bị ảnh hưởng gió được gọi là sanh vức *(jātikhetta)* của Đức Phật. khi Chư Phật tụng các bài kinh đặc biệt như *khandhaparitta, āṭānāṭiyaparitta, dhajaggaparitta, mora-paritta, ratanasutta* thì có đến một ngàn tỷ vũ trụ bị kinh động phạm vi đó được gọi là uy vức *(āṇākhetta)* của Đức Phật. Giới vức cuối cùng của Chư Phật là tuệ vức *(Visayakhetta)* phạm vi đến đi của trí tuệ Chư Phật, giới vức này không có giới hạn. Bởi trí lực của Chư Phật là vô biên nên những pháp giới mà các Ngài thông đạt cũng vô lượng, các vũ trụ mà Ngài có thể nhìn thấy cũng vô số.

Khi các vũ trụ trong uy vức bị tiêu hoại thì tất cả vũ trụ trong sanh vức cũng bị tiêu hoại theo. Các vũ trụ ngoài ra đó, nằm trong tuệ vức thì không bị ảnh hưởng gì.

Thế giới chúng ta hiện đang ở giai đoạn kiếp trụ *(Vitaṭṭāsaṅkheyyakappa)*. Sau khi đã trải qua đủ 64 trung gián kiếp và ở trung gián kiếp cuối cùng từ một A tăng kỳ năm đã giảm xuống 1000 tuổi thì thế giới bắt đầu đi đến băng hoại. Nguyên nhân dẫn đến sự băng hoại thế giới *(Lokavināsa)* chính là tham, sân, si. Khi nào chúng sanh có phiền não Tham mãnh liệt thì thế giới sẽ bị tiêu hoại bằng lửa. khi nào chúng sanh bị phiền não sân chi phối mạnh mẽ thì thế giới sẽ bị tiêu hoại bằng nước. Khi nào các chúng sanh bị phiền não Si vây phủ dầy chặt thì khi ấy thế

giới sẽ bị băng hoại bằng gió. Sở dĩ như vậy là vì các Ngài giải thích rằng tham chẳng khác nào lửa đỏ, sân chẳng khác gì nước cường toan, còn si thì giống như khí độc.

Trong kinh ghi rằng mỗi khi sắp có một sự kiện hay một biến cố nào quan trọng sắp xảy ra thì từ khoảng không gian bao la của vũ trụ sẽ có Chư Thiên, hay Phạm Thiên bay đi thông tri cho mọi người cũng biết để chuẩn bị những gì cần thiết.

1. *Kappalokāhala*: trước khi thế giới bị băng hoại một ức năm, luôn luôn có người thông tri trước.
2. *Buddhakolāhala*: một ngàn năm trước khi một Đức Phật Toàn Giác ra đời, cũng có thiên nhân đi thông báo
3. *Cakkavattikolāhala*: một trăm năm khi chuyển Luân Vương ra đời, cũng có thiên nhân thông báo
4. *Maṅgalakolāhala*: trước khi bậc Đạo Sư thuyết bài hạnh phúc kinh khoảng 12 năm cũng có Chư Thiên thông báo
5. *Moneyyakolāhala*: trước khi bậc chân tu thánh sĩ (như Phật Độc Giác, hay Chư Đạo sĩ đại thắng trí) ra đời, khoảng 7 năm cũng có Chư Thiên đi thông báo.

# GIẢI RỘNG VỀ HOẠI HOẠN KIẾP

Trước khi bắt đầu vào giai đoạn băng hoại bằng lửa, trong không gian bao la của các vũ trụ sẽ xuất hiện một đám mây khổng lồ tên là *Kappavināsamahāmegha* (đám mây tàn phá đại kiếp đám mây này thật lớn. Lúc đó mọi người vui mừng hỷ hả bắt tay vào công việc ruộng nương, rẫy bái một cách hào hứng. Thế rồi khi hoa màu vừa được tươi tốt phát triển ít lâu, đám mây quái ác kia bắt đầu ầm ì những tiếng rền vang khủng khiếp, trời không còn mưa nữa, hoa màu chết dần. Như trong chánh tạng, bậc Đạo Sư đã thuyết:

Này các Tỷ Kheo! Khi đám mây kia vang rền những tiếng nổ như vậy thì mưa không còn rơi xuống và suốt cả trăm năm, ngàn năm, cả muôn năm, cả ức năm địa cầu bị hạn hán, các loài sống bằng nước mưa đã lần lượt chết hết và sanh lên tầng Phạm Thiên sứ nhị thiền. Tiếp theo đó các loài hữu tình khác, kể cả các thiên nhân, những chúng sanh sống bằng cây trái cũng mạng chung rồi sanh về Phạm Thiên giới. Sau đó một thời gian, nước trong ao hồ sông rạch... khô cạn dần, các loài thuỷ tộc cũng chết hết và sau đó sanh lên Phạm Thiên giới. Thế rồi khi mặt trời thứ bảy mọc lên, chúng sanh trong địa ngục đều bị huỷ diệt hết cả"

Qua đoạn trên có lẽ ai cũng thắc mắc rằng: phàm muốn sanh lên Phạm thiên giới trước hết phải có chứng đắc một tầng thiền định nào đó mà đối với các hữu tình thời kỳ hoại kiếp đều mạng chung, một cách vội vã, bức bách như thế sao lại có thể chứng thiền định để sanh lên Phạm thiên giới được. Đây là câu trả lời cho thắc mắc đó:

Các loài súc sanh trong thời hoại kiếp không phải từ đoạ xứ trực tiếp sanh lên Phạm thiên giới, chúng phải sanh làm nhân loại trước rồi từ đó sanh lên các cõi Dục thiên. Từ các cõi Dục thiên, những chúng sanh ấy đã tu tập thiền định và sau đó mới sanh lên cõi Phạm thiên.

Sở dĩ mọi việc diễn tiến êm xuôi như vậy là vì theo quy luật từ ngàn xưa, trước khi thế giới bị băng hoại thì có một nhóm thiên nhân Dục giới mang tên *Lokabyūhadevatā* tự nhiên linh cảm được nổi nguy cơ sắp xảy ra cho mọi người, các vị tự biết rằng một ức năm nữa thế giới sẽ bị huỷ diệt nên liền dẫn nhau hiện xuống cõi người với bộ dạng thiểu não, buồn khổ cùng cực rồi đi khắp nơi thông báo cho tất cả cùng hay biết chuyện đó để mọi người ráng lo tu tập. Thế rồi cứ mỗi thế kỷ, các thiên nhân ấy lại bay đi thông báo một lần, nội dung của lời bố cáo ấy cũng xoay, quanh việc khuyến khích mọi hiếu kính đối với cha mẹ và tu tập tứ phạm trú (vô lượng tâm).

Theo một số vị Giáo Thọ Sư thì việc "biết trước ấy không phải do các thiên nhân linh *Lokabyūhadevatā* cảm, mà chỉ do các vị đó y cứ vào hiện tượng thoái đoạ của nhân loại nên mới tiên tri như vậy. Đồng thời cũng có một số ý kiến khác cho rằng việc các thiên nhân

*Lokabyūhadevatā* biết trước được dự kiện thế giới băng hoại là do Chư Phạm Thiên cho hay và sai đi thông báo.

Nói về nhân loại và Chư Thiên cõi Dục giới sau khi nghe thông báo về mối nguy cơ khủng khiếp kia thì ai cũng nhất tâm tu hành; tạo trữ công đức, nhất là phát triển bốn pháp phạm trú. Sau khi mệnh chung, tất cả đều sanh lên Phạm thiên giới như đã nói ở trước. Còn đối với các chúng sanh đoạ xứ như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. A-tu-la thì đều nhờ thiện hậu báo nghiệp *(aparāpariya-kusalakama)* từ đời trước mà sanh về thiên giới, rồi từ đó lại sanh lên Phạm thiên giới. Ta nên biết rằng trong quá trình tử sanh của mỗi người, ai cũng có tạo trữ ít nhiều công đức, chính những công đức ấy bây giờ trở thành hậu báo nghiệp để nâng đỡ họ trong thời điểm cấp bách này. Nhưng có điều là đối với những chúng sanh có ác nghiệp không đến nỗi quá nặng nề thì mới được như vậy, còn đối với các chúng sanh trót tạo trọng nghiệp như những người bị tà kiến trầm trọng *(Niyatamicchādiṭṭhikamma)* thì khi vũ trụ này bị băng hoại họ sẽ sanh qua những vũ trụ nằm ngoài phạm vi đang bị cơn lốc băng hoại hoành hành, để tiếp tục bị sa đoạ và chịu đựng khổ hình. Đó là theo các vị Chú Giải Sư. Còn một số vị Giáo Thọ Sư khác thì bảo rằng khi các vũ trụ rơi vào giai đoạn băng hoại thì những chúng sanh mắc phải trọng nghiệp như tà kiến nặng chẳng hạn, hay phạm vào ngũ nghịch đại tội cũng đều thoát khỏi đoạ xứ chứ không bao giờ có việc sanh sang các vũ trụ khác để tiếp tục bị đoạ lạc. Các vị ấy đưa ra lời giải thích rằng: "Những chúng sanh đó lúc còn mang thân nhân loại

dù ác kiến thế nào đi nữa nhưng sau khi sanh xuống địa ngục cũng tự ý thức được sự sái quấy của mình và biết từ bỏ quan kiến cũ. Đó cũng nhờ họ có được trí nhớ tiền kiếp *(jātisaruñāṇa)*. Rồi khi vũ trụ sắp bị băng hoại, nhóm thiên nhân *Lokabyūha*, bay đi thông báo cùng khắp cho mọi người được biết, thì lúc ấy các chúng sanh nọ sẽ nhờ vào phần công đức lưu trữ từ đời quá khứ có thể giúp họ được như vậy là cũng do trong hiện tại họ đã biết hồi tâm phản tỉnh. Sau khi sanh lên thiện thú rồi, họ lại gia công tu tập thiền định để được sinh về Phạm thiên giới như bao chúng sanh khác. Mà đã muốn thì. "ĐƯỢC" thế thôi.

Trở lại vấn đề băng hoại của thế giới, sau một thời gian dài trời không mưa thì tất cả cây cối thảo mộc và các hữu tình đều lần lượt chết dần. Lúc đó không còn ngày đêm gì nữa, bởi vì lúc nào trời đất cũng nóng như thiêu, mặt trời này vừa lặn thì mặt trời khác mọc lên. Mặt trời lúc đó toả nhiệt khủng khiếp hơn bây giờ và vị thiên tử trông coi mặt trời *(Suriyadevaputta)* cũng không còn ở trên đó nữa, vị ấy đã tu tập thiền định rồi sinh về Phạm thiên giới từ lâu, trước khi mặt trời thứ hai mọc lên. Toà Kim điện hình của thiên tử ấy *(Suriyamaṇḍavimāna)* lúc đó cũng rực rỡ hơn trước bởi sức nóng mặt trời bấy giờ. Bầu không gian của các vũ trụ lúc đó cũng hoàn toàn không có một gợn mây. Mọi thứ trên mặt đất đều bị nắng đốt khô cằn. Kể cả các con sông lớn cũng bị cạn nước khi mặt trời thứ ba mọc lên. Thế rồi cách đó ít lâu, mặt trời thứ tư lại xuất hiện, các đại hồ trên thế giới như *Anotāta, kuṇāla, Raṭhakāla, Maṇḍākini, Sīhapapāta, kaṇṇamuṇḍa, Chaddanta* cũng

đều cạn khô. Khi mặt trời thứ năm xuất hiện thì cả bốn đại dương cũng hết nước, tìm một tí nước biển để thấm ngón tay cũng không có. Khi mặt trời thứ sáu xuất hiện thì cả một ngàn tỷ vũ trụ bị bốc khói mù mịt để sẵn sàng phát cháy. Chính trong *Sattaṅguttara pāli,* bậc Đạo Sư cũng đã bảo rằng lúc mặt trời thứ sáu mọc lên. Cả ngàn tỷ vũ trụ chẳng khác gì những chiếc bình gốm trong lò nung, tất cả đều bốc khói hừng hực. Thế rồi tới thời điểm mặt trời thứ bảy xuất hiện, cả ngàn tỷ vũ trụ đồng loạt bốc cháy cùng với những tiếng nổ long trời lở đất. Điểm xuất phát của ngọn lửa là bắt đầu từ các cõi nhân loại rồi lần lượt cháy lên các cõi Tứ thiên vương, Đạo Lợi, Dạ Ma, Đấu Xuất, Hoá Lạc Thiên, Tha Hoá Tự Tại, và cháy cả ba cõi sơ thiền rồi ngọn lửa dừng lại ở đó. Chỗ nào bị ngọn lửa kinh khủng đó đi qua thì hoàn toàn tiêu tan hết cả. Thế là toàn bộ một ngàn tỷ thế giới đều bị phân huỷ băng hoại. Còn ngọn lửa kia sau khi đã không còn gì để huỷ diệt nữa thì cũng tự động tắt ngấm, nhường chỗ cho một không gian bao la đầy bóng tối. Giai đoạn mông muội này kéo dài suốt một thời gian rất lâu.

# SỰ HÌNH THÀNH CỦA TÂN VŨ TRỤ

Sau giai đoạn mông muội dài đăng đẳng, trong không gian vô tận của những vũ trụ đã bị băng hoại sẽ có những đám mây xuất hiện và trút xuống một trận mưa.

Lúc đầu hạt mưa chỉ li ti như bụi rồi to dần bằng hạt mè, hạt gạo...., cuối cùng, các hạt mưa to bằng thân cây thốt nốt. Vị trú cũ của một ngàn tỷ vũ trụ bị băng hoại ngày nào bây giờ đầy ắp những nước mưa. Mặt nước lại từ từ dâng cao lên tới cõi nhị thiền đứng lại. Phía dưới khối nước khổng lồ là một lớp gió có nhiệm vụ nâng đỡ không cho nước mưa rơi xuống và giữ cho khối nước được lơ lửng mãi như thế. Rồi tự dưng mặt nước lại rút thấp dần, rút ngang chỗ ba cõi sơ thiền cũ, thì tự nhiên ba cõi ấy được hình thành, tiếp theo đó là các cõi Tha Hoá Tự Tại, Hoá Lạc Thiên, Đấu Xuất, Dạ Ma cũng được hình thành. Nói chung mặt nước trút xuống đến đâu thì các cõi lần lượt hiện ra theo đến đó. Nhưng khi rút xuống tới vị trí cũ của hai tầng dục thiên thấp là Đạo Lợi và Tứ Thiên vương thì hai cõi này vẫn không hiện ra bởi chúng phải nằm trên núi Tu-di, mà núi Tu-di lại có liên hệ với mặt đất. Khi mặt đất chưa hình thành thì núi Tu-di vẫn không thể xuất hiện được. Thế rồi mặt nước lại tiếp tục rút xuống tới vị trí mặt đất ngày nào, lúc đó có một luồng kình phong, thổi đến

bao bọc lấy khối nước còn lại như người ta giữ nước trong lớp vải bọc vậy. Trên mặt nước đó bắt đầu hình thành một khối lục địa bồng bềnh như lá sen trong hồ. Đất trong khối lục địa đó màu vàng, giống như màu hoa *kaṇṇikarā* và mùi vị vô cùng thơm ngon.

Điểm đặc biệt ở đây là khu vực bảo toạ giác ngộ *(Bodhipallaṅka)* của Chư Phật luôn cháy sau cùng trong giai đoạn hoại kiếp và lúc nào cũng được hình thành trước nhất trong thời điểm thành kiếp, nếu trong vô toán kiếp đó có được bao nhiêu Đức Phật ra đời thì ngay tại khu vực đó sẽ mọc lên bấy nhiêu hoa sen để làm biểu tượng *(Pubbanimitta)* và chỉ có chư Đại Phạm thiên mới thấy được các hoa sen ấy thôi. Nếu trông thấy có hoa sen mọc lên tại khu vực bảo toạ giác ngộ thì các vị ấy tỏ vẻ vui mừng hoan hỷ, còn như không thấy hoa sen nào thì họ sẽ cất tiếng than van cho mọi người cùng nghe thấy: "Ôi! thật bất hạnh cho chúng ta làm sao, thế giới sẽ bị huỷ diệt mất thôi. Cõi thế sẽ không được soi sáng"

Mọi người nghe vậy ai cũng buồn rầu lo lắng. Sau khi địa cầu đã thật sự hình thành hoàn chỉnh các Phạm thiên hết tuổi thọ trên cõi Quang Âm *(ābhassara)* sẽ hoá sanh xuống làm nhân loại. Nhân loại lúc đó có thân tướng xinh đẹp và uy nghi như Phạm thiên, vấn đề giới tính cũng chưa được ai biết đến. Mọi người đều có hào quang rực rỡ và có thể bay trên hư không. Sau một thời gian dài sống tịnh lạc như vậy, từ trong tập quần nhân loại lại có xuất hiện những người đa dục. Đa dục ở đây chỉ có nghĩa là tham đắm trong vị ngon của đất. Buổi đầu họ chỉ lấy tí đất nếm

thử, sau đó, phát hiện trong đất có mùi vị thơm ngon nên đã đâm nghiện rồi ăn mãi. Từ ít người ăn rồi đến nhiều người ăn. Cuối cùng thì họ tham đắm trong chuyện ăn uống đó. Thế rồi tất cả nhân loại không còn phát sáng được nữa, địa cầu rơi vào bóng tối âm u dễ sợ. Ai cũng kinh khiếp khi phải sống thiếu ánh sáng và thầm mong, sống lại những ngày quang đãng của thuở nào. Lúc đó mặt trời hiện ra trên bầu trời và ánh sáng đã chan hoà khắp nơi. mọi người thấy thế mừng quá, họ gọi thiên cầu đó bằng cái tên *Suriya* (cái đem lại sự can đảm). Nhưng rồi đã là mặt trời thì phải có lúc lặn đi, thế giới lại tiếp tục chìm vào bóng tối. Tất cả nhân loại lại rơi vào tâm trạng sợ hãi như cũ. Đúng lúc đó, mặt trăng xuất hiện. Mọi người mừng rỡ và đặt tên cho thiên thể đó là *Canda* (cái làm cho mọi người vui mừng). Sau khi mặt trăng và mặt trời đã có thì các tinh tú cũng lần lượt xuất hiện, rồi vấn đề đêm ngày, năm tháng, quý tiết cũng được ấn định. Vào ngày trăng tròn tháng tư của năm đầu tiên kể từ ngày trời đất có nhật nguyệt tinh tú thì cả sáu khu vực sau đây: Đại sơn Tu-di, Đại sơn *Cakkavāḷa* (Hoàn vũ), Đại sơn Hy Mã, cùng các đại dương cũng được hình thành.

Về vấn đề hình thành đó được giải thích như sau: những chỗ u lồi của mặt đất sẽ mọc lên núi non những chỗ lõm sâu thì trở thành biển cả, còn các mặt bằng thì trở thành từng dãy bình địa gọi là đại châu hay tiểu châu.

Trong tập quần nhân loại, kể từ ngày có sự tham đắm trong việc ăn uống rồi thì dung sắc của mọi người bắt đầu có sự khác biệt với nhau, kẻ thì xinh đẹp, người thì thô

xấu, và kể từ lúc ác pháp hiện khởi rõ rệt, tức là loài người bắt đầu bị thân kiến và mạn chấp chi phối mạnh mẽ thì mặt đất không còn giữ được mùi vị thơm ngon như ngày nào nữa và càng lúc càng trở nên thô cứng nhạt nhẽo hơn. Giai đoạn thô cứng nhạt nhẽo đó dù gì cũng thơm ngon phần nào, thế rồi sau cùng thì hoàn toàn nhạt tếch. Lúc đó, trên địa cầu lại xuất hiện một loại dây bò lan để chúng sanh có cái để ăn. Dần dần rồi giống dây bò đó cũng không còn nữa mà lại có một giống lúa tên là lúa *sāli* mọc lên để thay thế. Lúa *sāli* ấy có mùi vị rất thơm ngon nên loài người cũng tham đắm trong đó. Lúc đầu, khi nào muốn ăn thì mới hái, sau đó thì hái để dành. Thế là nhân loại còn sanh ra thêm cái tật xấu mới nữa là chấp thủ. Lúc *sāli* thời đó có điểm đặc biệt là không có trấu bên ngoài, và muốn nấu thành cơm cũng không khó, chỉ cần bỏ vào nồi hay đồ đựng nào đó rồi đem đặt lên một tảng đá. Lát sau tự dưng cơm sẽ chín khi ăn uống phức tạp thô thiển như vậy một thời gian, loài người bắt đầu biết bài tiết bằng cách đường đại, đường tiểu. Như vậy thì bộ phận sinh dục đã hiện ra ở cơ thể mỗi người, hoặc là nam hoặc là nữ. Từ thuở mới hoá sanh xuống địa cầu, loài người ai cũng giữ được cận định. Tới khi nhận ra sự khác biệt nhau về mặt sinh lý thì cận định bị hoại và tham dục tăng trưởng mạnh mẽ.

Sau đó không lâu nhân loại biết tới vấn đề quan hệ tính giao và cuộc sống vật chất của họ ngày một vất vả, khó khăn hơn, khó khăn hơn ở đây chỉ có nghĩa là mọi người phải bỏ ra chút ít công sức để kiếm miếng ăn, bởi vì lúc ấy

lúa *Sāli* đã có thêm lớp vỏ trấu bên ngoài. Kể từ ngày cận định đã bị mất, nhân loại không còn bay trên hư không được nữa và trong điều kiện sinh tồn khá chật vật đó, mọi người đã biết tính toán hơn thua với nhau. Để người này khỏi phải bị kẻ kia giành phần ăn, họ đã phân chia đất đai ra từng phần cho mỗi cá nhân, thế là vấn đề tư hữu bắt đầu nảy sinh từ đó. Rồi trong thế giới loài người lại có tình trạng gian dối xảy ra. Người ta dùng biện pháp cảnh cáo ba lần bằng cách đánh đập rồi đuổi .... Sau cùng, thấy cuộc sống tập thể thiếu ý thức, tự giác nên mọi người đã nhất trí với nhau là bầu chọn một người nào đó có nhiều phước báu nổi bật để đưa lên cương vị cầm đầu, tất cả mọi người và giao cho trọn quyền xét xử mọi vụ sự rắc rối. Trong kinh ghi rằng vào thời điểm ban sơ của Trụ kiếp hiện tại, Đức Bồ Tát đã được bầu làm vị Hoàng Đế đầu tiên của nhân loại, bởi Ngài có đủ những đức tánh đặc biệt như thông tuệ, chánh niệm, ưa thiện ghét ác. Muốn thêm về thời kỳ sơ kiếp xin nghiên cứu trong *dīghanikāya* bài kinh khởi Thế Nhân Bổn *(Aggaññasutta)*.

Tóm lại qua từng chuyển biến của thế giới vừa trình bày xong, ta nên đi sâu thêm về cách phân chia giai đoạn của đại kiếp tiêu hoại bằng lửa.

**1.** Từ khi có đám mây *Kappavināsa* xuất hiện cho đến khi ngọn lửa thiêu huỷ các vũ trụ hoàn toàn tắt ngấm thì được gọi là giai đoạn hoại kiếp *(saṃvaṭṭāsaṅkheyyakappa)*

**2.** Từ khi ngọn lửa kia tắt ngấm cho đến lúc có cơn mưa trút xuống không gian bao la của các vũ trụ, được gọi là Hư kiếp hay không kiếp *(saṃvaṭṭāṭhā asaṅkheyyakappa)*

**3.** Kể từ lúc cả ngàn tỷ vũ trụ đầy ắp những nước mưa cho tới khi nhật nguyệt tinh tú...., xuất hiện đầy đủ thì được gọi là giai đoạn thành kiếp *(Vivaṭṭāsaṅkheyyakappa)*

*4.* Kể từ khi đất trời nhật nguyệt có đủ cho đến lúc đám mây Huỷ kiếp xuất hiện, được gọi là giai đoạn Trụ kiếp kể từ *(Vivaṭṭaṭhāyī asaṅkheyyakappa).*

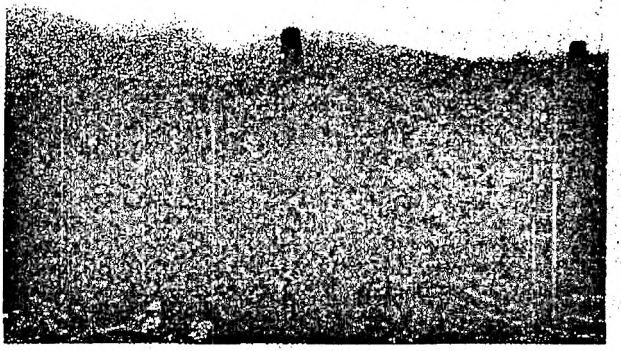

# GIẢI VỀ THUỶ HOẠI KIẾP

Nói chung thì tiến trình băng hoại bằng nước cũng giống như lửa, chỉ khác một vài chi tiết là sau khi đám mây Huỷ kiếp xuất hiện để trút xuống một trận mưa tưới mát các vũ trụ, giúp cho các loài thảo mộc tươi tốt thì thay vì mặt trời thứ hai xuất hiện ở đây lại xuất hiện một đám mây tên là *Kārudakamma-hāmegha* (cường toan vân). Tiếp theo đó là một cơn mưa toàn những chất cường toan buổi đầu thì hạt mưa nhỏ thôi, sau đó càng lúc càng to dần và đổ ập xuống cả một ngàn tỷ vũ trụ. Những luồng nước cường toan ấy rơi tới đâu là mọi thứ ở đó kể cả núi non, đất đá cũng đều bị phân huỷ hoàn toàn, giống như cục muối bỏ vào nước vậy. Rồi từ trong không gian bao la sẽ thổi đến một luồng bạo phong vây chặt lấy cả một ngàn tỷ vũ trụ để giữ không cho một giọt toan nào chảy ra ngoài phạm vi đó. Thế là cả một ngàn tỷ vũ trụ đều đầy ngập những cường toan và mặt nước cường toan cứ vậy mà dâng lên cao mãi trong khi cơn mưa ác nghiệt kia vẫn không ngừng trút xuống xối xả. Cường toan dâng lên tới đâu thì các cõi bị tiêu hoại đến đó, từ các cõi Dục giới nó tiếp tục dâng lên đến các tầng Phạm thiên giới, khi gần đụng tới cõi Biến Tịnh Thiên *(subhakiṇhā)* thì tự nhiên dừng lại không dâng nữa.

Bị ngâm trong nước cường toan, toàn bộ một ngàn tỷ vũ trụ đều hoàn toàn tiêu huỷ, không để lại một dấu vết nhỏ

nào dù chỉ là một hạt bụi đi nữa. Đó là quy luật biến hoại của vạn hữu. Nói về khối nước cường toan khổng lồ kia sau khi đã làm phân huỷ các vũ trụ cũng tự động bốc hơi và biến mất. Cả ngàn tỷ vũ trụ lúc bấy giờ chỉ còn là một khoảng không vô tận và thâm u.

Giai đoạn hình thành các tân vũ trụ cũng được diễn ra như đã giải ở trước nhưng có điều đặc biệt là hễ bị tiêu hoại bằng nước (cường toan) thì tới khi các vũ trụ được tái lập, luôn bắt đầu từ cõi Quang Âm *(ābhassarā)*, và thành phần nhân loại buổi đầu của các tân vũ trụ cũng đều từ cõi biến Tịnh Thiên hoá sanh xuống. Ngoài ra, các diễn biến còn lại đều giống như trước.

Từ khi đám mây Huỷ kiếp *(Kappavināsamahāmegha)* xuất hiện cho tới lúc khối nước cường toan biến mất được gọi là giai đoạn Hoại kiếp. Từ lúc các vũ trụ hoàn toàn băng hoại cho đến khi các tân vũ trụ hình thành được gọi là giai đoạn hư kiếp hay không kiếp. Từ lúc cơn mưa tái tạo vũ trụ rơi đầy ngập cả ngàn tỷ vũ trụ, tới khi các tân vũ trụ hình thành hoàn chỉnh, có đủ nhật nguyệt đất trời thì được gọi là giai đoạn thành kiếp. Từ khi tân vũ trụ đã thành hình một cách hẳn hoi cho tới lúc đám mây Huỷ kiếp xuất hiện được gọi là giai đoạn trụ kiếp. Gom bốn giai đoạn này lại gọi là một đại kiếp.

# GIẢI VỀ PHONG HOẠI KIẾP

Nói về cách băng hoại bằng gió của các vũ trụ thì sau khi đám mây Huỷ kiếp *(Kappavināsamahāmegha)* đổ mưa xuống một ngàn tỷ vũ trụ *(cakkavāḷa)* để tưới mát muôn loài thì lập tức có một cơn gió thổi đến, cơn gió này được gọi là *Saṃvattavāyo* (triệt hoại phong) lúc đầu chỉ nhè nhẹ rồi mỗi lúc một mạnh hơn. Cuối cùng trở thành một cơn lốc khủng khiếp. Cơn lốc này thổi tung tất cả mọi thứ trong một ngàn tỷ vũ trụ. Cây cối, đất đá, núi non, ao hồ.... đều bị cơn lốc cuốn xoáy tan tác, đưa mất hút vào không gian. Còn quả đất này trước hết bị thổi ra từng khối, sau đó mỗi khối lại bị nát vụn thành bụi rồi tiêu tan hết cả. Cơn lốc tiếp tục thổi lên các tầng Dục thiên rồi tàn phá các cõi Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và đột ngột đứng lại. Như vậy cơn lốc này có sức tàn phá còn mãnh liệt hơn cả lửa và nước cường toan nữa. Bởi nó thổi mất cả lớp nước nâng đỡ địa cầu và thổi luôn cả ba tầng phạm xứ. Nhưng rồi nó cũng tự động tán mạn và biến mất. Giai đoạn mông muội bắt đầu.

Tiến trình tái lập các tân vũ trụ sau đó, cũng giống như đã giải thích, chỉ khác ở chỗ là cuộc khai lập bắt đầu từ cõi Biến Tịnh Thiên và thành phần nhân loại của các tân vũ trụ buổi đầu đều từ cõi Quảng Quả hoá sanh xuống.

Từ lúc đám mây huỷ kiếp xuất hiện cho đến khi các vũ trụ hoàn toàn bị phân huỷ được gọi là giai đoạn hoại kiếp.

Từ lúc cơn lốc triệt hoại vũ trụ tản mạn cho tới khi trận mưa tái lập vũ trụ đổ xuống, được gọi là giai đoạn hư kiếp hay không kiếp từ khi khoảng không gian của một ngàn tỷ vũ trụ cũ được đầy ắp nước mưa cho tới lúc có đủ đất trời nhật nguyệt được gọi là giai đoạn khi có đủ nhật nguyệt cho tới lúc đám mây Huỷ kiếp xuất hiện được gọi là giai đoạn trụ kiếp. Mỗi giai đoạn như vậy được gọi là Vô-toán-kiếp hay A tăng kỳ kiếp *(Asaṅkheyyakappa)*

Bốn vô-toán-kiếp đều lâu như nhau và cả bốn vô toán kiếp này có được 256 Trung gián kiếp, thời gian đó được gọi là một đại kiếp.

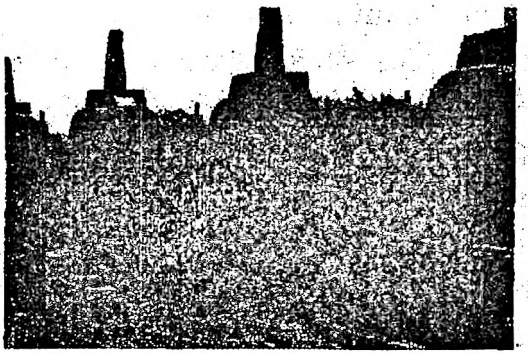

# GIẢNG RỘNG VỀ NHÂN GIỚI

Nhân giới bao gồm bốn đại châu

1. *Jambudīpa:* Nam Thiện Bộ Châu
2. *Uttarudīpa:* Bắc Cưu Lưu Châu
3. *Pubbavidehadīpa*: Đông Thắng Thần Châu
4. *Aparagoyānadīpa:* Tây Ngưu Xa Châu

Nam Thiện Bộ Châu rộng mười ngàn do tuần. Cõi A-tu-la (dưới đáy núi Tu-di), cõi Đạo Lợi và địa ngục A Tỳ (bao gồm luôn các tiểu địa ngục chung quanh) cũng rộng mười ngàn do tuần. Tây Ngưu Xa Châu và Đông Thắng Thần Châu, đều rộng bảy ngàn do tuần. Còn Bắc Cưu Lưu Châu thì rộng tám ngàn do tuần. Và như đã nói ở trước mỗi đại châu đều có 500 tiểu châu phụ thuộc.

Hình dạng của châu Nam Thiện giống như quả trứng. Hình dạng của châu Tây Ngưu Xa tròn như mặt trăng. Đông Thắng Thần Châu có hình bán nguyệt. Bắc Cưu Lưu Châu thì hình tứ giác. Nhân loại của mỗi châu cũng có khuôn mặt hao hao với hình dáng của đại châu mà mình sống.

Nói về châu Nam Thiện, tuy diện tích tối đa là mười ngàn do tuần nhưng đến khi nhân loại ở đây, hết phước thì bốn phần mười diện tích đó sẽ bị chìm xuống và trong sáu phần mười diện tích còn lại ấy, dãy Trường Sơn Hy Mã đã chiếm phân nửa. Như vậy phần lục địa có người ở chỉ còn lại rất hẹp, ba ngàn do tuần thôi. Dãy Trường Sơn Hy Mã

dài ba ngàn do tuần; trong đó có tới tám muôn bốn ngàn ngọn núi. Đỉnh núi cao nhất là 500 do tuần, Trường Sơn Hy Mã là điểm phát tích của năm con sông lớn: *Yamunā, gaṅgā, Aciravatī, mahī (mahimahā), Sarabhū* – *cùng bảy đại hồ: Anotāta, Kaṇṇamuṇḍa, Rathakāla, Chaddanta, Kuṇāla, Maṇḍākinī vā Sīhapapāta*. Chu vi của mỗi đại hồ là 150 do tuần. Đại hồ đặc biệt nhất là đại hồ *Anotatā*. Hồ này nằm giữa năm ngọn núi: *Sudassanakūṭa, Citrakūta, kāḷkuṭa, Gandhamādanakūṭa vā kelāsakūṭa*. Tức là chung quanh đại hồ này đều được núi non bao bọc.

Ngọn núi *Sudassana* được cấu tạo toàn bằng vàng và cao 200 do tuần. Đỉnh núi này có hình thù giống như đầu con quạ và nơi nghiêng vào hồ *Anotāta* một tí. Còn núi *Citrakūta* thì hoàn toàn bằng thất bảo; núi *Kāḷakūṭa* được cấu tạo bằng ngọc *Añjana* núi *Gandhamādana* toàn bằng cẩm thạch và đặc biệt là trên ngọn núi này có đủ các loại kỳ hoa dị thảo mang nhiều dược chất cũng như có rất nhiều thứ hương mộc như trầm kỳ, chiên đàn trên *Gandhamādana* có một mõm núi tên là *Nandamūlaka*, khu vực mà các Đức Phật Độc Giác thường trú ngụ. Tại mõm núi này có ba hạng động, một cái tên là *Suvaṇṇaguhā* (kim động) vì được cấu tạo toàn vàng, một hang động nữa có tên là *Maṇiguhā* (ngọc động) vì toàn bằng ngọc và hang động thứ ba tên là *Rajaguhā* (ngân động). Bên cạnh *Maṇiguhā* miệng hang có một cội cây *Uloka*, cao cả do tuần, tàn cây cũng rộng một đo tuần. Bên cạnh cội cây *Uloka* là một hội đường bằng ngọc, chỗ Chư Phật Độc Giác thường họp mặt. Hội đường có tên gọi là hội đường

*ratanamāḷaka*. Bên trong hội đường này sáu loại gió: luồng tảo phong *(Sammajjakavāta* có nhiệm vụ quét sạch hội đường; luồng bố sa phong *(samakiraṇavāta*) có nhiệm vụ rải cát trong hội đường cho được bằng phẳng cát ở đây toàn là ngọc nát (ngọc sa) luồng bố thuỷ phong *(siñcanakavāta*) có nhiệm vụ mang nước từ hồ *Anotāta* lên rải trong hội đường cho cát ngọc lắng xuống; luồng bố hương phong *(sugandhakīraṇavāta*) có nhiệm vụ đem các bông hoa thơm về bỏ trong hội đường rồi luồng bài phong *(ocinakavāta*) sẽ phân bố chúng rakhắp hội đường một cách đều đặn. Các Đức Phật Độc Giác luôn họp mặt nhau tại hội đường này vào ngày có vị mới thành đạo, ngày Bồ Tát *(Uposatha*)

Riêng về ngọn núi *Kelāsakūṭa* thi được cấu tạo toàn bằng bạc. Ngọn núi này với bốn ngọn kia đều có một hình dạng và độ cao như nhau, đều nằm bọc chung quanh đại hồ*Anotāta*. Do Chư Thiên cùng loài rồng xui khiến, trong khu vực năm ngọn núi cứ mưa liên tục cả năm và toàn bộ nước mưa đều chảy vào hồ *Anotāta* và điểm đặc biệt ở đây là không bao giờ ánh sáng của mặt trăng, mặt trời có thể rọi vào hồ *Anotāta* được bởi đã có đỉnh núi*Sudassana* che khuất. Đó chính là lý do tại sao đại hồ này mang tên là *Anotāta*.

Hồ *Anotāta* rất đẹp, quanh hồ có rất nhiều bậc đá dẫn xuống. Nước dưới hồ tinh khiết và trong suốt như pha lê. Chỉ có những bậc đại phước như Đức Phật Toàn Giác hay Độc Giác mới được tắm rửa, bằng nước hồ *Anotāta*. Trong hồ có bốn nguồn nước chảy ra ngoài: Nguồn sư khẩu

*(sīhamukka)*, nguồn tượng khẩu *(Hatthimukha)*, nguồn mã khẩu *(assamukha)*, và nguồn ngưu khẩu *(Usabhamukha)*. Con sông nào phát tích từ nguồn sư khẩu thì hai bên bờ có rất nhiều sư tử. Dòng sông nào phát tích từ nguồn tượng khẩu thì hai bên bờ có rất nhiều voi. Dòng sông nào phát tích từ nguồn mã khẩu thì hai bên bờ có rất nhiều ngựa rừng. Con sông nào phát tích từ nguồn ngưu khẩu thì hai bên bờ có rất nhiều bò. Nước trong hồ *Anotāta* được phân bố ra nhiều ngã. Nguồn nước chảy ra qua phía đông dãy trường sơn Hy Mã thì sau khi đi bọc vòng đại hồ ba đường sẽ băng qua ba con sông nữa và theo hướng đông ấy mà xuôi về đồng bằng rồi đổ ra đại dương luôn. Nguồn nào chảy ra phía Tây Bắc dãy Hy Mã thì sau khi chảy quanh hồ ba vòng sẽ xuôi về đồng bằng qua ngõ Tây bắc rồi từ đó cũng chảy ra đại dương. Còn nguồn nước bên phía nam trường sơn Hy mã thì sau khi chảy quanh hồ *Anotāta* ba lần sẽ tuôn xuống một khối đá dài 60 do tuần, va vào một vách núi ở đó, tạo thành một thác nước ngược có độ cao 3 *gāvuta* (3/4 do tuần). Thác nước ngược ở đây có nghĩa là thay vì nước từ trên cao đổ xuống thì nó lại dội vào đá mà phun ngược lên. Rồi từ đó dòng nước lại đổ xuống một tảng đá phía dưới, tên là tảng đá *Tiyaggala* (tam giác) vì nó có ba cạnh. Do bị nước xoáy mòn. Nên trên tảng đá này có một cái hồ tên *Tiyaggalapkkharaṇī*. Nước trong hồ tam giác này lại tiếp tục chảy luồn xuống một tảng đá nằm phía dưới cũng dài 60 do tuần, rồi từ đó chảy luồn dưới mặt đất để ra tới ngọn núi *Tiracchānapabbata*, dòng nước

ngấm này cũng dài 60 do tuần, và đã xoáy vào núi để rồi tẻ ra thành năm dòng nữa, trông giống như năm ngón tay.

Những nguồn nước từ *Anotāta* chảy ra rồi lượn quanh hồ, được gọi là các dòng *Āvaṭṭagaṅga* (triền giang), luồng nước phún vọt lên hư không được gọi là *Ākāsagaṅgā* (thiên giang). Dòng nước chảy tuôn xuống tảng đá tam giác được gọi là *Tiyaggalapokkharaṇī*. Luồng nước chảy phía di tản đá 60 do tuần được gọi là *Bohalagaṅga* (Mật giang). Dòng nước ngầm chảy luồn dưới đất được gọi là *Umaṅgagā* (tiền giang) năm nhánh thuỷ lưu tẻ ra từ ngọn núi *Tiracchānapabbata* chính là năm con sông lớn ở Ấn Độ *Gaṅgā, Yamunā, Aciravatī, mahī (mahimahā)* và *Sarabhū*.

Nói về đại hồ *Chaddanta* thì có chiều rộng là 50 do tuần. Giữa hồ là một vùng nước thật trống trải, bao la. Hoàn toàn trong suốt và tinh khiết như màu ngọc *Maṇi*, đặc biệt không có rong rêu bụi bặm gì cả. Vùng nước này rộng 12 do tuần, chung quanh có bảy lớp sen bao bọc thành từng vòng. Lớp thứ nhất dày một do tuần, toàn là hoa *(Caṅkalanī)*. Lớp thứ hai toàn hoa súng xanh *(suddhanīluppala)*, cũng dày một do tuần. Lớp thứ sáu toàn là sen trắng cũng dày một do tuần và lớp thứ bảy thì toàn là sen *komuda* cũng dày một do tuần. Hết bảy lớp này xong thì tới lớp hoa tạp sắc *(Vomissakavana)* tức là ở đây có đủ loại sen tạp sắc, lớp này cũng dày một do tuần. Kế đó là lớp lúa *Sāri* đỏ *(Rattasālivana)*, ở đây toàn là lúa *Sāli* đỏ này cách lớp sen tạp sắc *(Khuddakagacchavana)*, ở đây toàn những thứ hoa lạ đẹp chuyên sống dưới nước và gồm

đủ màu sắc. Lớp thuỷ hoa tạp sắc ấy cũng dày một do tuần. Nói tóm lại, tất cả các lớp hoa từ giữa hồ chi đến bờ đều dày một do tuần và cũng đều mọc cách nhau một do tuần.

Chung quanh bờ hồ *Chaddanta* có rất nhiều cây trái, chúng cũng mọc thành từng lớp bao quanh hồ. Trước hết là một vòng đai toàn những bí rợ, giống bí rợ ở đây rất to lớn. Kế đến là một rừng mía ngút ngàn, mỗi cây mía to bằng một thân cây lớn. Lớp thứ ba là ràng chuối, mỗi trái chuối to bằng chiếc ngà voi lớp thứ tư là ràng mít mỗi trái to bằng cái lu. Lớp thứ năm là rừng xoài, lớp thứ sáu là me, lớp thứ bảy là rừng táo. Mỗi lớp rừng đó đều mọc cách nhau đều đặn, càng lúc càng xa dần bờ hồ và rừng nào thì trái nấy chứ không mọc lẫn lộn. Đến lớp rừng thứ tám thì tất cả cây trái vừa kể đều mọc chung nhau, chính vì thế lớp rừng này gọi là rừng *Vomissakavana* (tạp lâm). Hết lớp tạp lâm, thì tới rừng tre dày đặc, rừng tre này mọc khít nhau đến mức một con rắn muốn bò vào cũng khó khăn. Hết rừng tre này thì có bảy ngọn núi bao bọc chung quanh toàn bộ các khu vực vừa kể trên. Ngọn núi thứ nhất tên là *Cullkāḷa,* cao một do tuần, ngọn núi thứ hai tên là *Mahakāla* cao một do tuần, ngọn núi thứ ba tên là *Udakapassa* cao ba do tuần. Ngọn núi thứ tư tên *Candapassa* cao bốn do tuần, ngọn núi thứ năm tên *Suriya* cao năm do tuần, ngọn núi thứ sáu *Maṇīpassa* cao sáu do tuần, ngọn núi thứ bảy tên *Suvaṇṇapappata* cao bảy do tuần.

Ở góc đông bắc của hồ *Chaddanta* có một cây đa to lớn, chỉ riêng chu vi thân cây đã là năm do tuần và chỉ cao bảy do tuần thôi rồi từ đó mọc ra bốn nhánh lớn chĩa ra bốn hướng, mỗi nhánh cây dài khoảng sáu do tuần, đọt cây cao nhất là mười ba do tuần. Nghĩa là phần thân cây chỉ cao bảy do tuần, phần còn lại là các cành nhánh phía trên, do đó từ gốc cây lên tới ngọn mới là mười ba do tuần. Cây đa này rất đẹp nhìn chung chung nó đẹp như ngọn núi *Maṇipabbata.*

Còn hồ *Mandīhinī* thì rộng khoảng 25 do tuần, trên bờ hồ có nhiều bậc thang bằng vàng; hay bạc để lên xuống. Nước hồ rất tinh khiết và trong suốt như màu ngọc. Trong bờ trở ra chừng "một cái lưng của con voi" có một đám hoa sen màu trắng mọc thành vòng tròn. Búp sen ở đây to bằng cán cày và củ sen thì to bằng cái trống trận. Trong mỗi cọng sen đều có chứa khoảng một lít sữa, nên cọng sen nào cũng có màu trắng. Tới khi sen nở, nhuỵ của nó được gió thổi, rớt xuống các lá sen gần đó và chỉ cần vài giọt nước trộn vào, có thêm tí nắng mặt trời, chúng sẽ trở thành những viên nhỏ màu đỏ ngọt như mật ong. Người ta gọi đó là mật sen *(Pokkharamadhu)*. Qua khỏi lớp sen trắng thì tới lớp sen hồng, rồi lớp súng đỏ, súng trắng.

Trên bờ hồ *Maṇḍākiṇī* lại có một rừng mía mọc bao quanh, cây mía nào cũng to như một thân cây lớn. Loài voi rừng ở đây thường đến ăn mía và khi có Đức Phật Toàn Giác, Độc Giác hay vị La Hán nào vào đây, chúng cũng lấy mía trong khu rừng này dâng cúng các Ngài. Nước của giống mía rừng này có màu trắng như sữa, dĩ nhiên rất

ngon. Hết rừng mía thì đến rừng chuối. Chuối ở đấy cũng rất lớn trái. Người ăn nhiều nhất cũng chỉ ăn được hai trái thôi. Kế tiếp rừng chuối là rừng mít, trái nào cũng to bằng cái lu cả. Hết rừng mía thì lại đến rừng xoài, rừng táo. Nói chung trong khu vực đại hồ *Maṇḍākinī* không thiếu một thứ bông hoa cây trái nào.

Núi rừng Hy Mã có rất nhiều thú vật, nhưng đáng kể nhất phải nói là loài sư tử *Kesara* và giống chim Ca Lăng Tần Già *(karavīka)*.

Sư tử *kesara* có hình dáng rất đẹp, màu lông óng ánh như xa cừ, trên lưng có ba lằn sọc xoắn vào nhau, miệng đỏ như son. Loài sư tử này chỉ sống trong các hang động bằng bạc, bằng vàng hạt bằng ngọc. Mỗi lần bước ra khỏi hang, thì chúng chùn chân vươn mình để thao tác oai nghi rồi hắt hơi. Tiếng hắt hơi của loài sư tử *kesara* vang rền như tiếng sét, chúng hắt hơi để rũ bụi trên lông cho sạch. Sau khi thân mình đã hết bụi bặm, chúng gầm lên ba lần. Nghe tiếng gầm này, tất cả các loài phi cầm tẩu thú kinh khiếp sợ hãi, con nào cũng vội tìm chỗ ẩn núp. Được biết rằng chỉ có bốn hạng chúng sanh, không khiếp sợ trước tiếng gầm của loài sư tử *kesara* đó là các con voi thuần chủng *(Ājāneyya)*, ngựa thuần chủng *(Ājāneyya)*, bò thuần chủng, người thuần chủng, và bậc lậu tận. Còn loài sư tử *kesara* thì cũng không khiếp sợ tiếng gầm của nhau vì chúng thuộc đồng loại. Các loài thú và người thuần chủng không sợ là vì chúng có thân kiến *(sakkāyadiṭṭhi)* quá mãnh liệt nghĩ rằng mình là con nòi chánh tông, nhờ vậy xem thường tiếng gầm của sư tử. Riêng về các bậc lậu tận

(ở đây chỉ cho A-na-hàm, A-la-hán) sở dĩ không sợ vì đã không còn thân kiến như các loài chúng sanh phàm phu.

Sức nhảy xa của loài sư tử *kesara* cũng thật đặc biệt, chúng có thể nhảy xa đến hàng trăm thước nếu đứng trên gò cao. Còn nếu đứng dưới đất bằng thì cũng nhảy xa hàng chục thước. Loài sư tử *kesara* được xem là chúa tể của các loài sư tử khác.

Nói về loài chim Ca Lăng Tần Già *(karavīka)* thì được ghi nhận là một giống phi cầm có nhiều uy lực. Tiếng hót của chim Ca Lăng Tần Già vô cùng lảnh lót và hấp dẫn. Chỉ cần nghe loài chim này cất tiếng, từ các giống mãnh thú hung hăng nhất cho đến các hàng sanh nhỏ bé cũng đều ngớ ngẩn, đê mê, mất chánh niệm. Loài thú lớn đang rượt bắt con mồi cũng phải đứng lại để nghe chim Ca Lăng Tần Già hót, loài thú nhỏ đang bị rượt đuổi mà nghe tiếng chim Ca Lăng Tần Già hót thì cũng không còn thấy sợ hãi gì nữa, tất cả đều đứng yên thưởng thức. Cả loài thuỷ tộc cũng lờ đờ khi một con chim Ca Lăng Tần Già nào đó cất tiếng hót. Điểm đặc biệt của loài chim này là phải ăn trái xoài trước khi hót, nếu không có trái xoài thì không chịu cất tiếng hót.

Trong Hy Mã còn có một cội cây trâm rất cao lớn. Chu vi của thân cây là 15 do tuần. Từ gốc lên đến ngọn là 100 do tuần. Nếu tính từ gốc lên đến chỗ tẻ nhánh là 50 do tuần. Phía dưới tàn cây trâm này là một dòng sông lớn tên *Jambunadī*. Trái cây trâm này rất ngon, có mùi vị như mật ong nên các loài chim chóc thường tới để ăn. Tương truyền rằng những trái trâm nào rơi xuống dòng sông

*Jambunadī* rồi thì đều trở thành vàng và đều bị nước cuốn ra đại dương. Thứ vàng đó được gọi là vàng *Jambunuda*. Cây trâm vừa đề cập nãy giờ chính là cội cây lớn nhất, sống lâu nhất, có nhiều đặc điểm nhất ở địa cầu chúng ta chính vì thế địa cầu chúng ta được gọi là đại châu *Jambu* (đại châu cây trâm). Tuổi thọ của cội cây trâm kéo dài cả đại kiếp, tức là tương đương với cây *Pāṭali* của loài A-tu-la, cây *Simbalī* của loài Kim Xí Điểu cây *Pārucchattaka* của Chư Thiên Đạo Lợi, cây *Kadamba* của Tây Ngưu Xa Châu, cây *Kapparukkha* của Bắc Cưu Lưu Châu, cây *Sirisaka* của Đông Thắng Thần Châu.

Lại nữa trong rừng Hy Mã ngay tại khu vực tiếp giáp với ngọn núi *Taṇhāvaddhana* có một khu rừng tên là rừng *Makkhali*. Trong rừng này toàn là cây *Makkhali* không thôi. Trái *Makkhali* có hình dạng như một thiếu nữ xinh đẹp và phải trải qua 4-5 tháng mới hư. Mỗi mùa cây *Makkhali* ra quả như vậy, các tay thầy bùa núi rừng Hy Mã đều tìm đến để hưởng thụ khoái lạc nhục cảm với trái cây *Makkhali* và sau mỗi bận như thế họ phải bất tỉnh *(visaññī)* suốt bốn tháng trời mới tỉnh dậy.

Những gì đã được trình bày từ phần đầu tác phẩm cho đến phần vừa kết thúc đều trích dịch từ các tài liệu sau đây:

- *Sattasuriyasutta* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Therāpadāna* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Udāna* ( cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Mahāniddesa* (cả chánh tạng lẫn chú giải)

- *Saṃyuttanikāya* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Nemirājajātaka* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Suttantamahāvagga* (cả chánh tạng lẫn chú giải)
- *Samantapāsādika-atthakathā*
- *Atthasālinī-atthakathā*
- *Sammohavinodanī-atthakathā*
- *Suttanipāta-atthakathā*
- *Majjhimapaṇṇāsa-atthakathā*
- *Uparipaṇṇāsa-atthakathā*
- *Sāratthadīpanīṭīkā*
- *Aṅguttaraṭīkā*
- *Visuddhimaggamahāṭīkā.*

# CHỦNG LOẠI HỮU TÌNH (TỔNG QUÁT)

Có tất cả bốn loài chúng sanh kể theo tâm tái tục:

*I- Apāyapaṭisandhi:*

Loài chúng sanh đoạ xứ, tái tục bằng tâm thẩm tấn thọ xả quả bất thiện. Đồng thời cũng lấy tâm này làm ý thức chủ quan và theo quy luật, cũng mạng chung bằng tâm ấy. Như các Ngài đã ghi:

*Tattha akysalavipākopekkhāsahagata santīraṇaṃ apāyabhūmiyaṃ okkantikkhaṇe paṭisandhi hutvā toto paraṃ bhavaṅgaṃ pariyosāne cavanaṃ hutvā vocchijjati ayamekāpāyapaṭisandhi nāma.*

*II-Kāmasugatipatisandhi:*

Loài chúng sanh Dục thiện thú, Trong loài này được phân ra nhiều hạng:

1. *Jaccandha*: người mù bẩm sinh
2. *Jaccabadhira:* người điếc bẩm sinh
3. *Jaccāghānaka:* người liệt khứu giác bẩm sinh
4. *Jaccamūga:* người câm bẩm sinh
5. *Jaccajaḷa:* người đờ đẫn bẩm sinh
6. *Jaccummattaka*: người loạn trí bẩm sinh
7. *Paṇḍka:* người vô tính
8. *Ubhatobyañjanaka*: người lưỡng tính
9. *Napuṃsaka:* cũng một dạng người vô tính
10. *Mamma:* người mắc tật nói cà lăm

11. *Vinipātika-asura*: hạng A-tu-la đoạ lạc
12. *Duhetakapuggala*: người nhị nhân
13. *Tihetukapuggala:* người tam nhân

Mười một hạng đầu tái tục bằng tâm thẩm tấn thọ xả quả thiện. Hai hạng cuối tái tục bằng 8 tâm đại quả. Và như đã nói, tái tục bằng tâm nào thì cũng lấy tâm ấy làm ý thức chủ quan (hữu phần) tử tâm. Điều này y cứ vào lờii giải của các Ngài Chú Giải Sư:

*Kusalavipākopekkhāsahagatasantīraṇaṃ paṇa kāmasugatiyaṃ manussānañceva jaccandhādīnaṃ bhummassitānañca vinipātikāsurānaṃ paṭisandhibhavaṅgacutivasena pavattati. Mahāvipākāni pana aṭṭha sabbatthāpi kāmasugatiyaṃ paṭisandhibhavaṅgucutivasena pavattanti.*

Đối với chúng sanh đoạ xứ, nhân loại và A-tu-la đoạ lạc thì không có hạn lượng tuổi thọ nhất định. Riêng về Chư Thiên cõi Tứ Thiên Vương thì là 500 tuổi trời, nếu tính theo đơn vị năm tháng của nhân loại thì tương đương chín triệu năm. Tuổi thọ của Chư Thiên trong sáu cõi trời Dục giới hơn kém nhau bốn lần, nghĩa là đối với tuổi thọ của Chư Thiên cõi Tha Hoá Tự Tại nếu tính theo đơn vị thời gian ở cõi người thì là chín tỷ hai trăm mười chín triệu năm.

*III- Rūpapaṭisandhi:*

Loài chúng sanh sắc giới. Các Phạm Thiên cõi sơ thiền tái tục bằng tâm quả sơ thiền. Pham Thiên cõi nhị thiền tái tục bằng tâm quả nhị thiền và tam thiền. Phạm thiên cõi tam thiền tái tục bằng tâm quả Tứ Thiền, Phạm Thiên hữu tâm ở cõi tứ thiền thì tái tục bằng tâm quả ngũ thiền. Riêng

về Phạm thiên vô tưởng thì hoàn toàn không có tâm thức, kể từ lúc tái tạo cho đến khi mạng chung. Nói về hạn lượng tuổi thọ của các Phạm thiên sắc giới thì như sau:

- Phạm Chúng Thiên sống được một phần ba thời gian của trụ kiếp
- Phạm phụ thiên sống được nửa thời gian của trụ kiếp
- Đại Phạm thiên sống được một trụ kiếp
- Phạm thiên Thiểu Quang sống được hai kiếp
- Phạm thiên Vô Lượng Quang sống được bốn đại kiếp
- Phạm thiên Quang âm sống được tám đại kiếp
- Phạm thiên Thiểu Tịnh thiên sống được mười sáu đại kiếp
- Phạm thiên Biến Tịnh Thiên sống được ba mươi hai đại kiếp
- Phạm thiênBiến Tịnh thiên sống được sáu mươi bốn đại kiếp
- Phạm thiên Quảng Quả sống được năm trăm đại kiếp
- Phạm thiên cõi Vô Phiền Thiên sống được một ngàn đại kiếp
- Phạm thiên cõi Vô Nhiệt Thiên sống được hai ngàn đại kiếp
- Phạm thiên cõi Thiện kiến sống được bốn ngàn đại kiếp
- Phạm thiên cõi Siêu Thiện sống được tám ngàn đại kiếp
- Phạm thiên cõi Sắc Cứu Cánh Thiên sống được mười sáu ngàn đại kiếp

*IV- Arūpapaṭisandhi*

Chúng sanh vô sắc giới, Phạm thiên vô sắc giới tái tục bằng bốn tâm quả vô sắc giới. Hạn lượng tuổi thọ của các vị này rất lâu. Phạm thiên không Vô Biên Xứ sống được hai muôn đại kiếp. Phạm thiên Thức Vô Biên Xứ sống được bốn muôn đại kiếp. Phạm thiên Vô Sở Hữu Xứ sống được sáu muôn đại kiếp. Phạm thiên phi tưởng phi phi tưởng sống được tám muôn bốn ngàn đại kiếp.

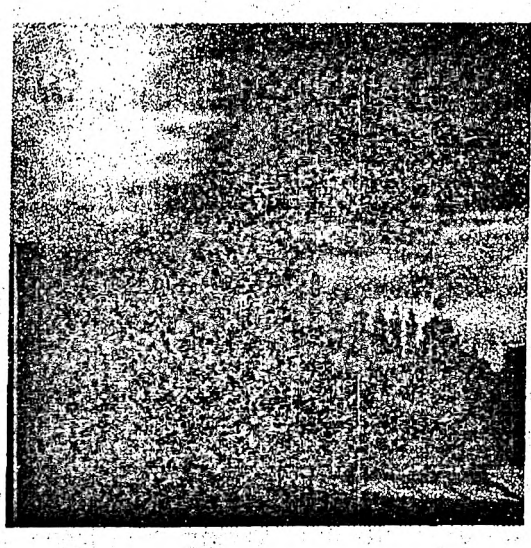

# BIỆT GIẢI VỀ TỪNG LOÀI HỮU TÌNH THIỆN THÚ

NGƯỜI LẠC VÔ NHÂN:

Gồm 11 hạng:

1- Người mù bẩm sinh *(Jaccandha)*

Nếu nói tổng quát hễ sanh ra không có mắt thì được gọi là mù bẩm sinh. Như các Ngài đã giải tự tiếng *Jaccandha:*

- *Jātiyā andhoJaccandho!*

Còn nói chi tiết thì phải phân tích rõ ràng từng trường hợp:

- Đối với loài thai sanh *(Gabbhaseyyaka)* kể từ lúc tái tục đến mười một tuần lễ sau mà vẫn không có cơ quan thị giác hiện khởi nơi thân thể thì được gọi là mù bẩm sinh

- Đối với loài hoá sanh *(Opapātika)* và thấp sanh *(samsedaja)* ngay giây phút tái tục mà không có mắt hiện khởi thì được gọi là mù bẩm sinh.

Điều nên nhớ là chỉ khi nào do ác nghiệp quá khứ tác động nên cơ quan thị giác không hiện khởi được thì mới gọi là mù bẩm sinh, còn như do một tác động vật chất nào đó trong quá trình trụ thai mà mắt không hiện khởi được thì trường hợp đó không gọi là mù bẩm sinh. Bằng chứng là có những người đã bị mù từ lúc lọt lòng mẹ nhưng vô cùng thông tuệ giỏi giắn. Ta có thể nói rằng họ không phải là người lạc vô nhân, bởi nếu tái tục bằng tâm thẩm tấn thọ xả quả bất thiện thì không cách gì họ lại được như vậy.

Thế thì ác nghiệp mù mắt của người mù bẩm sinh phải theo đuổi họ từ sát na tái tục, chớ không phải vào thời điểm trụ thai.

**2-** Người liệt khứu giác bẩm sinh: *(Jaccāghānaka)*

- *Jātiyā aghānako = jaccāghānako*

(từ lúc sanh ra đã thiếu cơ quan khứu giác lỗ mũi được gọi là liệt khứu bẩm sinh) về chi tiết thì cũng tương tợ như ở hạng trước)

**3-** Người điếc bẩm sinh (Jaccabadhira)

- *Jātiyā badhiro jaccabadhiro*

Cách hiểu tương tợ như đối với người mù bẩm sinh

**4-** Người độn tính bẩm sinh (Jaccajaḷa)

- *Jātiyājaḷo jaccajaḷo*

Từ lúc mới sanh ra đã ngớ ngẩn, đớ đẩn thì được gọi là người độn tính bẩm sinh. Hạng người này kém thông minh đến mức không thể đếm được từ số một tới mười. Có một số vị Giáo Thọ Sư gọi hạng này bằng danh từ *Jacceḷā* nhưng xét ra thì không được chính xác bởi vì tiếng *Eḷā* có nghĩa là nước dãi. Lại nữa, các Ngài Chú Giải Sư bảo rằng hạng *Jaccajaḷa* khác với *Eḷamūga* ở chỗ là hạng *Eḷamūga* vừa bị câm vừa bị chảy nước dãi nhoè nhoẹt quanh miệng *(Eḷamūganti paggharitalālamukhaṃ)* còn hạng *Jaccajaḷa* ở đây lại chỉ cho hạng người ngớ ngẩn đờ đẩn từ bé

**5.** Người câm bẩm sinh *(Jaccamūga)*

- *Jātiyā mūyo jaccamūyo!*

Từ khi sanh ra đã câm, nên gọi là câm bẩm sinh

**6.** Người loại trí bẩm sinh *(Jaccummatta)*

- *Jātiyā ummattako jaccummattako!*

Từ bụng mẹ sanh ra đã bị điên khùng được gọi là loạn trí bẩm sinh

7. Người vô tính *(Paṇḍaka)*

- *Paḍati liṅgavekallabāvaṃ gacchatīti paṇḍako*

(người vô tính là người không có bộ phận sinh dục dù của nam hay nữ). Có tất cả năm hạng người vô tính. Và câu giải tự trên đây lẽ ra ám chỉ ngay[18] hạng *Napuṃsakapaṇḍka* nhưng nếu phải dịch nghĩa chung chung các hạng vô tính thì cũng có thể tạm dùng[19] câu giải tự này, bây giờ giải về từng hạng người vô tính

***a-*** *Asittakapaṇḍaka*: là người bị mất bình thường về mặt sinh lý, mỗi lần cảm thấy hứng tình chỉ cần ngậm dương vật của một nam nhân khác để mút chất tinh dịch, thì xem như đã đủ để thoả mãn. Hoặc là có trường hợp khác nữa là lúc chưa ngậm thì không có tư tưởng gì về vấn đề dục lạc nhưng hễ ngậm vào dương vật người khác thì sẽ cảm thấy thoả thích. Đây cũng là một dạng *āsittakapaṇḍaka*

**b-** *Assūyapaṇḍaka:* hạng này cũng là người rối loạn về mặt sinh lý, mỗi khi nhìn thấy một cặp nam nữ nào đó đang chung chạ với nhau thì lập tức khởi lên tư tưởng thèm khát, xốn xang để rồi sau đó cũng cảm thấy thoả mãn như chính mình là người trong cuộc vậy.

**c-** *Opakkamikapaṇḍaka:* ở đây chỉ cho người bị hoạn, như các thái giám trong cung vua chẳng kém. Hạng này không

[18] Mukhayanaya

[19] Sadisūpacāratthanaya

hẳn là người lạc vô nhân, đôi khi là nhị nhân hay tam nhân cũng có.

**d-** *Pakkhapaṇḍaka*: đây là hạng người có đặc điểm quái gở về mặt tâm lý tính dục, mỗi mùa thượng tuần (những ngày đầu tháng) thì tự nhiên cảm thấy hứng tình một cách sôi nổi, đến cuối tháng thì trở lại trạng thái bình thường. Hoặc có khi cứ vào mùa hạ huyền (cuối tháng) thì dục cảm của họ sôi nổi, náo động để rồi đến đầu tháng lại trở về trạng thái bình thường.

**e-** *Napuṃsakapaṇḍaka*: hạng này mới đúng là người vô tính; bởi trong cơ thể hoàn toàn không có bộ phận sinh dục, chỉ có một lỗ nhỏ để đi tiểu thôi.

***8.*** người lưỡng tính *(Ubhatobyañjanaka)*

- *Ubhato pavattaṃ byañjanaṃ yassa atthīti ubhato-byañjanako!*

Hạng người lưỡng tính là những kẻ đã tạo nghiệp tà dâm trong đời quá khứ nên kiếp hiện tại không có một giới tính hẳn hoi. Có lúc thì nam nhân, có khi lại là nữ nhân. Khi nào nam tính mạnh thì dương vật hiện khởi, khi nữ tính mạnh thì âm hộ hiện khởi. Cho nên tuy gọi là lưỡng tính nhưng kỳ thực không bao giờ có cùng lúc hai bộ phận sinh dục nam nữ. Chính vì thế trong bộ *Yamaka* (phẩm *Indriyayamaka)* bậc đạo sư có thuyết:

- *"Yassa itthindriyam. Uppajjati tassa purisindriyam. uppajjatīti? No!* (nữ căn đang xuất hiện ở người nào thì nam căn cũng xuất hiện ở người ấy phải chăng?- không phải như vậy!)

Có tất cả hai giống lưỡng tính: Nam lưỡng tính *(Purisubbatobyañjanaka)* và nữ lưỡng tính *(itthūbhatubyañjanaka)*. Giống người nam lưỡng tính thì có thân tướng như nam nhân, từ các bộ phận thân thể đến cử chỉ sinh hoạt. Nhưng mỗi khi thấy vừa ý người đàn ông nào rồi thì tự nhiên trở thành nữ nhân lập tức, từ tâm tánh đến ngoại hình cũng như bộ phận sinh dục đều thay đổi tức khắc để có thể cùng người đàn ông kia gần gũi xác thịt.

Còn người nữ lưỡng tính thì cũng có thân thể cốt cách giống y như một nữ nhân bình thường, chỉ có điều là mỗi khi đem lòng yêu mến một người phụ nữ nào rồi thì cũng tự trở thành một nam nhân hẳn hoi để có thể ve vản hay chung chạ với người mình thương..... Hai giống lưỡng tính trên đây khác nhau ở điểm là giống nữ lưỡng tính có thai với người khác cũng được, mà làm cho phụ nữ khác mang thai cũng được. Riêng về người nam lưỡng tính thì chỉ có thể làm cho phụ nữ khác mang thai, còn chính mình thì không bao giờ có thai với ai.

**9.** Người trung tính hay vô tính *(Napuṃsaka)*

- *Na puṃseti puriso viya na maddatīti napuṃsako*!

Đây chính là hạng *Napuṃsakapaṇḍaka* (xem ở phần giải về người vô tính)

***10.*** Người nói cà lăm *(Mamma)*

Hạng này cũng dễ hiểu, không có chi tiết gì đáng kể.

**11.** Loài A-tu-la đoạ lạc *(vinipātikāsura)*

Danh từ này được dùng để gọi một hạng Địa cư thiên nhân *(bhummā, bhummaṭṭhadevatā* hay *bhummassikā)* tức là những vị thần sống nương gá trên núi non, cây cối, sông

rạch, chùa chiền, nhà cửa. Họ có thân tướng hung tợn quái gở và đời sống vật chất thì cũng khó khăn chật vật như ngạ quỷ; họ phải vất vưởng khắp nơi để kiếm sống bằng cách ăn lại những đồ dư thừa mà người ta đã quăng bỏ. Nói chung, cuộc sống của họ chỉ là những chuỗi ngày bất hạnh, đói khát, như các Ngài cũng đã giải thích tiếng *vinipātika* (đoạ lạc): *virūpā hutvā devagatiyaṃ nipatantīti vinipātikā:* loài thiên nhân đoạ lạc là nhữngvị tuy được kể là các vị trời nhưng thân tướng hoàn toàn quái gở

- *Sukhasamussayato vipipatanti apagamantīti vinipātikā*: A-tu-la đoạ lạc là những thiên nhân thiếu hạnh phúc

A-tu-la đoạ lạc được kể vào hàng chư thiên cõi Tứ Thiên Vương tuy họ cũng là một loại A-tu-la *(Vinipātikā cate asurā cāti vinipātikāsurā) trong Atthakathā* ghi rằng hầu hết các *vemānikapotadevatā* đều tái tục bằng tâm thẩm tấn xả bất thiện nhưng cũng có một số *vemānikapetadevatā* cùng *vinipātikāsura* tái tục bằng các tâm đại quả, hoặc là nhị nhân, hoặc là tam nhân như bộ *Sumaṅgalavelāsinī* (phần sớ giải bàn kinh đại duyên) có ghi: *ye panettha tihetukā tesaṃ dhammābhisamayopi hoti* (trong các *vemāni-kapeta và vinipātikāsura* ấy, hễ vị nào tái tục bằng tâm quả tam nhân thì cũng đều có thể chứng ngộ thánh quả)

Theo A.S thì chỉ có mười một hạng người tái tục bằng tâm thẩm tấn xả bất thiện nhưng theo *Atthakathā* thì kể thêm một hạng nữa là hạng *vemānikapeta.*

# HẠNG LƯỢNG TUỔI THỌ CỦA CÁC LOÀI HỮU TÌNH

Theo A.S ghi rằng sáu hạng sau đây không có hạn lượng tuổi thọ cố đinh là chúng sanh dưới địa ngục, loài bàng sanh, ngạ quỷ, A-tu-la nhân loại, A-tu-la đoạ lạc. Nhưng trong *Sommohavinodanī* (687) thì kể thêm các hạng Địa cư thiên và Thụ cư thiên *(Rukkhaṭṭhadevatā)*. Bây giờ giải địa ngục trước.

Trong *vibhāravanīṭīkā* nói rằng: "*Apāyasu hikammeva pamāṇaṃ*. tuổi thọ các loài đoạ sanh ngắn dài tuỳ thuộc vào mức độ nặng nhẹ của hạnh nghiệp mỗi người" nghĩa là nếu đã trót tạo ác nghiệp nặng nề thì có khi phải bị đoạ địa ngục suốt một A tăng kỳ năm, còn như ác nghiệp quá nhẹ thì chỉ có mặt ở địa ngục trong chốc lát hay vài ngày rồi thì sanh lên nhàn cảnh gnay. Có nhiều người sau khi sanh xuống địa ngục, tự nhớ lại công đức của mình đã tạo trữ lúc còn mang thân nhân loại, lập tức thoát khỏi địa ngục. Đó là trường hợp của một ông thiện nam ở Tích Lan. Ông này lúc sinh tiền có lần đem y áo cúng dường bảo tháp xá lợi nên sau khi không may bị sanh xuống địa ngục vì một vài ác nghiệp của mình, chỉ cần nhìn thấy ánh lửa đỏ dưới đó ông chợi nhớ lại bộ y mà mình đã cúng dường bảo tháp nên khởi tâm hoan hỷ và thoát khỏi địa ngục lập tức, để sanh lên thiên giới. Còn đối với những người đã tạo quá

nhiều ác nghiệp như Đề Bà Đạt Đa chẳng hạn, thì phải sống hết tuổi thọ dưới địa ngục mới sanh lên được.

Điều quan trọng cần ghi nhận là tuy chúng sanh dưới địa ngục không có hạn lượng tuổi thọ cố định, nhưng ở mỗi địa ngục đều có một hạn lượng tuổi thọ cố định và đơn vị thời gian ở mỗi địa ngục cũng đều được ấn định khác nhau, mà sau đây sẽ lần lượt trình bày.

**1.** Địa ngục *Sañjīva* có hạn lượng tuổi thọ là 500 năm, 500 này bằng một ngàn sáu trăm hai mươi (1620) tỷ năm. Tức là một ngày dưới đây tương đương chín triệu năm ở cõi nhân loại.

**2.** Địa ngục *Kāḷasutta* có hạn lượng tuổi thọ là một ngàn năm. Thời gian này tương đương với mười hai ngàn chín trăm sáu mươi (12.960) tỷ năm ở nhân loại. Tức một ngày ở địa ngục này lâu bằng ba mươi sáu triệu năm trên cõi người.

**3.** Địa ngục *Saṅghāṭa* có mức tuổi thọ là hai ngàn năm, tương đương với một trăm lẻ ba ngàn sáu trăm tám mươi (103.680) tỷ năm nhân loại. Một ngày ở địa ngục này lâu bằng một trăm năm bốn mươi bốn triệu năm trên cõi người.

**4.** Địa ngục *Roruva* có thọ lượng là bốn ngàn năm. Thời gian này tương đương với tám trăm ba mươi mốt ngàn lẻ bốn (831.940) ở cõi người. Một ngày dưới đây lâu bằng năm trăm bảy mươi sáu triệu năm trên cõi nhân loại.

**5.** Địa ngục *Mahāroruva* có thọ lượng là tám ngàn năm. Thời gian này lâu bằng sáu triệu sáu trăm ba mươi lăm ngày năm trăm hai mươi (6.635.520) tỷ năm ở cõi người.

Tức là một ngày dưới đây tương đương với hai tỷ ba trăm lẻ bốn triệu năm trên cõi nhân loại.

**6.** Địa ngục *Tāpana* có hạn lượng tuổi thọ là mười sáu ngàn năm. Thời gian này tương đương với năm triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi (5.384.160) tỷ năm trên cõi nhân loại. Tức là một ngày dưới đây lâu bằng chín tỷ hai trăm mười sáu triệu năm ở cõi người.

**7.** Địa ngục *Mahātāpana* có hạn lượng tuổi thọ lâu bằng một nửa trung gián kiếp *(Antarakappa)* trên cõi người. Muốn biết một trung gián kiếp lâu bao nhiêu hãy xem ở phần giải về kiếp

***8.*** Địa ngục *Avīci* có thọ lượng tương đương là với một trung gián kiếp trên cõi người

Phần nói về tuổi thọ của các địa ngục này trích từ *Dhammahadayavibhaṅga anuṭīkā*[20]

và *Jinālalaṅkāraṭikā.*

Còn sở dĩ nói loài bàng sanh không có hạn lượng tuổi thọ cố định là vì kiếp sống của chúng hoàn toàn tuỳ thuộc vào môi trường sinh thái. Khi có khí hậu thích hợp, thực phẩm dồi dào thì loài bàng sanh sống lâu, bằng ngược lại thì yểu mệnh. Thế thôi.

Bây giờ bàn quan vấn đề thọ mạng loài người, có vài điểm quan trọng mà ta cần ghi nhận như sau: Các Ngài phụ giải sư *(Ṭīkācariya)* bảo rằng tuy nói nhân loại không có thọ lượng nhất định nhưng đó là ám chỉ cho loài người ở Nam Thiện Bộ Châu, riêng về ba châu kia thì nhân loại

[20] Vibhaṅga anuṭīka trang 227

bên đó luôn có thọ lượng nhất định. Vào bất kỳ thời gian nào, nhân loại Đông Thắng Thần Châu cũng tối thiểu là bảy trăm tuổi. Tuổi thọ tối thiểu của nhân loại Tây Ngưu Xa Châu cũng là năm trăm tuổi và tuổi thọ tối thiểu ở Bắc Cưu Lưu Châu cũng là một ngàn tuổi. Còn tuổi thọ của nhân loại Nam Thiện Bộ Châu thì mức tối thiểu phải là mười tuổi.

Tuổi thọ ở bốn đại châu nhân giới có tăng giảm như vậy là do tâm địa bất chừng của loài người, có lúc quá thánh thiện cao khiết để rồi có khi lại quá thoái đọa sa ngã. Thời sơ kiếp (lúc các vũ trụ vừa tái lập), nhân loại ở bốn đại châu đều sống được một A Tăng kỳ tuổi. Dần dần về sau mỗi lúc một giảm bởi vì phiền não, ác pháp cũng càng lúc càng chi phối loài người mãnh liệt hơn. Mỗi lối sống đều rất ảnh hưởng đến môi trường sinh tồn. Khi nào loài người biết tu nhân tích đức, ghét ác ưa thiện thì điều kiện vật chất ngoại giới cũng thoải mái, hưng phát. Nhờ vậy tuổi thọ được kéo dài.

Khi nào loài người có đời sống tạp loạn sa ngã thì điều kiện sống lại trở nên khắc nghiệt, khó khăn hơn như mùa màng thất bát thời tiết bất thường, thiên tai nhân nạn. Chính những trắc trở từ ngoại giới như vậy đã rút ngắn thọ mạng loài người. Nói về trường hợp tăng giảm tuổi thọ ở bốn đại châu nhân giới thì khi thọ mạng loài người chỉ còn một ngàn tuổi, nhân loại Bắc Cưu Lưu Châu cố gắng gìn giữ giới hạnh để mức tuổi thọ đừng giảm xuống nữa. Nhờ vậy thọ mạng ở Bắc Cưu Lưu Châu cũng là một ngàn năm. Còn nhân loại ở Đông Thắng Thần Châu thì đợi tới lúc

tuổi thọ chỉ còn bảy trăm năm mới biết tu chỉnh nên tuổi thọ tối thiểu ở bên đó là bảy trăm năm.

Nói về nhân loại Tây Ngưu Xa Châu khi thấy tuổi thọ còn được bảy trăm năm vẫn chưa biết thật sự, mãi đến khi chỉ còn năm trăm tuổi họ mới cố gắng sống thiện ít nhiều để đừng yểu thọ hơn nữa. Nhờ vậy nhân loại ở châu này sống tối thiểu là năm trăm năm. Còn loài người tại Nam Thiện Bộ Châu, thì khi hạn định tuổi thọ chưa giảm đến mười tuổi thì vẫn tiếp tục sống thác loạn thoái đoạ. Chính vì thế các Ngài Phụ Sớ Giải mới bảo rằng trong bốn đại châu chỉ có ở Nam Thiện Bộ Châu là nhân loại có mức tuổi thọ bất định.

Lại nữa, trong bộ *Lokapaññattipakaraṇa* có ghi rằng cứ mỗi một trăm năm, tuổi thọ của nhân loại Nam Thiện Bộ Châu sụt xuống mười năm, còn theo các Ngài Phụ Giải Sư thì cứ mỗi thế kỷ trôi qua, tuổi thọ của loài người ở Nam Thiện Bộ Châu chỉ giảm một năm. Nhưng nếu xét cho cùng thì hai ý kiến trên đều không được chính xác cho lắm. Bởi vì khi nào loài người ở Nam Thiện bộ Châu ưa thiện ghét ác thì chẳng những tuổi thọ không giảm sụt mà lại còn tăng lên nữa là khác. Khi nào loài người ở châu này sống tội lỗi thoái đoạ thì chẳng những tuổi thọ bị giảm (theo như đã nói) mà lại còn sống ít hơn mức tuổi thọ bình thường. Bằng chứng hiển nhiên là đối với nhân loại trên thế giới bây giờ có tuổi thọ trung bình là 75 năm nhưng ta thấy rõ ràng là có rất nhiều người sống nhiều hơn hoặc ít hơn hạn định trung bình ấy.

Được biết rằng kể từ thời Bồ Tát *Vessāntara* cho đến thời Đức Phật, hạn lượng tuổi thọ của nhân loại vẫn giữ mức trung bình là một trăm năm, có nghĩa là trong khoảng thời gian đó tuổi thọ của loài người ở Nam Thiện Bộ Châu không có sụt giảm tí nào. Nhưng kể từ thời Đức Phật đến nay thì tuổi thọ nhân loại có sụt giảm thấy rõ. Sau hai ngàn năm trăm năm tuổi thọ con người bây giờ nếu tính theo trung bình chỉ còn 75 tuổi thôi. Về điều này ta thấy các Ngài Phụ Giải Sư cũng nói đúng phần nào, tức là cứ một thế kỷ thì tuổi thọ loài người sụt giảm một. Điều nên nhớ là vẫn có trường hợp một người nào đó sống lâu hơn mức trung bình, nhưng chỉ lâu hơn trong một chừng mực nào thôi, không thể lâu hơn gấp đôi. Như ta thấy, người sống lâu nhất thời này cũng chỉ đến một trăm hay hơn chút ít chớ không có ai sống đến 150 tuổi được. Hoặc như vào thời Đức Phật, mức tuổi thọ trung bình của loài người lúc bấy giờ là một trăm năm, nếu có ai đó sống lâu hơn mức tuổi đó thì cũng không thể sống đến 200 tuổi, Ngài *Bakkala* được xem là vị trường thọ nhất cũng chỉ sống được 160 tuổi ngài *Anuruddha* sống được 150 tuổi. Còn một số người khác cũng tạm gọi là trường thọ như ngài *Mahākassapa*, ngài *Ānanda*, bà *Mahāpajāpatigotamī* (di mẫu Đức Phật), ông Bà la môn *Pokkharasādi*, Bà la môn *Brahmāyu*, Bà la môn *Sela*, Bà la môn *Bāvari*, và rằng đại tín nữ *Visākhā*....., cũng chỉ sống được 120 tuổi mà thôi. Cho nên Bậc Đạo Sư đã thuyết rằng:

- *"Yo bhikkhave ciraṃ jīvati so vassasataṃ jīvati appaṃ vā bhiyyo dutiyaṃ vassasataṃ na pāpuṇāti*: này các tỳ

kheo! Loài người bây giờ nếu có trường thọ đến mấy cũng chỉ sống một trăm năm hay nhiều hơn một chút chớ không thể nào sống đến hai trăm tuổi được"

Sở dĩ hạn lượng tuổi thọ của loài người ở ba đại châu kia không tăng giảm bất thường ở Nam Thiện Bộ Châu là vì nhân loại ở Nam Thiện Bộ Châu có hùng tâm và bản lĩnh hơn loài người ở ba đại châu kia về cả pháp thiện lẫn pháp ác. Dân Nam Thiện dám tạo các ác nghiệp tày trời như ngũ nghịch đại tội chẳng hạn, đồng thời cũng sẵn sàng hy sinh thân mạng hay có thể làm được những sự nghiệp đồ sộ như chứng đắc thiền định đạo quả, làm vua Chuyển Luân hoặc thậm chí viên thành Phật vị Toàn Giác. Nói rõ hơn, loài người ở châu Nam Thiện luôn có thể thay đổi nếp sống cách đột ngột, hoặc quá cao hoặc quá thấp, nên tuổi thọ cũng vì vậy mà tăng giảm bất thường, không như nhân loại ở ba đại châu kia nhờ có lối sinh hoạt tương đối quy củ, tập quán nên mức tuổi thọ bên đó cũng có chừng mực, Để hiểu rõ hơn nữa những điều vừa trình bày, ta hãy nghiên cứu đời sống hoạt động của loài người ở ba đại châu kia, mà trước hết là ở Bắc Cưu Lưu Châu.

Loài người tại Bắc Cưu Lưu Châu không có vất vả về vấn đề sinh kế như nhân loại ở ba châu kia bởi vì tại châu này có cội cây như ý *(kapparukkha)*, ai muốn dùng gì thì cứ đến đó mà lấy tuỳ thích. Điểm đặc biệt của cội cây như ý này là cành nhánh của nó trông giống như những lâu đài, đều đặn và kín đáo. Lá cây như ý rất rậm rạp. Ngoài ra, ở Bắc Cưu Lưu Châu còn có rất nhiều thứ cây trái ngon lành khác. Ao hồ ở đây đầy những hoa sen xinh đẹp. Loài

người ở Bắc Cưu Lưu Châu có thân thể rất cân đối, không quá cao hay quá thấp, sinh lực dồi dào và dung sắc nói chung đều đẹp đẽ. Thân lạc của họ cũng thường xuyên bởi hoàn toàn không bị vất cả mệt mỏi trong một công việc nào nặng nhọc. Ở Bắc Cưu Lưu Châu không có mối lo sợ về thú dữ độc trùng. Khí hậu tạo châu này luôn điều hoà chừng mực không quá nóng. Loài người ở đó không có xung đột, tranh chấp nhau. Tại châu này có giống lúa *Sāli* tự mọc, không ai biết tới việc cày cấy gieo trồng. Mùi vị của lúa *Sāli* này vô cùng thơm ngon. Ở châu này có một thứ đá tên là *Jotipāssāṇa* (nhiên thạch), mỗi lần muốn nấu cơm chỉ việc đặt nồi gạo lên ba hòn đá *Jotipāssāṇa* là cơm chín ngay. Ăn cơm *Sāli* này không cần đến thức ăn, chỉ cần khởi ý muốn thưởng thức vị chất nào lập tức trong cơm sẽ có vị chất đó. Chính nhờ ăn uống đơn giản và tinh khiết như vậy nên nhân loại Bắc Cưu Lưu Châu không có bệnh hoạn, dù chỉ là chứng bệnh nhẹ nhất. Vấn đề thực phẩm bên Bắc Cưu Lưu Châu rất thoải mái rộng rãi, nhờ vậy loài người ở đây không hề biết tới sự bủn xỉn, keo kiệt. Những vị có thần thông như Chư Phật hay các đạo sĩ chứng thiền thường đi sang. Bắc Cưu Lưu Châu để khất thực.

Phụ nữ Bắc Cưu Lưu Châu có nhiều điểm đặc biệt về dung sắc. Họ không quá cao hay quá thấp, màu da không quá trắng hay quá đen, các ngón tay của họ đều thon dài xinh xắn, móng tay móng chân đều ửng màu son tự nhiên. Thân hình của họ thon thả, đều đặn, khuôn mặt tròn trịa và các bộ phận trên người đều mềm mại êm mát. Giọng nói

của họ thanh tao du dương. Phụ nữ Bắc Cưu Lưu Châu không đa dục như phụ nữ ở ba châu kia, thỉnh thoảng họ chỉ khởi lên dục cảm trong một tuần lễ rồi sau đó hoàn toàn lãnh đạm đối với vấn đề tình cảm giới tính. Phụ nữ Bắc Cưu Lưu Châu không hề bị khổ sở về chuyện thai nghén. Tuy trong lúc lâm bồn họ cũng bài tiết các dịch chất nhớp nhúa nhưng hoàn toàn không có đau đớn. Họ xem việc ấy như một bổn phận nhẹ nhàng và bỏ mặc đứa hài nhi nằm tại đó, không chút bận bịu. Rồi ai đó, bất luận nam hay nữ, đi ngang qua chỗ đứa bé nằm chỉ cần đứa ngón tay của mình cho bú tự nhiên trong nón tay ấy có sữa chảy ra. Thế là đứa bé vẫn sống và lớn khôn bình thường. Ba ngày sau khi sanh ra, đứa bé nào cũng biết đi biết chạy cả. Đó là điểm đặc biệt của loài người ở Bắc Cưu Lưu Châu.

Lại nữa, nhân loại Bắc Cưu Lưu Châu mỗi khi muốn trang sức bằng một món trang vật đó thì cứ tự tiện đi đến cội cây như ý, ở đó mọi thứ đều treo sẵn trên cành lá. Tại châu Bắc Cưu Lưu Châu có một dòng sông trong suốt và tinh khiết, các bến tắm đều bằng phẳng. Nước sông không có cợn đục và cũng không quá nóng hay quá lạnh. Hai bên bờ sông đều có rất nhiều thứ hoa thơm. Khi xuống sông tắm rửa thì mọi người cứ vất bừa áo quần cùng các món trang sức trên bờ, tắm xong trở lên ai muốn lấy thứ nào thì lấy chớ không có tranh giành, cãi cọ. Lúc nào cảm thấy buồn ngủ thì loài người ở Bắc Cưu Lưu Châu đi tới một tàn cây nào đó rồi nằm xuống thôi, tại đó tự nhiên có sẵn chiếu chăn đệm gối. Người ở Bắc Cưu Lưu Châu sống đến

một ngàn tuổi mới chết (tính theo mức tuổi thọ trung bình) và mỗi lần có người qua đời, không ai khóc than gì cả. Mọi người chỉ lấy vải quấn chặt tử thi kia lại rồi đem vất bừa ra đó. Lúc ấy sẽ có một loài đại bàng bay đến tha đi bỏ bên các châu khác. Nhờ từ bé đến già ai cũng gìn giữ ngũ giới, nên sau khi chết người Bắc Cưu Lưu Châu nào cũng đều được sanh về cõi trời cả.

Nói về nhân loại ở Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Xa Châu, thì trong nếp sinh hoạt cả đời sống vật chất đều không có điểm gì đặc biệt so với Bắc Cưu Lưu Châu, cũng như không có sở hành gì phi thường như nhân loại ở Nam Thiện Bộ Châu, nhưng có được đời sống khá chừng mực nên tuổi thọ ở hai châu này cũng có hạn lượng cố định.

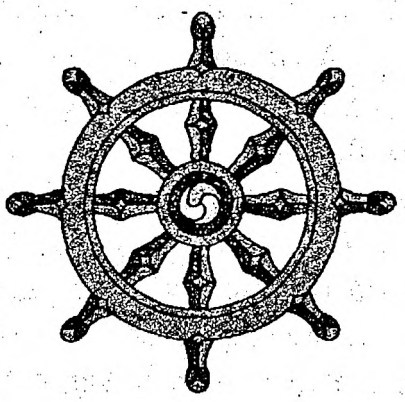

# ĐỜI SỐNG Ở NAM THIỆN BỘ CHÂU

Như đã nói, hạn định tuổi thọ của loài người ở châu Nam Thiện sẽ lần lượt sụt giảm từ 100 xuống còn 10 tuổi thôi. Với mức tuổi ngắn gủi đó, nhân loại sẽ trở nên thác loạn, hỗn độn hơn bao giờ hết. Phụ nữ thời đó vừa lên năm tuổi là đã có chồng con, và tất cả những gì được gọi là gia phong nề nếp đều bị huỷ bỏ. Cha mẹ con cái, bà con thân quyến đều có thể chung chạ xác thịt với nhau mà không một tí gì hổ thẹn loài người ở châu Nam Thiện lúc đó không còn biết gì tới tàm uý. Thậm chí không ai có thể hiểu được thế nào là thiện hay ác. Mọi người vượt qua hết những gì là đạo đức để sống như một con thú rừng. Trên địa cầu lúc đó điều kiện thiên nhiên bắt đầu thay đổi lớn. Những thức ăn thượng vị không còn nữa và đời sống vật chất ngày một khó khăn hơn. Khi nào loài người bị phiền não chi phối mạnh mẽ thì một trong ba đại nạn sau đây sẽ xuất hiện: đói kém *(dubbhikkhantarāya)*, loạn sát *(satthantarāya)*, và bệnh hoạn *(rogantarāya)*. Vào giai đoạn chỉ còn mười tuổi, nhân loại sẽ trở nên hung dữ và xung đột đối với đồng loại. Người ta không còn biết gì nữa ngoài ra việc giết hại, đấm đá nhau một cách điên cuồng, bất kể tình thân máu mủ, hay bè bạn thân quyến. Các ngài gọi đây là đại nạn về loạn sát.

Thời gian loạn sát này kéo dài một tuần lễ. Trên mặt địa cầu lúc bấy giờ đầy dẫy những tử thi, máu me nhuộm đỏ cả đất. Toàn khắp thế giới đều hoang vắng đến rùng rợn. Thế rồi có một số ít người tạm gọi là còn chút ít lương tri sau khi bỏ trốn vào rừng sâu núi thẳm để lánh nạn loạn sát đã trở ra vùng ngoài để tìm lại những ai may mắn sống sót. Gặp nhau, người ta đối xử như kẻ ruột thịt và cùng hứa hẹn là sẽ từ bỏ triệt để chuyện xung sát, giết chóc chúng sanh.

Kể từ lúc nhân loại quyết định giữ giới sát sanh thì tuổi thọ của họ tăng lên lập tức. Nghĩa là từ mức mười tuổi sẽ tăng đôi thành ra hai mươi tuổi, rồi cứ thế họ lần lượt thọ trì các giới cấm còn lại cho đến khi nghiêm trì đầy đủ ngũ giới và hạn chế dần các phiền não như sân độc *(Byāpāda)*, tà kiến và bạo dục *(abhijjhāvisamalobha)*, đồng thời trau dồi thập thiện nghiệp *(kusalakammapatha)* cho sung mãn cũng như biết hiếu kính đối với cha mẹ, Sa môn, Bà la môn, cùng các bận trưởng thượng thì tuổi thọ của loài người lại tiếp tục tăng lên từ hai mươi lên bốn mươi, từ bốn mươi tăng lên tám mươi. Cứ thế từ đời này đến đời khác, từ thế hệ trước qua thế hệ sau, tuổi thọ loài người mỗi lúc một lâu hơn, dài hơn. Cuối cùng thì đạt tới hạn lượng tuổi thọ tối đa của nhân loại là một A tăng kỳ năm.

Nhưng rồi khi đã sống lâu quá, không thường xuyên chứng kiến những cảnh sanh ly, tử biệt, những bể trái đau thương của kiếp sống nên con người bắt đầu quay lại con đường thoái đạo thuở nào, vì thế các ác pháp lại lần lượt tăng trưởng và thiện pháp dần dần đi đến chỗ thối giảm.

Tuổi thọ loài người cũng do vậy mà ngày một ngắn. Từ một A tăng kỳ năm giảm dần xuống chỉ còn tám muôn tuổi. Vào thời điểm đó sẽ có một Đức Phật Toàn Giác ra đời trên thế gian, hồng danh là *Metteyya*, như trong *Dīgha-nikāya* bậc đạo sư đã thuyết:

*Asītavassasahassāyukene bhikkhave manussesu metteyyo nāma bhagavā uppajjisati!*

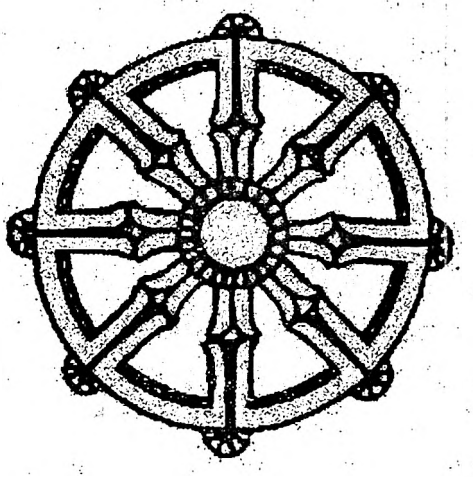

# TUỔI THỌ TRÊN CÁC CÕI TRỜI DỤC GIỚI

Các Ngài bảo rằng tuổi thọ của loài A-tu-la đoạ lạc không có hạn lượng tuổi thọ cố định, đó là nói hẹp, còn theo như *Sammohavinodanī* (687) ghi thì tất cả các Địa Cư Thiên đều có tuổi thọ bất định, lâu mau đều do hạnh nghiệp mỗi cá nhân *(bhummadevānampi kammeva pamāṇaṃ)*. Tức là tuổi thọ của Địa cư thiên có thể lên tới một A tăng kỳ năm hay chỉ một tuần lễ.

Trong sớ giải của bổn sanh *Nemirāja* còn ghi rằng những vị Không Cư Thiên *(Ākāsaṭṭhadevatā)* đã chứng sơ quả từ thời Đức Phật Ca Diếp vẫn còn sống cho đến thời kỳ của vua *Nemirāja* mà thời gian đó đâu phải là ít, ít nào cũng trên một A tăng kỳ năm. Bởi trong thời Đức Phật Ca Diếp, tuổi thọ của nhân loại ở Châu Nam Thiện là hai muôn năm, sau đó giảm dần xuống còn mười tuổi, rồi từ mười tuổi lại tăng lên một A tăng kỳ năm. Từ một A tăng kỳ năm lại giảm xuống còn ba muôn tuổi, lúc đó mới nhằm vào đời vua *Nemirāya*

Ta nên biết rằng các vị Không Cư Thiên vừa nói trên đều là Chư Thiên cõi Tứ Thiên Vương, mà tuổi thọ của cõi đó chỉ có năm trăm năm, nếu tính theo đơn vị thời gian ở cõi nhân loại thì là chín triệu năm. Vậy đây cũng là một trường hợp bất định. Đối với các cung chủ ngạ quỷ

*(vemānikapeta)* cũng không có tuổi thọ chắc chắn. Vì vậy nếu đem liệt kê ra thì sáu loài sau đây được xem là có hạn lượng tuổi thọ bất định.

1- Chúng sanh đoạ xứ *(apāyasatta)*
2- Nam thiện bộ châu
3- Loài *Vinipātikāseradevatā* ở Tứ Thiên Vương
4- Loài Địa Cư Thiên *(bhummaṭṭhadevatā)*

Ở đây chỉ cho cả hai hạng sống trên mặt đất *(bhummadevatā)* và sống trên cây *(rukkhaṭṭhadevatā)*

5- Loài Không Cư Thiên *(ākāsaṭṭhadevatā)*
6- Hạng Chư Thiên cung chủ ngạ quỷ *(Vemānikapetadevatā)*

Chư Thiên ở cõi Tứ Thiên Vương gồm có nhiều hạng, những hạng ngoài ra các hạng vừa kể trên thì đều có hạn lượng tuổi thọ cố định là năm trăm tuổi trời, tương đương với chín triệu năm nhân giới. Tức là năm mươi năm ở cõi người chỉ bằng một ngày một đêm trên cõi Tứ Thiên Vương cũng có đủ mười hai tháng. Vậy một trăm năm trên đó bằng mười tám ngàn năm dưới cõi người. Về điều này, trong bộ *Nāmacāradīpakapakaraṇa* có ghi như sau:

*Yāni paññāsa vassāni*
*Manussānaṃ dino tahiṃ*
*Timsarattidivo māso*
*Māsā dvādasa saṃvaccharaṃ*
*Tena saṃvaccharenāyu*
*Dibbaṃ pañcasataṃ mataṃ!*

Nói về Chư Thiên cõi Đạo Lợi thì tuổi thọ nhiều gấp đôi so với Chư Thiên cõi Tứ Thiên Vương. Cả đơn vị thời

gian giữa hai cõi cũng chênh lệch nhau hai lần Chư Thiên Đạo Lợi dài bằng hai ngày ở cõi Tứ Thiên Vương. Như vậy nói trên tỷ lệ thì gấp đôi nhưng xét trên thực tế thì phải bốn bận chết đi sống lại ở cõi Tứ Thiên vương mới bằng một kiếp sống trên Đạo Lợi thiên. Và đối với các tầng Dục giới còn lại cũng có hạn lượng tuổi thọ hơn kém nhau theo tỷ lệ đó, như trong bộ *nāmacāradīpaka* đã ghi:

*Tato upari devānaṃ*
*Diguṇā āyudīghatā*
*Divavassassa gaṇena*
*Āyu catugunaṃ bhave!*

Tức là nếu nói trên con số thì Chư Thiên cõi Dạ Ma sống được hai ngàn tuổi trời, còn nếu nói trên thời gian thực tế thì tương đương với tám ngàn năm dưới cõi Thứ Thiên Vương.

Chư Thiên cõi Đâu xuất sống được bốn ngàn tuổi trời tương đương với ba mươi hai ngàn năm ở cõi Tứ Thiên Vương.

Chư Thiên cõi Hoá lạc sống được tám ngàn tuổi trời tương đương với một ức hai muôn tám ngàn năm dưới cõi Tứ Thiên Vương.

Chư Thiên cõi Tha Hoá Tự Tại sống được mười sáu ngàn tuổi trời, tương đương với năm ức một muôn hai ngàn năm dưới cõi Tứ Thiên Vương.

Nói tóm lại, nếu xét trên tỷ lệ số đếm thì tuổi thọ của các tầng trời Dục giới hơn kém nhau hai lần. Nhưng nếu nói trên phương diện thời gian thực tế thì hơn kém nhau

bốn lần. Như Ngài *Anuruddha* đã nói trong bộ *Paramatthavinicchaya:*

*Āyuppamāṇamiccevaṃ*
*Devānamuparūpari*
*Dvikkhattuṃ diguṇaṃ katvā*
*Catubbhāgamudāhaṭaṃ!*

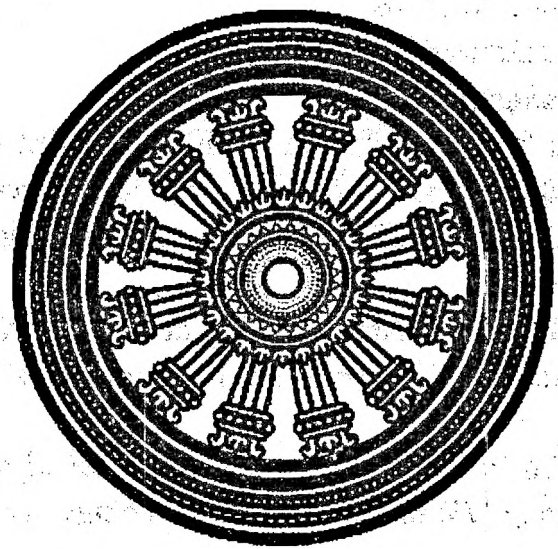

# TUỔI THỌ CỦA CÁC PHẠM THIÊN

Trước khi nói tới vấn đề đó, ta phải biết qua vài nét về quy trình tái sanh, của các Phạm Thiên. Ở đây, tâm quả sơ thiền luôn luôn làm nhiệm vụ tái tục, hữu phần và tử cho một vị Phạm thiên trên tầng phạm xứ sơ thiền. Tâm quả nhị thiền và tam thiền luôn luôn làm phận sự tái tục, hữu phần và mệnh chung do Chư Phạm thiên tầng tam thiền, tâm quả ngũ thiền luôn làm công việc tái tục, hữu phần và mệnh chung cho các Phạm thiên trên sáu cõi Tứ thiền (trừ ra cõi vô tưởng).

Đúng ra thì cấp độ thiền định nào cũng phải có một tầng phạm xứ tương ứng, nghĩa là tâm nào ở cõi ấy. Tuy nhiên, ở đây sở dĩ có trường hợp không tương ứng như vậy là vì cách tu chứng thiền định của người độn căn *(Mandapuggala)* không giống với cách của hạng lợi căn *(Tikkhapuggala)* cho nên đối với họ có phần rắc rối hơn, thay vì đối với người lợi căn thì việc tu chứng thiền định, cấp độ tâm thiền cùng phạm xứ tái sanh rất đơn giản và tương ứng. Nghĩa là đối với một người có trí tuệ sắc bén, sau khi chứng đạt sơ thiền sẽ lần lượt quán xét năm chi thiền và lập tức thấy được bề trái *(dosa)*

Của cả tầm lẫn tứ để sau đó tiếp tục tiến đạt nhị thiền, và lúc ấy vị này cũng cùng lúc vượt qua tầm, tứ. Sau khi chứng đạt tam thiền, vị hành giả này lại vượt qua hỷ. Khi

chứng đạt tứ thiền thì chấm dứt luôn lạc, chỉ còn lại xả và định mà thôi. Đó là quy trình tu chứng của hạng hành giả lợi căn tức là hạng có trí tuệ sắc bén.

Riêng về hạng hành giả độn căn, kém trí tuệ thì sau khi chứng đạt sơ thiền cũng quán sát năm chi thiền nhưng không thể cùng lúc thấy được bề trái của tầm, tứ. Vị ấy chỉ có thể thấy được của tầm thôi nên khi tiến đạt nhị thiền thì vị hành giả độn căn chỉ vượt qua tầm. Nếu mệnh chung với cấp độ thiền định đó thì vị này sẽ sanh lên cõi nhị thiền. Còn như tiếp tục sống và tu thiền thì khi quán xét về bốn chi thiền còn lại, vị ấy chỉ có thể thấy được bề trái của tứ. Do đó khi đạt đến tam thiền, vị hành giả độn căn chỉ vượt qua tứ. Với cấp độ thiền định này, vị ấy chỉ có thể sanh lên cõi nhị thiền dù cũng tái tục bằng tâm quả tam thiền. Bởi vì tâm thiện tam thiền của người độn căn không đủ sức dẫn sanh lên cõi tam thiền được, tuy là tâm thiện tam thiền vẫn được xem là thù thắng hơn tâm thiện nhị thiền về lý do thì ta phải hiểu rằng tâm thiện tam thiền của người độn căn chỉ vượt qua được tứ, không có gì đặt biệt so với nhị thiền của người lợi căn. Tứ thiền của người độn căn chỉ vượt qua hỷ nên chỉ có thể dẫn sanh cõi tam thiền, dĩ nhiên cũng tái tục bằng tâm quả tứ thiền. Tâm thiện ngũ thiền của người độn căn mới vượt qua lạc, nên cấp độ thiền định này chỉ dẫn sanh lên cõi Tứ Thiền thôi, dù cũng tái tục bằng tâm quả ngũ thiền.

Bây giờ nói qua Phạm thiên Vô Tưởng. Đối với các vị này hoàn toàn không có danh pháp, chỉ có sắc pháp mà thôi. Cõi Vô Tưởng cũng thuộc tầng phạm xứ ngũ thiền

nên muốn sanh lên. Vô tưởng, trước hết cũng cần phải chứng đạt ngũ thiền, một thứ ngũ thiền có chiều hướng ly tham, yếu tố trong danh pháp *(Saññāvirāgabhāvanā)*, nghĩa là người nào sau khi chứng đạt ngũ thiền cứ phát triển tâm trạng nhàm chán danh pháp mãi thì sau khi mệnh chung sẽ sanh lên cõi vô tưởng. Từ lúc tái tục cho đến lúc chấm dứt kiếp sống, vị Phạm thiên vô tưởng chỉ hiện hữu bằng hai loại sắc: *Jīvitanavakakalāpa* (nhóm mạng quyền) và*utijarāpa* (sắc quý tiết). Nói về sắc vật thực do thức ăn từ bên ngoài tiếp dưỡng thì hoàn toàn không có trên các tầng phạm xứ

Chư thiên vô tưởng hay nói cho đúng là các ngẫu tượng trên cõi vô tưởng chỉ có ba tư thế (oai nghi) là đứng, nằm hoặc ngồi. Người chứng ngũ thiền theo chiều hướng ly tham trong danh pháp nếu mệnh chung trong oai nghi nào thì sau khi sanh lên cõi vô tưởng cũng sẽ trở thành một ngẫu tượng có tư thế tương tự và giữ mãi tư thế ấy cho đến suốt đời. Nói chung, hễ lúc tái tục ở cõi vô tưởng mang tư thế nào thì suốt năm trăm đại kiếp trên đó cũng chỉ có một tư thế đó thôi. Điều đặc biệt cần được ghi nhận là các ngẫu tượng trên cõi vô tưởng đều có màu sắc chói rực như những pho tượng bằng vàng và sự mệnh chung trên cõi vô tưởng chỉ là sự chấm dứt của bọn sắc mạng quyền cùng các sắc quý tiết.

Đối với loài thai sanh *(Gabbhaseyyaka)* thì sau khi mệnh chung thật sự, cũng còn lại một thứ sắc pháp là sắc quý tiết. Riêng về loài hoá sanh *(Opapātija)* thì hình thức mệnh chung của họ chẳng khác gì sự biến mất của một làn

chớp, nghĩa là không để lại một dấu vết hình hài nào cả. Lúc tái tục loài hoá sanh sớm đủ sắc pháp hơn loài thai sanh và tới lúc chết họ cũng mau mất sắc pháp hơn. Có một vài Chư Thiên Dạ Xoa *(Devayakkha)*, Ngạ Quỷ Dạ Xoa *(Petayakkha)* thuộc thai sanh cùng tất cả loài thấp sanh thì sau khi mệnh chung rồi cũng còn lại hình hài thân xác, để rồi phần vật chất dư tàn đó sẽ tạo ra những chúng sanh khác như chim, rắn, tắc kè....

Những điều vừa trình bày nãy giờ đều y cứ vào các tài liệu: sơ giải kinh Đế Thích Sở Vấn, chú giải kinh Pháp Cú, *Vibhāvanīṭīkā, paramatthadiipanīmahāṭīkā* và *Milinda-pañhā*

Nói về Chư Phạm thiên vô tưởng thì họ cũng được kể vào loài hoá sanh nên sau khi mệnh chung họ cũng chẳng để lại tử thi. Từ cõi vô tưởng sanh xuống cõi đục giới, các vị ấy không bao giờ bị sa đoạ ác thú liền mà phải trải qua ít nhất là một đời sống ở cõi thiện thú. Đó là quy luật. Phạm thiên vô lạc vì ở cõi của họ là thiện thú, gọi là vô nhân vì trên cõi vô tưởng chỉ có sắc pháp chớ không có danh pháp nên không thể nói là mấy nhân được.

Vậy nói gọn lại, trên các tầng phạm xứ Sắc Giới có tới hai trường hợp tái tục *(Patisandhi)* là Danh tái tục và Sắc tái tục.

Bây giờ bàn qua vấn đề tuổi thọ của các Phạm thiên. Phạm thiên tầng sơ thiền có tới ba bậc: Phạm chúng, phạm phụ và Đại Phạm thiên. Khi nói về hạn lượng tuổi thọ của các Phạm thiên sơ thiền, trong kinh các Ngài vẫn dùng danh từ kiếp *(kappa)* nhưng ta phải hiểu rằng "kiếp" ở đây

chi cho kiếp trụ *(vivaṭṭaṭṭhāyī- asaṅkheyyakappa)*. Vậy trong câu nói "Phạm chúng thiên sống được một phần ba kiếp – *kappa tatiyo bhāgo*" ta nên biết là các Ngài muốn nói tới một phần ba của trụ kiếp. Còn Phạm phụ thiên thì sống được nửa kiếp trụ *(Upaddhakappa)*, Đại Phạm thiên sống được cả kiếp trụ *(eko kappo)*. Riêng về Chư Phạm thiên từ tầng nhị thiền trở lên tới Sắc Cứu Cánh Thiên (sắc cứu cánh) thì đều có hạn lượng tuổi thọ tính bằng đơn vị đại kiếp cả.

Cứ trải qua tám đại kiếp, ba cõi nhị thiền mới bị hoại một lần, ba cõi tam thiền thì cứ 64 đại kiếp mới tiêu hoại một lần.

Muốn rõ điều này hãy xem lại phần giải về quy trình thành hoại thế giới đã đề cập ở trước.

Hạn lượng tuổi thọ trên các tầng Phạm xứ mà các Ngài ghi rõ trong kinh đều là hạn định tối đa, không phải vị Phạm thiên nào cũng sống đủ hạn tuổi. Bởi vì trên Phạm thiên giới có hai trường hợp mệnh chung: do nghiệp thiện hết *(kammakkhayamaraṇa)* hay do đoạn nghiệp chi phối *(upacchedakamaraṇa)*. Như trường hợp các Phạm thiên trên ba tầng Sơ, nhị, tâm thiền chẳng hạn, khi nào cõi của họ đến chu kỳ băng hoại thì cho dù chưa hết tuổi thọ, họ vẫn phải mệnh chung. Hoặc cũng có những Phạm thiên tuy chưa sống hết tuổi thọ nhưng do nghiệp lực tác động vẫn phải mệnh chung trước.

Lại nữa, một trường hợp đặc biệt khác mà ta có thể nhìn thấy ở đây là đối với hai bậc Phạm thiên Quang Âm *(ābhassarā)* và Biến Tịnh Thiên *(subhakiṇhā)*. Cõi Quang

Âm thuộc tầng nhị thiền phạm xứ, còn cõi biến Tịnh Thiên thì thuộc tầng tam thiền phạm xứ. Phạm thiên Quang âm có hạn lượng tuổi thọ tám đại kiếp Phạm thiên Biến Tịnh Thiên thì sống được 64 đại kiếp. Đó là quy định tối đa nhưng kỳ thực chẳng có vị nào ở hai cõi đó sống đủ hạn lượng tuổi thọ đó cả vì khi nào thế giới này bị hoại bằng nước thì cõi Quang âm sẽ bị tiêu hoại, Phạm thiên ở đó cũng phải mệnh chung. Khi nào thế giới này bị hoại bằng gió thì cõi Biến Tịnh Thiên cũng sẽ bị băng hoại theo. Để dễ hiểu điều đó, ta cần biết rằng mỗi đại kiếp có tới bốn vô toán kiếp *(Asaṅkheyyakappa)*: thành kiếp, trụ kiếp, hoại kiếp và không kiếp. Bốn vô toán kiếp đều có thời gian bằng nhau, nghĩa là vô toán kiếp nào cũng lâu 64 trung gián kiếp cả. Khi tới chu kỳ băng hoại của mình thì bao giờ hai cõi Quang Âm và Biến Tịnh Thiên cũng tiêu hoại sau cùng, rồi khi thế giới được tái lập thì hai cõi đó cũng hình thành trước tiên. Như đã nói, mỗi đại kiếp có bốn vô toán kiếp cho nên khi nào thế giới bị hoại bằng nước thì cõi Quang Âm chỉ tồn tại trong hai vô toán kiếp thôi, đó là thành kiếp và trụ kiếp, vậy vị Phạm thiên Quang Âm nào trường thọ nhất cũng chỉ sống được bảy đại kiếp rưỡi. Theo cách đó Phạm thiên Biến Tịnh Thiên trường thọ nhất cũng chỉ sống được 63 đại kiếp rưỡi mà thôi. Tuy vậy, khi nói tới tuổi thọ các Phạm thiên này trong chánh tạng vẫn dùng con số chẳn bởi không thể tính bằng con số nào khác để nói lên được chi tiết vừa nêu. Chính vì vậy về điều này các Ngài Chú Giải Sư đã nói rằng *"Appakaṃ"vā ūnaṃ vā adhikaṃ vā gaṇanūpagaṃ na hoti*: khó mà dùng một con

số chính xác" về vấn đề tuổi thọ của Phạm thiên Vô sắc thì cũng không có gì là đặc biệt nên không cần nói nhiều ở đây. Tất cả những gì đã được trình bày từ đầu soạn phẩm đến đây đều nhắm đến nỗi khổ đau lẩn quẩn của vòng luân hồi mà mỗi chúng sanh có trí đều cần phải nhận thức được. Để cảnh tỉnh chúng ta, các Ngài đã nói như sau:

*Dīghāyukāpi brahmāno*
*Iddhimanto jutindharā*
*Patanti yathākammaṃ te*
*Cavanti aparāparaṃ*

"Cho đến cả các Phạm thiên trường thọ nhất, có đại thần lực và chói sáng giữa các loài vẫn phải luân lưu sanh tử theo sức chi phối của nghiệp lực"

Thật vậy, vị Phạm thiên sống ít nhất cũng là một phần ba trụ kiếp, vị sống lâu nhất thì đến tám muôn bốn ngàn đại kiếp, nhưng một khi đã rời Phạm thiên giới thì chuyện đoạ lạc, trầm luân trong khổ thú rất dễ xảy ra. Tương truyền rằng một người từ Phạm thiên giới sanh xuống có thể không bị sa đoạ khổ cảnh trong hai kiếp sống liên tục, nhưng từ kiếp thứ ba trở đi thì điều đó bất định. Dĩ nhiên đây là đối với phàm phu, riêng về các vị thánh nhân thì không phải vậy. Từ những điều vừa nói, ta phải ý thức được rằng đạo lộ duy nhất mà chúng sanh cần nói để tự giải thoát lấy bản thân ra khỏi vòng luân hồi chỉ là Thánh đạo, Cái gì còn thuộc về thế gian thì luôn giả tạm, phù du.

Muốn đi theo đạo lộ ấy, mọi người phải tạo trữ bảy thứ thánh sản, của cải theo tinh thần hướng thượng của các bậc hiền trí:

1. *Saddhādhana*: tín sản
2. *Sīladhana:* giới sản
3. *Sutadhana*: kiến văn sản
4. *Cagadhana*: thí sản
5. *Paññādhana*: tuệ sản
6. *Hiridhana:* tàm sản
7. *Ottappadhana:* uý sản

Mỗi cá nhân hãy tự có bổn phận với chính mình, mỗi người phải tự thắp đuốc và cất bước. Các Đấng Như Lai chỉ là người hướng đạo.

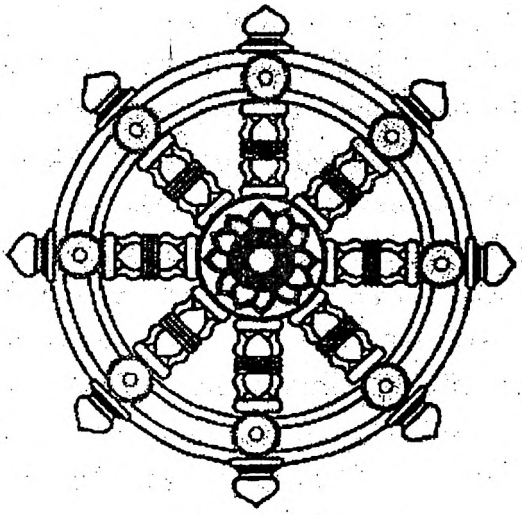

# MỤC LỤC

*Lời Tựa* .....1
Bốn Cõi Sống (Bhūmicatu).....3
Giải Về Địa Ngục (Niraya).....5
Vị Trí Các Địa Ngục .....6
Diêm Vương Quỷ Xứ (Yammarāja Nirayapāla) .....8
Vấn Đề Thiên Xứ (Devadūta).....12
Biệt Giải Về Các Cảnh Địa Ngục Lớn.....15
Các Đa Khổ Địa Ngục Hay Tiểu Địa Ngục.....19
Ác Nghiệp Tương Ứng Với Từng Địa Ngục.....22
Chuyện Vua Nemi Du Hành Địa Ngục .....25
Biệt Giải Về Các Địa Ngục Vô Gián (Avīci) .....28
Những Trường Hợp Ngoại Lệ Đặc Biệt .....30
Chuyện Vua Xứ Daṇḍakī .....32
Giai Thoại Nàng Mallikā (Vợ Của Vua Pasenadi).....35
Giai Thoại Vua Coranāga.....36
Chuyện Vua Nāḷikera.....37
Giai Thoại Vua Ajjuna.....38
Chuyện Vua Majjha .....39
Giai Thoại Đức Vua Upavara .....40
Chuyện Nàng Revatī .....44
Chuyện Vua A Xà Thế (Ajātasattu).....46
Thế Giới Bàng Sanh (Tiracchānabhūmi).....48
Biệt Giải Về Rồng (Nāga).....50
Biệt Giải Về Loài Nhân Điểu (Kinnara).....54

Biệt Giải Về Sư Tử.....55
Biệt Giải Về Đại Bàng Garuḍa.....56
Biệt Giải Về Voi.....57
Thế Giới Ngạ Quỷ (Pettivisayabhūmi).....59
Chú Thích Về Từng Giống Theo Cách Giải Tự.....62
Một Ít Giai Thoại Về Các Ngạ Quỷ.....66
Chuyện Ngạ Quỷ Đầu Heo.....68
Chuyện Ngạ Quỷ Vemānika.....69
Chuyện Về Một Nữ Ngạ Quỷ.....70
Chuyện Ngạ Quỷ Giữ Của.....72
Chuyện 84 Ngàn Ngạ Quỷ Cộng Sanh.....73
Những Chúng Sanh Có Thể Và Không Thể Nhận Phước Hồi Hướng.....75
Thế Giới A-Tu-La (Asurabhūmi).....78
Giai Thoại Về Đạo Lợi Thiên Và A-Tu-La Thiên.....82
Phần Phụ Giải Về Bốn Đoạ Xứ.....86
Biệt Giải Về Thiện Thú (Sugati).....89
Cõi Người (Manussabhūmi).....91
Vị Trí Các Cõi Nhân Loại.....97
Vũ Trụ Quan Phật Giáo.....99
Biệt Giải Sáu Cõi Dục Thiên (Theo Atthakathā Ṭīkā)105
Biệt Giải Về Các Á Thiên Trong Cõi Tứ Thiên Vương111
Giải Về Cõi Đạo Lợi (Tavatiṃsa).....117
Những Giai Thoại Về Đức Đế Thích (Sakka).....129
Thính Đường (Sudhammā).....132
Giai Thoại Về A-Tu-La Vương Rāhu.....138
Biệt Giải Bốn Cõi Dục Thiên Còn Lại.....141
Phần Phụ Giải Về Sáu Cõi Trời Dục Giới.....146

Biệt Giải Về 16 Cõi Sắc Giới.....152
Cõi Phạm Chúng Thiên (Brahmapārisajjabhūmi).....154
Cõi Phạm Phụ Thiên (Brahmapurohitabhūmi).....155
Cõi Đại Phạm Thiên (Mahābrahmābhūmi).....156
Phạm Thiên Giới Nhị Thiền Cõi Thiểu Quang Thiên (Parittābhābhūmi).....159
Cõi Vô Lượng Quang Thiên (Appamāṇābhābhūmi)..159
Cõi Quang Âm Thiên (Ābhassarābhūmi).....160
Phạm Thiên Giới Tam Thiền Cõi Thiểu Tịnh Thiên (Parittasubhābhūmi).....162
Cõi Vô Lượng Tịnh Thiên (Appamāṇasubhābhūmi).162
Cõi Biến Tịnh Thiên (Subhakiṇhābhūmi).....163
Phạm Thiên Giới Tứ Thiền Cõi Quảng Quả Thiên (Vehappahalābhūmi).....165
Cõi Vô Tưởng Thiên (Asaññasattabhūmi).....167
Cõi Ngũ Tịnh Cư Phạm Xứ (Suddhavāsa).....169
Cõi Vô Phiền Thiên (Avihābhūmi).....170
Cõi Vô Nhiệt Thiên (Atappābhūmi).....171
Cõi Thiện Kiến Thiên (Sudassābhūmi).....172
Cõi Thiện Hiện Thiên (Sudassībhūmi).....173
Cõi Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṭṭhabhūmi).....174
Phục Chương Về 16 Cõi Sắc Giới.....176
Phạm Xứ Vô Sắc Giới.....179
Chúng Sanh Và Sanh Thú.....181
Người Phân Theo Bốn Cách Khác.....184
Vấn Đề Thánh Nhân Trên Các Phạm Xứ.....186
Vấn Đề Thế Giới Thành Hoại.....191
Giải Trọng Về Hoại Kiếp.....196

Chu Kỳ Tiêu Hoại Của Vũ Trụ.....197
Giải Rộng Về Hoả Hoạn Kiếp.....200
Sự Hình Thành Của Tân Vũ Trụ.....205
Giải Về Thuỷ Hoại Kiếp.....211
Giải Về Phong Hoại Kiếp.....213
Giảng Rộng Về Nhân Giới.....215
Chủng Loại Hữu Tình (Tổng Quát).....226
Biệt Giải Về Từng Loài Hữu Tình Thiện Thú.....230
Hạng Lượng Tuổi Thọ Của Các Loài Hữu Tình.....236
Đời Sống Ở Nam Thiện Bộ Châu.....246
Tuổi Thọ Trên Các Cõi Trời Dục Giới.....249
Tuổi Thọ Của Các Phạm Thiên.....253

# PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ HÙN PHƯỚC

| | | |
|---|---|---|
| 1. | Sư Thiện Siêu (thầy Siêu) | 1 triệu |
| 2. | Tu Nữ Quang Chánh | 1 triệu |
| 3. | Gia đình Cô Hoa | 3 triệu |
| 4. | Gia đình chú Phúc | 5 trăm ngàn |
| 5. | Chị Trúc | 100 USD |
| 6. | Gia đình Hải Đào | 2 triệu |
| 7. | Trung Đạo | 1 triệu |
| 8. | Cô Như Hạnh | 5 trăm ngàn |
| 9. | Cô Lê Thu Nguyệt | 2 trăm ngàn |
| 10. | Cháu Quế Nha Trang | 2 trăm ngàn |

# CHÚNG SANH VÀ SANH THÚ

Biên soạn: Saddhammajotika

Việt dịch: Tỳ Khưu Giác Nguyên

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

Nhà A2 - 261 Thụy Khuê, Hà Nội

Tel: (84.4) 08044806 • Fax: (84.4).08043538

***Chịu trách nhiệm xuất bản:***

**BÙI VIỆT BẮC**

*Biên tập:* Nguyễn Thế Vinh

Sửa bản in: Ni cô Phước Thủy

Bìa: Mai Hùng Tâm

---

In 1000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm tại Xí nghiệp In FAHASA, 774 Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, Tp.HCM. Số đăng ký KHXB 368-12/CXB/54-10/HĐ ký ngày 4/4/2012. In xong và nộp lưu chiểu quý 2/2012.